

PATRICIA HIGHSMITH

*Quý Ngài*

# Tài Năng

Trước F/13



BACHVIET



Nhà xuất bản  
Thanh Niên

**Ripley #1**

**MAI TRANG dịch**

# **QUÝ NGÀI TÀI NĂNG**

Tác giả: Patricia Highsmith

Người dịch: Mai Trang

Phát hành: Bách Việt

Nhà xuất bản Thanh Niên 09/2019



**ebook©vctvegroup**

# CHƯƠNG 1

Tom liếc qua vai, thấy người đàn ông ấy vừa ra khỏi Green Cage và đang tiến về phía anh. Tom rảo bước vội vã. Không nghi ngờ gì nữa, ông ta đang bám theo anh. Tom đã chú ý đến ông ta từ năm phút trước, khi ông ta cẩn thận quan sát anh từ chiếc bàn đang ngồi, như thể còn hơi phân vân, hơi thôi. Ông ta trông đã đủ quả quyết để khiến Tom phải vội vàng nốc cạn cốc rượu của mình rồi trả tiền và trốn ra ngoài.

Đến góc phố, Tom khom người và chạy băng qua Đại lộ số Năm. Quán Raoul ở trước mặt. Anh có nên mạo hiểm vào uống một ly nữa? Thách thức số mệnh và phó mặc hết thảy? Hay anh nên cố đi đến Đại lộ Park, cố gắng trốn thoát ông ta bằng cách len lỏi qua những con hẻm tối tăm? Anh tiến vào Raoul.

Khi tiến về một chỗ trống ở quay bar, anh tự động nhìn xung quanh xem có người quen nào không. Có một gã to con tóc đỏ mà anh luôn quên tên, ngồi cùng bàn với một nàng tóc vàng. Gã tóc đỏ vẫy tay, Tom yếu ớt giơ tay lên đáp lại. Anh vắt chân lên một cái ghế đầu và quay mặt ra cửa một cách thách thức, nhưng vẫn giữ vẻ dửng dưng thấy rõ.

“Cho một ly gin và tonic nhé,” anh bảo người pha rượu.

Liệu đây có phải là kiểu người mà họ dùng để săn lùng anh? Phải hay không phải, hay phải? Trông ông ta không hề giống cảnh sát hay thám tử. Trông ông ta như một doanh nhân, người cha mẫu mực, ăn mặc chỉnh chu, khỏe khoắn, thái dương hơi xám xịt, có phần do dự. Liệu đây có phải là kiểu người mà họ dùng riêng cho loại việc này không, có thể bắt chuyện với bạn trong một quán rượu, rồi *bùm!* - một



tay giữ vai bạn, tay còn lại chìa phù hiệu cảnh sát. *Tom Ripley, anh đã bị bắt.* Tom nhìn ra cửa.

Ông ta đây rồi. Ông ta ngó quanh, nhìn thấy anh và ngay lập tức rời mắt đi. Ông ta cởi chiếc mũ rơm và ngồi xuống ở góc quầy bar.

Chúa ơi, ông ta muốn gì? Chắc chắn ông ta không phải một lão *biến thái*, Tom nghĩ đến lần thứ hai, dù chỉ đến giờ trí não vụn vẹo của anh mới mò mẫm tìm ra cái từ đó, cứ như cái từ ấy có thể bảo vệ anh, vì với anh thà ông ta là kẻ biến thái còn hơn là một cảnh sát. Với bọn biến thái, anh chỉ cần nói, “Không, cảm ơn,” mỉm cười và bỏ đi. Tom ngồi vững trên ghế đẩu, chuẩn bị tinh thần.

Tom thấy ông ta ra dấu hoãn với người pha rượu và đi vòng về phía anh. Ông ta đến đây rồi! Tom nhìn ông ta đăm đăm, tê liệt. Chắc họ không phạt quá mười năm đâu nhỉ, Tom nghĩ thầm. Có thể là mười lăm năm, nhưng với biểu hiện tốt - Trong giây phút đôi môi ông ta hé ra chuẩn bị nói, Tom cảm thấy tuyệt vọng, hối hận cùng cực.

“Xin lỗi, cậu có phải Tom Ripley không?”

“Đúng thế.”

“Tôi là Herbert Greenleaf. Bố của Richard Greenleaf.” Dù ông ta có chìa súng vào Tom thì cũng không khiến anh thấy khó hiểu như nét mặt của ông ta hiện giờ. Đó là khuôn mặt hữu hảo, tươi cười và tràn trề hy vọng. “Cậu là bạn của Richard, phải không?”

Cái tên thoáng gợi lên liên tưởng trong đầu anh. Dickie Greenleaf. Một anh chàng tóc vàng cao ráo. Tom nhớ anh ta có kha khá tiền. “Ồ, Dickie Greenleaf. Đúng rồi.”

“Vậy chắc cậu cũng quen Charles và Marta Schriever. Họ là người đã kể cho tôi về cậu, rằng cậu có thể - ừm - Cậu nghĩ chúng ta có thể ngồi xuống nói chuyện không?”

“Được,” Tom đồng ý và cầm cốc rượu của mình lên. Anh đi theo ông ta tới một chiếc bàn trống ở cuối căn phòng nhỏ. Trì hoãn án, anh thầm nghĩ. Tự do! Sẽ không có ai bắt giam anh hết. Ông ta đến vì vấn

đề khác. Bất kể nó là gì thì cũng không phải tội trộm cắp nguy hiểm hoặc giả mạo thư từ hoặc bất kể là cái tên gì mà họ gọi nó. Có thể Richard đang vướng vào một rắc rối nào đó. Có thể ông Greenleaf cần sự giúp đỡ hoặc một lời khuyên. Tom biết phải nói gì với những ông bố như vậy.

“Trước đó tôi không chắc cậu đúng là Tom Ripley,” ông Greenleaf nói. “Tôi nghĩ mình mới chỉ gặp cậu đúng một lần trước đây. Cậu từng tới nhà chúng tôi một lần với Richard đúng không?”

“Cháu nghĩ là vậy.”

“Hai người nhà Schriever cũng miêu tả về cậu cho tôi. Chúng tôi đều đang cố gắng liên lạc với cậu, vì họ muốn chúng ta gặp ở nhà họ. Có người nói cho họ là thỉnh thoảng cậu cũng tới quán rượu Green Cage. Đây là buổi tối đầu tiên tôi thử tìm cậu, vậy nên tôi cho rằng mình may mắn.” Ông ta mỉm cười. “Tuần trước tôi đã viết một bức thư cho cậu, nhưng chắc cậu không nhận được nó.”

“Cháu không nhận được.” Marc không chuyển thư cho anh, Tom nghĩ thầm. Khi thật. Biết đâu lại có một tấm séc từ cô Dottie thì sao. “Khoảng một tuần trước cháu đã chuyển đi,” Tom nói thêm.

“Ồ, tôi hiểu rồi. Trong thư tôi cũng không nói gì nhiều. Chỉ là tôi muốn gặp và nói chuyện với cậu. Nhà Schriever nghĩ cậu khá thân với Richard.”

“Cháu có nhớ anh ấy.”

“Nhưng bây giờ cậu không viết thư cho nó à?” Ông ta trông thất vọng.

“Không. Cháu nghĩ phải vài năm rồi cháu không gặp lại Dickie.”

“Nó đã tới châu Âu hai năm rồi. Nhà Schriever rất tán thưởng cậu và nghĩ rằng cậu có thể có chút ảnh hưởng với Richard nếu cậu viết thư cho nó. Tôi muốn nó về nhà. Nó có nhiều trách nhiệm ở đây - nhưng hiện giờ nó lờ đi tất cả những gì mà tôi hoặc mẹ nó cố gắng nói với nó.”

Tom cảm thấy khó hiểu. “Chính xác thì nhà Schriever đã nói gì?”

“Họ nói - rõ ràng hơi phóng đại - rằng cậu và Richard từng là bạn rất thân. Tôi đoán họ mặc định là cậu vẫn viết thư cho nó. Cậu thấy đấy, tôi biết rất ít về bạn bè của Richard...” Ông ta liếc cốc rượu của Tom, như thể muốn ít nhất cũng phải mời anh uống gì đó, nhưng cốc của anh vẫn gần đầy.

Tom nhớ đã từng tới dự một bữa tiệc cocktail ở nhà Schriever với Dickie Greenleaf. Có thể gia đình nhà Greenleaf thân thiết với nhà Schriever hơn anh và đó hẳn là lý do dẫn đến chuyện này, bởi vì anh chỉ mới gặp nhà Schriever không quá ba đến bốn lần trong đời. Và lần cuối cùng, Tom nghĩ, là buổi tối anh giải quyết vụ thuế thu nhập hộ Charley Schriever. Charley là một đạo diễn truyền hình, lúc ấy đang rối tung rối mù với cả đồng tài khoản hành nghề tự do của mình. Charley đã nghĩ anh đúng là thiên tài khi xử lý xong số thuế của anh ta và đưa ra con số thấp hơn con số mà anh ta đã tính ra, thấp hơn một cách hoàn toàn hợp pháp. Có lẽ điều đó đã thúc đẩy Charley giới thiệu anh cho ông Greenleaf. Qua đánh giá trong buổi tối hôm đó, Charley có thể đã nói với ông Greenleaf rằng anh là người thông minh, bình tĩnh, thành thực một cách thận trọng và rất sẵn lòng giúp đỡ mọi người. Đúng là một sai lầm nhỏ.

“Tôi chắc là cậu không còn quen ai khác thân thiết với Richard để có thể tạo ra đôi chút ảnh hưởng với nó nhỉ?” Ông Greenleaf hỏi một cách khá tội nghiệp.

Có Buddy Lankenau, Tom nghĩ, nhưng anh không muốn tròng công việc tầm phào này lên cổ Buddy. Cháu sợ là không,” Tom nói, lắc đầu. “Vì sao Richard không về nhà?”

“Nó nói thích sống ở bên đấy hơn. Nhưng hiện giờ mẹ nó ốm khá nặng - chà, đó đều là những rắc rối gia đình. Tôi xin lỗi khi làm phiền cậu thế này.” Ông ta buồn bực đưa tay lên vuốt mái tóc xám mỏng được chải chuốt gọn gàng. “Nó nói nó đang vẽ. Việc đấy chẳng có hại gì hết, nhưng nó không có tài năng để trở thành họa sĩ. Dù vậy, nó rất

có tài thiết kế thuyền, nếu nó chịu để tâm vào đấy.” Ông ta ngẩng lên khi một người bồi bàn đến hỏi họ. “Cho một cốc scotch và soda. Loại Dewar. Cậu uống thêm chứ?”

“Không, cảm ơn,” Tom nói.

Ông Greenleaf nhìn Tom đầy tiếc nuối. “Cậu là người bạn đầu tiên mà Richard sẵn lòng lắng nghe. Những người khác đều tỏ thái độ như thể tôi đang cố gắng can thiệp vào cuộc đời nó.”

Tom có thể dễ dàng hiểu được điều đó. “Cháu ước là mình có thể giúp được,” anh nói một cách lịch sự. Giờ anh đã nhớ ra tiền của Dickie đến từ một công ty đóng thuyền. Những chiếc thuyền buồm nhỏ. Không nghi ngờ việc bố anh ta muốn anh ta về nhà và tiếp quản doanh nghiệp gia đình. Tom mỉm cười với ông Greenleaf, nụ cười có lệ, rồi uống cạn cốc rượu. Tom đã dịch ra mép ghế, sẵn sàng cất bước, nhưng nỗi thất vọng ở bên kia bàn gần như sờ thấy được. “Anh ấy đang ở chỗ nào của châu Âu?” Tom hỏi, không hề quan tâm anh ta ở chỗ quái nào.

“Trong một thị trấn có tên là Mongibello, phía Nam Naples. Nó kể với tôi là ở đấy thậm chí còn chẳng có một cái thư viện nào. Nó chỉ dành thời gian để bơi thuyền và vẽ vờ. Nó đã mua một ngôi nhà ở đó. Richard cũng có nguồn thu nhập riêng - không quá lớn, nhưng rõ ràng là đủ để sống ở Ý. Dù biết mỗi người có một sở thích khác nhau, nhưng tôi chẳng thể thấy được điểm gì hấp dẫn của nơi đó.” Ông Greenleaf mỉm cười một cách dửng dưng. “Tôi không thể mời cậu một cốc rượu sao, Ripley?” Ông ta hỏi khi người bồi bàn mang scotch pha soda ra.

Tom muốn đi. Nhưng anh ghét bỏ lại ông ta một mình với cốc rượu. “Cảm ơn chú, cháu nghĩ cháu sẽ xin một cốc,” anh nói và đưa cho người bồi bàn cốc của mình.

“Charley Schriever kể với tôi rằng cậu làm việc trong ngành bảo hiểm,” ông Greenleaf nói một cách thoải mái.

“Đó là chuyện trước đây. Cháu...” Nhưng anh không muốn kể rằng mình đang làm việc cho Cục Thuế vụ, chưa phải lúc này. “Cháu đang làm trong phòng kế toán của một doanh nghiệp quảng cáo.”

“Ồ?”

Suốt một phút cả hai đều không nói gì. Đôi mắt của ông Greenleaf dán chặt vào anh với vẻ khao khát và thăm thưng. Nhưng anh có thể nói cái quái gì đây? Tom thấy tiếc vì đã nhận lời mời rượu. “Mà Dickie bao nhiêu tuổi rồi đấy nhỉ?” Anh hỏi.

“Nó hai lăm rồi.”

Mình cũng vậy, Tom nghĩ, Dickie hẳn đang vui chơi thỏa thuê bên đó. Có thu nhập, có nhà, có thuyền. Vì sao anh ta lại muốn trở về đây chứ? Khuôn mặt của Dickie ngày một trở nên rõ ràng hơn trong ký ức anh: anh ta có nụ cười tươi tắn, mái tóc vàng với những lọn xoắn tít, một khuôn mặt vô tư lự. Dickie thật may mắn. Bản thân anh đang làm gì ở tuổi hai lăm chứ? Sống vật vờ qua ngày. Không tài khoản ngân hàng. Lần đầu tiên trong đời phải trốn tránh cảnh sát. Anh giỏi toán học. Vì sao không có chỗ nào trả tiền cho anh vì điều đó? Tom nhận ra rằng toàn bộ cơ bắp của mình đã căng lên, vỏ hộp diêm trong các ngón tay đã bị bóp lệch, gần như ép phẳng lỳ. Anh thấy chán, chán chết đi được, chán, chán! Anh muốn quay lại quầy bar, một mình.

Tom hớp một ngụm rượu. “Cháu rất vui được viết thư cho Dickie, nếu chú cho cháu địa chỉ của cậu ấy,” anh nói nhanh. “Cháu chắc là cậu ấy sẽ nhớ ra cháu. Bọn cháu đã cùng tham dự một bữa tiệc cuối tuần ở Long Island, theo cháu nhớ. Dickie và cháu đã ra ngoài bắt những con trai và tất cả mọi người cùng thưởng thức chúng trong bữa sáng.” Tom mỉm cười. “Vài người trong đó thấy khó ở và nó không phải một bữa tiệc tương bình cho lắm. Nhưng cháu nhớ cuối tuần đó Dickie đã nói về việc đi châu Âu. Hẳn là cậu ấy đã đi ngay.”

“Tôi nhớ rồi!” Ông Greenleaf nói. “Đó là cuối tuần cuối cùng Richard ở đây. Tôi nghĩ nó đã kể với tôi về vụ trai sò đó.” Ông ta cười



khá to.

“Cháu cũng đã tới căn hộ của gia đình chú vài lần,” Tom tiếp tục, bắt đầu chìm đắm vào câu chuyện. “Dickie đã khoe với cháu mô hình tàu trên bàn trong phòng cậu ấy.”

“Đó chỉ là trò trẻ con!” Ông Greenleaf cười toe toét. “Nó đã bao giờ chỉ cho cậu các mô hình chi tiết của nó chưa? Hoặ bản vẽ của nó?”

Dickie chưa hề khoe, nhưng Tom vẫn cười tươi, “Rồi! Tất nhiên là rồi. Các bức vẽ bằng mực. Vài bức trong đó vô cùng thú vị.” Tom chưa từng nhìn thấy chúng, nhưng bây giờ anh có thể tưởng tượng ra các bức vẽ kỹ thuật tỉ mỉ tới từng đường tàu, then cài, con vít, hình dung Dickie đang cười, giờ chúng lên cho anh nhìn và anh có thể lái nhả thêm vài phút mô tả chi tiết cho ông Greenleaf thấy vui, nhưng kiềm chế lại.

“Đúng vậy, Richard có tài với những thứ đó,” ông Greenleaf nói với vẻ thỏa mãn.

“Cháu cũng nghĩ vậy,” Tom đồng tình. Sự chán chường của anh đã chuyển sang chế độ khác. Tom hiểu cảm giác ấy. Thịnh thoảng anh cũng cảm thấy vậy ở các bữa tiệc, nhưng thường là vào những khi anh phải ăn tối với một người mà anh còn chẳng muốn ăn cùng ngay từ đầu và rồi buổi tối cứ kéo dài lê thê. Giờ anh có thể lịch sự một cách điên khùng trong khoảng một tiếng nữa, nếu tình thế bắt buộc, trước khi một cảm xúc nào đó trong anh bùng nổ và khiến anh tháo chạy khỏi cửa. “Cháu rất tiếc vì hiện giờ không rảnh rỗi lắm, không thì cháu rất sẵn lòng tới châu Âu và xem xem liệu có thể thuyết phục Richard không. Có lẽ cháu có thể tác động tới anh ấy,” anh nói, chỉ vì đó là điều ông Greenleaf muốn nghe.

“Nếu cậu nghiêm túc nghĩ vậy - tức là, tôi không rõ liệu cậu có định đi châu Âu hay không.”

“Cháu không.”

“Richard luôn chịu ảnh hưởng lớn từ bạn bè. Nếu cậu hoặc ai đó quen nó như cậu có thể xin nghỉ phép, tôi thậm chí sẽ đưa họ tới đó để nói chuyện với nó. Đẳng nào thì mấy cậu đi cũng tốt hơn tôi đi. Nhưng chắc cậu không thể xin nghỉ phép với công việc hiện thời đâu nhỉ?”

Tim Tom nhảy dựng lên. Anh ra vẻ ngẫm nghĩ. Đó là một khả năng đấy chứ. Có gì đó trong anh đã đánh hơi thấy nó và nhảy bổ về phía nó trước khi não bộ kịp nhận ra. Công việc hiện thời: không có. Đẳng nào anh cũng có thể sắp phải rời thành phố. Anh muốn rời New York. “Có thể cháu đi được đấy,” anh nói một cách cẩn trọng, vẫn tỏ vẻ cân nhắc, như thể đang ước lượng cả nghìn ràng buộc lớn nhỏ có thể ngăn trở mình.

“Nếu cậu đi thì tôi rất sẵn lòng lo liệu mọi chi phí, chắc chắn là vậy. Cậu có thật sự nghĩ là mình có thể sắp xếp được không? Giả dụ vào mùa thu này chẳng hạn?”

Hiện giờ đã là giữa tháng Chín. Tom nhìn chiếc nhẫn vàng khắc dấu cũ mòn trên ngón út của ông Greenleaf. “Cháu nghĩ là có thể. Cháu sẽ rất vui được gặp lại Richard - nhất là nếu chú nghĩ cháu có thể giúp được gì.”

“Có chứ! Tôi nghĩ nó sẽ nghe cậu. Chưa kể đến thực tế là giờ cậu không thực sự biết rõ về nó - nên nếu cậu gắng sức cho nó thấy tại sao cậu nghĩ nó nên về nhà, nó sẽ biết cậu chẳng có ý vụ lợi gì hết và sẽ nghe theo cậu.” Ông Greenleaf dựa lưng vào ghế, nhìn Tom tán thưởng. “Buồn cười là, đối tác của tôi - Jim Burke và vợ ông ta năm ngoái đã ghé qua Mongibello trong kỳ nghỉ bằng du thuyền. Ông ta nói Richard đã hứa sẽ về nhà vào mùa đông. Mùa đông năm ngoái. Jim đã chịu thua nó. Làm gì còn cậu trai hai lăm nào chịu lắng nghe lời một ông già sáu mươi nữa chứ? Chắc cậu sẽ thành công khi chúng tôi đã thất bại!”

“Cháu hy vọng là vậy,” Tom khiêm tốn nói.

“Cốc nữa nhé? Làm một cốc brandy ngon tuyệt vời thì sao?”

## CHƯƠNG 2

Quá nửa đêm Tom mới bắt đầu về nhà. Ông Greenleaf đã đề nghị đưa anh về bằng taxi, nhưng Tom không muốn ông nhìn thấy nơi anh sống - một căn nhà bằng đá nâu bần thiu nằm giữa đường số 3 và số 2 với một tấm biển PHÒNG CHO THUÊ treo lủng lẳng bên ngoài. Suốt hai tuần rưỡi qua, Tom đã sống cùng Bob Delancey, một chàng trai mà anh không thân lắm, nhưng là người duy nhất trong đám bạn bè người quen của Tom ở New York sẵn lòng cho anh ở nhờ khi anh không còn chỗ nào để ở. Trước khi nhờ Bob anh cũng chưa hề nhờ một người bạn nào khác và thậm chí còn không kể cho bất cứ ai biết về nơi anh đang sống. Ưu điểm duy nhất của nhà Bob là ở đó anh có thể nhận các lá thư gửi cho George McAlpin mà ít bị người ngoài phát hiện. Còn nhược điểm thì đầy rẫy: cái nhà vệ sinh bốc mùi và không bao giờ khóa được cửa ở cuối hành lang, căn phòng đơn cẩu bần trông như thể đã bị cả nghìn người khác nhau sử dụng, nhưng đám người đó chỉ biết bỏ lại chất bần của mình mà chẳng bao giờ chịu nhấc tay lên dọn dẹp, các chồng báo *Vogue* và *Harper's Bazaar* trơn tuột và những cái bát to bự chẳng bằng thủy tinh màu khói vờ sang chảnh nằm la liệt khắp nơi, chứa đầy những sợi dây, bút chì, đầu thuốc lá và hoa quả thối rữa! Bob là một thợ thiết kế cửa sổ làm việc tự do cho các cửa hàng và trung tâm mua sắm, nhưng lúc này công việc duy nhất mà thỉnh thoảng anh ta làm là trang trí cho các cửa hàng đồ cổ ở Đại lộ Số Ba và một trong những cửa hàng ấy đã đưa những cái bát bằng thủy tinh xám cho cậu ta thay tiền công cho một việc gì đấy. Tom đã thấy sốc trước vẻ nhộp nhúa của chỗ này và còn sốc hơn vì thậm chí mình quen một người sống như thế này, nhưng anh cũng biết mình sẽ không ở đây lâu. Và

giờ ông Greenleaf xuất hiện. Luôn có thứ gì đó xuất hiện. Đó là triết lý sống của Tom.

Ngay trước khi bước lên các bậc thềm của căn nhà, Tom dừng lại và cẩn thận nhìn cả hai hướng. Không có gì ngoài một bà già đang dắt chó đi dạo và một ông già vừa bước ra khỏi góc Đại lộ Số Ba. Nếu có một cảm giác khiến anh ghét thì đó chính là cảm giác bị theo dõi, bởi *bất cứ ai*. Và gần đây anh luôn thấy điều đó. Anh chạy lên các bậc thềm.

Sự nhộp nhúa giờ thật khó chịu, anh nghĩ khi đi vào phòng. Ngay khi lấy được hộ chiếu, anh sẽ lên thuyền tới châu Âu, có thể là trong khoang hạng nhất. Những người phục vụ sẽ mang đồ đến khi anh ấn nút! Ăn diện cho bữa tối, dạo bước vào một phòng ăn lớn, trò chuyện với mọi người ngồi cùng bàn như một quý ông! Anh nghĩ mình có thể tự chúc mừng bản thân trong tối nay. Anh đã cư xử đúng mực. Ông Greenleaf hẳn không thể phát hiện là anh đã giở mánh để được nhận lời mời tới châu Âu. Ngược lại mới đúng. Anh sẽ không làm ông ta thất vọng. Anh sẽ cố hết sức với Dickie. Ông Greenleaf cũng là một người đứng đắn, có vẻ ông ta mặc định rằng tất cả những người khác trên thế giới này cũng đứng đắn giống như mình. Tom gần như đã quên những người như vậy còn tồn tại.

Anh chậm rãi cởi áo khoác và tháo cà vạt, quan sát từng cử động của bản thân như thể đang quan sát một người nào đó. Anh tự thấy sững sốt vì bây giờ mình đứng thẳng hơn nhiều, khuôn mặt trông cũng khác hẳn. Một trong những lần ít ỏi trong đời anh thấy hài lòng với bản thân. Anh thò một tay vào trong tủ đồ chật ních của Bob và hùng hổ gạt các móc áo sang hai bên để có chỗ treo áo cho mình. Rồi anh vào phòng tắm. Chiếc vòi cũ kỹ rì sét phun nước vào rèm tắm và rồi phun một luồng nước xoáy thất thường khác khiến anh khó mà dùng để làm ướt người được, nhưng vẫn tốt hơn ngồi trong cái bồn tắm bẩn thỉu.



Sáng hôm sau anh tỉnh dậy, Bob không có ở đó và khi liếc sang giường bên, Tom nhận ra là đêm qua anh ta không về nhà. Tom nháy ra khỏi giường, đi tới chỗ bếp ga và đun cà phê. Sáng nay Bob không ở nhà cũng tốt. Anh không muốn kể cho anh ta về chuyến đi châu Âu. Gã lười biếng bán thiu ấy sẽ chỉ thấy đó là một chuyến đi miễn phí. Có lẽ cũng không kể cho cả Ed Martin, Bert Visser và tất cả những gã vô công rồi nghề khác mà anh quen. Anh sẽ không kể cho một ai hết và anh cũng sẽ không khiến ai đi tiễn mình. Tom bắt đầu huýt sáo. Tối nay anh được mời tới ăn tối ở căn hộ của gia đình Greenleaf trên Đại lộ Park.

Mười lăm phút sau, đã tắm rửa, cạo râu, mặc comple và đeo cà vạt kẻ sọc để trông thật bảnh bao như trong ảnh chụp hộ chiếu, Tom đi đi lại lại trong phòng với một cốc cà phê đen trong tay, chờ thư sáng. Sau khi nhận thư, anh sẽ tới Radio City để xử lý vụ hộ chiếu. Chiều nay anh nên làm gì? Tối tham quan vài buổi triển lãm nghệ thuật nào đó, để tối nay còn trò chuyện về chúng với gia đình Greenleaf? Nghiên cứu một chút về công ty tàu Burke-Greenleaf để ông Greenleaf biết là anh quan tâm đến công việc của ông ta?

Tiếng ạch của chõng thư vọng vào qua ô cửa sổ để mở và Tom đi xuống gác. Anh chờ tới khi người đưa thư đã bước xuống thềm và khuất khỏi tầm mắt mới lấy bức thư gửi cho George McAlpin xuống khỏi mép hộp thư nơi nó vừa được nhét vào. Tom xé nó ra. Một tờ séc trị giá một trăm mười chín đô năm mươi bốn xu rơi ra, thanh toán cho người thu tiền của Cục Thuế vụ. Bà Edith W. Superaugh tử tế! Trả tiền mà không than vãn lấy một lời, thậm chí còn không gọi điện. Đúng là điềm lành. Anh lại lên gác, xé phong bì thư của bà Superaugh và thả nó vào trong một túi rác.

Anh đút tấm séc của bà ta vào một phong bì giấy Manila ở túi trong của một cái áo khoác của anh trong tủ. Nó nâng tổng số tiền bằng séc của anh lên một nghìn tám trăm sáu mươi ba đô mười bốn xu, anh tính nhẩm. Tiếc là anh không thể đổi chúng thành tiền mặt.

Sao chẳng có thằng ngu nào trả bằng tiền mặt, hay viết séc cho George McAlpin nhỉ? Tom có một tấm thẻ căn cước của một người làm việc vặt mà anh đã tìm được đâu đó. Ngày phát hành ghi trên thẻ cũng đã lâu rồi và anh có thể thử đổi, nhưng anh sợ là không thể đổi séc thành tiền mặt được, kể cả khi anh giả mạo một bức thư ủy quyền, bất kể số tiền là bao nhiêu đi nữa. Vậy nên thực ra tổng số tiền đấy chỉ là một trò đùa. Một môn thể thao lành mạnh. Anh không trộm tiền của ai hết. Trước khi đi châu Âu anh sẽ hủy đồng séc đi, anh nghĩ.

Còn bảy đối tượng tiềm năng nữa trong danh sách của anh. Anh có nên thử một lần cuối với những người này trong mười ngày trước khi ra khơi? Tối qua trên đường đi bộ về nhà, sau khi gặp ông Greenleaf, anh đã nghĩ là nếu bà Superaugh và ông Carlos de Sevilla trả tiền thì anh sẽ ngừng. Ông de Sevilla chưa trả tiền - anh cần dọa thật dữ qua điện thoại để khiến ông ta sợ, Tom nghĩ - nhưng bà Superaugh thì quá dễ dàng, anh thấy cảm dỗ muốn thử thêm chỉ *một* lần nữa thôi.

Tom lấy một hộp đựng văn phòng phẩm màu hoa cà ra khỏi va li của anh trong tủ. Có vài tờ giấy trong chiếc hộp này, bên dưới là một tập các mẫu đơn khác nhau mà anh lấy từ văn phòng Thuế vụ khi còn làm thư ký kho ở đó vài tuần trước. Ở dưới đáy là danh sách các đối tượng tiềm năng của anh - những người đã được cẩn thận sàng lọc, sống ở khu Bronx hoặc Brooklyn và không muốn mất thời gian đi tới tận văn phòng New York, những nghệ sĩ, nhà văn và những người hành nghề tự do không có thuế thu nhập, kiếm được từ bảy tới mười hai nghìn đô một năm. Trong khoảng đó, Tom cho rằng người ta hiếm khi thuê người quyết toán thuế chuyên nghiệp để tính thuế cho họ, trong khi họ kiếm đủ tiền để có thể bị buộc tội nộp thiếu hai đến ba trăm trong khoản thuế dự tính một cách hợp lý. Có William J. Slatterer, phóng viên; Philip Robillard, nhạc sĩ; Frieda Hoehn, người vẽ tranh minh họa; Joseph J. Gennari, nhiếp ảnh gia; Frederick Reddington, nghệ sĩ; Frances Karnegis - Tom có linh cảm tốt về

Reddington. Ông ta là một họa sĩ vẽ truyện tranh. Ông ta chắc hẳn sẽ lơ mơ chẳng biết gì hết.

Anh chọn hai biểu mẫu có tiêu đề THÔNG BÁO SAI PHẠM TRONG VIỆC NỘP THUẾ, đặt một tờ giấy than ở giữa và bắt đầu sao chép nhanh dữ liệu dưới tên Reddington trong danh sách của anh, Thu nhập: \$11.250. Giảm trừ: 1. Khấu trừ: \$600. Tín dụng: không. Tiền gửi: không. Lợi tức (anh thoáng ngáp ngừng) \$2,16. Số tiền phải nộp: \$233,76. Sau đó anh lấy một tờ giấy đánh máy được đóng dấu theo địa chỉ văn phòng trên Đại lộ Lexington của Sở Nội vụ trong tập đựng giấy than, gạch chéo địa chỉ và gõ xuống bên dưới:

*Thưa ông,*

*Do số lượng thư đến văn phòng trên Đại lộ Lexington đã quá tải, thư của ông vui lòng gửi tới:*

*Cục Điều chỉnh thuế*

*Người nhận George McAlpin*

*187 đường E.51*

*New York 22, New York.*

*Xin cảm ơn.*

*Ralph F. Fischer*

*Giám đốc Cục Điều chỉnh thuế.*

Tom ký ngoáy vào thư. Anh cất các mẫu đơn đi phòng trường hợp Bob đột ngột bước vào và nhắc điện thoại lên. Anh đã quyết định thông báo sơ qua cho ông Reddington. Anh lấy số điện thoại của ông ta và gọi điện. Ông ta ở nhà. Tom giải thích vắn tắt tình hình và biểu lộ sự ngạc nhiên khi ông Reddington chưa hề nhận được thông báo từ Cục Điều chỉnh thuế.

“Đáng ra nó phải được gửi đi cách đây vài ngày,” Tom nói. “Chắc hẳn mai ông sẽ nhận được nó. Ở đây chúng tôi đang hơi bận rộn.”

“Nhưng tôi đã *đóng* thuế,” giọng nói hoảng hốt từ đầu dây bên kia. “Tất cả đều...”

“Những chuyện đó vẫn thường xảy ra, ông biết đấy, khi thuế được tính theo công việc tự do mà không có thuế thu nhập. Chúng tôi đã kiểm tra thu nhập của ông rất cẩn thận, ông Reddington. Không có sai sót nào hết. Và chúng tôi không muốn đập trát đòi nợ tới văn phòng ông làm việc hoặc văn phòng đại diện hoặc bất kể...” Đến đây anh bật cười. Một tiếng cười thân thiện thường đem lại hiệu quả bất ngờ. “... nhưng chúng tôi sẽ phải làm vậy trừ phi ông trả trong vòng bốn mươi tám giờ tới. Tôi rất tiếc vì thông báo không đến tay ông từ trước. Như tôi đã nói, hiện giờ chúng tôi khá là...”

“Tôi có thể nói chuyện với ai ở đó về số tiền này nếu đến tận nơi?” Ông Reddington hỏi một cách lo lắng. “Số tiền đó quá lớn!”

“Tất nhiên là có người tiếp ông.” Đến thời điểm này, giọng Tom luôn trở nên hòa ái. Giọng anh như một cụ già sáu mươi có lẽ, vui vẻ, tốt bụng, người sẽ hết sức kiên nhẫn nếu ông Reddington đến, nhưng cũng sẽ cương quyết không chịu giảm lấy một đồng, bất kể ông Reddington có lái nhải, giải thích thế nào. George McAlpin đại diện cho Cục Thuế của Hoa Kỳ đây, thưa ngài. “Tất nhiên, ông có thể nói chuyện với tôi,” Tom dài giọng, “nhưng tuyệt đối không có sai lầm nào hết, ông Reddington. Tôi chỉ nghĩ giúp ông tiết kiệm thời gian. Ông có thể tới nếu muốn, nhưng tôi có toàn bộ hồ sơ của ông ngay trong tay đây.”

Im lặng. Ông Reddington sẽ không hỏi anh bất kỳ điều gì về các giấy tờ hết, có thể vì ông ta không biết bắt đầu hỏi từ đâu. Nhưng nếu ông Reddington định yêu cầu anh giải thích thì Tom có cả đồng thuật ngữ rồi rằm về thu nhập ròng so với thu nhập lũy kế, số dư nợ so với khoản tạm tính, lợi tức sáu phần trăm một năm lũy kế từ ngày đáo hạn thuế cho tới khi thanh toán trên bất kỳ số dư nào thể hiện thuế trên tờ khai gốc, những thuật ngữ mà anh có thể diễn giải bằng giọng nói chậm rãi nhưng không thể xen ngang như một chiếc xe tăng Sherman



vậy. Cho tới giờ, chưa một ai đòi tự mình tới để nghe giải thích kỹ hơn hết. Ông Reddington cũng đang dần cam chịu. Tom có thể nghe rõ điều đó trong sự im lặng bên kia.

“Được rồi,” ông Reddington nói bằng giọng đầu hàng. “Tôi sẽ đọc thông báo khi nhận được nó vào ngày mai.”

“Được, ông Reddington,” anh nói và đập máy.

Tom ngồi yên đó một lúc, cười khúc khích, hai lòng bàn tay gầy đan vào nhau giữa hai đầu gối. Rồi anh nhảy bật dậy, cất máy đánh chữ của Bob đi, chải gọn mái tóc màu nâu sáng trước gương và khởi hành tới Radio City.

## CHƯƠNG 3

“Chào Tom, chàng trai của tôi!” Ông Greenleaf nói bằng một giọng hứa hẹn sẽ có rượu martini hảo hạng, một bữa tối ngon lành và một chiếc giường để ngủ lại nếu anh quá mệt không về nhà nổi. “Emily, đây là Tom Ripley!”

“Cô rất vui được gặp cháu!” Bà nói một cách ấm áp.

“Rất vui được gặp cô, cô Greenleaf.”

Bà gần như giống hệt những gì anh đoán - tóc vàng, khá cao ráo mảnh dẻ, ra chiều trang trọng vừa đủ để anh cư xử đứng đắn, nhưng cũng có cái tính thiện chí cả tin với tất cả mọi người hệt như ông Greenleaf. Ông ta dẫn họ vào phòng khách. Phải, anh đã từng tới đây với Dickie.

“Cậu Ripley đây làm việc trong ngành bảo hiểm,” ông Greenleaf kể và Tom nghĩ hẳn trước đó ông đã uống vài ly rượu, hoặc tối nay ông hết sức lo lắng, vì hôm qua Tom đã miêu tả khá chi tiết về đại lý quảng cáo nơi anh nói mình đang làm việc.

“Không phải là một công việc thú vị gì,” Tom khiêm tốn nói với bà Greenleaf.

Một cô hầu vào phòng mang theo một khay đựng martini và bánh ngọt.

“Cậu Ripley đây từng tới đây rồi,” ông Greenleaf nói. “Cậu ấy đã tới cùng Richard.”

“Ồ, thật vậy sao? Nhưng cô không nghĩ là mình đã từng gặp cháu.” Bà mỉm cười. “Cháu là người ở đây à?”

“Không, cháu đến từ Boston,” Tom nói. Điều này là thật.

Khoảng ba mươi phút sau - thật đúng lúc, Tom nghĩ, vì nhà Greenleaf khăng khăng bắt anh uống hết ly martini này đến ly martini khác - họ chuyển từ phòng khách sang phòng ăn, nơi một chiếc bàn được dọn sẵn cho ba người với nệm, khăn ăn màu xanh sậm rộng và nguyên một con gà nấu đông. Nhưng trước đó là món salad cần tây trộn sốt kiểu Pháp. Tom rất thích nó. Anh khen thành lời.

“Richard cũng thế!” Bà Greenleaf nói. “Nó luôn thích cái cách đầu bếp của chúng tôi nấu món đó. Tiếc là cháu không thể mang một ít cho nó.”

“Cháu sẽ mang món này theo cùng mấy đôi tất,” Tom nói, mỉm cười và bà Greenleaf bật cười. Bà đã bảo anh là bà muốn anh mang cho Richard vài đôi tất len hiệu Brooks Brothers, loại mà Richard vẫn luôn dùng.

Cuộc trò chuyện thật tế nhị, bữa tối lại rất ngon lành. Để trả lời cho một câu hỏi của bà Greenleaf, Tom kể là anh đang làm việc cho một công ty quảng cáo có tên là Rothenberg, Fleming và Barter. Khi nhắc lại, anh cố tình nói trệch thành Reddington, Fleming và Parker. Ông Greenleaf có vẻ không chú ý đến sự khác nhau đó. Tom nhắc lại cái tên đầu tiên lần thứ hai khi anh và ông nói chuyện riêng trong phòng khách sau bữa tối.

“Cậu đã đi học ở Boston à?” Ông Greenleaf hỏi.

“Không, thưa chú. Cháu đã học ở Princeton một thời gian, rồi cháu tới thăm một người cô khác ở Denver và đi học đại học ở đó.” Tom chờ đợi, hy vọng ông Greenleaf sẽ thấy tò mò về Princeton, nhưng ông không hỏi. Tom có thể thảo luận về hệ thống lịch sử giảng dạy, các quy tắc trong khuôn viên trường, không khí ở các buổi khiêu vũ cuối tuần, xu hướng chính trị của tổ chức sinh viên, bất kỳ điều gì. Cuối hè vừa rồi, Tom đã rất thân thiết với một sinh viên năm ba của trường Princeton, người chẳng nói về điều gì khác ngoài Princeton, do đó Tom đã hỏi han hết điều này tới điều khác, dự đoán rằng rồi một ngày anh có thể sẽ dùng đến lượng thông tin này. Tom đã kể với gia

đình Greenleaf rằng anh được cô Dottie ở Boston nuôi lớn. Cô đã đưa anh đến Denver năm anh mười sáu tuổi và thật ra thì anh chỉ học xong trung học ở đó, nhưng có một thanh niên tên là Don Mizell ở trọ trong nhà của cô Bea ở Denver từng theo học ở Đại học Colorado. Tom cảm thấy như thể mình cũng từng tới đó học.

“Cháu có học ngành gì cụ thể không?” Ông Greenleaf hỏi.

“Chủ yếu cháu chia thời gian cho kế toán và viết văn,” Tom mỉm cười đáp, hiểu rằng đó là một câu trả lời vô vị đến mức chắc chắn có ai hỏi sâu hơn.

Bà Greenleaf mang vào một quyển album ảnh và Tom ngồi cạnh bà trên ghế sofa trong khi bà lật từng trang một. Richard dò dẫm đi những bước đầu tiên, Richard trong một bức ảnh màu to nguyên một trang, mặc đồ và tạo dáng như bức tranh Cậu bé Xanh dương\*, với những lọn tóc vàng xoắn dài. Album này chẳng hề có sức hấp dẫn đối với anh cho tới đoạn Richard khoảng mười sáu tuổi, chân dài, mảnh dẻ, tóc gọn sóng. Theo Tom thấy, anh ta hầu như không thay đổi mấy trong khoảng từ mười sáu đến hai ba, hai tư tuổi, thời điểm các bức hình ngừng lại và Tom sửng sốt vì nụ cười rạng rỡ, ngây ngô ấy vẫn như hồi nào. Tom không thể ngăn mình nghĩ rằng hoặc Richard chẳng thông minh lắm, hoặc là anh ta thích được chụp ảnh và nghĩ mình trông đẹp trai nhất với khuôn miệng ngoác đến tận mang tai, một biểu cảm cũng không thông minh gì cho lắm.

“Cô vẫn chưa dán được chỗ ảnh này vào,” bà Greenleaf nói, đưa cho anh một tập ảnh rời. “Tất cả đều được chụp ở châu Âu.”

Những bức ảnh này thú vị hơn. Dickie trong một chỗ có vẻ là một quán cà phê ở Paris, Dickie trên bãi biển. Trong vài bức ảnh anh ta đang cau mày.

“Tiện thể, đây chính là Mongibello,” bà Greenleaf nói, chỉ bức ảnh chụp Dickie đang kéo một chiếc thuyền có mái chèo lên cát. Nên



bức ảnh là một ngọn núi đá trơ trọi và một dãy nhà trắng nhỏ dọc bờ biển. “Còn cô gái này là người Mỹ duy nhất sống ở đó.”

“Marge Sherwood,” ông Greenleaf nói thêm. Ông ngồi đối diện, nhưng đang rướn người để theo dõi màn khoe ảnh một cách chăm chú.

Cô gái có mái tóc vàng ngắn, rối nhẹ, mặc một bộ đồ tắm trên bãi biển, hai tay ôm lấy đầu gối, trông khỏe khoắn và vô tư - loại người tử tế. Có một bức ảnh khá đẹp chụp Richard mặc quần đùi, ngồi trên lan can nhà. Anh ta đang mỉm cười nhưng không phải cái kiểu cười cũ Tom đã thấy. Richard trông đĩnh đạc hơn trong các bức ảnh ở châu Âu.

Tom nhận thấy bà Greenleaf đang nhìn chăm chăm xuống tấm ảnh trước mặt. Anh nhớ lại khoảnh khắc lúc ở bàn ăn bà đã nói, “Cô ước gì mình chưa từng nghe đến châu Âu!” và liếc nhìn anh đầy lo âu rồi mỉm cười, như thể trạng thái cảm xúc bột phát ấy đã từng xuất hiện trước đây. Giờ thì anh thấy bà đang khóc. Ông Greenleaf đứng dậy đi tới bên bà.

“Cô Greenleaf,” Tom dịu dàng nói, “Cháu muốn cô biết rằng cháu sẽ làm mọi việc có thể để đưa Dickie về nhà.”

“Chúa phù hộ cho cháu, Tom, Chúa phù hộ cho cháu.” Bà nắm chặt bàn tay Tom đang đặt trên đùi.

“Emily, em có nghĩ là đã đến giờ mình đi ngủ rồi không?” Ông Greenleaf cúi xuống hỏi bà.

Tom đứng dậy theo bà Greenleaf.

“Cô hy vọng cháu sẽ quay lại đây thăm cô chú trước khi đi, Tom,” bà nói. “Từ khi Richard đi, cô chú hiếm khi được đón người trẻ tuổi tới chơi nhà. Cô nhớ những con người sôi nổi ấy quá.”

“Cháu rất vui được tới đây lần nữa,” Tom nói.

Ông Greenleaf đưa bà ra khỏi phòng. Tom vẫn đứng đó, hai tay buông hai bên, đầu ngẩng cao. Qua tấm gương lớn trên tường, anh có thể nhìn thấy bản thân: lại là chàng trai trẻ chính trực, đáng mến. Anh

vội vàng ngoảnh đi. Anh đang làm một việc đúng đắn, cư xử phải phép. Vậy nhưng anh vẫn cảm thấy tội lỗi. Vừa nãy khi anh nói với bà Greenleaf rằng, *Cháu sẽ làm tất cả những gì có thể...* Anh thật lòng. Anh không cố lừa lọc ai hết.

Anh cảm thấy mình bắt đầu đổ mồ hôi và cố gắng thả lỏng. Anh lo về cái gì vậy? Tối nay anh đã cảm thấy rất tuyệt! Khi nói về cô Dottie -

Tom đứng thẳng, liếc nhìn cửa, nhưng nó chưa mở lại. Đó là thời điểm duy nhất trong tối nay mà anh cảm thấy không thoải mái, không thực, như hay cảm thấy những lúc nói dối, vậy nhưng thật ra đó lại là điều duy nhất anh nói thật: *Bố mẹ cháu đã mất khi cháu còn rất nhỏ. Cháu được người cô nuôi nấng ở Boston.*

Ông Greenleaf đi vào phòng. Bóng ông dường như đang rung rung và ngày một phình to. Tom chớp mắt, bỗng thấy sợ ông, thôi thúc muốn tấn công ông trước khi anh bị tấn công.

“Chúng ta thử một ít brandy nhé?” Ông nói, mở một tấm ván cạnh lò sưởi.

Như một bộ phim vậy, Tom nghĩ thầm. Chỉ một phút nữa thôi, ông Greenleaf hoặc giọng ai đó sẽ vang lên, “Được rồi, cắt!” và anh sẽ lại thả lỏng, thấy mình quay lại trong quán Raoul với cốc gin pha tonic trước mặt. Không, quay lại Green Cage mới đúng.

“Đã đủ chưa?” Ông Greenleaf nói. “Đừng uống nếu cậu không muốn.”

Tom gật đầu mơ hồ và ông thoáng trông có vẻ bối rối, rồi rót hai cốc brandy.

Cảm giác sợ hãi ớn lạnh chạy dọc cơ thể Tom. Anh nghĩ tới tai nạn ở hàng dược phẩm tuần trước, dù chuyện đó đã qua và anh cũng không *thật sự* sợ hãi, anh tự trấn an bản thân, không phải bây giờ. Có một hàng dược phẩm trên Đại lộ Số Hai, anh đã đưa số điện thoại của họ cho những người đòi gọi lại cho anh để trao đổi về thuế thu nhập.

Anh đã biến nó thành số điện thoại của Cục Điều chỉnh thuế nơi anh chỉ có mặt từ ba rưỡi đến bốn giờ chiều ngày thứ Tư và thứ Sáu. Vào tầm thời gian đó, Tom lượn lờ quanh bộ điện thoại trong cửa hàng, chờ chuông reo. Khi người bán hàng nhìn anh nghi ngờ vào lần thứ hai anh tới đó, Tom đã nói rằng mình đang chờ cuộc gọi của bạn gái. Thứ Sáu tuần trước khi anh nghe máy, một giọng nam đã nói, “Mày biết chúng tao đang nói về chuyện gì phải không? Chúng tao biết mày sống ở đó, nếu mày muốn chúng tao tới chỗ mày... Chúng tao có đồ cho mày nếu mày có đồ cho bọn tao.” Một giọng nói kiên quyết nhưng rất mơ hồ, khiến Tom nghĩ rằng đó là một trò lừa và không thể đáp lại một câu nào. Rồi, “Nghe đây, chúng tao đang tới đây. Tới *nhà* mày đây.”

Chân Tom nhũn như chi chi khi ra khỏi bộ điện thoại rồi anh thấy người bán thuốc chăm chăm nhìn anh, mắt mở to hoảng hốt và câu chuyện đột nhiên có nghĩa: anh ta bán ma túy, sợ Tom là cảnh sát đến tìm thông tin về *anh ta*. Tom đã phá ra cười, vừa đi vừa cười âm lên, bước chân lảo đảo, bởi chân anh vẫn mềm nhũn từ nỗi sợ của chính anh.

“Đang nghĩ đến châu Âu à?” Giọng ông Greenleaf hỏi.

Tom nhận cốc rượu mà ông chìa ra mời anh. “Vâng,” Tom nói.

“Tôi hy vọng cậu tận hưởng chuyến đi của mình, Tom, cũng như gây được chút ảnh hưởng lên Richard. À mà, Emily quý cậu lắm. Bà ấy tự nói vậy với tôi. Tôi còn không phải hỏi gì.” Ông Greenleaf lăn cốc brandy trong hai bàn tay. “Vợ tôi bị bệnh bạch cầu, Tom.”

“Ôi. Đó là một bệnh rất nghiêm trọng phải không?”

“Phải. Bà ấy có thể không sống nổi một năm nữa.”

“Cháu rất tiếc khi nghe về điều đó,” Tom nói.

Ông Greenleaf rút một tờ giấy ra khỏi túi áo. “Tôi có danh sách tàu đây. Tôi nghĩ tuyến Cherbourg quen thuộc là nhanh nhất và cũng

thứ vị nhất. Cậu sẽ bắt tàu hỏa đến cảng rồi lên tàu biển tới Paris, sau đó lại đi tàu giường nằm qua dãy Alps tới Rome và Naples.”

“Thế cũng được ạ.” Anh bắt đầu cảm thấy hấp dẫn rồi đấy.

“Cậu sẽ phải đón một chuyến xe buýt từ Naples tới ngôi làng của Richard. Tôi sẽ viết cho nó về cậu - tất nhiên không nói cậu là phái viên của tôi,” ông nói thêm, mỉm cười, “nhưng tôi sẽ bảo rằng chúng ta đã gặp nhau. Richard hẳn sẽ cho cậu ngủ nhờ, nhưng nếu vì lý do nào đó mà nó không thể, thì cũng có vài khách sạn trong thị trấn. Tôi đoán cậu và Richard sẽ quen thân thôi. Giờ về tiền nong...” Ông Greenleaf mỉm cười hiền hậu. “Tôi đề nghị đưa cậu sáu trăm đô la bằng séc du lịch ngoài tấm vé khứ hồi. Thế có hợp ý cậu không? Sáu trăm hẳn sẽ giúp cậu sống qua khoảng hai tháng và nếu cậu cần thêm thì tất cả những gì cậu phải làm là đánh điện cho tôi, chàng trai. Trông cậu không giống một thanh niên ném tiền qua cửa sổ.”

“Khoản tiền đó đã đủ dư dật rồi, thưa chú.”

Ông Greenleaf ngày một thư giãn và vui vẻ khi uống rượu, còn Tom thì ngày một im lìm và chua chát. Tom muốn ra khỏi căn hộ này. Vậy nhưng anh vẫn muốn tới châu Âu và muốn được ông Greenleaf tán thành. Thời gian ngồi trên ghế sofa còn khổ sở hơn cả lúc trong quán bar tối qua, khi anh còn buồn chán, vì bây giờ cả sự đổi đời cũng không đến. Vài lần Tom đã cầm cốc rượu đứng dậy, bước tới chỗ lò sưởi rồi quay lại và khi anh nhìn vào gương, anh thấy hai khóe miệng mình trĩu xuống.

Ông Greenleaf đang hào hứng kể lại lúc ông và Richard ở Paris, năm Richard mười tuổi. Chẳng có gì thú vị. Nếu mười ngày tới có vấn đề gì bên phía cảnh sát thì ông Greenleaf có thể cho anh ở nhờ, Tom nghĩ. Anh có thể bảo ông rằng anh đã phải gấp rút cho thuê lại căn hộ của mình, hoặc bịa một cái cớ nào đó và trốn ở đây. Tom thấy thật khó chịu, như sắp ốm đến nơi.

“Chú Greenleaf, cháu nghĩ mình nên về rồi.”



“Bây giờ à? Nhưng tôi muốn cho cậu xem... Thôi, kệ đi. Để lần khác.”

Tom biết anh nên hỏi, “Cho cháu xem cái gì vậy?” và tỏ ra kiên nhẫn trong lúc ông khoe khoang thứ đó, nhưng anh không thể.

“Tôi muốn cậu ghé thăm mấy con thuyền, tất nhiên rồi!” Ông Greenleaf hồ hởi nói. “Khi nào thì cậu ra ngoài được? Tôi đoán là chỉ trong giờ ăn trưa nhỉ. Tôi nghĩ cậu nên biết để kể cho Richard nghe dạo này mấy con thuyền trông như thế nào.”

“Vâng... cháu có thể tới trong giờ ăn trưa.”

“Cứ gọi cho tôi ngày nào cũng được. Cậu đã có danh thiếp với số điện thoại riêng của tôi rồi đấy. Nếu cậu báo trước cho tôi nửa tiếng thì tôi sẽ cho người tới đón cậu ở văn phòng và chở cậu đi. Chúng ta sẽ ăn sandwich trong lúc đi xem một vòng và rồi tài xế sẽ chở cậu về.”

“Cháu sẽ gọi cho chú,” Tom nói. Anh cảm thấy chỉ cần ở thêm một phút nữa thôi trong căn phòng mờ mờ ảo ảo này thì anh sẽ ngất xỉu ra mất, nhưng ông Greenleaf lại nở nụ cười vui vẻ, hỏi xem anh đã đọc một cuốn sách của Henry James chưa.

“Cháu rất tiếc phải nói là chưa, quyển đấy thì cháu chưa đọc,” Tom nói.

“À, không quan trọng.” Ông Greenleaf mỉm cười.

Họ bắt tay nhau, cái bắt tay chặt cứng mãi không chịu ngừng từ ông Greenleaf, rồi mới xong xuôi. Nhưng Tom nhìn thấy nét đau đớn, sợ hãi vẫn nằm nguyên trên mặt anh khi anh đi thang máy xuống. Anh dựa vào góc buồng thang máy với vẻ rũ rượi, dù biết rằng ngay khi tới sảnh là anh sẽ lao ra khỏi cánh cửa đó và chạy một mạch về nhà.

## CHƯƠNG 4

Mỗi ngày trôi qua, không khí của thành phố ngày một lạ lẫm hơn. Như thể có thứ gì đó vừa rời khỏi New York - cái chất riêng hoặc tầm quan trọng của nó - thành phố như đang trình diễn cho mình anh xem, một màn trình diễn tráng lệ với những chuyến xe buýt, taxi, dòng người vội vã trên vỉa hè, hiệu ứng hình ảnh đến từ tất cả các quán rượu trên Đại lộ Số Ba, các mái vòm đậm chất điện ảnh được thắp sáng dưới ánh nắng ban ngày, hiệu ứng âm thanh đến từ những chiếc còi réo rắt và giọng nói muôn người, những lời nói mà chẳng vì bất kỳ mục đích gì. Như thể khi tàu anh rời bến vào thứ Bảy, cả thành phố New York sẽ đổ sụp xuống một tiếng *bộp* như một đồng bìa các-tông trên sân khấu.

Hoặc có thể anh đang sợ. Anh ghét nước. Trước đây anh chưa từng đi đường thủy bao giờ, trừ lần từ New York tới New Orleans rồi lại quay lại New York, nhưng lúc đó anh đang làm việc chủ yếu dưới boong tàu và hầu như không nhận ra mình đang đi trên nước. Vài lần anh lên boong, hình ảnh mặt nước ban đầu đã làm anh kinh sợ, rồi thấy nôn nao và anh lại chạy ngay xuống dưới boong, nơi mà, trái ngược với những gì người ta nói, khiến anh cảm thấy khỏe hơn. Bố mẹ anh đã chết đuối trong vịnh Boston và Tom luôn nghĩ rằng chuyện đó ảnh hưởng tới anh, vì trong trí nhớ của mình, anh vẫn luôn sợ nước, cũng chưa từng học bơi. Bụng Tom cảm thấy nôn nao, trống rỗng khi nghĩ rằng chỉ chưa đầy một tuần nữa, sẽ có một lớp nước sâu ngàn mét dưới chân anh và không nghi ngờ gì, phần lớn thời gian, anh sẽ phải nhìn thấy nó vì hoạt động chủ yếu của hành khách trên tàu đều diễn ra trên boong. Và anh cảm thấy bị say sóng thì thật không thời thượng.

Anh chưa từng bị say sóng, nhưng trong mấy ngày qua, vài lần anh đã gần trở nên như vậy, mỗi khi nghĩ đến chuyến hải trình tới Cherbourg.

Anh đã báo cho Bob Delancey rằng một tuần nữa anh sẽ chuyển đi, nhưng không nói đi đâu. Đăng nào thì Bob cũng không có vẻ gì hứng thú. Họ rất ít khi gặp nhau ở ngôi nhà trên đường 51. Tom đã tới nhà của Marc Priminger trên đường 45 Bờ Đông - anh vẫn giữ chìa khóa - để lấy nốt vài món đồ mà anh bỏ quên, thậm chí còn tới vào thời điểm mà anh nghĩ là Marc không có nhà, nhưng Marc đã về cùng bạn trọ mới, Joel, một chàng trai gầy gò làm việc cho một nhà xuất bản. Trước sự không mời mà tới của Tom, Marc đã bày ra vẻ khéo léo “Cứ làm gì tùy thích” cho Joel xem, nếu không phải có Joel ở đó thì Marc hẳn đã chửi bới anh bằng một giọng điệu thô lỗ đến cả một tay thủy thủ người Bồ cũng chẳng dùng. Marc (tên ông ta là Marcellus cơ đấy) là một gã xấu xí, khờ khạo, có khoản thu nhập riêng và thú vui giúp đỡ những chàng trai trẻ đang gặp khó khăn tài chính tạm thời bằng cách cho ở nhờ trong ngôi nhà hai tầng, ba buồng ngủ của mình. Ông ta thích đóng vai Chúa bằng cách chỉ bảo cho họ phải làm gì hay không được làm gì ở nhà ông ta và đưa ra những lời khuyên, thường là vô giá trị, về cuộc sống và công việc. Tom đã ở đó ba tháng, phân nửa khoảng thời gian đó Marc ở Florida và cả ngôi nhà dành trọn cho riêng anh, nhưng khi Marc quay lại, ông ta đã làm um lên về vài mảnh đồ thủy tinh vỡ - Marc lại đóng vai Chúa, Người Cha Nghiêm Khắc - và Tom đã giận đến mức, đúng một lần duy nhất, anh đứng lên vặc lại ông ta. Và thế là Marc đã đuổi anh đi, sau khi thu sáu mươi ba đô tiền đồ thủy tinh vỡ. Lão già hà tiện! Tom nghĩ ông ta đáng ra phải làm một bà giúp việc già nua ở một trường nữ sinh mới hợp. Tom thấy hối hận một cách cay đắng vì đã từng gặp Marc Priminger và anh càng sớm quên được đôi mắt lợn ngu đần, quai hàm to bè, đôi bàn tay xấu xí với những cái nhăn lòa loét (cứ vẩy vẩy trong không khí, ra lệnh cho mọi người làm cái này cái kia) của Marc, thì anh càng hạnh phúc.

Người duy nhất trong số bạn bè của anh mà anh cảm thấy muốn kể về chuyến đi châu Âu của mình là Cleo và anh tới gặp cô vào ngày thứ Năm trước khi lên tàu. Cleo Dobelle là một cô gái tóc đen cao ráo, mảnh dẻ, độ tuổi tầm hai ba đến ba mươi, Tom cũng không rõ. Cô sống với bố mẹ ở quảng trường Grade và vẽ những đường nét nhỏ xinh - thật ra là *cực kỳ* nhỏ - để trang trí cho những món đồ bằng ngà còn không to hơn tem thư, phải nhìn qua kính lúp mới thấy và Cleo cũng dùng kính lúp khi vẽ. “Các họa sĩ khác phải mất cả đống không gian để cất các bức tranh sơn dầu! Nhưng thử nghĩ xem, toàn bộ các tác phẩm hội họa của em có thể đựng trong một hộp thuốc lá, vậy mới tiện làm sao!” Cleo nói. Cô sống ở khu phòng riêng thông với một phòng tắm và bếp nhỏ ở sau căn hộ của bố mẹ cô và căn hộ của Cleo lúc nào cũng khá tối vì ánh sáng chỉ chiếu vào một khoảng sân nhỏ xíu mọc đầy cây lá lỉnh, nhưng giờ chính chúng lại chặn hết toàn bộ nguồn sáng. Cleo luôn bật đèn, dù ánh đèn chỉ sáng mờ mờ, tạo cho căn phòng một cảm giác đêm tối bất kể vào thời điểm nào trong ngày. Ngoại trừ buổi tối họ quen nhau thì Tom chỉ nhìn thấy cô mặc những cái quần nhung ôm người đủ màu sắc và những chiếc áo lụa kẻ sọc tươi sáng. Họ đã thu hút lẫn nhau ngay từ lần gặp gỡ đầu tiên và Cleo mời anh tới nhà cô ăn tối ngay hôm sau. Cleo luôn rủ anh tới nhà và chẳng hiểu sao chưa bao giờ có ý nghĩ rằng anh nên mời cô ăn tối hoặc đi nghe nhạc hoặc làm bất kỳ một hành vi thông thường nào mà một chàng trai nên dành cho một cô gái. Cô không mong đợi anh mang tặng hoa hoặc sách hay kẹo khi anh tới ăn tối hoặc uống cocktail, dù thỉnh thoảng Tom vẫn mang cho cô một món quà nhỏ, vì nó làm cô vui. Cleo là người độc nhất mà anh có thể kể chuyện mình sắp tới châu Âu cũng như lý do của chuyến đi ấy. Anh kể cho cô.

Cleo mê mẩn, đúng như anh đã biết. Đôi môi đỏ hé ra trên khuôn mặt dài, hơi nhợt nhạt của cô và cô đập tay lên cặp đùi mặc quần nhung, thốt lên, “Tom yêu dấu! Thật tuyệt quá đi! Giống hết một câu chuyện của Shakespeare ấy!”

Đó cũng chính là điều Tom nghĩ. Đó đúng là những điều anh cần một người nói ra hộ.

Cleo ồn ào quanh anh cả tối, hỏi xem anh có cái này cái kia chưa, Kleenex rồi thuốc cảm rồi tất len vì mùa thu ở châu Âu đã bắt đầu mưa rồi, cả chuyện anh đã tiêm chủng chưa. Tom nói rằng mình cảm thấy đã chuẩn bị khá kỹ càng.

“Nhưng đừng tới tiền anh nhé, Cleo. Anh không muốn có người đưa tiền.”

“Tất nhiên là không rồi!” Cleo nói, thấu hiểu. “Ôi, Tom yêu dấu, em nghĩ nó sẽ vui lắm! Anh sẽ viết thư kể cho em về tất cả những gì diễn ra với Dickie chứ? Anh là người duy nhất em quen có lý do để tới châu Âu đấy.”

Anh kể cho cô về chuyến thăm xưởng đóng tàu của ông Greenleaf ở Long Island, các dây bàn kéo dài hàng dặm với đồng máy móc chế tạo những linh kiện kim loại sáng bóng, phủ véc ni và đánh bóng gỗ, các vũng cạn với khung tàu đủ kích cỡ. Anh gây ấn tượng với cô bằng các thuật ngữ mà ông Greenleaf đã dùng - vành viền hầm tàu, ki đứng, sống phụ, nẹp ke hông. Anh tả lại bữa tối thứ hai ở nhà ông Greenleaf, khi ông tặng anh một chiếc đồng hồ đeo tay. Anh khoe nó với Cleo, không phải là một món đồ quá hào nhoáng đắt tiền, nhưng vẫn rất tuyệt vời và đúng phong cách mà Tom hẳn sẽ chọn cho mình - mặt trắng trơn với các con số La Mã màu đen thanh lịch trên viền vàng đơn giản và quai da cá sấu.

“Chỉ vì tình cờ mấy hôm trước anh nói rằng mình không có đồng hồ,” Tom nói. “Ông ấy thật sự coi anh như con trai.” Và Cleo cũng là người duy nhất anh quen mà anh có thể bộc bạch điều đó.

Cleo thở dài. “Đàn ông! Bọn anh ẵm trọn mọi may mắn trên đời. Một chuyện như thế sẽ chẳng tài nào xảy ra với phụ nữ. Đàn ông thật *tự do!*”

Tom mỉm cười. Anh vẫn thường nghĩ rằng ngược lại mới đúng. “Có phải đùi cừu đang cháy không?”

Cleo la toáng lên và bật dậy.

Sau bữa tối, cô cho anh xem năm hay sáu bức tranh mới nhất gì đấy: hai bức chân dung lãng mạn của một chàng trai mà cả hai đều quen, mặc áo sơ mi trắng mở cổ, ba bức tranh phong cảnh kỳ ảo của một vùng rừng rậm, lấy cảm hứng từ những chùm lá linh ngoài cửa sổ. Lông của những con khi con trong các bức tranh được vẽ đẹp đến sững sốt, Tom nghĩ thầm. Cleo có rất nhiều cọ mà chỉ có một sợi lông trên đó, đến những cái đấy cũng đa dạng từ loại tương đối thô cho tới siêu mảnh. Họ uống gần hết hai chai Medoc từ tủ rượu của bố mẹ cô, Tom buồn ngủ tới mức có thể ngủ cả đêm ngay trên sàn nơi anh đang nằm - họ thường ngủ cạnh nhau trên hai tấm thảm gấu lớn trước lò sưởi, đó cũng là một điểm tuyệt vời nữa của Cleo, cô chẳng bao giờ mong muốn hay kỳ vọng anh tiến tới với mình và anh cũng chưa từng làm vậy - nhưng Tom vẫn lê thân dậy lúc mười hai giờ kém mười lăm và ra về.

“Em sẽ không gặp lại anh đâu nhỉ?” Cleo nói một cách chán nản ở cửa.

“À, chắc khoảng sáu tuần nữa là anh quay lại thôi,” Tom nói dù không hề nghĩ vậy. Đột ngột, anh rướn người tới và đặt một nụ hôn thân ái lên đôi má trắng ngà của cô. “Anh sẽ nhớ em đấy, Cleo.”

Cô siết nhẹ vai anh, sự động chạm thể xác duy nhất mà cô từng trao cho anh theo anh nhớ. “Em sẽ nhớ anh,” cô nói.

Ngày hôm sau, anh xử lý nhiệm vụ mà bà Greenleaf giao ở tiệm Brooks Brothers, một tá đôi tất len đen và áo choàng tắm. Bà không hề gợi ý màu sắc cho áo choàng tắm mà nói sẽ để anh chọn. Tom chọn một chiếc bằng vải flannel màu nâu sẫm với dây lưng và ve áo màu xanh navy. Nó không phải chiếc áo choàng tắm đẹp nhất trong cửa hàng, theo ý Tom, nhưng anh cảm thấy đó chính là món mà Richard sẽ chọn và Richard sẽ rất thích nó. Anh thanh toán tất và áo choàng tắm bằng tài khoản của nhà Greenleaf. Anh nhìn thấy một chiếc áo sơ mi bằng lanh nặng nề với hàng khuy gỗ mà anh rất thích, hẳn cũng có thể



dễ dàng gán nó vào tài khoản thanh toán của nhà Greenleaf, nhưng anh không làm vậy. Anh tự mua bằng tiền của mình.

## CHƯƠNG 5

Sáng hôm khởi hành, buổi sáng mà anh đã mong ngóng với cảm giác phấn khích hồ hởi, khởi đầu một cách thật đáng ghê tởm. Tom đi theo nhân viên phục vụ tàu tới khoang của anh, đang tự khen mình vì thái độ cứng rắn không cho Bob tới tiền đã có hiệu quả và vừa bước vào phòng thì một tiếng nổ âm ỉ vang lên.

“Sâm-panh đâu rồi, Tom? Chúng tôi đợi lâu lắm rồi đấy!”

“Trời ơi, căn phòng này nhếch nhác quá! Sao cậu không xin họ lấy một phòng tử tế vào?”

“Tom yêu dấu, chiếm lấy em nhé?” Câu nói đến từ bạn gái của Ed Martin, người mà chỉ nhìn thôi Tom còn chẳng chịu nổi.

Rồi tất cả cùng xuất hiện, chủ yếu là đám bạn ồn ào của Bob, nằm ngả ngón trên giường, trên sàn, đủ mọi nơi. Bob đã biết việc anh sắp ra khơi, nhưng Tom chẳng bao giờ ngờ được là anh ta lại làm một chuyện như thế này. Phải tự chủ lắm Tom mới không dùng giọng băng giá để thốt lên, “Chẳng có chai sâm-panh nào hết.” Anh cố gắng đón tiếp tất cả bọn họ, cố gắng mỉm cười, dù anh chỉ muốn òa khóc như đứa trẻ. Anh nhìn Bob hằm hằm, nhưng anh ta đã phê rồi. Hiếm có gì có thể chọc anh nổi điên, Tom tự bào chữa cho mình, nhưng đây là một trong số đó: những sự bất ngờ ồn ào như thế này, lũ vô công rồi nghề, lũ trưởng giả học làm sang, lũ thô lỗ mà anh tưởng anh đã bỏ lại phía sau khi đi lên thuyền, chúng đang xả rác ra căn phòng mà anh sắp ở suốt năm ngày tới!

Tom tới chỗ Paul Hubbard, con người đáng kính duy nhất trong phòng và ngồi xuống cạnh anh ta trên chiếc ghế sofa ngăn, được

gắn cố định vào sàn. “Chào Paul,” anh nói nhỏ. “Tôi rất tiếc về tất cả chuyện này.”

“Thế à!” Paul chế giễu. “Anh sẽ đi bao lâu? - Có chuyện gì vậy, Tom? Anh ốm à?”

Thật kinh khủng. Tiếng ồn, tiếng cười, tiếng các cô gái thử giường và ngó nghiêng phòng vệ sinh cứ vang lên không ngớt. Tạ ơn Chúa vì gia đình Greenleaf đã không tới tiễn anh! Ông Greenleaf đã phải tới New Orleans công tác, còn bà Greenleaf, khi Tom gọi điện chào tạm biệt vào sáng nay, đã nói là bà cảm thấy không đủ khỏe để ra thuyền.

Cuối cùng, Bob hoặc ai đó lôi một chai whiskey ra và tất cả bắt đầu uống bằng hai cái cốc trong phòng tắm trước khi người phục vụ mang theo một khay đựng cốc bước vào. Tom không uống. Mồ hôi vã ra như tắm, đến mức anh phải cởi cả áo khoác ra để không làm hỏng nó. Bob lại gần và dúm một cái cốc vào tay anh, anh ta không hề có vẻ đùa cợt tí nào, Tom nhận ra và cũng biết lý do vì sao - anh đã nhận sự giúp đỡ của Bob suốt một tháng qua, ít nhất anh cũng nên có vẻ mặt dễ chịu, nhưng mặt anh cứ lạnh như băng, không thể nào bày ra vẻ dễ chịu nổi. Anh nghĩ, cho dù sau chuyện này tất cả bọn họ có ghét anh đi nữa thì anh mất gì nào?

“Em vừa chỗ này đây, Tom yêu dấu,” một cô gái nói. Cô ta đã lách người vào trong một cái tủ quần áo hẹp chỉ đựng vừa cái chổi.

“Tôi muốn nhìn thấy cảnh Tom bị bắt quả tang đưa một cô gái vào trong phòng!” Ed Martin nói, phá ra cười.

Tom trừng mắt nhìn anh ta. “Ra khỏi chỗ này và hít thở chút không khí đi,” anh lầm bầm nói với Paul.

Những người khác còn bận ồn ào đến mức chẳng ai chú ý đến việc họ bỏ đi. Họ đứng ở lan can gần đuôi tàu. Hôm ấy là một ngày âm u, thành phố nằm bên tay phải chưa gì trông đã như một mảnh đất xa xôi, xám xịt mà anh đang nhìn từ giữa biển - trừ một vài tên khốn trong phòng riêng của anh.

“Anh đã trốn ở đâu vậy?” Paul hỏi. “Ed đã gọi điện báo cho tôi biết anh sắp đi xa. Đã mấy tuần rồi tôi không gặp anh đấy.”

Paul là một trong những người nghĩ anh làm việc cho Hiệp hội Báo chí. Tom bịa ra một câu chuyện hay ho về một nhiệm vụ mà anh được phái đi. Có thể là ở Trung Đông, Tom nói. Anh làm ra vẻ bí mật lắm. “Dạo này tôi cũng hay phải làm việc ban đêm,” Tom nói, “đó là lý do tôi không xuất hiện mấy. Anh thật vô cùng tử tế khi tới đây tiễn tôi.”

“Sáng nay tôi không có lớp,” Paul rút tẩu thuốc ra khỏi miệng và mỉm cười. “Dù vậy kiểu gì tôi cũng phải đến. Bịa ra bất cứ cái cớ cũ rích nào để đến đây!”

Tom mỉm cười. Paul dạy nhạc tại một trường nữ sinh ở New York để kiếm sống, nhưng anh ta thích soạn nhạc trong thời gian rảnh. Tom không nhớ mình gặp Paul như thế nào, nhưng vẫn nhớ chuyện đã tới căn hộ của anh ta ở Khu Đường Ven Sông để dùng bữa trưa vào một ngày Chủ nhật cùng vài người bạn nữa, Paul đã chơi một vài tác phẩm của mình trên đàn piano và Tom mê mẩn nó. “Cho tôi mời anh một cốc rượu nhé? Hãy xem chúng ta có tìm được quán bar nào không,” Tom nói.

Nhưng đúng lúc ấy một người phục vụ bước ra, đánh chiêng và hét lên, “Mời những người đi tiễn lên bờ! Tất cả những người đi tiễn mời lên bờ!”

“Đó là tôi rồi,” Paul nói.

Họ bắt tay, vỗ vai, hứa sẽ viết thiệp cho nhau. Rồi Paul ra về.

Đám bạn của Bob hẳn sẽ ở lì tới phút cuối, anh nghĩ, có lẽ phải bị đuổi mới chịu đi. Tom đột ngột rẽ ngoặt và chạy lên một cầu thang hẹp. Ở đầu cầu thang, anh gặp một tấm biển DÀNH RIÊNG CHO KHOANG PHỔ THÔNG móc trên một sợi dây xích, anh vắt chân qua nó và bước lên boong. Chắc họ sẽ không từ chối cho một hành khách ở khoang hạng nhất đi vào khoang hạng hai đâu, anh nghĩ. Anh không thể nhìn thêm lũ bạn của Bob một lúc nào nữa. Anh đã trả nửa tháng

tiền thuê nhà cho anh ta và còn tặng anh ta một món quà tạm biệt là một cái áo sơ mi và cà-vạt xịn. Bob còn muốn gì nữa?

Phải đến khi con tàu di chuyển Tom mới dám quay về phòng. Anh cẩn trọng bước vào trong. Trống không. Tấm chăn màu xanh dương trang nhã đã được trải phẳng lại. Gạt tàn sạch sẽ. Không hề có dấu hiệu cho thấy họ đã từng ở đây. Tom thả lỏng và mỉm cười. Đây mới là dịch vụ chứ! Truyền thống lâu đời tốt đẹp của Cunard Line, sự thành thạo của người Anh! Anh nhìn thấy một giỏ hoa quả lớn trên sàn nhà cạnh giường. Anh háo hức xé chiếc phong bì trắng nhỏ ra. Tấm thiệp bên trong viết:

*Chúc thượng lộ bình an và cầu trời phù hộ cho cậu nhé, Tom. Chúng tôi chúc những điều tốt đẹp nhất đến với cậu.*

*Emily và Herbert Greenleaf*

Chiếc giỏ có quai cao và hoàn toàn nằm trọn dưới lớp giấy bóng kính - táo, lê, nho, vài thanh kẹo và vài bình rượu nhỏ. Tom chưa từng được nhận một giỏ quà tiễn biệt. Đối với anh, chúng luôn là thứ có giá trên trời mà anh chỉ nhìn thấy đằng sau những ô cửa sổ của cửa hàng hoa và rồi cười mỉa mai. Giờ thì anh thấy nước mắt dâng trào và đột ngột anh úp mặt vào giữa hai tay, òa khóc nức nở.

## CHƯƠNG 6

**T**om là người khá điềm đạm và rộng lượng, nhưng hoàn toàn không có ý muốn giao du. Anh thích dành thời gian để ngắm nghĩ và chẳng bận tâm đến việc gặp gỡ bất kỳ một ai trên tàu hết, không một ai, dù khi chạm mặt những người ngồi cùng bàn, anh vẫn sẽ niềm nở thăm hỏi và mỉm cười với họ. Anh bắt đầu vai diễn trên tàu, vai một thanh niên đứng đắn đảm đương một công việc hệ trọng trước mặt. Anh lịch lãm, đĩnh đạc, thanh lịch và chuyên chú.

Anh chợt nổi hứng muốn đội một cái mũ và đã mua một chiếc màu xám xanh bảo thủ bằng len mềm của Anh trong cửa hàng bán đồ cho nam giới. Anh có thể kéo vành lưỡi trai xuống che gần hết mặt khi muốn ngủ trên chiếc ghế ngoài ban công, hoặc tỏ vẻ như đang ngủ. Mũ là món trùm đầu linh hoạt nhất, anh nghĩ thầm và tự hỏi vì sao trước đây mình chưa từng nghĩ đến việc đội nó? Anh có thể trông giống một quý ông vùng nông thôn, một thằng du côn, một người Anh, người Pháp, hoặc một gã người Mỹ lập dị, tùy thuộc vào cái cách anh đội mũ. Tom tự giải trí với nó trước tấm gương trong phòng. Anh luôn nghĩ mình có một khuôn mặt nhàm chán nhất thế giới, một khuôn mặt hết sức dễ quên với vẻ ngoan ngoãn mà đến anh cũng không hiểu nổi, đi cùng một vẻ sợ hãi mơ hồ mà anh chẳng bao giờ có thể xóa sạch. Một khuôn mặt của kẻ phục tùng, anh nghĩ. Chiếc mũ thay đổi toàn bộ ấn tượng đó. Nó đem lại cho anh vẻ nông thôn, Greenwich, Connecticut, vùng quê. Giờ anh là một chàng trai có thu nhập riêng, có thể là mới rời Princeton chưa lâu. Anh mua một cái tẩu thuốc để hợp với cái mũ.

Anh đang khởi đầu một cuộc sống mới. Tạm biệt đám người hạng hai mà anh đã giao du cùng và để họ lớn vồn xung quanh mình



trong suốt ba năm qua ở New York. Cảm giác của anh lúc này cũng giống như những người nhập cư khi họ bỏ lại mọi thứ sau lưng để tới một đất nước xa lạ, bỏ lại bạn bè, họ hàng, những sai lầm trong quá khứ và giọng buồm tới nước Mỹ. Không ràng buộc! Bất kể có chuyện gì xảy ra với Dickie thì anh cũng sẽ làm tròn bổn phận, ông Greenleaf sẽ biết điều đó và sẽ trân trọng anh vì điều đó. Khi đã tiêu hết tiền của ông Greenleaf, anh có thể sẽ không quay lại Mỹ. Anh có thể kiếm một công việc thú vị trong một khách sạn chẳng hạn, nơi họ cần một con người tươi sáng, duyên dáng biết nói tiếng Anh. Hoặc anh có thể trở thành người đại diện cho một công ty châu Âu nào đó và đi lại khắp nơi trên thế giới. Hoặc ai đó có thể xuất hiện, cần một người thanh niên giống như anh, biết lái xe ô-tô, tính toán nhanh nhẹn, đem lại niềm vui cho người bà hoặc hộ tống con gái của người đó tới buổi khiêu vũ. Anh rất tháo vát và thế giới thì thật rộng lớn! Anh thề với mình sẽ dính chặt lấy công việc một khi kiếm được. Kiên nhẫn và bền bỉ! Hướng về tương lai!

“Cậu có cuốn *The Ambassadors* của Henry James không?” Tom hỏi nhân viên phụ trách thư viện của khoang hạng nhất. Cuốn sách không có trên giá.

“Tôi xin lỗi, chúng tôi không có cuốn đó, thưa ngài,” nhân viên nói.

Tom thấy thất vọng. Đó là cuốn sách mà ông Greenleaf từng hỏi anh đã đọc chưa. Tom cảm thấy mình buộc phải đọc nó. Anh tới thư viện của khoang phổ thông. Anh thấy quyển sách trên giá nhưng khi định mượn nó và đưa số buồng của mình ra thì nhân viên phục vụ lại xin lỗi anh vì khách khoang hạng nhất không được phép lấy sách từ khoang thường. Tom đã lo sợ điều đó. Anh vui vẻ cất cuốn sách lại, dù việc đi lướt qua giá sách và luồn nó vào dưới áo cũng dễ, rất dễ thôi.

Sáng nào anh cũng đi dạo vài lần quanh boong tàu, hết sức chậm rãi, để những người đang thở phì phò chạy bộ buổi sáng luôn vượt qua anh hai đến ba lần trước khi anh hoàn thành hết một vòng, rồi anh mới

ngồi xuống chiếc ghế trên boong của mình để uống nước canh thịt và ngắm nghĩ thêm về số mệnh. Sau bữa trưa, anh chỉ quanh quẩn trong buồng, đắm mình trong sự riêng tư và thoải mái của nó, hoàn toàn không làm gì cả. Thỉnh thoảng anh ngồi trong phòng viết, trầm ngâm viết thư tay trên tàu cho Marc Priminger, Cleo và gia đình Greenleaf. Bức thư gửi tới gia đình Greenleaf bắt đầu bằng lời chào hỏi lịch sự và cảm ơn giỏ hoa quả tiễn biệt và căn phòng thoải mái. Rồi anh tự giải trí bằng cách thêm một đoạn văn tưởng tượng cho tương lai về việc đã tìm được Dickie và sống cùng anh ta trong căn nhà ở Mongibello, về tiến triển chậm rãi nhưng vững chắc của anh trong việc thuyết phục Dickie về nhà, về việc bơi lội, câu cá, ngồi quán cà phê. Anh bị cuốn vào việc đó tới mức nó trải dài tám đến mười trang giấy và do anh biết mình sẽ không bao giờ gửi chúng đi, nên anh lại viết về việc Dickie không có tình cảm gì với Marge (anh phân tích kỹ lưỡng tính cách của Marge), nên cô nàng không phải là thứ giữ chân Dickie, dù bà Greenleaf đã nghĩ vậy, v.v. Anh chỉ dừng lại khi chiếc bàn phủ kín giấy và tiếng báo hiệu giờ ăn tối vang lên lần đầu tiên.

Một buổi chiều khác, anh viết một lời nhắn lịch sự cho cô Dottie:

*Cô thân mến, (điều mà anh rất hiếm khi gọi bà qua thư và cũng chưa bao giờ gọi trước mặt)*

*Như cô nhìn thấy trên giấy, cháu đang đi biển. Một đề nghị kinh doanh bất ngờ mà hiện giờ cháu không thể giải thích chi tiết được. Cháu đã phải rời đi khá đột ngột nên không thể tới Boston và cháu xin lỗi vì có lẽ phải mất vài tháng hoặc thậm chí là vài năm nữa cháu mới trở về.*

*Cháu chỉ muốn cô đừng lo lắng và đừng gửi séc thêm cho cháu nữa, cảm ơn cô. Cảm ơn cô rất nhiều vì tấm séc cuối cùng cách đây tầm một tháng. Cháu không nghĩ là sau đó cô gửi thêm tấm séc nào. Cháu khỏe mạnh và cực kỳ hạnh phúc.*

*Yêu cô,*

*Tom*

Không cần thiết phải gửi lời chúc sức khỏe. Cô Dottie khỏe như vâm vậy. Anh viết thêm:

*Tái bút: Cháu không biết địa chỉ của cháu là gì, nên không thể cho cô biết ngay được.*

Điều đó khiến anh cảm thấy khá hơn, vì nó rõ ràng đã cắt đứt liên lạc của anh với bà. Anh không bao giờ cần phải báo cho bà về nơi ở của mình nữa. Không còn những bức thư bới móc cạnh khóe, những so sánh ă n ý về anh và bố anh, những tấm séc tũ n mũ n với những khoản tiền kỳ cục như sáu đô và bốn mươi tám xu hay mười hai đô và chín mươi lăm xu, như thế bà còn lại một ít tiền sau khi trả các hóa đơn gần nhất, hoặc hoàn trả một món đồ nào đấy cho cửa hàng và quã ng món tiền đấy cho anh, như mẫu bánh vụn. Xét đến số tiền cô Dottie có thể gửi cho anh với khoản thu nhập của bà thì số séc đó đúng là một sự sỉ nhục. Cô Dottie quả quyết rằng việc nuôi dạy anh tốn nhiều tiền hơn so với con số bố anh để lại trong quỹ bảo hiểm và có thể đúng là vậy, nhưng bà có cần phải nhắc đi nhắc lại điều đó trước mặt anh không? Có người nào lại liên tục lôi chuyện này ra nói trước mặt một đứa trẻ cơ chứ? Rất nhiều họ hàng và thậm chí cả người lạ còn nuôi hộ trẻ con mà chẳng lấy đồng nào, thậm chí còn thấy hân hoan.

Sau bức thư gửi cô Dottie, anh đứng dậy và đi dạo quanh boong để hạ hỏa. Viết thư cho bà luôn khiến anh tức điên lên. Anh ghét phải lịch sự với bà. Vậy nhưng đến tận bây giờ, anh vẫn luôn phải cho bà biết anh ở đâu, vì anh vẫn luôn cần đến số séc tũ n mũ n của bà. Anh đã phải viết một cơ số thư về việc thay đổi địa chỉ cho cô Dottie. Nhưng lúc này anh không cần tiền của bà nữa. Anh sẽ khiến mình độc lập, mãi mãi.

Bất chợt anh nghĩ tới một ngày mùa hè năm anh khoảng mười hai tuổi, trong một chuyến du lịch xuyên đất nước với cô Dottie cùng một bà bạn của bà và họ kẹt cứng không thể di chuyển trên một đoạn

đường ở đâu đó. Đó là một ngày mùa hè nắng gắt, khi anh đang cầm theo phích nước ra ngoài để lấy nước đá ở một trạm xăng theo lệnh của cô Dottie thì đột nhiên dòng xe bắt đầu nhúc nhích. Anh nhớ mình đã chạy thục mạng giữa những chiếc xe khổng lồ đang nhích lên, lúc nào cũng trong tình trạng sắp chạm tay tới cửa xe của cô Dottie nhưng lại không bao giờ thật sự chạm vào được. Bà liên tục nhích xe lên phía trước nhanh hết mức có thể, không sẵn lòng đợi anh dù chỉ một phút, chỉ hét vọng ra ngoài cửa sổ, “Nhanh lên, nhanh lên con rùa!” Đến lúc anh bắt kịp xe và chui vào, hai hàng nước mắt giật dử và phần nộ chảy dọc má, bà lại bông đùa nói với bạn mình rằng, “Éo lả! Nó éo lả từ lúc lọt lòng. Hết như ông bố nó!” Đúng là kỳ diệu vì dưới sự đối xử đầy mà anh lớn lên khỏe mạnh như bây giờ. Và anh tự hỏi, điều gì đã khiến cô Dottie nghĩ rằng bố anh là kẻ éo lả? Liệu bà có thể, hay đã bao giờ kể lại một chuyện gì chưa? Chưa.

Nằm trên chiếc ghế trên boong tàu, tâm trạng dịu lại bởi vẻ hào nhoáng sang trọng xung quanh và bởi những món đồ ăn được chuẩn bị kỹ lưỡng, anh thử nhìn lại quá khứ của mình một cách khách quan. Bốn năm qua phần lớn là lãng phí, không thể phủ nhận điều đó. Những công việc lung tung, những khoảng thời gian dài không có việc làm và tình trạng thoái chí tất yếu vì không có tiền, rồi bắt đầu giao du với những kẻ ngu ngốc, ngớ ngẩn để không phải cô đơn, hoặc vì họ có thể tạm thời cung cấp cho anh một thứ gì đó, như Marc Priminger chẳng hạn. Đó không phải là một thành tích đáng tự hào, xét đến việc anh đã tới New York với đầy hoài bão. Anh đã muốn trở thành diễn viên và ở tuổi hai mươi anh còn quá mơ hồ về những khó khăn, những đào tạo cần thiết, hoặc thậm chí là tài năng cần có. Anh cứ nghĩ mình có tài và tất cả những gì mình cần làm là trình diễn cho một nhà sản xuất nào đó vãi vớ trào phúng độc thoại - như bà Roosevelt viết “Ngày của tôi” sau một chuyến thăm bệnh viện dành riêng cho các bà mẹ đơn thân - nhưng ba lời cự tuyệt đầu tiên đã giết chết toàn bộ dũng khí và hy vọng của anh. Khi không còn tiền để dành, anh phải nhận việc trên

thuyền, ít nhất nó cũng đưa anh rời khỏi New York. Anh đã sợ cô Dottie gọi cảnh sát tìm anh ở New York, dù anh chẳng hề làm gì sai ở Boston, chỉ bỏ trốn để tự tìm lối đi riêng trong thế giới như hàng triệu trai trẻ khác đã làm trước anh.

Anh nghĩ sai lầm chính của mình là chẳng bao giờ chịu gắn bó với bất kỳ công việc gì, như việc làm kế toán trong trung tâm mua sắm đáng ra có thể phát triển hơn, nếu không phải anh thấy hoàn toàn nản lòng bởi sự thăng tiến chậm chạp ở đó. Anh đổ lỗi một phần cho cô Dottie vì đã gây ra tính thiếu kiên nhẫn của mình, chưa bao giờ bà khen ngợi anh hồi nhỏ vì những công việc mà anh gắn bó - như việc giao báo lúc mười ba tuổi. Anh đã được tặng huy chương bạc từ tờ báo cho giải thưởng “Lịch Sử, Dịch Vụ Xuất sắc và Đáng Tin Cậy.” Như thể đang nhìn lại một người khác để nhớ lại mình lúc ấy, một thằng nhóc còi cọc, yếu ớt, suốt ngày thông lòng nước mũi, vậy mà vẫn giành được một huy chương cho sự lịch sử, dịch vụ xuất sắc và đáng tin cậy. Cô Dottie luôn ghét những lúc anh bị cúm, bà hay lấy khăn tay và gần như vắn mũi anh để lau nước mũi.

Tom rúm người lại trong ghế ngồi trên boong khi nghĩ tới cảnh đó, nhưng anh làm vậy một cách thanh lịch, chỉ như chỉnh lại nếp nhăn trên quần.

Anh nhớ lời thề bỏ trốn khỏi cô Dottie mà mình đã lập ra ngay từ năm lên tám, những cảnh tượng bạo lực mà anh đã tưởng tượng ra - cô Dottie cố nhốt anh trong nhà nên anh đấm bà, đẩy bà xuống đất, bóp cổ bà, cuối cùng giật cái ghim cài áo rồi bự ra khỏi bộ đồ của bà và dùng nó đâm vào họng bà cả triệu lần. Anh đã bỏ trốn năm mười bảy tuổi và bị đưa về, nhưng anh đã lặp lại hành động đó năm hai mươi tuổi và thành công. Sự ngây ngô của anh mới đáng sợ sốt và đáng thương hại làm sao, anh biết quá ít về cách thế giới vận hành, như thể anh đã dành quá nhiều thời gian căm ghét cô Dottie và vạch kế hoạch trốn thoát bà đến mức không có đủ thời gian để học tập và trưởng thành. Anh vẫn nhớ cảm giác khi bị sa thải khỏi công việc ở nhà kho

ngay trong tháng đầu ở New York. Anh mới chỉ có công việc đó trong chưa đầy hai tuần vì không đủ khỏe để nhấc thùng cam tám tiếng một ngày, nhưng anh đã cố hết sức, đến mức bất tỉnh khi làm việc và khi họ đuổi anh, anh vẫn nhớ cảm giác bất công kinh khủng khiếp mà mình cảm thấy. Lúc ấy anh đã quyết định rằng thế giới này đầy rẫy những gã như Simon Legree và bạn phải là một con thú hoang hung hãn như những gã khi đột làm việc cùng anh ở nhà kho, không thì sẽ chết đói. Anh nhớ rằng ngay sau đó, anh đã trộm một ổ bánh mì từ một quầy bánh hảo hạng và mang nó về nhà, ngẫu nhiên nó, cảm thấy thế giới này nợ anh một ổ bánh mì và nhiều hơn thế nữa.

“Anh Ripley?” Một trong số những người phụ nữ Anh ngồi cùng trên ghế sofa với anh trong phòng khách vào giờ uống trà ngày hôm kia, giờ đang cúi xuống nói với anh. “Chúng tôi tự hỏi không biết anh có muốn cùng nhập hội chơi một ván bài bridge trong phòng giải trí không? Chúng tôi sẽ bắt đầu sau mười lăm phút nữa.”

Tom lịch sự ngồi thẳng dậy. “Rất cảm ơn cô, nhưng tôi nghĩ mình thích ở ngoài này hơn. Bên cạnh đó, tôi chơi bài bridge cũng không giỏi lắm.”

“Ôi, chúng tôi có ai giỏi đâu! Được thôi, lúc khác nhé.” Cô ta mỉm cười và bỏ đi.

Tom lại ngồi ngả xuống, kéo mũ trùm xuống mắt và khoanh tay quanh bụng. Sự tách biệt của anh, anh biết, đang gây ra vài lời bàn tán giữa các hành khách. Anh đã không nhảy với một cô nào trong số mấy nàng ngớ ngẩn cứ mãi nhìn anh đầy hy vọng và cười khúc khích suốt các buổi khiêu vũ sau bữa tối hàng ngày. Anh hình dung ra các lời đoán già đoán non của các hành khách khác: Anh ta là người Mỹ à! Tôi nghĩ vậy, nhưng anh ta không hành xử giống một người Mỹ nhỉ? Phần lớn người Mỹ thật là ồn ào. Anh ta thì lại hết sức nghiêm nghị, đúng không và cũng không thể quá hai ba tuổi được. Anh ta hẳn đang có một chuyện rất quan trọng choán hết tâm trí.

Đúng vậy. Chuyện hiện tại và tương lai của Tom Ripley.



## CHƯƠNG 7

Paris chỉ là những vệt ảnh mờ ngoài cửa sổ ga tàu, từ mặt tiền sáng đèn của một quán cà phê, mái hiên đầy vệt mưa, đến bàn ghế ngoài vỉa hè, các hàng rào cây vuông vức, hết như một bức tranh minh họa quảng bá du lịch. Sau đó chỉ còn là một chuỗi các nhà ga dài mà anh đang theo chân những người khuôn vác hành lý nhỏ con chắc nịch trong bộ quần áo xanh và cuối cùng cũng tới được con tàu giường nằm sẽ chở anh tới tận Rome. Mình có thể quay lại Paris vào một lúc khác, anh nghĩ thầm. Anh hăm hở muốn ngay lập tức đến Mongibello.

Sáng hôm sau khi thức dậy, anh đã tới Ý. Một chuyện rất dễ chịu đã xảy ra lúc ấy. Tom đang ngắm nhìn phong cảnh ngoài cửa sổ thì nghe tiếng vài người Ý ở ngoài hành lang phía buồng của anh nói gì đó có từ “Pisa.” Một thành phố đang lướt qua ở bên kia tàu. Tom liền ra ngoài để nhìn nó rõ hơn, tự động tìm kiếm tháp nghiêng, dù hoàn toàn không dám chắc liệu thành phố này có phải Pisa hay liệu cái tháp đó có thể nhìn thấy từ chỗ anh hay không. Nhưng kia rồi! - một hình trụ trắng nhô lên giữa những căn nhà bằng đá phấn thấp lè tè quây quần thành thị trấn và nó *ngiên* thật, *ngiên* ở một góc mà anh nghĩ hẳn là không thể khả thi! Anh luôn mặc định rằng góc *ngiên* của tháp *ngiên* Pisa bị phóng đại. Giờ trông thấy nó rồi, anh cho đó là điềm lành, là dấu hiệu cho thấy nước Ý sẽ giống như kỳ vọng của anh, mọi chuyện giữa anh và Dickie sẽ diễn ra tốt đẹp.

Anh tới Naples vào chiều muộn hôm đó và phải tới tận mười một giờ sáng hôm sau mới có chuyến xe buýt tới Mongibello. Một thằng nhóc tầm mười sáu tuổi mặc bộ đồ bẩn thỉu và đi bốt, nhặng nhặng bám lấy anh ở ga tàu khi anh đang đổi tiền, đề nghị anh điều gì đó mà chỉ Chúa mới biết, có thể là gái, thuốc. Bất chấp mọi phản đối của

Tom, nó chui hẳn vào taxi cùng anh và hướng dẫn lái xe đi đâu đó, lái nhai và giơ một ngón tay lên như thể sẽ giúp anh dàn xếp ổn thỏa mọi chuyện, cứ chờ mà xem. Tom đầu hàng và ngồi bực bội trong góc, hai tay khoanh lại. Cuối cùng taxi dừng lại trước một khách sạn lớn nhìn ra vịnh mà Tom hẳn sẽ thấy sợ cái sự nguy nga tráng lệ đó nếu không phải ông Greenleaf là người trả tiền.

“Santa Lucia!” Thăng nhóc nói một cách hân hoan, chỉ ra biển.

Tom gật đầu. Sau cùng thì, nó có vẻ hữu hảo. Tom trả tiền cho lái xe và đưa cho thăng bé tờ một trăm lia, anh ước lượng nó rơi vào khoảng mười sáu xu lẻ và là một khoản tiền boa phù hợp ở Ý, theo một bài báo về nước Ý mà anh đã đọc trên tàu. Khi thăng bé trông có vẻ bực bội, anh cho nó thêm một trăm nữa và nó vẫn trông bực bội, anh vẫy tay đuổi nó và vào khách sạn, theo sau những người xách hành lý đã mang hành lý của anh vào.

Tối hôm đó Tom dùng bữa ở một nhà hàng trên nước có tên Zi' Teresa, được người quản lý nói tiếng Anh của khách sạn giới thiệu. Anh đã phải rất vất vả để gọi món và món đầu tiên được đưa lên là bạch tuộc phiên bản nhỏ, có màu tím đậm như thể bị nấu trong thứ mực được dùng để viết thực đơn. Anh nếm thử đầu của một xúc tu và nó dai nhanh nhách khó chịu hết như sụn vậy. Món thứ hai, một đĩa đủ loại cá rán, cũng là một sai lầm. Món thứ ba - anh khá chắc là một loại tráng miệng - là vài con cá nhỏ xíu. A, Naples! Món ăn không quan trọng. Anh cảm thấy ngà ngà say. Xa xa bên tay trái, một mặt trăng hình bán nguyệt trôi trên đỉnh núi Vesuvius nhấp nhô. Tom bình thản ngắm nhìn nó, như thể đã thấy nó cả nghìn lần rồi. Qua vùng đất ấy, sau ngọn núi Vesuvius là ngôi làng của Richard.

Mười một giờ sáng hôm sau anh lên xe buýt. Con đường men theo bờ biển và đi qua vài ngôi làng nhỏ nơi họ tạm dừng nghỉ ngơi - Torre del Greco, Torre Annunziata, Castellammare, Sorrento. Tom háo hức nghe tên các ngôi làng mà người lái xe đọc lên. Từ Sorrento, con đường chuyển sang một đường mòn hẹp bám theo một vách đá mà

Tom đã thấy trong các bức hình ở nhà Greenleaf. Thi thoảng anh thấp thoáng thấy những ngôi làng nhỏ xuôi theo dòng nước, những ngôi nhà trông như vụn bánh mỳ trắng, đầu người như những đốm nhỏ bơi gần bờ biển. Tom nhìn thấy một tảng đá cuội ở giữa đường, rõ ràng là nó đã rơi từ trên vách đá xuống. Người lái xe hờ hững bẻ lái tránh đi.

*“Mongibello!”*

Tom bật dậy và kéo vali từ trên giá xuống. Anh còn một chiếc vali khác trên nóc xe, cậu bé phụ xe giúp anh mang nó xuống. Rồi xe buýt đi tiếp còn Tom đơn độc ở vệ đường, vali nằm dưới chân. Nhiều ngôi nhà nằm rải rác dọc núi và nhiều nhà khác ở phía dưới có mái in bóng trên mặt nước xanh ngắt, vẫn theo dõi đồng vali, Tom đi vào một ngôi nhà nhỏ bên kia đường có biển BƯU ĐIỆN và hỏi người đàn ông sau cửa sổ xem nhà của Richard Greenleaf ở đâu. Anh nói bằng tiếng Anh mà không nghĩ ngợi gì, nhưng ông ta có vẻ hiểu, vì ông ta ra ngoài và chỉ đường rất chi tiết bằng tiếng Ý từ ngôi nhà trên đường mà Tom xuống xe.

*“Sempre seeneestra, seeneestra!”*

Tom cảm ơn ông ta, hỏi xem liệu anh có thể để hai vali của mình trong bưu điện một lúc được hay không và có vẻ ông ta cũng hiểu điều đó nên giúp Tom mang chúng vào.

Anh phải hỏi thêm hai người nữa về chỗ ngôi nhà của Richard Greenleaf và có vẻ ai cũng biết đến nó, người thứ ba còn chỉ nó ra cho anh - một căn nhà hai tầng rộng rãi có cửa sắt, hàng hiên nhô ra khỏi vách đá. Tom rung chiếc chuông kim loại cạnh cửa. Một người phụ nữ Ý đi ra khỏi nhà, lau tay vào tạp dề.

“Ông Greenleaf?” Tom hỏi một cách hy vọng.

Người phụ nữ vui vẻ trả lời anh rõ dài bằng tiếng Ý và chỉ ra phía biển. “Jew,” có vẻ chị ta liên tục nói từ đó. “Jew.”

Tom gật đầu. “Cảm ơn.”

Anh có nên đi xuống biển trong bộ dạng này, hay nên tỏ ra thoải mái hơn và mặc đồ bơi vào? Hay anh nên đợi tới giờ uống trà hoặc cocktail? Hay anh nên thử gọi điện cho anh ta trước? Anh không mang đồ bơi theo và chắc chắn ở đây anh phải có một bộ. Tom vào một trong các cửa hàng nhỏ gần bưu điện, có treo áo sơ mi và quần đùi bơi trước những ô cửa sổ bé tí tẹo và sau khi thử vài chiếc quần nhưng không vừa người, hay ít nhất không đủ tư cách để coi là quần bơi, anh mua một chiếc màu vàng đen chẳng to hơn quần lọt khe là mấy. Anh gấp gọn đóng quần áo vào bên trong áo mưa và dậm bước chân trần ra khỏi cửa. Anh nhảy bổ vào trong. Nền sỏi nóng như than vậy.

“Giày? Dép?” Anh hỏi người đàn ông trong cửa hàng.

Ông ta không bán giày.

Tom lại xỏ đôi của mình vào và băng qua đường tới bưu điện, định bỏ chỗ quần áo mới mua vào vali, nhưng cửa ở đó đã khóa. Anh đã từng nghe nói rằng ở châu Âu thỉnh thoảng có những chỗ đóng cửa từ trưa tới bốn giờ chiều. Anh quay người và đi xuống một con đường rải sỏi mà anh cho là dẫn ra biển. Anh bước xuống hàng chục bậc thang dốc rồi lại đi tiếp một con đường trải sỏi cũng dốc không kém, qua các cửa hàng, các ngôi nhà, thêm vài bậc thang nữa, cuối cùng cũng tới một vỉa hè rộng rãi nhô hẳn lên trên mặt biển. Ở đây có hai hàng cà phê và một nhà hàng có bàn ngoài trời. Vài thiếu niên người Ý râm nắng đang ngồi trên băng ghế gỗ ở rìa vỉa hè chăm chú quan sát anh khi anh đi ngang qua. Anh thấy xấu hổ với đôi giày nâu khổng lồ dưới chân và làn da trắng bệch như ma. Cả mùa hè anh không tới một bãi biển nào. Anh ghét biển. Có một lối đi bộ bằng gỗ ngang qua bãi biển, Tom biết đi bộ trên con đường ấy sẽ nóng cháy da, bởi vì tất cả mọi người đang nằm trên một cái khăn hoặc một thứ gì đó khác, nhưng anh vẫn cởi giày ra và đứng một lúc trên mặt gỗ nóng rực, bình tĩnh quan sát các nhóm người ở gần. Không có ai trong số đó trông giống Richard. Các luồng gió nóng hôi hổi ngăn anh nhận diện những người ở títt đằng xa. Tom nhón một chân ra bãi cát và rụt lại. Rồi anh

hít sâu, chạy nốt lối đi bộ, lao qua bãi cát và sung sướng ngâm chân vào làn nước nông mát lạnh ở bờ biển. Anh bắt đầu đi bộ.

Tom nhìn thấy anh ta từ cách đó khoảng một dãy nhà - Dickie, không thể nhầm vào đâu được, với làn da rám nắng và mái tóc vàng lượn sóng trông sáng hơn Tom nhớ. Anh ta ở cạnh Marge.

“Dickie Greenleaf à?” Tom hỏi, mỉm cười.

Anh ta ngẩng lên. “Phải?”

“Tôi là Tom Ripley. Tôi đã gặp anh ở Mỹ vài năm trước. Có nhớ không?”

Dickie trông có vẻ ngỡ ngác.

“Tôi nghĩ bố anh đã bảo sẽ viết thư kể về tôi cho anh.”

“À, phải rồi!” Dickie nói, chạm vào trán như thể anh ta đúng là ngỡ ngẩn khi quên mất điều đó. Anh ta đứng dậy. “Tom gì ấy nhỉ?”

“Ripley.”

“Đây là Marge Sherwood,” anh ta nói. “Marge, đây là Tom Ripley.”

“Chào cô.” Tom nói.

“Chào anh.”

“Anh ở đây bao lâu?” Dickie hỏi.

“Tôi cũng chưa chắc,” Tom nói. “Tôi chỉ vừa tới đây. Tôi phải ngắm nghĩa chỗ này đã.”

Dickie đang quan sát anh, không hoàn toàn tán thành, theo Tom cảm nhận. Hai cánh tay Dickie khoanh lại, đôi chân rám nắng thon thả bám chặt xuống mặt cát nóng rực nhưng nó có vẻ không làm anh ta bận tâm. Tom đã xỏ chân vào giày.

“Thuê nhà à?” Dickie hỏi.

“Tôi chưa biết,” Tom nói một cách ngập ngừng như thể đang cân nhắc việc đấy thật.

“Đây là thời điểm tốt để thuê một căn nhà đấy, nếu anh đang tìm nhà cho mùa đông,” cô gái nói. “Các du khách mùa hè gần như đã đi hết. Chúng tôi có thể cần đến vài người Mỹ ở đây trong mùa đông.”

Dickie không nói gì cả. Anh ta đã ngồi lại xuống cái khăn choàng lớn cạnh cô gái và Tom cảm thấy anh ta đang chờ anh nói lời tạm biệt và bỏ đi. Tom đứng ngây như phỗng ở đó, cảm thấy nhột nhạt, trần truồng như ngày anh chào đời. Anh ghét đồ bơi. Cái quần này còn quá hở nữa. Tom tìm cách lôi bao thuốc lá từ túi áo khoác bên trong áo mưa ra, mời Dickie và cô gái. Dickie rút một điếu và Tom dùng bật lửa của anh để châm nó lên.

“Có vẻ anh không nhớ tôi ở New York,” Tom nói.

“Tôi không thể nói là mình nhớ,” Dickie nói. “Tôi đã gặp anh ở đâu?”

“Tôi nghĩ - không phải là ở nhà Buddy Lankenau sao?” Không phải, nhưng anh biết Dickie quen Buddy và đó là một thanh niên hết sức đáng mến.

“À,” Dickie nói, mơ hồ. “Tôi hy vọng anh sẽ bỏ qua cho tôi. Ký ức về nước Mỹ của tôi dạo này mờ nhạt lắm.”

“Chắc chắn là vậy,” Marge nói, giải cứu Tom. “Nó ngày càng tệ hơn. Anh tới đây lúc nào vậy, Tom?”

“Mới khoảng một tiếng trước. Tôi chỉ vừa cất đồng hành lý ở bưu điện.” Anh cười.

“Anh có muốn ngồi xuống không? Có một cái khăn nữa đây này.” Cô ta trải một cái khăn trắng nhỏ hơn ở bên cạnh, trên cát.

Tom nhận nó với vẻ cảm kích.

“Tôi đi dầm mình cho mát đây,” Dickie nói, nhòm dậ.

“Em cũng vậy!” Marge nói. “Xuống cùng nhé, Tom?”

Tom đi theo họ. Dickie và cô gái bơi ra khá xa - cả hai có vẻ đều là những tay bơi lội cừ khôi - còn Tom ở gần bờ và đi vào sớm hơn nhiều. Khi Dickie và cô gái quay về chỗ cái khăn, anh ta nói như thế



bị cô ta xúi giục, “Chúng tôi đi đây. Anh có muốn tới nhà ăn trưa cùng chúng tôi không?”

“Ôi, có chứ. Cảm ơn nhiều.” Tom giúp họ thu dọn khăn, kính râm và tờ báo Ý.

Tom cứ ngỡ họ sẽ chẳng bao giờ tới nơi. Dickie và Marge đi trước anh, bước lên những bậc thềm đá dài bất tận một cách đều đều và chậm rãi, hai bậc thang một. Mặt trời đã làm Tom kiệt sức. Các cơ bắp ở chân anh run rẩy trên cầu thang dài vô tận. Vai anh hồng rục và dù đã mặc áo sơ mi vào để chống nắng nhưng anh vẫn có thể cảm thấy mặt trời như đang thiêu đốt qua tóc mình. Đầu anh quay mòng mòng và anh thấy nôn nao khó chịu.

“Cảm thấy khó ở à?” Marge hỏi, hoàn toàn không hụt hơi tí nào. “Ở lại đây lâu thì anh sẽ quen thôi. Anh phải nhìn chỗ này trong chào lửa tháng Bảy cơ.”

Tom chẳng còn hơi sức đâu mà đáp lại.

Mười lăm phút sau anh cảm thấy khỏe hơn nhiều. Anh đã được tắm nước lạnh và đang ngồi trên một cái ghế bành mây êm ái ở hiên nhà Dickie với một ly martini trong tay. Theo gợi ý của Marge, anh mặc lại đồ bơi, với áo khoác trùm ra ngoài. Bàn tiệc trên hiên đã được dọn cho ba người trong khi anh đi tắm và Marge đang ở trong bếp, nói chuyện với bà giúp việc bằng tiếng Ý. Tom tự hỏi cô ta có sống ở đây không. Chắc chắn là căn nhà đủ rộng. Nó được trang trí rất thoáng, theo Tom thấy, theo phong cách pha trộn giữa đồ cổ Ý và đồ theo kiểu phóng túng Mỹ rất dễ chịu. Anh đã bắt gặp hai bức tranh Picasso gốc trong hành lang.

Marge đi ra hiên và mang theo ly martini của mình. “Nhà tôi ở đằng kia.” Cô chỉ. “Nhìn thấy nó chứ? Nhà màu trắng trông vuông vắn với mái nhà màu đỏ sậm hơn căn ở kế bên.”

Nhận ra nó giữa các căn nhà khác là việc làm vô vọng, nhưng Tom vẫn giả vờ đã thấy. “Cô ở đây lâu chưa?”

“Một năm rồi. Suốt mùa đông năm ngoái và đó đúng là một khoảng thời gian kinh khủng. Suốt ba tháng trời, ngày nào cũng mưa trừ một ngày duy nhất!”

“Thật sao?”

“Ừ.” Marge nhấp ly martini và mãi nguyện nhìn về phía ngôi làng nhỏ của mình. Cô ta cũng đã mặc lại bộ đồ tắm màu cà chua và choàng áo sơ mi kẻ sọc ra ngoài. Tom thấy cô ta trông cũng không xấu và thậm chí còn có một cơ thể đẹp, với ai thích kiểu người có dáng dấp rắn rỏi. Riêng với anh thì không.

“Tôi nghe nói Dickie có một con thuyền,” Tom nói.

“Đúng rồi, *Pipi*. Tên đầy đủ là *Pipistrello*. Có muốn xem nó không?”

Cô ta lại chỉ về một thứ không tài nào nhìn rõ được ở cuối cầu cảng nhỏ xíu mà họ nhìn thấy từ góc hiên. Các con thuyền trông đều khá giống nhau, nhưng Marge nói rằng thuyền của Dickie lớn hơn phần lớn các con khác và có hai cột buồm.

Dickie ra ngoài và rót cho mình một ly cocktail từ bình rượu trên bàn. Anh ta mặc một chiếc quần bông trắng nhàu nhĩ và áo sơ mi bằng vải lanh màu cam vàng hết như màu da anh ta. “Xin lỗi vì không có đá. Tôi chưa mua tủ lạnh.”

Tom mỉm cười. “Tôi đã mang cho anh một chiếc áo choàng tắm đấy. Mẹ anh nói là anh từng hỏi mua một cái. Mang cả tất nữa.”

“Anh biết mẹ tôi à?”

“Tôi tình cờ gặp bố anh ngay trước khi rời New York và ông đã mời tôi tới nhà ăn tối.”

“À? Thế mẹ tôi thế nào?”

“Tối hôm đó bà có vẻ khỏe mạnh. Nhưng tôi thấy bà rất dễ mệt.”

Dickie gật đầu. “Tuần này tôi nhận được một bức thư báo rằng bà đã khỏe hơn. Ít nhất thì bây giờ không có khủng hoảng trầm trọng nào, đúng không?”

“Tôi không nghĩ vậy. Tôi nghĩ cách đây vài tuần bố anh đã rất lo lắng.” Tom ngáp ngừng. “Ông ấy cũng khá lo vì anh không về nhà.”

“Ông Herbert đấy lúc nào chẳng lo lắng về một chuyện gì đó,” Dickie nói.

Marge và bà giúp việc mang từ bếp ra một đĩa spaghetti nóng hổi, một bát salad bự và một đĩa bánh mỳ. Dickie và Marge bắt đầu trò chuyện về việc mở rộng của một nhà hàng nào đó gần biển. Người chủ sở hữu đang nói rộng hàng hiên để có thêm chỗ cho mọi người nháy nhót. Họ thảo luận về nó một cách chi tiết, từ tốn, như những người trong một thị trấn nhỏ hóng hớt mọi thay đổi nhỏ nhặt của hàng xóm. Tom chẳng biết nói gì để góp chuyện được.

Anh dành thời gian đánh giá nhãn của Dickie. Anh thích cả hai cái: một chiếc nhãn mặt đá chữ nhật màu xanh lục lớn vòng vàng ở ngón giữa của bàn tay phải và ở ngón út bàn tay trái là một chiếc nhãn khắc huy hiệu, to và lộng lẫy hơn chiếc mà ông Greenleaf đeo. Dickie có bàn tay dài, xương xương, cũng hơi giống tay anh, Tom nghĩ thầm.

“À mà cha anh còn dẫn tôi tới tham quan xưởng đóng tàu của Burke-Greenleaf trước khi tôi đi,” Tom nói. “Ông kể với tôi là ông đã thay đổi nó rất nhiều kể từ lần cuối anh đến. Tôi thấy khá ấn tượng.”

“Tôi đoán ông cũng mời anh làm việc. Luôn tìm kiếm những thanh niên hứa hẹn.” Dickie xoay đĩa vòng vòng và dứt một cuộn mỳ Ý gọn gàng vào miệng.

“Chuyện đó thì không.” Tom cảm thấy bữa trưa này không thể tệ hơn nữa. Ông Greenleaf có báo cho Dickie rằng anh sắp tới răn dạy anh ta về những lý do anh ta nên trở về không? Hay Dickie chỉ đang có tâm trạng cáu kỉnh? Chắc chắn Dickie đã thay đổi kể từ lần cuối Tom gặp anh ta.

Dickie mang ra một chiếc máy pha cà phê sáng bóng cao tầm sáu mươi phân và cắm nó vào một chỗ trên hiên. Chẳng bao lâu sau họ đã có bốn tách cà phê, một tách được Marge mang vào trong bếp cho người giúp việc.

“Anh đang ở khách sạn nào thế?” Marge hỏi Tom.

Tom mỉm cười. “Tôi chưa tìm được cái nào. Cô có gợi ý nào không?”

“Miramare là tốt nhất đấy. Nó nằm ngay cạnh Giorgio. Còn đúng một khách sạn khác là Giorgio, nhưng...”

“Họ bảo Giorgio có *pulci* trong giường,” Dickie cắt lời.

“Đó là bọ chét. Giorgio rẻ lắm,” Marge nói thành thật, “nhưng dịch vụ thì...”

“Không có cái đó luôn,” Dickie để thêm.

“Hôm nay anh có vẻ vui nhỉ?” Marge nói với Dickie, hấy một mẫu pho mát xanh về phía anh ta.

“Nếu vậy thì tôi sẽ thử Miramare xem,” Tom nói, đứng dậy. “Tôi phải đi rồi.”

Cả hai đều không mời anh ở lại. Dickie tiễn anh ra cửa. Marge ở lại hiên. Tom tự hỏi liệu hai người đó có qua lại với nhau không, giống một chuyện tình kiểu ngày xưa, khi người ta không còn phương án nào tốt đẹp hơn, không nhất thiết phải thể hiện quá lộ liễu ra bên ngoài, bởi vì cả hai đều không mấy hứng thú. Marge mê mẩn Dickie, Tom nghĩ thầm, nhưng anh ta thì không thể thờ ơ với cô ta hơn bà giúp việc người Ý năm mươi tuổi đang ngồi đó.

“Một lúc nào đấy tôi rất muốn được xem các bức vẽ của anh,” Tom nói với Dickie.

“Được thôi. Tôi đoán chúng tôi sẽ gặp lại anh thôi nếu anh còn ở đây,” và Tom nghĩ anh ta chỉ để thêm câu đấy vì nhớ ra anh mang cho anh ta áo choàng tắm và tất.

“Bữa trưa rất tuyệt. Tạm biệt, Dickie.”

“Tạm biệt.”

Cánh cửa sắt kêu loảng xoảng.

## CHƯƠNG 8

**T**om thuê một phòng ở Miramare. Bốn giờ chiều anh mới lấy được vali ra khỏi bưu điện và anh chỉ còn đủ sức để treo bộ vest đẹp nhất của mình lên trước khi đổ ập xuống giường. Giọng mấy cậu bé người Ý đang tán gẫu dưới cửa sổ vọng lên rõ mồn một như thể chúng đang ở trong phòng cùng anh và tiếng cười khúc khích láo toét của một đứa trong số đó vang lên ngắt quãng giữa những câu nói liên thoảng, khiến Tom đau khổ quẫn quại. Anh tưởng tượng cảnh chúng thảo luận về cuộc gặp gỡ thất bại của anh với ngài Greenleaf và đưa ra những phỏng đoán hoài nghi về những gì có thể xảy ra tiếp theo.

Anh đang làm gì ở đây thế này? Anh không có bạn bè nào ở đây và cũng không biết ngôn ngữ của họ. Giả như anh bị ốm thì sao? Ai sẽ chăm sóc anh đây?

Tom nhồm dậy, biết rằng anh sắp ốm, cũng biết rõ khi nào anh sẽ ốm, nhưng vẫn cố lết vào phòng tắm. Anh phải tống hết bữa trưa cùng con cá ở Naples ra, anh nghĩ thầm. Anh quay về giường và ngay lập tức chìm vào giấc ngủ.

Khi anh tỉnh dậy chệch choạng và mệt lả, thì ngoài trời vẫn sáng và đồng hồ mới trên tay anh chỉ năm giờ ba mươi phút. Anh tới bên cửa sổ và nhìn ra xung quanh, tự động tìm kiếm ngôi nhà lớn có hàng hiên chòi ra ngoài của Dickie giữa những căn nhà hồng và trắng lốm đốm trên mảnh đất chập chùng trước mặt. Anh tìm thấy những lan can màu đỏ quạch vững chắc của hàng hiên. Marge có còn ở đó không? Họ đang tán gẫu về anh à? Anh nghe có tiếng cười vọng lên qua những âm thanh đường phố ồn ào, nó căng thẳng và sang sảng, đậm chất Mỹ như một câu nói ở Mỹ. Trong một thoáng anh nhìn thấy Dickie và Marge khi họ băng qua một khoảng trống giữa các ngôi nhà

và đường chính. Họ rẽ vào góc phố và Tom đi ra cửa sổ bên hông để nhìn rõ hơn. Hai người đi vào một con hẻm cạnh khách sạn, ngay dưới cửa sổ phòng anh. Dickie mặc quần dài trắng và áo sơ mi màu gạch nung, còn Marge mặc váy và áo sơ mi. Tom nghĩ chắc cô ta đã về nhà. Hoặc không thì cô ta có quần áo ở nhà Dickie. Dickie nói chuyện với một người Ý trên cầu cảng gỗ nhỏ, đưa chút tiền cho anh ta rồi người này chạm vào vành mũ và tháo thuyền ra khỏi cầu cảng. Tom nhìn Dickie giúp Marge lên thuyền. Cánh buồm trắng bắt đầu được kéo lên. Phía bên trái sau lưng họ, mặt trời vàng cam đang chìm dần xuống mặt nước. Tom có thể nghe tiếng cười của Marge, một tiếng hét bằng tiếng Ý của Dickie về phía cầu cảng. Tom nhận ra anh đang chứng kiến một ngày bình thường của họ - ngủ trưa sau bữa trưa muộn, có thể là vậy, rồi rong chơi trên thuyền buồm của Dickie lúc hoàng hôn. Sau đó ăn khai vị ở một quán cà phê trên bãi biển. Họ đang tận hưởng một ngày hết sức thường nhật, chẳng bận tâm đến sự xuất hiện của anh, như thể anh không tồn tại. Vì sao Dickie lại muốn trở về với những chuyến tàu điện ngầm, taxi, những nhân viên cứng nhắc và công việc văn phòng sáng đi chiều về cơ chứ? Thậm chí một chiếc xe có tài xế riêng và các chuyến nghỉ dưỡng ở Florida và Maine thì có gì hấp dẫn? Còn chẳng vui bằng dong thuyền ra khơi trong bộ cánh cũ mèm và chẳng cần giải trình cho bất kỳ ai về cách anh giết thời gian, có nhà riêng với một bà giúp việc tử tế hẳn sẽ chăm lo mọi mặt đời sống cho anh ta. Và vẫn còn tiền để đi du lịch, nếu muốn. Tom ghen tị với anh ta và thương xót bản thân đến thống khổ.

Trong thư, bố của Dickie hẳn đã nói tất cả những gì có thể khiến anh ta phản cảm với anh, Tom nghĩ. Nếu anh chỉ tình cờ ngồi xuống một trong các quán cà phê ngoài bãi biển và vô tình làm quen với Dickie thì mọi chuyện sẽ tốt hơn bao nhiêu cơ chứ! Anh hẳn có thể đã thuyết phục được Dickie về nhà, nếu khởi đầu theo cách ấy, nhưng giờ thì vô dụng thôi. Tom tự rủa mình vì hôm nay đã quá vụng về và thiếu

hài hước. Chẳng có gì mà anh tuyệt vọng thềm muốn lại đạt kết quả tốt cả. Anh đã nhận ra điều đó nhiều năm nay rồi.

Anh nghĩ mình sẽ tạm nghỉ vài ngày. Dầu thế nào đi nữa, bước đầu là phải khiến Dickie quý anh. Đó là điều anh mong mỏi hơn bất kỳ điều gì khác trên thế giới này.



## CHƯƠNG 9

Tom để ba ngày trôi đi. Đến tầm trưa ngày thứ tư anh mới xuống bãi biển và thấy Dickie một mình ở đó, vẫn ngồi chỗ Tom đã thấy anh ta lần đầu tiên, trước mặt những tảng đá xám xịt chạy từ đất liền vắt ngang bờ biển.

“Sáng tốt lành!” Tom gọi. “Marge đâu rồi?”

“Chào. Chắc là cô ấy làm việc muộn một chút. Cô ấy sẽ xuống đây thôi.”

“Làm việc à?”

“Cô ấy là một nhà văn.”

“À.”

Dickie hít điều thuốc lá Ý đang ngậm ở khóe môi. “Anh đã trốn ở đâu vậy? Tôi cứ tưởng anh đi rồi.”

“Ồm,” Tom nói một cách hờ hững, ném khăn tắm xuống cát, nhưng không để quá gần khăn của Dickie.

“À, bệnh dạ dày khó chịu thường gặp à?”

“Chơi với giữa sống sót và phòng vệ sinh,” Tom nói, mỉm cười. “Nhưng giờ tôi khỏe rồi.” Thật ra thì mấy ngày trước anh yếu đến mức còn chẳng ra nổi khách sạn, nhưng anh đã bò vòng quanh phòng trên sàn, theo các vệt nắng chiếu qua cửa sổ, để lần tới xuống biển trông anh không còn trắng bệch nữa. Và anh dùng nốt chỗ sức lực nhỏ nhoi còn lại để học một quyển sách hội thoại tiếng Ý mà anh đã mua trong sảnh khách sạn.

Tom bước xuống nước, tự tin đi tới tận chỗ nước dâng tới eo rồi mới dừng lại, vẩy nước qua vai. Anh hạ người xuống cho tới khi nước dâng tới cằm, nổi ở đó một lúc rồi chậm rãi đi vào.

“Tôi có thể mời anh một ly rượu ở khách sạn trước khi anh về nhà không?” Tom hỏi Dickie. “Và cả Marge nữa, nếu cô ấy đến. Tôi muốn đưa áo choàng tắm và tất cho anh, anh biết đấy.”

“À, đúng rồi. Cảm ơn nhiều, tôi cũng muốn làm một ly.” Anh ta tiếp tục đọc tờ báo Ý.

Tom duỗi người trên khăn tắm của mình. Anh nghe tiếng đồng hồ của làng điểm một giờ.

“Không có vẻ là Marge định xuống rồi,” Dickie nói. “Tôi nghĩ mình sẽ đi với anh luôn.”

Tom nhóm dậy. Họ đi bộ về Miramare, hầu như không nói gì với nhau, chỉ trừ việc Tom mời Dickie ăn trưa cùng và Dickie từ chối vì theo lời anh ta người giúp việc đã chuẩn bị bữa trưa ở nhà. Họ lên phòng của Tom, Dickie mặc thử áo choàng tắm và ướm đôi tất lên bàn chân trần. Cả hai món đều đúng kích cỡ và như Tom đã dự đoán, Dickie hết sức hài lòng với chiếc áo choàng tắm.

“Còn đây,” Tom nói, lấy từ ngăn kéo tủ ra một chiếc hộp vuông được bọc giấy cửa hàng thuốc. “Mẹ anh còn gửi cả thuốc nhỏ mũi cho anh nữa.”

Dickie mỉm cười. “Tôi không cần đến nó nữa. Do bệnh xoang. Nhưng tôi vẫn sẽ cầm chúng hộ anh.”

Giờ thì Dickie đã nhận được tất cả, Tom nghĩ thầm, tất cả những gì anh mang đến. Tom biết anh ta vẫn sẽ từ chối lời mời uống rượu của anh. Tom đi theo anh ta ra cửa. “Anh biết đấy, bố anh rất lo lắng việc anh không về nhà. Ông ấy còn nhờ tôi khuyên bảo anh, việc mà tất nhiên là tôi sẽ không làm, nhưng tôi sẽ phải kể lại một điều gì đó cho ông. Tôi đã hứa sẽ viết thư cho ông.”

Dickie đặt tay lên tay nắm cửa và quay người lại. “Tôi không biết bố tôi nghĩ tôi đang làm gì ở đây - uống rượu tới chết chắc. Có lẽ mùa đông này tôi sẽ bay về nhà vài ngày, nhưng tôi không có ý định ở lại đó. Ở đây tôi hạnh phúc hơn. Nếu tôi quay lại đó sống, bố tôi sẽ ép tôi

làm việc ở Burke-Greenleaf. Tôi không thể vẽ nữa, dù tình cờ là tôi lại thích vẽ, nhưng tôi nghĩ sống thế nào là chuyện của tôi.”

“Tôi hiểu. Nhưng ông đã nói sẽ không cố ép anh làm việc trong công ty của mình nếu anh quay về, trừ phi anh muốn làm việc trong bộ phận thiết kế và ông cũng nói anh thích công việc đó.”

“À, bố tôi và tôi đã thảo luận về chuyện đó rồi. Dẫu sao vẫn cảm ơn anh, Tom, vì đã chuyển lời cũng như chuyển đồ. Anh thật tốt bụng.” Dickie chìa tay ra.

Tom không thể ép mình bắt lấy bàn tay ấy. Đây chính là rìa của sự thất bại theo định nghĩa của ông Greenleaf và thất bại với Dickie. “Tôi nghĩ mình phải kể cho anh một chuyện này nữa,” Tom mỉm cười nói. “Bố anh đã đặc biệt cử tôi tới đây để bảo anh về nhà.”

“Ý anh là gì?” Dickie cau mày. “Trả tiền cho anh à?”

“Đúng vậy.” Đây là cơ hội cuối cùng của anh, hoặc khơi gợi được sự thích thú của Dickie hoặc đẩy anh ta ra xa hơn, hoặc khiến Dickie phá ra cười hoặc anh ta sẽ bỏ ra ngoài và đóng sập cửa lại đầy ghê tởm. Nhưng nụ cười đang đến, hai khóe miệng dài của anh ta nhếch lên, hệt như Tom vẫn nhớ về nụ cười của Dickie.

“Trả tiền cho anh! Ai mà ngờ được! Ông ấy đang dần tuyệt vọng, đúng không?” Dickie đóng cửa lại.

“Ông ấy đã tiếp cận tôi trong một quán bar ở New York,” Tom nói. “Tôi đã bảo ông ấy là tôi không thân với anh, nhưng ông ấy quả quyết rằng tôi sẽ giúp được ông nếu tới đây. Tôi đã bảo là tôi sẽ cố gắng.”

“Làm sao ông ấy lại biết anh?”

“Qua nhà Schriever. Tôi cũng không thân với nhà đó lắm, nhưng thế đấy! Họ nghĩ tôi là bạn cũ của anh và có thể giúp ích cho anh rất nhiều.”

Họ phá ra cười.

“Tôi không muốn anh nghĩ tôi là người cố lợi dụng bố anh,” Tom nói. “Tôi định sớm tìm một công việc ở châu Âu và cuối cùng tôi sẽ có thể trả lại ông tiền đi lại của tôi. Ông ấy đã mua vé khứ hồi cho tôi.”

“Ôi, đừng bận tâm! Nó sẽ được kê vào danh mục chi phí của công ty Burke-Greenleaf. Tôi chỉ có thể hình dung ra cảnh bố tôi tiếp cận anh trong một quán bar! Quán nào thế?”

“Raoul. Thật ra là, ông đi theo tôi từ Green Cage.” Tom quan sát khuôn mặt của Dickie tìm dấu hiệu cho thấy anh ta nhận ra Green Cage, một quán bar rất nổi, nhưng chẳng có dấu hiệu quen thuộc nào.

Họ uống rượu trong quán bar của khách sạn ở dưới tầng. Họ nâng ly vì ông Herbert Richard Greenleaf.

“Tôi vừa nhớ ra hôm nay là Chủ nhật,” Dickie nói. “Marge đã tới nhà thờ. Anh nên tới ăn trưa cùng chúng tôi. Hôm nay chúng tôi có món gà. Anh biết đấy, đó là một truyền thống từ xưa của người Mỹ, ăn gà vào Chủ nhật.”

Dickie muốn ghé qua nhà của Marge để xem cô ta còn ở đó không. Từ đường chính họ đi lên vài bậc thang dọc theo một bức tường đá, băng qua một khoảng vườn nhà ai đó, rồi lại leo thêm vài bậc thang nữa. Nhà của Marge chỉ có một tầng và trông khá xập xệ, một bên là khu vườn lộn xộn, hai cái xô và một vòi phun nước vút chông chơ trên lối vào. Đại diện duy nhất của vẻ nữ tính là bộ đồ tắm màu cà chua và một chiếc áo lót treo trên bệ cửa sổ. Qua một cửa sổ đang mở, Tom thoáng thấy một chiếc bàn bừa bãi với chiếc máy đánh chữ đặt bên trên.

“Chào!” Cô ta nói khi ra mở cửa. “Chào, Tom! Suốt thời gian qua anh đã ở đâu vậy?”

Cô ta định mời họ uống rượu, nhưng phát hiện ra chỉ còn nửa đốt ngón tay rượu gin trong chai Gilbey của mình.

“Không quan trọng, chúng ta sẽ về nhà anh,” Dickie nói. Anh ta dạo bước quanh căn phòng khách kiêm phòng ngủ của Marge một cách thoải mái, như thể phân nửa thời gian anh ta sống ở đây. Anh ta cúi nhìn một chậu hoa trồng một cái cây nhỏ xíu nào đó và nhẹ nhàng chạm ngón trỏ vào lá. “Tom có một chuyện hài hước lắm để kể cho em đây,” anh ta nói. “Kể cho cô ấy đi, Tom.”

Tom hít một hơi và kể lại. Anh khiến nó trở nên cực kỳ buồn cười và Marge cười như một người mấy năm rồi chẳng có gì vui để cười. “Khi thấy ông đi theo vào Raoul, tôi đã chuẩn bị trèo qua cửa sổ sau quán!” Miệng anh thao thao bất tuyệt, gần như độc lập với não bộ. Trong đầu anh còn đang ước lượng vị thế của mình đã tăng lên bao nhiêu đối với Dickie và Marge. Anh có thể thấy điều đó trên mặt họ.

Con đường lên đỉnh đồi tới nhà Dickie cảm giác như chỉ dài bằng phân nửa lúc trước. Mùi gà nướng thơm phức bay ra từ ban công. Dickie pha martini. Tom tắm rồi đến Dickie tắm và anh ra ngoài rót cho mình một cốc rượu, hết như lần đầu tiên, chỉ có điều giờ đây bầu không khí đã hoàn toàn thay đổi.

Dickie ngồi xuống một cái ghế bành bằng mây và vắt hai chân qua tay vịn. “Kể thêm cho tôi đi,” anh ta nói, mỉm cười. “Anh làm kiểu công việc gì? Anh đã nói anh định kiếm việc mà.”

“Sao thế? Anh có việc cho tôi à?”

“Không thể nói là có.”

“À, tôi có thể làm nhiều việc lắm - phục vụ, chăm trẻ, kế toán - không may tôi lại có khiếu với những con số. Bất kể say đến đâu đi nữa thì tôi vẫn biết liệu người phục vụ có đang lừa mình không. Tôi có thể giả mạo chữ ký, lái trực thăng, điều khiển quân xúc xắc, nhại lại hầu hết tất cả mọi người, nấu ăn - và độc diễn trong một hộp đêm nếu người tiêu khiển thường ngày bị ốm. Tôi có nên kể tiếp không?” Tom đảo người về phía trước, dùng tay đếm các tài năng của mình. Anh có thể kể mãi không hết.

“Độc diễn là gì?” Dickie hỏi.

“À...” Tom bật dậy. “Ví dụ như thế này nhé.” Anh tạo dáng với một tay chống hông, một chân chìa ra. “Đây là phu nhân Assburden đang thử nghiệm tàu điện ngầm của Mỹ. Bà chưa từng đi tàu điện ngầm ở Luân Đôn, nhưng bà muốn mang về một chút trải nghiệm Mỹ.” Tom diễn tả tất cả bằng kịch câm, tìm một đồng xu, phát hiện ra nó không chui lọt vào khe, mua vé, phân vân xem nên đi cầu thang nào xuống, ra về hoảng hốt trước tiếng ồn và chuyển đi dài dằng dặc, rồi lại phân vân không biết làm sao ra khỏi chỗ này - đến đoạn này thì Marge đi ra và Dickie thuật lại với cô rằng đó là một người phụ nữ Anh đang đi tàu điện ngầm, nhưng Marge có vẻ không hiểu và hỏi “Gì cơ?” - rồi anh đi qua một cánh cửa mà theo vẻ mặt co rúm lại vì hãi hùng của bà ta chỉ có thể là cửa phòng vệ sinh nam, về hãi hùng ngày một tăng lên cho tới khi bà ngất xỉu. Tom ngất một cách thanh lịch trên lan can hiên.

“Tuyệt vời!” Dickie la lên, vỗ tay.

Marge không cười. Cô ta đứng đó trông có phần ngờ ngác. Cả hai đều không thêm giải thích cho cô ta hiểu. Đẳng nào thì trông cô ta cũng không có vẻ có khiếu hài hước, Tom nghĩ.

Tom hớp một ngụm martini, hết sức hài lòng với bản thân. “Một lúc nào đó tôi sẽ diễn một vở khác cho cô,” anh nói với Marge, nhưng chủ yếu để ám chỉ với Dickie rằng anh vẫn còn thứ để diễn.

“Bữa tối sẵn sàng chưa?” Dickie hỏi cô ta. “Anh đói ngẫu rồi.”

“Em đang chờ món ác-ti-sô trời đánh đó xong. Anh biết cái lỗ đẳng trước rồi đấy. Nó khiến mọi thứ chỉ chớm sôi.” Cô ta mỉm cười với Tom. “Dickie rất cổ hủ trong một số chuyện, Tom ạ, nhất là những việc mà anh ấy không phải mớ vào ấy. Vẫn chỉ có một cái bếp củi ở đây và anh ấy còn không chịu mua tủ lạnh hay thùng đá nữa chứ.”

“Mấy thứ đó là một trong những lý do tôi trốn khỏi Mỹ,” Dickie nói. “Chúng chỉ là đồ thừa ở một đất nước có quá nhiều người giúp việc. Ermelinda sẽ làm gì với bản thân bà ấy nếu chỉ mất nửa tiếng để

nấu xong bữa cơm chứ?” Anh ta đứng dậy. “Vào đây, Tom, tôi sẽ cho anh xem vài bức tranh của tôi.”

Dickie dẫn đường vào một căn phòng rộng mà Tom đã nhìn qua hai lần trên đường đi tắm. Trong phòng có một cái tròng kỷ dài dưới hai khung cửa sổ và một cái giá vẽ lớn ở chính giữa nhà. “Đây là một trong những bức vẽ Marge tôi đang làm dở dang.” Anh ta ra dấu về bức tranh trên giá?

“À,” Tom nói với vẻ hứng thú. Nó chẳng đẹp để gì theo ý anh, mà có lẽ ai cũng nghĩ vậy thôi, vẻ hào hứng điên cuồng trong nụ cười của cô ta có phần hơi lệch lạc. Da đỏ như da người Anh-điêng. Nếu không phải Marge là cô gái duy nhất quanh đây tóc vàng thì anh hẳn đã chẳng nhận ra được bất kỳ sự tương đồng nào.

“Và đây - rất nhiều tranh phong cảnh,” Dickie nói với nụ cười có vẻ chê trách, rõ ràng là anh ta muốn Tom nói gì đó khen ngợi, vì anh ta rất tự hào về chúng. Tất cả đều lộn xộn, hấp tấp và giống nhau đến mức đơn điệu. Hầu như bức nào cũng có sự kết hợp của màu đỏ gạch và xanh dương đậm, mái nhà và núi màu đỏ gạch, biển màu xanh dương sậm. Đó cũng là sắc xanh anh ta tô lên mắt của Marge.

“Nỗ lực siêu thực của tôi đấy,” Dickie nói, đặt một bức tranh khác lên đầu gối.

Tom nhăn mặt, tự thấy xấu hổ thay. Lại là Marge, không nghi ngờ gì, dù ở đây cô ta mang mái tóc dài như rắn và tẹt nhất là hai đường chân trời trong mắt cô ta, một bên thì chứa cảnh những ngôi nhà và đồi núi thu nhỏ của Mongibello, bên còn lại thì chứa bãi biển đầy những hình người màu đỏ nhỏ xíu. “Tôi thích bức tranh đó đấy,” Tom nói. Ông Greenleaf nói đúng. Vậy nhưng Tom đoán nó khiến Dickie có việc để làm, giúp anh ta tránh xa rắc rối, cũng giống như cái cách nó trao cho cả nghìn họa sĩ nghiệp dư tẹt hại khắp nước Mỹ việc để làm. Anh chỉ thấy tiếc vì Dickie cũng rơi vào nhóm đó, bởi vì anh hy vọng anh ta giỏi giang hơn thế.



“Tôi sẽ không bao giờ khiến cả thế giới phát điên lên với tư cách một họa sĩ,” Dickie nói, “nhưng tôi tìm được rất nhiều niềm vui từ nó.”

“VẬY Ờ.” Tom muốn quên sạch các bức tranh lẫn chuyện Dickie vẽ. “Tôi có thể tham quan ngôi nhà được không?”

“Đương nhiên! Anh chưa thấy phòng khách nhỉ?”

Dickie mở một cánh cửa trong hành lang dẫn vào một căn phòng rất rộng rãi có lò sưởi, ghế sofa, giá sách và ba lối ra - một ra hiên, một ra mảnh đất ở cạnh nhà và một tới vườn trước. Dickie nói rằng vào mùa hè anh ta không dùng căn phòng này, bởi vì anh ta thích để dành nó như một sự thay đổi quan cảnh trong mùa đông. Nó giống hang ổ của một sách hơn là phòng khách, Tom nghĩ. Nó làm anh ngạc nhiên. Anh đã coi Dickie là một thanh niên không thông minh lắm và hẳn là dành phần lớn thời gian chơi bời. Có thể anh đã sai. Nhưng anh không nghĩ mình sai khi cho rằng hiện giờ Dickie đang thấy nhàm chán và cần một người chỉ cho anh ta cách vui vẻ.

“Trên gác có gì?” Tom hỏi.

Trên gác thật đáng thất vọng. Phòng ngủ của Dickie trong một góc nhà phía trên hiên trống trải và trơ trọi - giường, tủ kéo, ghế bập bênh trông lạc lõng và lẻ loi trong không gian rộng rãi - giường cũng hẹp, chẳng rộng hơn một cái giường đơn là bao. Ba căn phòng còn lại trên tầng hai còn chẳng được bày biện đồ đạc gì, hoặc có thể là chưa bày xong. Một căn phòng trong đó chỉ có tủ và một chồng khung tranh bỏ đi. Chắc chắn là không có dấu vết của Marge ở bất kỳ đâu, chứ chưa nói đến trong phòng ngủ của Dickie.

“Lúc nào đó hãy đến Naples với tôi nhé?” Tom hỏi. “Tôi đã không có cơ hội ngắm nhìn nó nhiều trên đường tới đây.”

“Được thôi,” Dickie nói. “Marge và tôi sẽ tới đó chiều thứ Bảy. Tối thứ Bảy nào chúng tôi cũng ăn tối ở đó và tự thưởng cho mình một chuyến taxi hoặc carrozza\* quay lại. Đi cùng đi.”

“Ý tôi là vào ban ngày hoặc một ngày trong tuần để tôi có thể tham quan kỹ hơn,” Tom nói, hy vọng tránh đưa Marge đi du ngoạn cùng. “Hay là anh vẽ cả ngày à?”

“Không. Mỗi thứ Hai, thứ Tư và thứ Sáu đều có một chuyến buýt lúc mười hai giờ. Tôi nghĩ chúng ta có thể đi ngay ngày mai, nếu anh thấy thích.”

“Cũng được,” Tom nói, dù anh vẫn không dám chắc việc Marge sẽ không đòi đi cùng. “Marge theo Công giáo à?” Anh hỏi khi họ xuống cầu thang.

“Hết sức sùng kính! Cô ấy đã cải đạo vì một gã người Ý mà cô ấy chết mê chết mệt cách đây sáu tháng. Hẳn ta dẻo mỏ thật! Hẳn ta ở đây vài tháng, nghỉ ngơi sau một tai nạn trượt tuyết. Marge tự an ủi bản thân vì để mất Eduardo bằng cách theo đạo của hẳn ta.”

“Tôi cứ tưởng cô ấy yêu anh cơ.”

“Tôi á? Đừng ngớ ngẩn thế!”

Bữa ăn đã sẵn sàng khi họ ra đến ngoài hiên. Thậm chí còn có cả bánh quy nóng ăn cùng bơ, do Marge làm.

“Anh có biết Vic Simmons ở New York không?” Tom hỏi Dickie.

Vic có cả một hội nghệ sĩ, nhà văn và vũ công ở New York, nhưng Dickie không biết nhân vật này. Tom hỏi anh ta về hai, ba người nữa, cũng không quen thuộc.

Tom hy vọng Marge sẽ ra về sau khi uống cà phê, nhưng không. Khi cô ta tạm rời khỏi hiên, Tom hỏi, “Tôi có thể mời anh ăn tối ở khách sạn của tôi tối nay không?”

“Cảm ơn. Mấy giờ nhỉ?”

“Bảy rưỡi nhé? Để chúng ta còn dư thời gian uống cocktail? - Sau cùng thì đó cũng là tiền của bố anh mà,” Tom mỉm cười nói thêm.

Dickie phá ra cười. “Được thôi, cocktail và một chai rượu vang hảo hạng. Marge!” Marge đang quay lại. “Chúng ta sẽ ăn tối ở

Miramare, lời chúc mừng của Bố Greenleaf!”

Vậy là Marge cũng đi theo và Tom chẳng thể làm gì được. Sau cùng thì đó là tiền của bố Dickie.

Bữa tối hôm đó khá dễ chịu, nhưng sự hiện diện của Marge ngăn Tom nói về bất kỳ việc gì anh muốn và anh thậm chí còn chẳng buồn tỏ ra dí dỏm như vốn có của mình khi có mặt của Marge. Marge quen vài người trong phòng ăn, sau bữa tối, cô ta cáo lỗi và mang cà phê sang một bàn khác ngồi.

“Anh sẽ ở đây bao lâu?” Dickie hỏi.

“À, ít nhất một tuần, tôi áng vậy,” Tom đáp.

“Bởi vì...” Gò má Dickie hơi hồng lên. Chai rượu vang khiến anh ta vui vẻ hẳn. “Nếu anh ở lại đây một thời gian nữa thì sao không ở với tôi? Ở khách sạn chẳng để làm gì, trừ phi anh thật sự thích nó hơn.”

“Cảm ơn anh rất nhiều,” Tom nói.

“Có một chiếc giường trong căn phòng người giúp việc mà anh chưa vào. Bà Ermelinda không ngủ qua đêm. Tôi chắc chắn chúng ta có thể xoay xở được với chỗ đồ đạc rải rác trong nhà, nếu anh muốn.”

“Tôi chắc chắn là mình muốn vậy chứ. Tiện đây, bố anh cho tôi sáu trăm đô la tiêu xài và tôi vẫn còn khoảng năm trăm đô. Tôi nghĩ hai ta nên tìm chút niềm vui với số tiền đó, anh thấy sao?”

“Năm trăm đô!” Dickie nói, như thể chưa từng thấy cả cục tiền như vậy trong đời. “Chúng ta có thể mua một con xe nhỏ với số tiền đó đấy!”

Tom không tán thành ý tưởng mua xe. Nó không có gì vui vẻ, theo ý anh. Anh muốn bay tới Paris. Anh thấy Marge đang trở lại.

Sáng hôm sau anh chuyển vào.

Dickie và Ermelinda đã kê một cái tủ đứng và vài cái ghế trong một căn phòng trên gác, anh ta còn treo vài bản sao bức tranh khảm của nhà thờ St. Mark lên tường. Tom giúp Dickie mang chiếc giường

sắt hẹp từ phòng người giúp việc lên gác. Họ làm xong trước mười hai giờ, hơi lâng lâng vì chai rượu vang trắng đã uống lúc làm việc.

“Chúng ta vẫn tới Naples chứ?” Tom hỏi.

“Chắc chắn rồi.” Dickie xem đồng hồ. “Mười hai giờ kém mười lăm. Chúng ta vẫn kịp chuyến xe buýt lúc mười hai giờ đấy.”

Họ chẳng mang gì theo ngoài áo khoác và quyển séc du lịch của Tom. Xe buýt đang tiến đến đúng lúc họ tới bưu điện. Tom và Dickie đứng cạnh cửa, chờ mọi người xuống xe; rồi Dickie nhảy lên, xô thẳng vào một chàng trai có mái tóc đỏ và mặc cái áo thể thao nổi bần bật, một người Mỹ.

“Dickie!”

“Freddie!” Dickie hét lên. “Anh đang làm gì ở đây!”

“Tới gặp anh chứ gì nữa! Và gặp cả nhà Cecchi nữa. Họ sẽ cho tôi ở nhờ mấy hôm.”

“Ch’elegante! Tôi sẽ tới Naples với một anh bạn. Tom?” Dickie gọi Tom lại gần và giới thiệu hai người.

Tên của anh chàng người Mỹ là Freddie Miles. Tom nghĩ anh ta thật gớm ghiếc. Anh vốn ghét màu tóc đỏ, đặc biệt là kiểu tóc đỏ màu cà rốt với nước da trắng bệch đầy tàn nhang này của anh ta. Freddie có đôi mắt màu nâu đỏ to, nó có vẻ cứ lúc lắc trong đầu anh ta như thể bị lác, hoặc có thể anh ta chỉ là kiểu người không chịu nhìn người mình nói chuyện cùng. Anh ta cũng thừa cân nữa. Tom tránh xa anh ta, chờ Dickie nói chuyện xong. Anh nhận thấy họ đang làm xe buýt bị trễ. Dickie và Freddie vẫn đang tán gẫu về việc trượt tuyết, hẹn nhau một dịp nào đó tháng Mười hai ở một thị trấn mà Tom chưa từng nghe đến.

“Đến mừng hai sẽ có khoảng mười lăm người bạn tôi ở Cortina,” Freddie nói. “Một bữa tiệc rộn ràng thật sự như năm ngoái vậy! Ba tuần, nếu chúng ta đủ tiền!”

“Nếu chúng ta đủ sức!” Dickie nói. “Gặp lại anh tối nay nhé, Fred!”

Tom lên xe buýt ngay sau Dickie. Không còn ghế ngồi và họ bị nhồi giữa một chàng trai gầy gò, đầy mùi mồ hôi và hai phụ nữ nông dân còn hôi hơn. Đúng lúc họ sắp ra khỏi làng thì Dickie nhớ ra Marge vẫn tới ăn trưa như thường lệ, vì hôm qua họ cứ nghĩ việc Tom dọn vào sẽ hủy chuyến đi tới Naples. Dickie hét lên bảo người lái xe dừng lại. Xe buýt dừng gấp với một tiếng phanh kin kít làm tất cả mọi người đang đứng chơi với và Dickie thò đầu qua cửa sổ, gọi, “Gino! Gino!”

Một thằng nhóc trên đường chạy tới để lấy tờ một trăm lia mà Dickie chìa ra. Anh ta nói gì đó bằng tiếng Ý và thằng nhóc đáp lại, “*Tôi đi ngay, thưa ông*” rồi lao đi, Dickie cảm ơn lái xe và xe buýt lại lên đường. “Tôi đã bảo thằng nhóc báo cho Marge rằng tối nay chúng ta sẽ quay lại, nhưng chắc là muộn,” anh ta nói.

“Tốt.”

Xe buýt thả họ xuống một quảng trường rộng rãi, huyền ảo ở Naples và đột nhiên họ bị vây quanh bởi các xe nhỏ bán nho, quả vả, bánh nướng, dưa hấu và bị những thanh thiếu niên cầm bút máy và đồ chơi máy hét vào mặt. Mọi người nhường đường cho Dickie.

“Tôi biết một chỗ ăn trưa ngon lắm,” Dickie nói. “Pizza Naples chính hiệu. Anh thích pizza chứ?”

“Có chứ.”

Cửa tiệm pizza nằm trên một con phố quá hẹp và dốc cho xe ô-tô chạy. Các chuỗi hạt cườm treo ngoài cửa, mỗi bàn có một bình rượu vang và cả quán chỉ có đúng sáu cái bàn, đây đúng là nơi bạn có thể ngồi hàng giờ và uống rượu vang mà không bị làm phiền. Họ ngồi đó tới năm giờ, khi Dickie bảo đã tới lúc đến khu phố mua sắm Galleria. Anh ta xin lỗi vì không đưa anh tới viện bảo tàng nghệ thuật, nơi có tranh gốc của da Vincis và El Grecos, nhưng họ có thể tham quan vào lúc khác. Dickie đã dành phần lớn buổi chiều kể về Freddie Miles và Tom thấy nó nhạt nhẽo hết như khuôn mặt của Freddie vậy. Freddie là con trai của chủ một chuỗi khách sạn người Mỹ và là một nhà soạn kịch - tự xưng, theo Tom đoán, vì anh ta chỉ mới viết đúng hai vở và

cả hai đều chưa được trình diễn ở Broadway. Freddie có một căn nhà ở Cagnessur-Mer và Dickie đã ở cùng anh ta vài tuần trước khi tới Ý.

“Đây là điều tôi thích,” Dickie nói một cách hòa ái ở Galleria, “ngồi ở bàn và ngắm dòng người qua lại. Nó có tác động tới cách anh nhìn cuộc sống. Người Anglo-Saxon đã phạm phải một sai lầm lớn khi không ngắm nhìn dòng người từ một chiếc bàn trên vỉa hè.”

Tom gật đầu. Anh đã từng nghe tới chuyện đó. Anh đang chờ một câu nói uyên thâm nữa từ Dickie. Dickie đẹp trai. Trông anh ta khá đặc biệt với khuôn mặt dài, góc cạnh, đôi mắt thông minh, lạnh lợi, vẻ kiêu hãnh trong dáng điệu, bất kể anh ta đang mặc cái gì trên người. Anh ta đang đi một đôi sandal xộc xệch và mặc chiếc quần trắng khá ố vàng, nhưng vẫn ngồi đó như thể sở hữu Galleria, nói tiếng Ý với người phục vụ khi người đó mang ly espresso của họ ra.

“*Xin chào!*” Anh ta chào một cậu bé Ý đi ngang qua.

“*Xin chào, Dickie!*”

“Cậu ta đổi séc du lịch của Marge vào mỗi thứ Bảy,” Dickie giải thích cho Tom.

Một người Ý ăn mặc lịch sự chào Dickie với một cái bắt tay nồng nhiệt và ngồi xuống bàn với họ. Tom nghe cuộc đối thoại bằng tiếng Ý của họ, thi thoảng bắt được từ này từ nọ. Tom bắt đầu thấy mệt.

“Muốn tới Rome không?” Dickie đột ngột hỏi anh.

“Chắc chắn rồi,” Tom nói. “Ngay bây giờ à?” Anh đứng dậy, rút tiền ra trả tờ hóa đơn nhỏ mà người bồi bàn đã đặt dưới hai tách cà phê của họ.

Gã người Ý có chiếc Cadillac dài màu xám đi kèm cửa chớp lật, còi bốn tông và một cái radio huyền ảo mà anh ta và Dickie có vẻ sung sướng hét theo. Họ tới ngoại ô Rome sau khoảng hai tiếng. Tom ngồi dậy khi họ lái xe trên con đường Appian\*, chủ yếu cho anh xem, gã người Ý nói với Tom như vậy, vì trước đây anh chưa từng tới đó. Con đường khá xóc. Vẫn còn những đoạn đường gạch từ thời La Mã

được để lộ thiên cho mọi người cảm nhận con đường ngày xưa. Những cánh đồng trải dài hai bên trông thật tiêu điều dưới ánh chạng vạng, như một nấm mộ cổ, Tom nghĩ, dù chỉ có vài ngôi mộ và chút tàn tích còn sót lại. Gã người Ý thả họ xuống giữa một con đường ở Rome và đột ngột chào tạm biệt.

“Anh ấy đang vội,” Dickie nói. “Phải đi gặp bồ và chuẩn đi trước khi lão chồng về nhà lúc mười một giờ. Thính phòng mà tôi muốn đến kia rồi. Đi nào.”

Họ mua vé xem buổi biểu diễn thính phòng tối hôm đó. Vẫn còn một tiếng nữa mới đến giờ diễn và họ tới phố Via Veneto, ngồi xuống một chiếc bàn bên vỉa hè ở một quán cà phê, gọi Americano. Tom nhận thấy Dickie không quen ai ở Rome hết, hoặc ít nhất là không có người quen của anh ta đi qua đây, dù họ quan sát hàng trăm người Ý và người Mỹ ngang qua bàn mình. Tom chẳng cảm thụ được gì nhiều từ buổi biểu diễn thính phòng, nhưng đã cố hết sức. Dickie đề nghị ra về trước khi buổi diễn kết thúc. Rồi họ lên một chiếc xe ngựa kéo và dạo quanh thành phố, đi qua hết đài phun nước này đến đài phun nước khác, qua quảng trường La Mã và đấu trường La Mã. Mặt trăng đã ló ra. Tom vẫn thấy hơi buồn ngủ, nhưng chính điều này kết hợp với cảm giác phấn khích khi đến Rome lần đầu tiên, tạo cho anh một tâm trạng thoải mái, cởi mở. Họ ngồi sụp xuống trong chiếc xe ngựa kéo, cả hai đều gác một bên chân đi sandal lên đầu gối và Tom thấy như đang nhìn vào trong gương khi nhìn tư thế của Dickie bên cạnh. Cả hai cao tầm tầm nhau, gần như cũng cùng cân nặng, Dickie có thể hơi nặng cân hơn đôi chút và họ còn mặc chung cỡ áo choàng tắm, tất và có lẽ cả áo sơ mi.

Dickie thậm chí còn nói, “Cảm ơn ngài Greenleaf,” khi Tom trả tiền cho người lái xe. Anh cảm thấy có phần kỳ cục.

Đến một giờ sáng tâm trạng của họ thậm chí còn phấn khởi hơn, sau khi uống với nhau một chai rượu vang trong bữa tối. Họ khoác vai



nhau mà đi, ca hát, qua một góc phố tối họ thậm chí còn va vào một cô gái và làm cô ta ngã xuống. Họ đỡ cô ta dậy, xin lỗi và đề nghị tháp tùng cô về nhà. Cô ta phản đối, họ kiên quyết, mỗi người kèm một bên. Cô ta nói mình phải đuổi kịp một cái xe điện nào đó. Dickie không chịu nghe. Anh ta gọi taxi. Dickie và Tom ngồi hết sức đứng đắn ở ghế phụ, hai tay gấp lại như người hầu và Dickie tán gẫu với cô ta, khiến cô ta bật cười. Tom có thể hiểu gần hết những gì anh ta nói. Họ giúp cô gái xuống một con phố nhỏ trông như lại ở Naples và cô ta nói, “*Cảm ơn rất nhiều!*” rồi bắt tay cả hai người họ trước khi biến mất tăm sau một cánh cửa đen ngòm.

“Anh nghe thấy chứ?” Dickie nói. “Cô ta nói chúng ta là những người Mỹ tử tế nhất mà cô ta từng gặp!”

“Anh có biết phần lớn những gã người Mỹ nhếch nhác sẽ làm gì trong tình huống đó không - cưỡng bức cô ta,” Tom nói.

“Giờ thì chúng ta ở đâu đây?” Dickie hỏi, quay một vòng.

Cả hai đều chẳng biết họ đang ở đâu. Họ đi vài dãy phố mà chẳng tìm thấy một cột mốc hay con đường quen thuộc. Họ đi tiểu vào một bức tường tối màu rồi lại lê chân đi tiếp.

“Khi bình minh ló dạng, chúng ta có thể thấy mình ở đâu,” Dickie nói một cách hân hoan. Anh ta nhìn đồng hồ. “Chỉ còn vài ba tiếng nữa thôi.”

“Tốt.”

“Cũng đáng để đưa một cô gái dễ thương về nhà, đúng không?” Dickie hỏi, hơi lảo đảo.

“Chắc chắn rồi. Tôi thích các cô gái lắm,” Tom nói một cách phản đối. “Nhưng may là Marge không ở đây tối nay. Chúng ta sẽ chẳng bao giờ có thể đưa cô gái đó về nhà khi có Marge đi cùng.”

“À, tôi không biết nữa,” Dickie suy tư nói, nhìn xuống đôi bàn chân loạng choạng của mình. “Marge không...”

“Tôi chỉ có ý là nếu Marge đi cùng thì chúng ta sẽ phải cân nhắc việc tìm khách sạn ở tối nay. Chúng ta chắc sẽ chui vào một cái khách sạn chết tiệt nào rồi và sẽ chẳng được ngắm nhìn một nửa thành phố Rome như thế này!”

“Đúng thật!” Dickie vắt tay qua vai anh.

•••

Dickie lắc mạnh vai anh một cách thô lỗ. Tom cố gắng đẩy ra và nắm lấy tay anh ta, “Dickie-e!” Tom mở mắt và nhìn thấy một cảnh sát.

Anh lập tức ngồi dậy. Anh đang ở trong một công viên. Đã đến bình minh. Dickie ngồi cạnh anh trên bãi cỏ, nói chuyện một cách hết sức tử tế với người cảnh sát bằng tiếng Ý. Tom lục tìm đồng séc du lịch hình chữ nhật của mình. Chúng vẫn ở trong túi áo anh.

“*Hộ chiếu!*” Gã cảnh sát hét vào mặt họ và Dickie lại bình tĩnh giải trình.

Tom biết chính xác Dickie đang nói gì. Anh ta bảo họ là người Mỹ, họ không mang hộ chiếu vì chỉ định đi dạo ngắm nhìn các vì sao một chút. Tom bất chợt muốn cười phá lên. Anh đứng dậy, lão đảo, phủ bụi trên quần áo. Dickie cũng đứng dậy và cả hai cùng bỏ đi, dù gã cảnh sát vẫn đang hét lên. Dickie nói gì đó đáp lại gã ta với giọng điệu ôn hòa. Ít nhất thì gã không bám theo họ.

“Chúng ta trông cũng nhếch nhác thật,” anh ta nói.

Tom gật đầu. Trên quần anh có một vết rách dài chắc hẳn do anh đã ngã. Quần áo của họ nhăn nhúm, dính đầy cỏ, bẩn thỉu, bám đầy bụi và mồ hôi, nhưng trên hết thì họ đang run cầm cập vì lạnh. Hai người đi vào quán cà phê đầu tiên họ tới, gọi cà phê sữa và bánh ngọt, rồi uống một ít rượu Ý, vị khủng khiếp nhưng giúp làm ấm người. Rồi cả hai bật cười. Họ vẫn say.

Đến mười một giờ họ đã ở Naples, vừa kịp bắt chuyến xe buýt về Mongibello. Cảm giác thật tuyệt khi nghĩ đến việc quay lại Rome một lúc nào đó khi họ ăn vận tươm tất hơn, tham quan tất cả các bảo tàng mà họ đã bỏ qua, nhưng cũng thật tuyệt khi nghĩ đến cảnh nằm ườn tắm nắng trên bãi biển ở Mongibello buổi chiều nay. Nhưng họ chẳng đi nổi ra biển. Sau một hồi tắm tấp ở nhà Dickie, người nào người nấy gục xuống giường và ngủ mê mết cho tới khi Marge đánh thức họ dậy lúc bốn giờ. Marge cáu kỉnh vì Dickie không đánh điện tín cho cô báo anh sẽ qua đêm tại Rome.

“Không phải em khó chịu với việc anh ngủ qua đêm, nhưng em cứ tưởng anh đang ở Naples và ở đó thì chuyện quái nào cũng có thể xảy ra.”

“Ồ...,” Dickie dài giọng trả lời và liếc Tom. Anh đang pha Bloody Mary cho cả bọn.

Tom ngậm chặt miệng ra chiều bí ẩn. Anh sẽ không kể cho Marge bất kỳ chuyện gì mà họ đã làm hết. Cứ để cô ta tưởng tượng những gì cô ta thích. Dickie cho thấy rõ là họ đã chơi bời vui vẻ. Tom nhận thấy cô ta nhìn Dickie với ánh mắt chê trách việc anh ta say xỉn, khuôn mặt chưa cạo và cả cốc rượu anh ta đang uống. Đôi mắt của Marge khi cô ta cực kỳ nghiêm túc có một vẻ gì đó già dặn và khôn ngoan, bất chấp bộ đồ ngây ngô cô ta mặc, hay mái tóc rối và dáng điệu của một nữ hướng đạo sinh của cô. Giờ cô ta trông như một người mẹ hoặc một người chị gái - mang vẻ không đồng tình của phái nữ đối với những trò chơi sa đọa của bọn con trai. Thế cơ đấy! Hay là cô ta đang ghen tị nhỉ? Có vẻ cô ta biết rằng trong hai mươi tư tiếng qua Dickie đã thân thiết với anh, chỉ vì anh cũng là đàn ông, hơn hẳn mọi mối liên kết mà cô ta có thể có với Dickie, dù anh ta có yêu cô ta hay không và rõ là anh ta không yêu cô ta. Dầu vậy, một lát sau cô ta dụi xuống và vẻ chê trách cũng biến mất khỏi đôi mắt. Dickie bỏ lại anh với Marge ngoài hiên. Tom hỏi chuyện về cuốn sách mà cô ta đang viết. Cô ta kể đó là một cuốn sách về Mongibello, với các bức

tranh do chính cô chụp. Cô ta kể mình đến từ Ohio và khoe anh một bức hình mang theo trong ví, chụp ngôi nhà của gia đình cô. Nó chỉ là một ngôi nhà bằng ván ghép đơn giản, nhưng đó là nhà, Marge mỉm cười nói. Cô ta phát âm từ “ván ghép” hết như từ “đông lạnh,” Tom thấy thích thú vì đó là từ cô ta dùng tả người say và mới vài phút trước cô ta còn nói với Dickie là, “Trông anh như đồ đông lạnh!” Tom nghĩ cách nói chuyện của cô ta, cả cách lựa chọn từ ngữ lẫn cách phát âm đều dở tệ. Anh cố tỏ ra cực kỳ dễ thương với cô ta. Anh cảm thấy mình có thể giả vờ được. Anh tiễn cô ta ra cổng và họ thân thiện chào tạm biệt nhau, nhưng cả hai đều không nói gì về việc tụ tập vào tối hôm đó hoặc ngày hôm sau. Chẳng còn gì nghi ngờ nữa, Marge vẫn còn bực bội với Dickie.

## CHƯƠNG 10

**K**hoảng ba, bốn ngày tiếp theo, họ hiếm khi gặp Marge trừ những lần ra bãi biển và cô ta lạnh lùng hơn thấy rõ với cả hai người họ. Cô ta vẫn mỉm cười và nói chuyện như bình thường, nhưng giờ mang một vẻ lịch sự, thể hiện rõ sự lãnh đạm. Tom nhận thấy rằng Dickie rất để tâm, dù rõ ràng là chưa đủ để nói chuyện riêng với Marge, vì anh ta chưa hề gặp riêng cô ta từ khi Tom chuyển vào nhà. Anh đã ở cạnh Dickie từng giây từng phút kể từ khi dọn vào nhà anh ta.

Cuối cùng, để thể hiện mình không trì độn về Marge, Tom kể với Dickie rằng anh nghĩ cô ta đang cư xử thật lạ lùng.

“À, cô ấy đang khó ở,” Dickie nói. “Có thể công việc của cô ấy đang rất tốt. Cô ấy không thích gặp mọi người khi đang có cảm hứng làm việc.”

Quan hệ Dickie - Marge rõ ràng chỉ như những gì anh dự đoán hồi đầu, Tom nghĩ. Marge mê Dickie hơn anh ta đối với cô ta.

Dẫu có chuyện gì đi nữa, Tom vẫn làm Dickie thích thú. Anh có vô vàn câu chuyện thú vị để kể cho anh ta nghe về những người quen ở New York, vài chuyện là sự thật, vài chuyện được bịa ra. Họ dong thuyền của Dickie ra biển mỗi ngày. Không ai đề cập tới ngày Tom phải ra về. Rõ ràng là Dickie cũng đang thích có anh bầu bạn. Tom tránh xa mỗi khi anh ta muốn vẽ vời, nhưng luôn sẵn lòng tạm ngừng mọi công việc đang làm để cùng Dickie đi dạo, dong thuyền, hoặc chỉ đơn giản là ngồi tán gẫu. Anh ta cũng có vẻ hài lòng khi Tom nghiêm túc với việc học tiếng Ý. Anh dành hai tiếng một ngày với quyển sách ngữ pháp và hội thoại của mình.

Tom viết thư cho ông Greenleaf kể rằng giờ anh đã ở với Dickie được vài ngày, cũng nói thêm rằng anh ta đã đề cập tới việc về nhà một thời gian vào mùa đông, biết đâu đến lúc ấy anh có thể thuyết phục anh ta ở lại lâu hơn. Vì anh đang ở nhà của Dickie, bức thư này có vẻ khả quan hơn nhiều so với bức thư đầu tiên gửi từ một khách sạn ở Mongibello. Tom cũng nói rằng khi anh xài hết tiền, anh sẽ thử tìm việc, có thể là tại một khách sạn trong làng, câu nói băng quơ này nhằm phục vụ hai mục đích, một là nhắc nhở ông Greenleaf rằng sáu trăm đô có thể hết, hai là anh là một thanh niên sẵn sàng làm việc kiếm sống. Tom cũng muốn truyền ấn tượng tốt ấy với Dickie, nên anh đưa bức thư cho anh ta đọc trước khi niêm phong nó lại.

Một tuần nữa trôi qua, thời tiết dễ chịu hợp ý người, những ngày biếng nhác lý tưởng mà công việc thể xác nặng nhọc nhất của Tom là trèo lên các bậc đá ra bãi biển mỗi chiều và nỗ lực tinh thần ghê gớm nhất của anh là thử trò chuyện bằng tiếng Ý với Fausto, chàng trai người Ý hai mươi ba tuổi mà Dickie tìm được ở trong làng để tới dạy anh tiếng Ý ba lần một tuần.

Một ngày họ tới Capri bằng thuyền buồm của Dickie. Capri chỉ vừa đủ xa để khuất khỏi tầm mắt từ Mongibello. Tom vô cùng háo hức, nhưng Dickie lại mang tâm trạng buồn bực và nhất quyết không chịu hứng thú với bất kỳ điều gì. Anh ta cãi nhau với người trông cảng nơi họ neo con thuyền *Pipistrello*. Dickie thậm chí còn chẳng muốn đi dạo qua những con hẻm nhỏ tuyệt vời rẽ ra mọi hướng từ quảng trường trung tâm. Họ ngồi trong một quán cà phê trên quảng trường và uống hai ly Femet-Branca, rồi Dickie muốn khởi hành về nhà trước khi trời tối, dù Tom sẵn lòng trả tiền khách sạn cho họ nếu anh ta đồng ý ngủ qua đêm. Anh đoán là họ sẽ quay lại Capri nên bỏ qua và cố gắng quên nó đi.

Một bức thư đến từ ông Greenleaf, hẳn đã bỏ qua bức thư trước của Tom, vì trong đó ông lặp lại các lý do yêu cầu Dickie về nhà, chúc Tom thành công và muốn anh ngay lập tức hồi âm về kết quả. Một lần

nữa Tom lại nghiêm túc cầm bút lên và hồi âm. Bức thư của ông Greenleaf dùng đúng giọng công việc - hết như ông đang kiểm tra việc vận chuyển các linh kiện của tàu thuyền, Tom nghĩ - khiến anh thấy dễ dàng hồi âm bằng đúng tông giọng tương tự. Tom hơi lảng lảng khi viết thư hồi âm, bởi vì đó là thời điểm sau bữa trưa, lúc họ luôn ngà ngà say rượu vang. Cảm giác ngọt ngào này có thể cải thiện ngay lập tức bằng hai ly espresso và một chuyến đi dạo ngắn, hoặc sẽ được kéo dài bằng một ly rượu vang khác, nhấp từng chút một khi họ thực hiện các công việc buổi chiều một cách nhàn nhã. Tom tự giải trí bằng cách đưa một chút hy vọng mờ nhạt vào bức thư. Anh viết bằng chính giọng điệu của ông Greenleaf:

*... Nếu cháu không nhầm, Richard đang do dự đối với quyết định dành thêm một mùa đông nữa ở đây. Như đã hứa với chú, cháu sẽ làm tất cả những gì trong khả năng để can ngăn anh ấy ở lại đây và rồi đến một lúc nào đó - dù có thể phải đợi tới tận Giáng sinh - cháu có thể sẽ thuyết phục được anh ấy ở lại Mỹ khi anh ấy về lại đó.*

Tom phải mỉm cười khi viết, vì anh và Dickie đã bàn đến việc đi du thuyền quanh các hòn đảo Hy Lạp trong mùa đông này và Dickie đã bỏ hẳn ý định bay về nhà, dù chỉ trong vài ngày, trừ phi đến lúc ấy mẹ anh ta ốm rất nặng. Họ cũng đã bàn sẽ dành tháng Một và tháng Hai, hai tháng tồi tệ nhất của Mongibello, ở Majorca. Và Marge sẽ không đi cùng họ, Tom chắc chắn. Bất kỳ lúc nào họ thảo luận thì cả anh và Dickie đều bỏ cô ta ra khỏi kế hoạch du lịch, dù anh ta có lúc đã phạm sai lầm khi hé lộ cho cô ta biết rằng họ có thể đi du thuyền mùa đông tới một nơi nào đó. Dickie lúc nào cũng quá cởi mở về mọi thứ! Và hiện giờ, dù Tom biết anh ta vẫn kiên định về việc họ đi riêng, Dickie đã tỏ ra chú ý tới Marge hơn thường lệ, chỉ vì anh ta nhận ra rằng cô ta sẽ cô đơn ở đây và về bản chất, sẽ thật xấu tính khi họ không rủ cô ta đi cùng. Hai người đều cố lấp liếm chuyện đó bằng cách tạo ấn tượng cho cô ta thấy rằng họ sẽ đi du lịch Hy Lạp theo cách rẻ tiền và tồi tệ nhất, đi thuyền chở hàng, ngủ với những người



nông dân trên boong, đại loại như thế, không thể đưa một cô gái đi cùng. Nhưng trông Marge vẫn có vẻ thất vọng và Dickie cố bù đắp bằng cách mời cô ta đến nhà dùng bữa trưa và bữa tối thường xuyên. Thỉnh thoảng Dickie còn nắm tay Marge khi họ từ bãi biển về nhà, dù không phải lúc nào cô ta cũng đồng ý. Thỉnh thoảng sau vài giây cô ta mới rút tay mình ra theo một cách mà đối với Tom thì trông như thể cô đang thèm được nắm tay chết đi được.

Khi họ rủ Marge cùng tới Herculaneum, cô ta từ chối.

“Em nghĩ mình sẽ ở nhà. Hai anh đi chơi vui nhé,” cô ta nói và cố gắng tươi cười.

“Nếu cô ấy cương quyết vậy thì cô ấy sẽ không đi đâu,” Tom nói với Dickie và khéo léo đi vào nhà để họ có thể trò chuyện riêng ngoài hiên nếu muốn.

Tom ngồi trên bậu cửa sổ rộng trong phòng vẽ của Dickie và nhìn ra biển, hai cánh tay rám nắng khoanh lại trước ngực. Anh thích nhìn ra biển Địa Trung Hải xanh ngắt, nghĩ đến lúc mình và Dickie dong thuyền đến nơi họ muốn. Tangiers, Sofia, Cairo, Sevastopol... Đến lúc anh cạn tiền, Tom nghĩ, anh ta chắc sẽ quý anh và quen có anh đến mức sẽ coi việc họ tiếp tục sống cùng nhau là chuyện đương nhiên. Hai người có thể dễ dàng sống bằng khoản thu nhập năm trăm đô la một tháng của Dickie. Từ hiên, anh có thể nghe thấy giọng anh ta nài nỉ và những câu trả lời nhát gừng của Marge. Rồi anh nghe thấy tiếng cổng sắt loảng xoảng. Cô ta đã bỏ đi dù lúc đầu định ở lại ăn trưa. Tom nhảy xuống khỏi bậu cửa sổ và ra ngoài tìm Dickie ở hiên.

“Cô ấy bực bội về chuyện gì à?” Tom hỏi.

“Không. Cô ấy cảm thấy bị cho ra rìa, tôi đoán thế.”

“Chắc chắn là chúng ta đã cố rủ rê cô ấy.”

“Không phải chỉ có thế.” Anh ta đang chậm chạp đi quanh hiên. “Giờ thì cô ấy nói cô ấy còn chẳng muốn tới Cortina cùng tôi.”

“Ôi, có lẽ cô ấy sẽ đổi ý về việc tới Cortina trước tháng Mười hai thôi.”

“Tôi không nghĩ vậy,” Dickie nói.

Tom đoán đó là vì anh cũng sẽ đến Cortina. Dickie đã rủ anh tuần trước. Freddie Miles đã đi trước khi họ trở về từ chuyến thăm quan Rome: anh ta đột nhiên phải tới Luân Đôn, Marge kể với họ như vậy. Nhưng Dickie đã bảo sẽ viết thư báo cho Freddie biết chuyện mình sẽ đưa một người bạn theo. “Anh có muốn tôi chuyển ra không, Dickie?” Tom hỏi, chắc chắn anh ta không muốn anh đi. “Tôi cảm thấy như mình đang xen vào giữa anh và Marge.”

“Tất nhiên là không rồi! Xen vào chuyện gì mới được chứ?”

“À thì, đứng từ góc nhìn của cô ấy.”

“Không. Chỉ là tôi nợ cô ấy một thứ. Và dạo này tôi cũng không tử tế với cô ấy lắm. *Chúng ta* thì đúng hơn.”

Tom hiểu ý Dickie là anh ta và Marge đã bầu bạn với nhau qua mùa đông u ám dài dằng dặc năm ngoái, khi họ là hai người Mỹ duy nhất trong làng và bây giờ anh ta không nên bỏ mặc cô ta vì có người khác ở đây. “Hay để tôi nói với cô ấy về việc tới Cortina?” Tom gợi ý.

“Vậy thì chắc chắn cô ấy sẽ không đi,” Dickie nói gọn lỏn và đi thẳng vào nhà.

Tom nghe anh ta bảo Ermelinda hoãn bữa trưa lại vì chưa muốn ăn vội. Dù nói bằng tiếng Ý nhưng Tom vẫn có thể nghe thấy Dickie nói rằng *anh ta* chưa muốn ăn trưa bằng giọng ta là chủ nhà. Dickie ra hiên, che bật lửa lại khi cố châm thuốc lá. Anh ta có một chiếc bật lửa bạc rất đẹp, nhưng chỉ cần một cơn gió nhẹ là nó cũng không hoạt động tốt. Cuối cùng Tom chìa chiếc bật lửa xấu xí, cháy dữ dội của mình ra, nó xấu xí và hiệu quả như một thiết bị quân đội và châm thuốc hộ anh ta. Tom tự kiểm chế việc rủ anh ta uống rượu: đây không phải nhà anh, dù tình cờ là anh đã mua ba chai Gilbey để sẵn trong bếp.

“Hai giờ hơn rồi,” Tom nói. “Có muốn đi dạo một chút và ghé qua bưu điện không?” Có lúc ông Luigi mở bưu điện vào hai giờ rưỡi, có lúc lại sau bốn giờ, họ chẳng bao giờ nắm được.

Họ im lặng đi bộ xuống đồi. Anh tự hỏi Marge đã nói gì về mình. Cảm giác tội lỗi nặng nề khiến mồ hôi túa ra trên trán Tom, một cảm giác tội lỗi vô hình vậy nhưng cực kỳ mạnh mẽ, như thể cô ta đã bảo thẳng với Dickie rằng anh đã ăn trộm thứ gì đó hoặc làm việc gì đó đáng xấu hổ tương đương. Dickie sẽ không hành xử như thế này chỉ vì Marge cư xử lạnh lùng, Tom nghĩ. Dickie rảo bước với dáng vai buông thõng, khiến đầu gối xương sườn của anh ta cứ nhô ra phía trước, một tư thế mà anh cũng vô thức bắt chước. Nhưng giờ cầm anh ta cúi gằm xuống ngực và hai bàn tay đút vào trong túi quần đùi. Anh ta thoát khỏi trạng thái im lặng chỉ để chào ông Luigi và cảm ơn khi nhận thư. Tom không có thư. Bức thư của Dickie đến từ một ngân hàng ở Naples, một tờ giấy mà anh thấy có hàng chữ đánh máy: \$500. Anh ta vô tâm nhét nó vào túi áo và thả phong bì vào một giỏ rác. Khoản thông báo hàng tháng cho biết tiền của Dickie đã đến Naples, Tom đoán là vậy. Anh ta từng kể rằng công ty quản lý tài sản ủy thác gửi tiền của anh ta tới một ngân hàng ở Naples. Họ tiếp tục đi xuống đồi và anh cứ ngỡ họ sẽ đi bộ ra đường chính, tới một khúc cua quanh vách đá sang bên kia làng, như vẫn làm trước kia, nhưng Dickie dừng lại trước các bậc thang dẫn lên nhà của Marge.

“Tôi nghĩ tôi sẽ đi lên gặp Marge,” Dickie nói. “Sẽ không đi lâu đâu, nhưng anh chẳng cần đợi làm gì.”

“Được rồi,” Tom nói, đột nhiên cảm thấy bị ruồng rẫy. Anh nhìn anh ta leo lên một con đường mòn tới các bậc thang dốc cắt vào tường, rồi anh đột ngột quay người bước về nhà.

Đi được khoảng nửa đường lên đồi, anh dừng lại, nửa thôi thúc muốn xuống Giorgio uống rượu (nhưng martini ở đó dở khủng khiếp), nửa lại muốn lên nhà của Marge, giả vờ xin lỗi cô ta nhưng thực ra là để xả cơn giận của anh bằng cách làm cả hai người ngạc nhiên và tức

điên lên. Anh đột nhiên cảm thấy rằng Dickie đang ôm cô ta, hay ít nhất là đang chạm vào cô ta, ngay khoảnh khắc này đây, một phần trong anh muốn nhìn thấy cảnh đó, phần còn lại ghét cay ghét đắng ý nghĩ đó. Anh quay người đi vào cổng nhà Marge. Anh cẩn thận đóng cổng lại, dù nhà cô ta ở xa phía trên đến mức hẳn không nghe được, rồi chạy hai bậc thang một. Anh đi chậm lại khi leo lên những bậc cuối cùng. Anh sẽ nói, “Xem này, Marge, tôi xin lỗi vì gây ra sự căng thẳng ở đây. Hôm nay chúng tôi mời cô đi cùng và chúng tôi thật lòng đấy. Tôi thật lòng đấy.”

Tom dừng lại khi khung cửa sổ nhà Marge xuất hiện trước tầm mắt: cánh tay Dickie ôm quanh eo cô ta. Anh ta đang hôn cô ta, những nụ hôn vội lên má, mỉm cười với cô ta. Họ chỉ cách anh khoảng năm mét, nhưng căn phòng tối om so với ánh nắng chói chang nơi anh đang đứng và anh phải căng mắt ra nhìn. Giờ mặt của Marge ngẩng thẳng lên nhìn Dickie, như thể cô ta đang chìm đắm trong mê say và điều khiến Tom ghê tởm đó là anh biết Dickie không thật tâm, anh ta chỉ dùng cách dễ dàng, rõ ràng là rẻ tiền này để níu kéo tình bạn của cô ta. Anh căm ghét bộ móng bự chẳng của cô ta sau cái váy xấu xí ngay dưới vòng tay của Dickie đang ôm lấy cô ta. Và Dickie-! Tom thật sự chẳng dám tin anh ta lại có thể làm thế!

Tom xoay người bỏ chạy xuống các bậc thang, chỉ muốn hét lên. Anh đóng sập cửa lại. Anh chạy đến tận khi về tới nhà, thở hỗn hển, dựa vào lan can sau khi đi qua cổng nhà Dickie. Anh ngồi trong chiếc ghế bành trong phòng vẽ của anh ta một lúc, đầu óc đờ đẫn trống rỗng. Nụ hôn ấy - trông nó không giống nụ hôn đầu. Anh tới chỗ khung tranh của Dickie, vô thức tránh nhìn vào bức vẽ xấu xí lồng ở đó, nhặt cục tẩy đất sét nằm trên giá vẽ và ném mạnh nó ra ngoài cửa sổ, nhìn thấy nó bay vòng cung và biến mất ngoài biển. Anh nhặt thêm tẩy trên bàn của Dickie, đầu ngòi bút, bút làm nhòe, than và các màu pastel và ném từng thứ một vào các góc phòng hoặc ra khỏi cửa sổ. Anh có cảm giác kỳ lạ là não bộ anh vẫn giữ bình tĩnh và logic còn cơ thể anh đã

mất kiểm soát. Anh chạy ra hiên với ý tưởng nhảy lên lan can và khiêu vũ hoặc trồng cây chuối, nhưng khoảng không bên kia lan can đã ngăn anh lại.

Anh đi lên phòng của Dickie và đi đi lại lại trong giây lát, hai tay đút túi. Anh tự hỏi khi nào thì anh ta mới quay lại? Hay anh ta sẽ ở lại đó và dành cả buổi chiều với cô ta, thật sự đưa cô ta lên giường? Anh mở tung cửa tủ quần áo của Dickie và nhìn vào trong. Có một bộ vest bằng vải flannel màu xám trông mới toanh, được là phẳng phiu mà anh chưa từng thấy anh ta mặc. Tom lấy nó ra. Anh cởi chiếc quần đùi dài tới đầu gối và mặc chiếc quần xám vào. Anh đi cả giày của Dickie vào. Rồi anh mở ngăn kéo tủ dưới cùng ra, lấy một chiếc áo sơ mi trắng sọc xanh dương.

Anh chọn một chiếc cà vạt lụa màu xanh dương sậm và cẩn thận thắt lại. Bộ vest vừa vặn với anh. Anh chia lại ngôi để tóc lệch sang một bên, theo cách Dickie hay chải.

“Marge, em phải hiểu rằng anh không yêu em,” Tom nói với gương bằng giọng của Dickie, cao giọng ở những từ cần nhấn mạnh, gầm gừ trong họng ở cuối câu, thể hiện sự dễ chịu hoặc khó chịu, thân mật hoặc lạnh lùng, tùy tâm trạng của Dickie. “Marge, dừng lại đi!” Tom quay phắt người lại và túm lấy một thứ gì đó trong không trung như thể đang nắm lấy cổ họng của Marge. Anh lắc cô ta, vặn cô ta, trong khi cô ta ngày một trĩu xuống, cho tới khi cuối cùng anh thả cô ta ra, mềm oặt trên sàn. Anh đang thở hỗn hển. Anh lau trán như cái cách Dickie hay làm, tìm một chiếc khăn tay và không tìm được cái nào, bèn lôi một cái từ ngăn kéo tủ trên cùng ra, rồi lại ra đứng trước gương. Đến cả đôi môi hé ra của anh trông cũng giống môi Dickie khi anh ta hụt hơi sau khi bơi, hơi trề xuống dưới hàm răng dưới. “Em biết vì sao anh phải làm vậy mà,” anh nói, vẫn hỗn hển, hướng về Marge, dù anh đang nhìn mình trong gương. “Em đang xen vào giữa Tom và anh - Không, không phải như thế! Nhưng có một mối liên kết giữa bọn anh!”

Anh quay người, bước qua cái xác tưởng tượng, rón rén bước ra cửa sổ. Anh có thể nhìn qua khúc quanh trên đường tới con đường dốc mờ mờ dẫn lên nhà của Marge. Không thấy Dickie trên một bậc thềm hay đoạn đường nào. Có thể họ đang ngủ cùng nhau, Tom nghĩ với cảm giác ghê tởm thít chặt hơn trong họng. Anh hình dung ra tình huống đó, ngượng ngịu, vụng về, không thỏa mãn đối với Dickie, còn Marge mê mẩn. Cô ta vẫn sẽ mê mẩn cho dù anh ta có tra tấn cô ta đi nữa! Tom lại lao về phía tủ quần áo và lấy một chiếc mũ khỏi cái giá trên cùng. Nó là một cái mũ vùng Tyrol màu xám nhỏ với một cái lông màu xanh lục pha trắng ở vành. Anh ngông nghênh đội nó vào. Anh ngạc nhiên khi trông mình giống Dickie đến mức nào khi che nửa đầu lại. Thật sự thì chỉ có mái tóc sậm màu hơn của anh khác biệt hẳn so với anh ta. Còn lại, mũi - hay ít nhất là dáng tổng thể - quai hàm hẹp, hàng lông mày nếu anh duy trì tư thế -

“Anh đang làm gì đấy?”

Tom xoay phắt lại. Dickie đang đứng ở cửa. Tom nhận ra anh ta hẳn đã ở ngay dưới cổng khi anh đang nhìn ra ngoài. “À - chỉ tự giải trí thôi,” Tom nói bằng giọng trầm anh vẫn dùng khi xấu hổ. “Xin lỗi, Dickie.”

Miệng Dickie hơi hé ra, rồi đóng lại, như thể cơn giận làm đảo lộn từ ngữ đến mức anh ta không thể thốt nên lời. Đối với Tom thì nó cũng tồi tệ như anh ta đang chửi rủa vậy. Dickie tiến vào phòng.

“Dickie, tôi rất xin lỗi nếu-”

Tiếng đóng sập cửa cắt ngang lời anh. Dickie cau có cởi áo sơ mi, hết như anh ta sẽ làm nếu Tom không có mặt, bởi vì đây là phòng của anh ta, còn anh đang làm gì trong này? Tom đứng sững sợ hãi.

“Tôi mong anh cởi quần áo của tôi ra,” Dickie nói.

Tom bắt đầu cởi đồ, các ngón tay vụng về vì bê bàng, vì sốc, bởi vì cho tới trước lúc này Dickie luôn nói cứ mặc cái này cái kia của anh ta. Giờ sẽ không bao giờ còn vậy nữa.

Dickie nhìn xuống chân của Tom. “Cả giày nữa? Anh điên à?”

“Không.” Tom cố gắng trấn tĩnh lại khi treo vest lên, rồi hỏi, “Anh đã làm hòa với Marge rồi à?”

“Chúng tôi vẫn ổn,” Dickie nói gắt theo một cách tách Tom với họ ra. “Thêm một điều nữa tôi muốn nói rõ ràng,” anh ta nói, nhìn Tom, “Tôi không đồng tính. Tôi không biết anh có nghĩ vậy hay không.”

“Đồng tính à?” Tom cười yếu ớt. “Tôi chưa bao giờ nghĩ anh như vậy cả.”

Dickie dợm nói gì đó nhưng dừng lại. Anh ta đứng thẳng người dậy, xương sườn lộ ra trên lồng ngực ngăm ngăm. “Marge nghĩ anh như vậy.”

“Vì sao?” Tom cảm thấy mặt mình cắt không còn một giọt máu. Anh yếu ớt đá chiếc giày thứ hai của Dickie ra và đặt đôi giày vào trong tủ. “Sao cô ấy lại nghĩ thế? Tôi đã làm gì?” Anh cảm thấy muốn xỉu. Chưa một ai nói thẳng điều đó vào mặt anh, cũng không phải theo cách này.

“Chỉ là do cái cách anh hành xử thôi,” Dickie găm gù nói và bước ra khỏi cửa.

Tom vội vã mặc lại quần đùi. Anh đã gần như rúc mình sau cánh cửa tủ, dù vẫn mặc quần lót. Chỉ vì Dickie mẫn anh, Tom nghĩ, mà Marge lại nói với anh ta những lời cáo buộc bất nhân ấy. Và Dickie còn chẳng có gan để gạt bỏ nó trước mặt cô ta!

Anh xuống cầu thang và thấy anh ta đang tự pha cho mình một cốc rượu ở quầy bar ngoài hiên. “Dickie, tôi muốn làm cho ra nhẽ chuyện này,” Tom bắt đầu nói. “Tôi cũng không đồng tính và tôi không muốn ai nghĩ về tôi như vậy.”

“Được thôi,” Dickie găm lên.

Tông giọng đó gợi Tom nhớ tới những câu trả lời của Dickie khi anh hỏi anh ta có quen người này người kia ở New York không. Vài



người trong số đó là người đồng tính, đúng vậy và anh thường hoài nghi việc Dickie không biết họ. Được thôi! Ai mới là người làm to chuyện? Chính Dickie. Trong đầu Tom có bao nhiêu điều muốn nói, những câu cay đắng, những lời hòa giải, biết ơn và hằn thù nhưng anh do dự không thốt lên được. Tâm trí anh quay lại một nhóm người mà anh quen ở New York, anh thấy hối hận vì từng có thời gian tiếp xúc với bọn họ, dù giờ đã ngừng chơi với tất cả. Những người đó đã nhận anh vào vì anh khiến họ thích thú, nhưng anh không hề có bất kì liên hệ gì với họ cả! Khi hai người trong số đó tán tỉnh anh, anh đã từ chối - dù anh vẫn nhớ sau đó mình đã cố bù đắp cho họ bằng cách lấy đá cho đồ uống của họ, bắt taxi đưa họ về dù không tiện đường, chỉ vì sợ họ bắt đầu không thích anh nữa. Anh đúng là thằng khốn! Và anh cũng nhớ khoảnh khắc nhục nhã khi Vic Simmons nói, *Ôi, Vì Chúa, Tom yêu dấu, ngậm mồm lại đi!* lúc anh kể với một nhóm người, có lẽ là lần thứ ba hay thứ tư gì đó có mặt Vic, “Tôi không thể quyết định xem mình thích đàn ông hay phụ nữ, nên tôi đang nghĩ hay là từ bỏ *cả hai* giới luôn.” Tom thường giả vờ sẽ tới chỗ một nhà trị liệu, bởi vì mọi người khác đều làm vậy, anh vẫn thường lan truyền những câu chuyện hết sức hài hước về những buổi tư vấn của anh để mua vui cho mọi người ở các bữa tiệc và câu nói về việc bỏ cả đàn ông lẫn phụ nữ lúc nào cũng kích lên một tràng cười vui vẻ nhờ cái cách anh thể hiện, cho tới khi Vic đã bảo anh vì Chúa hãy ngậm mồm lại, sau đó Tom chẳng bao giờ nhắc lại hay đề cập tới nhà phân tích của anh nữa. Hiển nhiên là, trong đó phần lớn là sự thật, Tom nghĩ. So sánh với những người khác, anh là một trong những người ngây thơ và trong sạch nhất mà anh biết. Vậy nên tình huống này với Dickie mĩa mai thế đấy.

“Tôi cảm thấy như thế-” Tom dợm nói, nhưng Dickie thậm chí còn chẳng nghe. Anh ta quay đi với vẻ cau kính hằn trên miệng và mang cốc rượu ra góc hiên. Tom tiến về phía anh ta, một cách sợ sệt, không biết liệu Dickie sẽ quăng anh ra khỏi hiên hay chỉ đơn giản

quay người lại và bảo anh rút khỏi nhà. Tom hỏi nhỏ, “Anh có yêu Marge không?”

“Không, nhưng tôi thấy có lỗi với cô ấy. Tôi quan tâm đến cô ấy. Cô ấy đã rất tử tế với tôi. Chúng tôi đã có vài quãng thời gian vui vẻ bên nhau. Có vẻ anh không thể hiểu được điều đó đâu.”

“Tôi hiểu chứ. Đó cũng là cảm nhận ban đầu của tôi về anh và cô ấy - đó là thứ tình cảm thuần khiết về phần anh, nhưng cô ấy thì có thể yêu anh.”

“Đúng vậy. Anh cố hết sức để không làm tổn thương những người yêu mình, anh biết đấy.”

“Tất nhiên rồi.” Anh lại ngập ngừng, cố lựa chọn từ ngữ của mình. Anh vẫn đang trong trạng thái e sợ run rẩy, dù Dickie không còn giận anh nữa. Anh ta sẽ không đuổi anh ra ngoài. Tom nói bằng giọng trấn tĩnh hơn, “Tôi có thể hình dung rằng nếu hai người ở New York thì anh hẳn sẽ không gặp cô ấy thường xuyên như vậy - hoặc thậm chí còn không gặp - nhưng ngôi làng này quá cô đơn-”

“Chính xác là vậy. Tôi không hề lên giường với cô ấy và cũng không định như vậy, nhưng vẫn muốn giữ tình bạn với cô ấy.”

“Vậy thì tôi đã làm gì ngăn cản anh chưa? Tôi đã bảo anh rồi, Dickie, tôi thà chuyển đi còn hơn phá hỏng tình bạn của anh với Marge.”

Dickie liếc nhìn. “Không, anh không làm gì cụ thể, nhưng quá rõ là anh không thích cô ấy ở cạnh. Bất kể lúc nào anh cố gắng nói điều gì đó tử tế với cô ấy nó đều thể hiện quá rõ là anh đang cố gắng.”

“Tôi rất tiếc,” Tom nói một cách ăn năn. Anh tiếc vì mình đã không nỗ lực hơn, rõ ràng anh đã làm hỏng một việc mà mình có thể làm tốt.

“Thôi, cho qua đi. Marge và tôi ổn rồi,” Dickie nói một cách ngang ngược. Anh ta quay người nhìn chăm chăm ra phía mặt nước.

Tom vào bếp để tự pha cho mình một cốc cà phê. Anh không muốn dùng máy pha espresso vì Dickie rất khó tính về nó và không thích ai dùng nó hết trừ anh ta. Anh sẽ mang cà phê về phòng và học một ít tiếng Ý trước khi Fausto tới, Tom nghĩ. Đây không phải lúc để làm hòa với Dickie. Anh ta có lòng kiêu hãnh của mình. Anh sẽ im lặng phần lớn buổi chiều, rồi lại gần anh ta vào khoảng năm giờ chiều sau khi anh ta đã vẽ một lúc và rồi câu chuyện về bộ quần áo sẽ như chưa từng xảy ra. Một điều mà Tom chắc chắn: Dickie thấy mừng khi có anh ở đây. Anh ta chán phải sống một mình và cũng chán cả Marge. Tom vẫn còn ba trăm đô tiền ông Greenleaf cho, hai người sẽ tiêu xài nó vào một cuộc chè chén ở Paris. Không có Marge. Dickie đã rất sung sướng khi Tom kể rằng mình chỉ mới được thoáng nhìn thấy Paris qua một ô cửa sổ của ga tàu.

Trong lúc chờ cà phê, Tom cất chỗ thức ăn đáng ra sẽ là bữa trưa của họ đi. Anh đặt hai tô đồ ăn vào một âu nước lớn hơn để ngăn kiến lại gần. Còn có cả một mẫu bơ tươi, hai quả trứng, bốn ổ bánh bọ giầy mà bà Ermelinda đã mang tới cho bữa sáng ngày mai của họ. Họ chỉ có thể mua một lượng nhỏ thực phẩm mỗi ngày bởi vì không có tủ lạnh. Dickie định mua một chiếc tủ lạnh bằng phần tiền của bố anh ta. Anh ta đã nhắc tới điều đó vài lần. Tom hy vọng anh ta sẽ đổi ý vì món đồ gia dụng đó sẽ làm giảm khoản tiền du lịch của họ xuống và Dickie còn có cả một khoản ngân sách cố định là năm trăm đô hàng tháng. Anh ta có phần cẩn trọng về tiền nong, vậy nhưng ở dưới cảng và trong quán bar trong làng, anh ta vung tiền boia một cách hào phóng, đưa một tờ năm trăm lia cho bất kỳ gã ăn xin nào lại gần.

Đến năm giờ chiều Dickie đã quay lại trạng thái bình thường. Tom đoán anh ta đã có một chiều vẽ vời tốt đẹp, vì anh ta đã huýt sáo cả tiếng qua trong phòng vẽ. Dickie đi ra hiên nơi Tom đang đọc lại ngữ pháp tiếng Ý và chỉ anh một số điểm trong cách phát âm.

“Không phải lúc nào họ cũng nói từ ‘*voglio*’ rõ như vậy,” anh ta nói. “Họ nói ‘*io vo*’ *presentare mia amica Marge, per esempio.*”

Dickie vung bàn tay dài ra sau trong không trung. Anh ta luôn dùng ngôn ngữ cơ thể khi nói tiếng Ý, những điệu bộ duyên dáng như thể đang chỉ huy một dàn giao hưởng chơi một bản nhạc khoan thai. “Anh nên nghe Fausto nhiều hơn và đọc ít ngữ pháp lại. Tôi học tiếng Ý trên đường phố đấy.” Dickie mỉm cười và đi xuống con đường dẫn ra vườn. Fausto vừa vào cổng.

Tom cẩn thận lắng nghe màn tán gẫu của họ bằng tiếng Ý, căng tai ra để cố hiểu từng từ một.

Fausto mỉm cười đi ra hiên, ngồi phịch xuống ghế và gác đôi chân trần lên lan can. Mặt anh ta không cười thì sẽ cau có và nó có thể thay đổi theo từng giây. Dickie nói anh ta là một trong số những người hiếm hoi trong làng không nói bằng giọng miền Nam. Fausto sống ở Milan và đang ghé thăm một người cô ở Mongibello trong vài tháng. Đều đặn và đúng giờ, anh ta tới ba lần một tuần vào khoảng năm giờ tới năm rưỡi và họ ngồi ngoài hiên, nhấp rượu vang hoặc cà phê và tán gẫu tầm một tiếng. Tom cố hết sức để ghi nhớ mọi điều mà Fausto nói về các hòn đá, nước biển, chính trị (Fausto là người phe Cộng sản, luôn mang theo thẻ nhận diện thân phận và không ngần ngại khoe cái thẻ đó cho người Mỹ, Dickie nói, vì anh ta thích thú trước vẻ sững sốt của họ khi thấy anh ta có nó) và về đời sống tình dục điên rồ, như lũ mèo của vài cư dân trong làng. Thịnh thoảng Fausto không biết tìm điều gì để nói và rồi anh ta sẽ trừng mắt nhìn Tom và phá ra cười. Nhưng Tom đang tiến bộ rất nhanh. Tiếng Ý là thứ duy nhất anh từng học khiến anh thích thú và cảm thấy có thể gắn bó dài lâu. Tom muốn tiếng Ý của mình cũng giỏi như Dickie vậy và anh nghĩ mình có thể đạt tới trình độ đó trong khoảng một tháng nữa, nếu anh tiếp tục chăm chỉ.

# CHƯƠNG 11

Tom rảo bước qua hiên, vào phòng vẽ của Dickie.

“Có muốn tới Paris trong quan tài không?” Anh hỏi.

“Gì cơ?” Dickie ngẩng lên khỏi bức màn nước.

“Tôi vừa nói chuyện với một người Ý ở quán Giorgio. Chúng ta sẽ khởi hành từ Trieste, nằm trong những cỗ quan tài trong một toa chở hàng được vài người Pháp bảo vệ và mỗi người chúng ta sẽ nhận được một trăm nghìn lia. Tôi phỏng đoán trong đó chứa ma túy.”

“Ma túy trong quan tài à? Không phải đó là mảnh cũ rồi sao?”

“Chúng tôi đã nói chuyện bằng tiếng Ý nên tôi không hiểu hết, nhưng anh ta nói có ba quan tài và có thể cái thứ ba có một cái xác thật bên trong và họ sẽ nhét ma túy vào trong xác. Dẫu sao đi nữa, chúng ta vẫn sẽ được đi du lịch cộng thêm cả một trải nghiệm đáng nhớ nữa.” Anh bỏ hết mấy bao thuốc lá Lucky Strike mà anh vừa mua từ một người bán hàng rong ra cho Dickie. “Anh nghĩ sao?”

“Tôi nghĩ đó là một ý tưởng phi thường. Đi tới Paris trong quan tài!”

Khuôn mặt của Dickie nở một nụ cười kỳ cục, như thể anh ta đang trêu chọc anh bằng cách giả vờ tán thành kế hoạch đó khi mà anh ta chẳng hề có ý định thực hiện theo dẫu chỉ một chút. “Tôi nghiêm túc mà,” Tom nói. “Anh ta thật sự đang tìm kiếm hai chàng trai trẻ tình nguyện. Quan tài đáng ra phải chứa xác hai người Pháp tử nạn từ Đông Dương. Đoàn Pháp tháp tùng đáng ra sẽ là người thân của một người trong số họ, cũng có thể là của cả ba người họ.” Đó không phải chính xác là những gì người đàn ông đó đã nói với anh, nhưng cũng khá sát. Và hơn nữa, hai trăm nghìn lia tương đương với hơn ba trăm

đô la, thừa mứa cho một cuộc chè chén ở Paris. Dickie vẫn đang do dự về Paris.

Dickie nhìn anh cay nghiệt, phả ra một luồng khói từ điều thuốc Nazionale đang hút và mở một gói Lucky ra. “Anh có chắc là cái gã mà anh vừa nói chuyện đang không phê thuốc không?”

“Đạo này anh cần trọng quá mức rồi đấy!” Tom cười nói. “Tinh thần của anh đâu rồi? Trông anh như thế thậm chí còn chẳng tin tôi! Cứ đi với tôi và tôi sẽ giới thiệu anh với anh ta. Anh ta vẫn ở dưới kia chờ tôi. Tên anh ta là Carlo.”

Dickie không có dấu hiệu nào cho thấy muốn di chuyển. “Một người đưa ra đề nghị như vậy sẽ không giải thích cặn kẽ tình huống cho anh đâu. Có thể họ cần hai gã vô lại để đi từ Trieste tới Paris thật, nhưng thế thì tôi cũng không thấy hợp lý.”

“Anh đi cùng tôi và nói chuyện với anh ta được chứ? Nếu anh không tin tôi thì chí ít cũng gặp anh ta một lần.”

“Được rồi.” Dickie đột ngột đứng dậy. “Có thể tôi sẽ nhận làm vì một trăm nghìn lia lắm chứ.” Anh ta đóng tập thơ đang úp trên ghế bành lại trước khi theo Tom ra khỏi phòng. Marge có rất nhiều tập thơ. Đạo này Dickie liên tục mượn chúng.

Gã vẫn đang ngồi ở cái bàn trong góc quán Giorgio khi họ đi vào. Tom mỉm cười với gã ta và gật đầu.

“Xin chào, Carlo,” Tom nói. “*Tôi có thể ngồi không?*”

“*Vâng, vâng,*” gã nói, ra hiệu vào mấy cái ghế ở bàn mình.

“Đây là bạn tôi,” Tom cẩn trọng nói bằng tiếng Ý. “Anh ấy muốn biết công việc về chuyến đi tàu có đúng là sự thật không.” Tom nhìn Carlo đánh giá Dickie và anh thấy thật kỳ diệu khi đôi mắt đen ngòm, hung bạo, nhẫn tâm của gã chỉ để lộ đúng vẻ hứng thú lịch sự, nhưng trong có một phần nghìn giây dường như gã đã đọc vị được nụ cười nhẹ nhưng đầy nghi ngờ của Dickie, làn da rám nắng không thể có

được nếu không có vài tháng nằm phơi nắng, bộ quần áo Ý đã cũ và cặp nhẵn Mỹ của anh ta.

Một nụ cười chậm rãi nở ra trên đôi môi bết, nhợt nhạt của gã và gã liếc nhìn Tom.

“Sau đó?” Tom giục, mắt kiên nhẫn.

Gã nhắc cốc martini ngọt lịm của mình lên và uống. “Công việc là có thật nhưng tôi không nghĩ bạn anh là người phù hợp.”

Tom nhìn Dickie. Dickie đang quan sát gã một cách cảnh giác, vẫn nụ cười ung dung nhưng bất chợt khiến Tom thấy đầy vẻ khinh bỉ. “Ít nhất thì anh thấy rồi đấy, nó là sự thật!” Tom nói với Dickie.

“Ừm,” Dickie nói, vẫn nhìn chăm chăm vào gã như thể gã là một con thú hoang có sức hấp dẫn với anh ta và anh ta có thể giết chết gã nếu muốn.

Dickie có thể nói chuyện bằng tiếng Ý với gã. Nhưng anh ta không hé môi lấy một lời. Tom nghĩ, cách đây ba tuần, Dickie hẳn sẽ nhận lời đề nghị của gã. Anh ta có phải ngồi chờ ra đó như một con mồi hoặc một thám tử đang chờ bằng chứng xác thực để có thể bắt giữ gã ta không? “Này,” cuối cùng Tom nói, “giờ anh tin tôi rồi chứ?”

Dickie liếc nhìn anh. “Về công việc đó à? Làm sao tôi biết được?”

Tom nhìn gã người Ý một cách mong đợi.

Gã nhún vai. “Không cần phải thảo luận về chuyện đó, đúng không?” Gã hỏi bằng tiếng Ý.

“Không,” Tom nói. Cảm giác giận dữ điên rồ, vô phương hướng sôi sục trong máu anh và khiến anh run rẩy. Anh cúi tiết với Dickie. Anh ta còn bận ngắm soi gã người Ý kia từ móng tay cáu ghét, cổ áo sơ mi bẩn thỉu, đến khuôn mặt đen đúa xấu xí đã được cạo râu nhưng không được rửa ráy khiến cho chỗ từng có râu sáng màu hơn hẳn làn da xung quanh. Nhưng đôi mắt của gã vẫn lạnh lùng và hòa nhã, mạnh hơn ánh mắt của Dickie. Tom cảm thấy ngạt thở. Anh ý thức được là



mình không thể bày tỏ suy nghĩ bằng tiếng Ý. Anh muốn nói chuyện với cả gã lẫn Dickie.

“*Không có gì, cảm ơn, Berto,*” Dickie bình tĩnh nói với người phục vụ vừa qua hỏi họ muốn gì. Dickie nhìn Tom. “Sẵn sàng đi chưa?”

Tom nhảy bật dậy đột ngột đến mức ghế của anh nghiêng ngả đổ ra sau. Anh dựng nó dậy và cúi người chào gã người Ý. Anh cảm thấy mình nợ gã một lời xin lỗi, vậy nhưng lại không thể mở miệng dù chỉ để nói một lời tạm biệt sáo rỗng. Gã gật đầu chào và mỉm cười. Tom theo sau Dickie ra khỏi quán bar.

Đến bên ngoài, anh nói, “Tôi chỉ muốn anh thấy rằng ít nhất nó cũng là sự thật. Tôi hy vọng anh được chứng kiến tận mắt.”

“Được rồi, nó là thật,” Dickie nói, mỉm cười. “Có chuyện gì với anh vậy?”

“Có chuyện gì với *anh* mới đúng?” Tom hỏi.

“Gã ta là một kẻ lừa đảo. Có phải anh muốn tôi thừa nhận điều đó không? Được!”

“Anh có cần phải tỏ ra trịch thượng đến thế không? Gã ta đã làm gì anh chưa?”

“Tôi phải quỳ gối với gã chắc? Tôi đã từng gặp bọn lừa đảo rồi. Trong làng này có nhiều lắm.” Hàng lông mày vàng của Dickie nheo lại. “Có chuyện quái gì với anh vậy? Anh muốn nhận lời đề nghị điên rồ của anh ta chứ gì? Vậy thì hãy làm đi!”

“Giờ tôi có muốn cũng không thể. Sau cái cách anh cư xử với gã như thế.”

Dickie khựng lại giữa đường, nhìn anh. Họ đang cãi nhau to tiếng đến mức những người xung quanh phải chăm chú nhìn.

“Chuyến đi có thể rất vui,” Tom nói, “nhưng không phải theo cái cách anh thường đi. Một tháng trước khi chúng ta tới Rome anh hẳn sẽ nghĩ chuyện như thế này rất vui.”

“Ồ, không,” Dickie lắc đầu. “Tôi không cho là vậy.”

Cảm giác phần uất và mơ hồ khiến Tom thống khổ. Anh cũng không thoải mái với việc họ đang bị quan sát. Anh ép mình tiếp tục đi, mới đầu là từng bước nhỏ căng thẳng, cho tới khi chắc chắn rằng Dickie đi cùng mình. Sự hoang mang, hoài nghi vẫn hiện trên mặt Dickie và Tom biết anh ta bối rối về phản ứng của anh. Anh muốn giải thích, muốn thuyết phục Dickie để anh ta hiểu và cả hai cùng chung cảm nhận. Cách đây một tháng Dickie vẫn còn có chung cảm nhận với anh mà. “Do cách anh cư xử,” Tom nói. “Anh đâu cần phải hành xử như thế. Anh chàng đó có hại gì anh đâu.”

“Trông gã ta như một tên lừa đảo bản thiêu!” Anh ta vắn lại. “Vì Chúa, cứ quay lại đi nếu anh quý mến gã đến vậy. Anh không buộc phải làm theo tôi đâu!”

Giờ Tom dừng lại. Anh cảm nhận sự thôi thúc muốn quay trở lại, không nhất thiết là tới chỗ gã người Ý mà chỉ là rời khỏi Dickie. Rồi cảm giác căng thẳng của anh đột ngột bùng lên. Vai anh trùng xuống, đầu nhức và hơi thở bắt đầu gấp gáp hơn, phì phò qua miệng. Anh muốn chí ít phải nói, “Được rồi, Dickie,” để giảng hòa, để khiến anh ta quên đi. Anh thấy cứng lưỡi. Anh nhìn chăm chăm vào đôi mắt xanh dương vẫn đang cau có của Dickie, hàng lông mày phờ nằng đến trắng bệch. Đôi mắt của anh ta sáng lấp lánh nhưng trống rỗng, chẳng có gì ngoài hai mẫu kẹo dẻo màu xanh với một chấm đen bên trong, vô nghĩa, không có liên hệ gì với anh hết. Đáng ra người ta phải nhìn thấu tâm hồn qua đôi mắt, nhìn thấy tình yêu qua đôi mắt, để hiểu những gì thật sự diễn ra bên trong. Vậy mà trong mắt của Dickie hiện giờ Tom chẳng thấy gì hơn so với lúc anh nhìn vào một mặt gương cứng đờ, lạnh băng. Anh cảm thấy ngực quặn thắt đau đớn và anh lấy tay che mặt. Cảm giác như thể đột nhiên Dickie bị tách khỏi anh. Họ không phải bạn bè. Họ không quen nhau. Tom nhận ra đó là một sự thật khủng khiếp, vẫn luôn đúng với tất cả những người anh đã quen trong quá khứ và cho những người anh sẽ quen trong tương lai: anh

không bao giờ hiểu họ, hết lần này đến lần khác anh ảo tưởng rằng mình hiểu họ, rằng anh và họ hoàn toàn hòa hợp và tương đồng. Đó là điều tồi tệ nhất. Trong giây lát, nhận thức không lời đáng sợ hãi ấy dường như vượt quá sức chịu đựng của anh. Anh cảm thấy nghẹn lại, như thể sắp ngã quy xuống đất. Quá sức chịu đựng: đất nước xa lạ, ngôn ngữ xa lạ, thất bại của anh và cả sự thật là Dickie ghét anh. Anh cảm thấy bao quanh mình là những con người xa lạ, là sự thù địch. Anh cảm thấy Dickie kéo giạt tay anh khỏi mắt.

“Có chuyện gì với anh vậy?” Dickie hỏi. “Gã ta cho anh một liều đây à?”

“Không.”

“Anh có chắc không? Bỏ vào cốc của anh chẳng hạn?”

“Không.” Giọt mưa đầu của cơn mưa đêm rơi xuống đầu anh. Có một tiếng sấm rền. Đến trời cao cũng thù địch. “Tôi muốn chết,” Tom nói nhỏ.

Dickie kéo cánh tay anh đi. Tom vấp qua bậc cửa. Họ vào trong một quán bar nhỏ đối diện bưu điện. Anh nghe tiếng anh ta gọi một ly brandy, chỉ định loại của Ý vì anh không đủ sức chịu rượu Pháp, Tom đoán thế. Anh nốc cạn, hơi ngọt, có vị thuốc. Sau khi uống hết ba cốc, như một liều thuốc kỳ diệu, anh quay lại chôn mả tâm trí anh biết vẫn hay được gọi là thực tại: mùi Nazionale trong tay Dickie, thứ gỗ trang trí của mặt quầy rượu dưới các ngón tay anh, thực tế dạ dày anh bị đè nặng như thể có người vừa đâm vào rốn anh, cảm giác mong đợi mãnh liệt đoạn đường đi bộ vừa dài vừa dốc từ đây lên nhà, cơn nhức nhối mơ hồ mà nó sẽ gây ra cho đùi anh.

“Tôi ổn,” Tom nói bằng giọng trầm nhẹ. “Tôi không biết có vấn đề gì nữa. Hẳn là sự nóng nực đã khiến tôi bất ổn một lúc.” Anh cười nhạt. Đó mới là thực tại, cười cho qua, khiến một việc quan trọng hơn bất kỳ điều gì từng xảy ra với anh trong năm tuần kể từ khi anh gặp Dickie, có lẽ là việc quan trọng nhất từng xảy ra với anh, trở thành một điều gì đó ngớ ngẩn.

Dickie không nói gì, chỉ đút miếng thuốc lá vào miệng, lấy vại tờ một trăm lia ra khỏi ví da cá sấu đen ngòm và đặt xuống quầy bar. Tom tổn thương vì anh ta không nói gì, tổn thương như một đứa trẻ bị ốm cần vỗ về, có thể anh cũng phiền phức thật nhưng anh chỉ mong có ít nhất một lời hỏi han cho cảm giác ốm đau này qua đi. Nhưng Dickie dửng dưng. Anh ta mua rượu cho anh một cách lạnh lùng như thể mua cho một kẻ lạ mặt mà anh ta tình cờ gặp, một kẻ bị ốm và không có tiền. Tom đột nhiên nghĩ, *Dickie không muốn mình tới Cortina*. Đây không phải là lần đầu tiên anh nghĩ vậy. Giờ thì Marge sẽ tới Cortina. Lần trước tới Naples, cô ta và Dickie đã mua một cái phích cỡ bự để mang tới Cortina. Họ không hề hỏi anh có thích nó không, hay đóai hoài đến anh. Họ chỉ lặng lẽ dần dần đẩy anh ra khỏi quá trình chuẩn bị của mình. Thật ra thì Tom cảm thấy Dickie mong anh rời đi ngay trước chuyến du lịch tới Cortina. Cách đây hai tuần, anh ta bảo sẽ chỉ cho anh vài đường trượt tuyết cơ bản quanh Cortina đã được đánh dấu trên một bản đồ mà anh ta có. Một tối nọ Dickie đã xem bản đồ nhưng không nói gì với anh cả.

“Đi được chưa?” Dickie hỏi.

Tom theo chân anh ta ra khỏi quán như một con chó.

“Nếu anh có thể tự về nhà thì tôi nghĩ mình sẽ chạy lên thăm Marge một lúc,” Dickie nói trên đường.

“Tôi cảm thấy ổn,” anh nói.

“Tốt.” Rồi anh ta nói vọng lại khi bước đi, “Muốn lấy thư không? Tôi có thể quên mất.”

Tom gật đầu. Anh đi vào bưu điện. Có hai bức thư, một gửi cho anh từ bố của Dickie, một gửi cho Dickie từ một người ở New York mà Tom không quen. Anh đứng ở cửa và mở thư của ông Greenleaf, giở tờ giấy được đánh máy ra với vẻ kính cẩn. Nó có phần in đầu giấy màu xanh lục nhạt đầy ấn tượng của Công ty Đóng tàu Burke - Greenleaf, với hình bánh lái tàu ở chính giữa.

*Ngày 10 tháng 11, năm 19-*

*Tom thân mến,*

*Nhìn nhận việc cậu đã ở với Dickie hơn một tháng và nó không cho thấy thêm dấu hiệu nào của việc muốn về nhà so với trước khi cậu tới, tôi chỉ có thể kết luận rằng cậu đã không thành công. Tôi nhận ra rằng với ý định tốt, cậu đã báo cáo rằng nó đang cân nhắc quay về nhà, nhưng thành thật mà nói tôi không thấy điều đó trong bức thư ngày 26 tháng 10 của nó. Thực tế là, có vẻ nó còn quyết tâm ở lại đó hơn bao giờ hết.*

*Tôi muốn cậu biết rằng tôi và vợ đánh giá cao mọi nỗ lực mà cậu đã thể hiện thay mặt chúng tôi và cả nó. Cậu không còn cần cảm thấy có trách nhiệm với tôi theo bất kỳ mặt nào. Tôi tin rằng cậu không khiến bản thân gặp quá nhiều phiền toái với những nỗ lực của cậu trong tháng qua và tôi thành thực hy vọng chuyến đi đã trao cho cậu một chút niềm vui bất chấp thất bại trong mục đích chính ban đầu.*

*Cả vợ tôi và tôi gửi tới cậu lời chào và lời cảm ơn của chúng tôi.*

*Thân mến,*

*H. R. Greenleaf*

Đó là cú đấm cuối cùng. Với giọng điệu lạnh lùng - còn hơn cả sự lạnh lùng trong công việc thường thấy, bởi vì đây là thư sa thải và ông còn chèn thêm một lời cảm ơn lịch thiệp trong đó - ông Greenleaf đã cắt đứt liên hệ với anh. Anh đã thất bại. “Tôi tin rằng cậu không khiến bản thân gặp quá nhiều phiền toái...” Không phải là một lời mỉa mai đó sao? Ông Greenleaf thậm chí còn chẳng nói muốn gặp lại anh khi anh về Mỹ.

Tom đi một cách máy móc lên đồi. Anh hình dung ra cảnh Dickie đang ngồi trong nhà Marge lúc này, kể lại cho cô ta nghe chuyện về Carlo ở quán bar và hành vi bất thường của anh sau đó trên đường. Tom biết Marge sẽ nói gì: “Sao anh không tống khứ anh ta đi, Dickie?” Anh tự hỏi mình có nên quay lại giải thích với họ, ép họ nghe anh nói không? Tom quay lại, nhìn bức tường vuông khó hiểu trên căn nhà của Marge trên đồi, nhìn khung cửa sổ trống rỗng, tối om

của nó. Áo khoác bò của anh đã ướt đẫm nước mưa. Anh dựng cổ áo lên. Rồi anh vội vàng đi lên đồi về phía nhà của Dickie. Ít nhất thì, anh tự hào nghĩ, anh đã không cố vùi vãnh thêm tiền từ ông Greenleaf dù anh hoàn toàn có thể làm vậy. Anh thậm chí còn có thể làm vậy với sự hợp tác của Dickie, nếu anh gợi ý với anh ta về điều đó lúc anh ta vui vẻ. Ai cũng sẽ làm vậy, Tom nghĩ, bất kỳ ai, nhưng anh thì không và điều đó đáng kể lắm chứ.

Anh đứng ở góc hiên, nhìn ra đường chân trời mờ ảo và không nghĩ ngợi gì, chẳng cảm thấy gì ngoài sự lạc lõng và cô đơn mơ hồ như trong mơ. Đến cả Dickie và Marge cũng có vẻ xa xôi, những gì họ đang nói lúc này chẳng còn quan trọng nữa. Anh đơn độc. Đó là điều quan trọng duy nhất. Anh bắt đầu cảm nhận được nỗi sợ hãi rờn rợn nơi sống lưng, râm ran lan xuống mông.

Anh quay người khi nghe tiếng cửa mở. Dickie đi lên, mỉm cười, nhưng Tom thấy đó là một nụ cười gượng gạo, lịch sự.

“Anh đứng trong mưa làm gì thế này?” Dickie hỏi, chui vào cửa.

“Nó làm tôi tỉnh táo,” Tom nói một cách vui vẻ. “Có một bức thư cho anh đây.” Anh đưa Dickie bức thư của anh ta và nhét bức thư của ông Greenleaf vào túi áo.

Tom treo áo khoác vào tủ quần áo ngoài hành lang. Khi Dickie đã đọc xong thư - một bức thư khiến anh ta cười phá lên - Tom nói, “Anh có nghĩ Marge muốn cùng tới Paris với chúng ta không?”

Dickie có vẻ ngạc nhiên. “Tôi nghĩ là có đấy.”

“Hãy hỏi cô ấy xem,” Tom hào hứng nói.

“Tôi không biết mình có nên tới Paris không nữa,” Dickie nói. “Tôi không ngại trốn đi đâu đó vài ngày, nhưng Paris-” Anh ta châm một điếu thuốc. “Tôi thà tới San Remo hoặc thậm chí là Genoa còn hơn. Một ngôi làng khá đẹp đấy.”

“Nhưng Paris - Genoa không thể sánh với Paris được, phải không?”

“Tất nhiên là không, nhưng gần hơn nhiều.”

“Thế khi nào thì chúng ta mới tới Paris?”

“Tôi không biết. Lúc nào chẳng được. Paris vẫn ở đấy chứ có mất đi đâu.”

Tom nghe câu nói ấy vọng lại trong tai, cố hiểu giọng điệu của nó. Mới hôm kia, Dickie đã nhận được một bức thư từ bố anh ta. Anh ta đã đọc to vài câu và họ đã cười đùa về một chuyện gì đó, nhưng anh ta không đọc toàn bộ bức thư như đã làm mấy lần trước đó. Anh cho rằng ông Greenleaf bảo Dickie rằng ông đã chán ngấy Tom Ripley và đang nghi ngờ anh dùng tiền của ông để tự mua vui cho mình. Một tháng trước Dickie hẳn sẽ cười vào chuyện đó, nhưng giờ thì không, Tom nghĩ. “Tôi chỉ nghĩ trong khi tôi còn lại một ít tiền thì chúng ta nên du lịch tới Paris,” Tom cố chấp.

“Anh đi đi. Giờ tôi không có hứng thú. Phải giữ sức cho chuyến đi tới Cortina.”

“Vậy thì - tôi nghĩ chúng ta tới San Remo cũng được,” Tom nói, cố giữ giọng đồng thuận, dù anh muốn khóc nấc.

“Cũng được.”

Tom lao vào phòng bếp. Cái bóng trắng sừng sững của tủ lạnh bật lên ở góc tường. Anh muốn uống nước, có đá ở trong. Nhưng giờ thì anh không muốn chạm vào cái thứ đó. Anh đã dành trọn một ngày ở Naples với Dickie và Marge, ngắm tủ lạnh, kiểm tra khay đá, đếm số thiết bị phụ, cho tới khi Tom chẳng còn phân biệt nổi cái nào với cái nào, nhưng Dickie với Marge cứ háo hức như một cặp đôi mới cưới. Rồi họ còn dành thêm vài tiếng đồng hồ trong một quán cà phê để thảo luận về ưu điểm riêng của từng loại tủ lạnh mà họ đã xem trước khi quyết định họ muốn chiếc nào. Và giờ thì Marge ra vào chỗ này thường xuyên hơn bao giờ hết, bởi vì cô ta cũng cất một số thức ăn của mình trong đó và cô ta cũng thường muốn xin đá. Đột nhiên Tom nhận ra lý do anh ghét cái tủ lạnh đến thế. Nó cho thấy Dickie sẽ ở lại đây. Nó không chỉ đặt dấu chấm hết cho chuyến hành trình tới Hy Lạp



của họ mùa đông này, mà còn thể hiện rằng Dickie có thể sẽ chẳng bao giờ chuyển tới sống ở Paris hoặc Rome, như anh ta và Tom đã bàn trong những tuần đầu anh ở đây. Khi đã có một cái tủ lạnh xa hoa là một trong bốn cái duy nhất trong làng, một cái tủ lạnh có sáu khay đá và vô số ngăn trên cửa tủ đến mức trông như có cả một khu chợ chào đón mỗi lần mở ra, thì ai còn muốn đi đâu nữa.

Tom tự pha cho mình một cốc rượu không đá. Tay anh run bần bật. Mới hôm qua, trong một cuộc nói chuyện, Dickie còn hờ hững hỏi “Anh sẽ về nhà dịp Giáng sinh chứ?” dù anh ta biết thừa là anh sẽ không về nhà dịp đó. Anh không có nhà và Dickie biết điều đó. Anh đã kể hết chuyện về cô Dottie ở Boston cho anh ta nghe. Tất cả chỉ đơn giản là một ám chỉ rõ ràng rành rành. Marge đây ấp kế hoạch cho Giáng sinh. Cô ta có một hộp bánh pudding mặn Anh đang để dành và cô ta cũng sẽ mua một con gà tây từ một nông dân nào đó. Tom có thể hình dung ra cảnh cô ta sẽ làm quá lên với cái thói ỷ mị ngọt xớt của mình. Tất nhiên là có một cây thông Giáng sinh, chắc là sẽ được cắt từ bìa các-tông. “Đêm im lặng.” Rượu trứng. Những món quà sến sẩm dành tặng Dickie. Marge đan len. Cô ta toàn lấy tất của Dickie về nhà để đan lại. Và cả hai đều lịch sự gạt anh ra dần. Mọi lời nói thân thiện mà họ dành cho anh đều là một nỗ lực đau đớn. Đến hình dung ra nó thôi Tom cũng không chịu đựng nổi. Được thôi, anh sẽ đi. Anh thà làm gì đó còn hơn chịu đựng Giáng sinh với họ.

## CHƯƠNG 12

**M**arge nói cô ta không muốn cùng họ đi San Remo.

Cô ta đang có “hứng” viết sách. Marge làm việc thất thường, lúc nào cũng hờn hờ, dù vậy Tom thấy phải đến bảy lăm phần trăm thời gian cô ta sa lầy, trì trệ, như cái cách cô ta vẫn gọi trạng thái đó bằng một tràng cười vui vẻ. Tom nghĩ chắc hẳn quyển sách dở tệ. Anh quen nhiều tác giả. Người ta không viết sách bằng ngón út, nằm ườn trên bãi biển nửa ngày, tự hỏi tối nay ăn gì. Nhưng anh mừng vì cô ta có “hứng” vào lúc anh và Dickie muốn tới San Remo.

“Em sẽ rất biết ơn nếu anh cố tìm ra loại nước hoa đó, Dickie,” cô ta nói. “Anh biết đấy, loại Stradivari mà em không tài nào tìm nổi ở Naples ấy. San Remo nhất định sẽ có nó, nơi đó có vô số cửa hàng bán đồ Pháp mà.”

Tom có thể hình dung ra cảnh họ dành trọn cả ngày tìm kiếm nó ở San Remo, hệt như lúc họ dành nhiều giờ liền tìm nó ở Naples một ngày thứ Bảy nọ.

Cả hai chỉ mang đúng một vali của Dickie đi, vì họ chỉ định ở bốn ngày ba đêm. Anh ta có tâm trạng khá khăm hơn đôi chút, nhưng cái kết khùng khiếp vẫn còn đó, cái cảm giác đây là chuyến du lịch cuối cùng họ trải qua với nhau. Đối với Tom, vẻ vui mừng lịch sự của Dickie trên tàu cũng giống như là của một chủ nhà ghét cay ghét đắng khách của mình nhưng lại sợ người ta nhận ra điều đó và cố gắng dằn bù vào phút cuối. Cuộc đời này Tom chưa từng cảm thấy mình như một vị khách không mời mà chán đến vậy. Trên tàu, Dickie kể cho Tom về San Remo và cái tuần anh ta tới đó cùng Freddie Miles khi mới đến Ý. San Remo nhỏ xíu, nhưng có tiếng là một trung tâm mua

sắm quốc tế, Dickie nói và mọi người vượt qua cả biên giới Pháp để mua đồ ở đó. Tom nhận ra anh ta đang cố làm anh mê mẩn thị trấn ấy và có thể sẽ thuyết phục anh ở lại đó một mình thay vì quay về Mongibello. Tom dần thấy ác cảm với nơi đó trước cả khi tới nơi.

Rồi, khi con tàu gần vào ga San Remo, Dickie nói, “Tiện đây, Tom - tôi ghét phải nói điều này với anh, có thể anh sẽ cảm thấy khó chịu, nhưng tôi thật lòng muốn tới Cortina d’ Ampezzo với riêng Marge thôi. Tôi nghĩ cô ấy cũng thích như thế hơn và sau cùng thì tôi nợ cô ấy, ít nhất là một kỳ nghỉ dễ chịu. Anh cũng không có vẻ hào hứng với việc trượt tuyết lắm.”

Tom cứng đờ và lạnh cóng người, nhưng cố không nhúc nhích dù chỉ một chút. Lại còn đổ trách nhiệm cho Marge! “Được thôi,” anh nói. “Không vấn đề gì.” Anh bần chồn nhìn tấm bản đồ trong tay, tuyệt vọng tìm một nơi khác để đi quanh San Remo, dù Dickie đã kéo vali của họ từ giá xuống. “Chúng ta không xa Nice phải không?” Tom hỏi.

“Không.”

“Cả Cannes nữa. Tôi muốn thăm Cannes khi đã đi tới tận đây rồi. Ít nhất thì Cannes cũng thuộc nước Pháp,” anh nói thêm đầy trách cứ.

“À thì tôi đoán là chúng ta cũng có thể đi. Anh mang theo hộ chiếu đúng không?”

Tom có mang theo hộ chiếu. Họ lên tàu tới Cannes và đến nơi vào khoảng mười một giờ đêm hôm đó.

Anh nghĩ nơi này thật đẹp - đường bờ biển cong trải dài theo những ngọn đèn nhỏ xíu thành hình đầu trắng lưỡi liềm mỏng, đại lộ chính dọc bờ biển trông thanh lịch và có chất nhiệt đới với hàng cọ và những dãy khách sạn sang trọng. Pháp! Nó yên bình hơn Ý và cũng thanh lịch hơn, trong bóng tối anh cũng cảm nhận được điều đó. Họ tới một khách sạn có tên Gray d’ Albion nằm trên con đường ngay cạnh đường chính, một chỗ đủ lịch sự nhưng không quá tốn kém, Dickie nói, dù Tom sẽ vui vẻ trả bất kể giá nào cho khách sạn hạng

nhất nhìn ra biển. Họ để vali lại khách sạn và tới quán bar của khách sạn Carlton, nơi Dickie nói là quán thời thượng nhất ở Cannes. Như anh đoán, không có nhiều người trong bar lắm vì thời điểm này ở Cannes khá vắng khách. Tom đề nghị uống thêm một chén nữa nhưng Dickie từ chối.

Sáng hôm sau họ ăn sáng ở một quán cà phê rồi đi dạo ra biển. Họ mặc sẵn quần bơi trong lớp quần dài. Ngày hôm ấy lạnh lẽo, nhưng không tới mức không thể bơi nổi. Họ đã bơi ở Mongibello trong những ngày còn lạnh hơn thế. Bãi biển gần như vắng tanh - chỉ có vài đôi lẻ loi, một nhóm đàn ông chơi một trò gì đó bên bờ kè. Sóng vỗ vào bờ cát với vẻ lạnh lẽo dữ dội. Giờ thì Tom thấy nhóm người ấy đang tập nhào lộn.

“Họ nhất định là dân chuyên nghiệp,” Tom nói. “Tất cả bọn họ đều mặc quần lợt khe vàng giống nhau.”

Anh hào hứng theo dõi khi một kim tự tháp người bắt đầu thành hình, chân đặt lên những cặp đùi cơ bắp, tay bám chặt các bắp tay. Anh có thể nghe tiếng kêu “*Đứng trước!*” và “*Một, hai!*” của họ.

“Nhìn kìa!” Tom nói. “Đỉnh tháp kìa!” Anh đứng im nhìn người nhỏ nhất, một cậu bé chừng mười bảy tuổi được đẩy lên trên vai của người đàn ông đứng giữa trong ba người trên cùng. Cậu ta đứng thẳng băng, hai tay duỗi ra như đang nhận lời hoan hô. “*Tuyệt vời!*” Tom hét lên.

Cậu ta mỉm cười với Tom trước khi nhảy xuống, uyển chuyển như một con hổ.

Anh quay sang Dickie. Anh ta còn đang nhìn hai người đàn ông ngồi gần đó trên bãi biển.

“Mười nghìn bông liếc mắt nhìn tôi, gật đầu trong điệu nhảy sôi nổi,” Dickie chua chát nói với Tom.

Nó làm anh giật mình, rồi anh cảm thấy đau nhói vì xấu hổ, vẫn cái cảm giác xấu hổ ở Mongibello khi Dickie nói, *Marge nghĩ anh như*

vậy. Được thôi, Tom nghĩ, những người nhào lộn ấy là dân đồng tính. Có thể Cannes đầy người đồng tính. Vậy thì sao? Hai năm đấm của Tom nằm chặt lại trong túi quần. Anh vẫn nhớ lời chế nhạo của cô Dottie: *Éo lả! Nó éo lả từ hồi bé. Cũng hết như ông bố nó!* Dickie đứng khoanh tay, nhìn ra biển. Tom cố tình không liếc nhìn những vận động viên nhào lộn nữa, dù chắc chắn là xem họ thú vị hơn ngắm biển nhiều. “Anh có xuống không?” Tom hỏi, dạn dĩ cởi áo ra, dù đột nhiên mặt nước trông lạnh cóng.

“Chắc không đâu,” Dickie nói. “Sao anh không ở đây ngắm các vận động viên nhào lộn đi nhỉ? Tôi về đây.” Anh ta quay người bước đi trước khi Tom kịp trả lời.

Anh hấp tấp cài áo lại, quan sát Dickie khi anh ta bước xiên lên bờ, tránh xa chỗ các vận động viên đó, dù bậc thang kế tiếp dẫn lên vỉa hè xa gấp đôi bậc thang gần nhóm nhào lộn. Khi gió nhà anh ta, Tom nghĩ. Anh ta có phải cư xử xa cách và trịch thượng suốt như thế không? Cứ như anh ta chưa gặp một gã éo lả nào vậy! Được rồi, quá rõ vấn đề với Dickie là gì rồi! Vì sao anh ta không chịu nhượng bộ, dù chỉ một lần? Anh ta có gì quan trọng không thể để mất đến vậy? Cả tá lời khiêu khích bật lên trong đầu anh khi anh đuổi theo Dickie. Rồi anh ta liếc nhìn anh lạnh lùng, chán ghét và tiếng châm chọc đầu tiên tắt ngóm trong miệng anh.

Chiều hôm đó họ quay lại San Remo, ngay trước ba giờ để không phải trả hóa đơn khách sạn thêm một ngày nữa.

Dickie đã đề nghị đi lúc ba giờ, dù Tom mới là người trả số tiền 3,430 franc, mười đô tám xu Mỹ, cho một đêm. Anh cũng mua cả vé tàu tới San Remo của họ, dù Dickie đầy tiền. Anh ta mang theo cả séc tiền hàng tháng của mình từ Ý và đổi nó sang franc, chắc rằng anh ta sẽ nhận được nhiều hơn khi đổi từ franc về lia, vì đồng franc dạo này đột ngột mạnh lên.

Dickie hoàn toàn không nói một lời nào trên tàu. Giả vờ buồn ngủ, anh ta khoanh tay nhắm mắt lại. Tom ngồi đối diện anh ta, nhìn

chăm chăm vào khuôn mặt xương xẩu, tự đại, đẹp trai đó, nhìn đôi bàn tay đeo nhẫn xanh lục và nhẫn con dấu. Anh chợt có ý nghĩ đánh cắp cái nhẫn xanh khi rời đi. Dễ thôi: Dickie cởi nó ra khi bơi. Thịnh thoảng anh ta còn cởi nó ra khi tắm ở nhà. Anh sẽ đánh cắp vào ngày cuối cùng, Tom nghĩ thầm. Anh lại nhìn chăm chăm vào hàng mi nhắm nghiền của Dickie. Một luồng cảm xúc điên rồ, vừa ghét vừa yêu, vừa nóng nảy vừa giận dữ bùng lên trong anh, kèm hăm hơi thở của anh. Anh muốn giết Dickie. Đây không phải là lần đầu tiên anh nghĩ về điều đó. Trước kia, một, hai, hay ba lần gì đấy, nó đã bị bộc phát bởi sự giận dữ hoặc thất vọng, một cơn bốc đồng biến mất ngay lập tức và khiến anh ngập tràn xấu hổ. Giờ thì anh nghĩ về nó suốt một phút, hai phút, vì chẳng nào anh chả sắp rời Dickie, còn gì để mà xấu hổ đây? Anh đã thất bại với anh ta, mọi mặt. Anh ghét Dickie, bởi vì, bất kể anh nhìn nhận những chuyện đã xảy ra như thế nào thì sự thất bại của anh đều không phải do lỗi ở anh, không phải vì bất kỳ điều gì anh đã làm mà là do sự bướng bỉnh lạnh lùng của Dickie. Và cả sự thô lỗ trắng trợn của anh ta nữa! Anh đã mang đến cho anh ta tình bạn, người đồng hành, sự kính trọng, mọi thứ anh có, vậy mà anh ta đáp trả bằng sự vô ơn và giờ là thái độ thù địch. Dickie đang xa lánh anh. Tom nghĩ, nếu anh giết anh ta trong chuyến đi thì anh chỉ cần nói là đã có tai nạn xảy ra. Anh có thể - Anh vừa nghĩ ra một ý tưởng tuyệt vời: anh có thể trở thành Dickie Greenleaf. Anh có thể làm tất cả những gì anh ta đã làm. Anh có thể quay lại Mongibello trước và thu dọn đồ đạc của anh ta, kể cho Marge một câu chuyện chết tiệt nào đó, thuê một căn hộ ở Rome hoặc Paris, nhận séc của anh ta hàng tháng và giả mạo chữ ký của anh ta trên đó. Anh có thể thế chỗ của Dickie. Anh có thể dễ dàng xoay ông bố Greenleaf trong lòng bàn tay. Sự nguy hiểm của nó, thậm chí cả tính ngăn ngại tạm thời không thể thay đổi được của nó mà anh mơ hồ ý thức tới, chỉ khiến anh càng thêm hưng phấn. Anh bắt đầu nghĩ xem phải làm *như thế nào*.

Nước. Nhưng Dickie là một tay bơi cừ khôi. Vách đá. Đẩy anh ta ra khỏi vách đá khi họ đang đi dạo thì dễ thôi, nhưng anh tưởng tượng tới cảnh Dickie túm lấy anh và kéo anh theo cùng, anh cứng người lại trên ghế cho tới khi hai đùi đau nhức, các móng tay bấm vào lòng bàn tay thành những hình vô số đồ quạch. Anh cũng phải lấy cả mấy chiếc nhẫn kia ra nữa. Anh sẽ phải nhuộm tóc sáng hơn một chút. Nhưng tất nhiên, anh sẽ không sống ở một chỗ mà người quen của Dickie sống. Anh chỉ cần trông giống Dickie đủ để dùng hộ chiếu của anh ta. Đây là nếu anh thực hiện. Nếu anh -

Dickie mở mắt, nhìn thẳng vào anh và Tom thả lỏng người, ngồi sụp vào trong góc, đầu ngả ra sau và mắt nhắm lại, nhanh như thể anh vừa ngất đi.

“Tom, anh ổn chứ?” Anh ta hỏi, lắc đầu gối của anh.

“Ổn,” Tom nói, hơi mỉm cười. Anh thấy Dickie ngồi lại với vẻ cau kỉnh và anh biết lý do: vì anh ta ghét chú ý đến anh nhiều như vậy. Tom tự mỉm cười, thích thú trước phản xạ nhanh nhạy của mình khi giả vờ sụp xuống, bởi đó là cách duy nhất để Dickie không thấy biểu cảm kỳ lạ trên mặt anh.

San Remo. Hoa. Lại một con đường chính kéo dài dọc bờ biển, các cửa hàng cửa hiệu đầy du khách người Ý, người Anh và người Pháp. Lại một khách sạn nữa có hoa ngoài ban công. Ở đâu? Tại một trong những con hẻm nhỏ đó à? Đến một giờ sáng thị trấn sẽ tối đen im lìm, nếu anh có thể khiến Dickie thức đến lúc ấy. Trong nước? Trời âm u, nhưng không lạnh. Tom động não. Ở trong phòng khách sạn cũng dễ thôi, nhưng làm sao anh phi tang cái xác được? Cái xác phải *biến mất* tuyệt đối. Vậy là chỉ còn nước và nước lại là thể mạnh của Dickie. Có thuyền, thuyền có mái chèo và xuồng máy nhỏ mà người ta có thể thuê ở ngoài bãi biển. Tom đã để ý thấy trong các xuồng máy đều có một tảng xi măng tròn được buộc vào một sợi dây để neo thuyền.

“Anh nghĩ sao nếu chúng ta đi thuyền, Dickie?” Tom hỏi, cố không tỏ ra háo hức, dù anh cảm thấy đúng như vậy và Dickie nhìn anh, vì anh đã không háo hức với bất kỳ cái gì kể từ khi họ tới đây.

Khoảng mười chiếc xuồng máy nhỏ có màu xanh dương trắng hoặc xanh lục trắng xếp hàng dọc cầu cảng gỗ và ông chủ người Ý lo lắng tìm khách vì buổi sáng hôm đó trời khá lạnh và u ám. Dickie nhìn ra biển Địa Trung Hải, nó hơi mờ sương nhưng không có dấu hiệu sẽ mưa. Đây là kiểu trời xám xịt cả ngày không tan và sẽ không có nắng. Lúc đó là khoảng mười rưỡi - thời điểm lười biếng sau bữa sáng, khi cả ngày dài dang dẳng trải ra trước mặt.

“Được thôi. Đi một tiếng quanh cảng,” Dickie nói, gần như ngay lập tức nhảy vào một con thuyền và Tom có thể nhận ra từ nụ cười mỉm của anh ta là trước đây anh ta đã từng làm việc này, anh ta đang mong đợi tới lúc hồi tưởng lại một cách mến thương những buổi sáng khác ở đây, có thể là với Freddie hoặc Marge. Chai nước hoa của cô ta phồng lên trong túi áo khoác nhung của Dickie. Họ đã mua nó vài phút trước ở một cửa hàng trông không khác gì một tiệm dược phẩm Mỹ trên đường chính.

Ông chủ thuyền người Ý giật mạnh một sợi dây để khởi động xuồng, hỏi Dickie có biết cách điều khiển nó không và anh ta trả lời là có. Tom nhìn thấy có một mái chèo độc nhất ở đáy thuyền. Dickie cầm bánh lái. Họ lái thẳng ra khỏi thị trấn.

“Tuyệt thật!” Dickie hét lên, mỉm cười. Tóc anh ta tung bay trong gió.

Tom nhìn quanh một lượt. Một bên có một vách đá dựng đứng rất giống Mongibello và bên còn lại là một mảnh đất phẳng lộ ra sau làn sương mù lơ lửng trên mặt nước. Nhất thời anh không rõ đi về hướng nào thì tốt hơn.

“Anh có quen địa hình quanh đây không?” Tom hét át tiếng động cơ gầm rú.



“Không!” Dickie nói một cách vui vẻ. Anh ta đang tận hưởng việc lái xuồng.

“Thứ đó có khó lái không?”

“Không hề! Muốn thử không?”

Tom ngật ngưỡng. Dickie vẫn đang lái thẳng ra biển. “Không, cảm ơn.” Anh lại nhìn một vòng. Bên trái có một con thuyền buồm. “Anh đang đi đâu đấy?” Tom hét lên.

“Có quan trọng không?” Anh ta mỉm cười.

Không quan trọng.

Dickie đột ngột lượn sang phải, nên cả hai phải khom người xuống để giữ thăng bằng cho thuyền. Một bức tường nước trắng bắn lên bên trái của Tom, rồi dần dần đổ xuống để lộ chân trời trống trải. Họ lại đang lao đi trên mặt nước vắng lặng, chẳng có gì hết. Dickie đang thử tốc độ, hài lòng, đôi mắt xanh dương mỉm cười hướng vào khoảng không phía trước.

“Trên một con thuyền nhỏ cảm giác lái lúc nào cũng nhanh hơn thực tế!” Anh ta hét lên.

Tom gật đầu, để nụ cười thấu hiểu của mình lên tiếng hộ. Thật ra thì anh đang sợ chết khiếp. Chỉ có Chúa mới biết làn nước này sâu bao nhiêu. Nếu đột nhiên có chuyện gì xảy ra với con thuyền thì họ, hay ít nhất là anh, sẽ chẳng thể quay lại bờ. Nhưng đồng thời cũng không ai có thể nhìn thấy bất kỳ chuyện gì mà họ làm ở đây. Dickie đang lượn sang phải, tiến về phía dải đất xám mịn màng, nhưng anh có thể đánh anh ta, lao bổ vào anh ta, hoặc hôn anh ta, hoặc quăng anh ta ra khỏi mạn thuyền và không ai nhìn ra được ở khoảng cách này. Tom đang đổ mồ hôi, người nóng rực dưới lớp quần áo nhưng trán thì lạnh băng. Anh cảm thấy sợ hãi, nhưng không phải sợ nước mà sợ Dickie. Anh biết rằng mình sắp sửa làm chuyện đó, giờ anh sẽ không ngăn mình lại nữa, anh cũng không thể ngăn bản thân mình lại nữa và anh có thể sẽ không thành công.

“Anh thách tôi nhảy xuống không?” Tom hét lên, bắt đầu cởi áo khoác.

Dickie chỉ cười trước lời đề nghị này từ anh, há to miệng, dán chặt mắt vào khoảng không trước thuyền. Tom vẫn cởi đồ ra. Anh đã cởi giày và tất. Dưới quần dài anh mặc quần bơi, cũng như Dickie. “Tôi sẽ nhảy xuống nếu anh nhảy!” Tom hét lên. “Anh sẽ nhảy chứ?” Anh muốn anh ta đi chậm lại.

“Tôi à? Chắc chắn rồi!” Dickie đột ngột cho thuyền chậm lại. Anh ta thả bánh lái và cởi áo khoác ra. Con thuyền trông tránh mất đà. “Thôi nào,” Dickie nói, hất đầu về cái quần dài Tom vẫn mặc trên người.

Anh liếc nhìn khoảnh đất. San Remo là một khoảng đá phấn hồng trắng lơ mờ. Anh nhặt mái chèo lên, tự nhiên như thể đang nghịch nó giữa hai đầu gối và khi Dickie đang kéo quần xuống, Tom nhấc cao mái chèo và đập mạnh xuống đỉnh đầu của Dickie.

“Này!” Dickie hét lên, cau có, trượt nửa người ra khỏi ghế gỗ. Hàng lông mày nhạt màu nhướn lên ngạc nhiên, chuếnh choáng.

Tom đứng dậy và lại đập mạnh mái chèo xuống, toàn bộ sức mạnh của anh được giải phóng như búng sợi dây chun cao su.

“Vì Chúa!” Dickie lầm bầm, nhìn trừng trừng, giận dữ, dù đôi mắt xanh dương của anh ta lảo đảo, mất dần ý thức.

Tom vung mái chèo đập một cú trái tay thật mạnh vào đầu Dickie. Mép mái chèo tạo ra một vết thương sâu kéo theo một dòng máu chảy ra khi anh nhìn. Dickie ở phía đuôi thuyền, lảo đảo, loạng choạng. Anh ta gầm lên một tiếng phản đối khiến Tom sợ vì cả độ lớn lẫn sức mạnh trong đó. Tom đánh vào bên cổ anh ta, ba lần, những cú bấm bằng mép mái chèo, như thể nó là cái rìu còn cổ Dickie là cái cây. Con thuyền chao đảo, nước bắn lên bàn chân đang trụ vào mép thuyền của anh. Anh đập vào trán của Dickie và một vệt máu lớn từ từ chảy ra từ nơi mái chèo vừa chạm vào. Trong một khoảnh khắc, Tom nhận thức rõ sự mệt mỏi khi anh nâng và đập, vậy nhưng bàn tay của Dickie

vẫn vươn về phía anh từ cuối thuyền, đôi chân dài của anh ta duỗi thẳng ra để đẩy anh ta về phía trước. Tom nắm lấy cán mái chèo và đâm nó vào mạng sườn của Dickie. Rồi cơ thể đã kiệt sức ấy rũ xuống, sông soài bất động. Tom đứng thẳng dậy, cố gắng ổn định lại hơi thở.

Anh nhìn xung quanh. Không có con thuyền nào, không có gì hết, chỉ có một đốm trắng nhỏ xíu ở tít đằng xa lượn từ phải sang trái, một chiếc xuồng máy đang phóng về bờ.

Anh dừng lại và giật cái nhẫn xanh của Dickie ra. Anh cất nó đi. Chiếc nhẫn còn lại chặt hơn nhưng nó vẫn tuột ra khỏi đốt ngón tay đang chảy máu. Anh kiểm tra túi quần, xu Pháp và xu Ý. Anh để chúng lại. Anh lấy một chùm khóa có ba chìa khóa. Rồi anh nhặt áo khoác của Dickie lên và lấy gói nước hoa của Marge ra khỏi túi. Thuốc lá và bật lửa bạc của Dickie, một mẫu bút chì, cái ví da cá sấu và vài tấm thiệp nhỏ trong túi áo ngực. Tom nhét tất cả vào trong túi áo khoác nhưng của mình. Rồi anh với lấy sợi dây nằm trên tảng xi măng trắng. Một đầu dây từng được buộc vào cái vòng sắt ở mũi thuyền. Tom cố gắng tháo nó ra. Đó là một nút thắt quý quái, ướn sững, không chịu nhúc nhích, hẳn đã được buộc nhiều năm rồi. Anh đâm nó. Anh phải có một con dao.

Anh nhìn Dickie. Anh ta chết chưa? Tom cúi người trên mũi thuyền hẹp quan sát Dickie, tìm dấu hiệu của sự sống. Anh sợ không dám chạm vào anh ta, sợ chạm vào ngực hoặc cổ tay anh ta để tìm mạch đập. Tom quay người và kéo sợi dây một cách điên cuồng, tới khi anh nhận ra mình chỉ càng làm cho nó thắt chặt hơn.

Bật lửa của anh. Anh mò mẫm lấy nó ra khỏi cái quần của mình nằm ở phía đuôi thuyền. Anh bật lửa và giữ một phần sợi dây khô trên ngọn lửa. Sợi dây từng dày khoảng bốn centimet. Nó cháy chậm, rất chậm và Tom nhân vài phút đó nhìn quanh một lần nữa. Ông chủ thuyền người Ý có thể nhìn thấy anh ở khoảng cách này không? Sợi dây màu xám cứng ngắt không chịu bắt lửa, chỉ hơi bén lửa và ra khói, chậm rãi đứt từng sợi một. Tom kéo mạnh nó và bật lửa của anh

tắt ngóm. Anh bật lửa lại và tiếp tục kéo sợi dây. Khi nó đứt hẳn, anh quần bốn vòng quanh mắt cá chân trần của Dickie trước khi có thời gian để thấy sợ. Anh còn vụng về thắt một nút thắt khổng lồ, siết thật chặt để bảo đảm nó sẽ không tuột ra, bởi vì anh không giỏi thắt nút lắm. Anh ước tính sợi dây dài khoảng mười đến mười hai mét. Anh trở nên lạnh lùng hơn, làm việc trơn tru và cẩn thận hơn. Cái neo xi măng sẽ vừa đủ nặng để giữ cái xác ở dưới, anh nghĩ. Cái xác sẽ hơi dạt đi, nhưng sẽ không trôi lên mặt nước.

Tom quăng cái neo xuống. Nó chìm xuống qua làn nước trong vắt và tạo ra một dải bong bóng, biến mất và cứ thế chìm cho tới khi sợi dây thừng kéo căng cổ chân của Dickie. Đến lúc ấy Tom nhắc hai cổ chân anh ta qua mạn thuyền và đang cố đẩy phần nặng nhất, hai vai, qua mép thuyền. Bàn tay mềm oặt của Dickie vẫn ấm và rũ xuống. Bả vai vẫn nằm trên đuôi thuyền và khi anh kéo mạnh, cánh tay dường như căng ra như cao su, cơ thể không hề nhúc nhích lấy một phân. Tom quỳ một gối xuống và cố hẩy anh ta qua mạn thuyền. Nó làm cho con thuyền tròn trành. Anh đã quên búng đại dương, thứ duy nhất khiến anh sợ. Anh nghĩ mình sẽ phải hẩy anh ta qua đuôi thuyền vì phần đó chìm dưới nước nhiều hơn. Anh kéo cơ thể mềm rũ về phía mạn đuôi, di sợi dây vòng quanh mép thuyền. Qua sức nổi của cái neo trong nước, anh có thể nhận thấy nó vẫn chưa chạm đáy. Giờ anh bắt đầu với đầu và vai của Dickie, lật xác anh ta nằm sấp và đẩy ra từng tí một. Đầu Dickie đã chúi xuống nước, mép thuyền cắt ngang eo anh ta và giờ chân anh ta nặng như chì, chống cự lại lực của Tom bằng sức nặng khủng khiếp của nó, hết như vai anh ta, lúc này dính chặt vào đuôi thuyền như nam châm. Tom hít một hơi thật sâu và nhắc chân anh ta lên. Dickie tuột qua thành, nhưng Tom mất thăng bằng và ngã vào bánh lái. Động cơ xuống đột ngột gầm lên.

Tom lao người chộp lấy cần gạt, nhưng đồng thời con thuyền còn lượn một đường vòng cung hiểm ác. Trong khoảnh khắc anh thấy

nước ngay dưới thân mình và tay anh vươn về phía nó, bởi vì anh đã cố nắm lấy mạn thuyền nhưng mạn thuyền không còn ở chỗ cũ nữa.

Anh đã bị rơi xuống nước.

Anh thở hỗn hển, đẩy cơ thể lên, nắm chặt lấy thuyền. Anh nằm trượt. Con thuyền đã xoáy vòng vòng. Tom lại rướn lên rồi chìm xuống sâu hơn, sâu đến mức mặt nước dần phủ lên đầu anh với sự chậm rãi chết chóc nhưng lại quá nhanh đến mức anh không kịp lấy hơi, nước xộc vào mũi và mắt. Thuyền lao đi xa hơn. Anh đã từng nhìn thấy kiểu xoáy đó: nó không bao giờ dừng lại cho tới khi có người trèo vào trong và dừng động cơ. Giờ đây, trong làn nước trống rỗng chết chóc, anh chịu đựng cảm giác chết dần, một lần nữa chìm xuống dưới mặt nước, tiếng động cơ điên rồ nhỏ dần khi nước tràn vào trong tai, bịt hết mọi âm thanh chỉ trừ những âm thanh cuồng loạn mà anh phát ra bên trong, hít thở, vật lộn, máu chảy dồn dập tuyệt vọng. Anh lại ngoi lên và tự động tìm về phía con thuyền, vì nó là thứ duy nhất đang nổi, dù nó đang xoay tròn tròn và không thể chạm vào, mũi thuyền sắc nhọn lướt qua anh hai lần, ba lần, bốn lần, trong khi anh cố hít vào một hơi.

Anh hét lên cầu cứu. Anh chẳng phát ra âm thanh nào trừ một miệng đầy nước. Tay anh chạm vào con thuyền bên dưới mặt nước và bị đẩy ra khi mũi thuyền lao tới như một con thú. Anh điên cuồng với tay bám lấy đuôi thuyền, không chú ý tới lưỡi chân vịt. Các ngón tay của anh sờ thấy đuôi lái. Anh lặn xuống nhưng không kịp. Sóng thuyền đập vào đỉnh đầu anh rồi lao vụt qua. Giờ thì đuôi tàu lại đóng lại và anh cố bám lấy nó, các ngón tay trượt trên đuôi lái. Tay còn lại của anh bám lấy mạn đuôi. Anh giơ thẳng một tay, đẩy cơ thể tránh xa chân vịt. Với một nguồn năng lượng bộc phát, anh đu người lên một góc mạn dưới, vắt một cánh tay qua mép. Rồi anh với tay chạm vào cần gạt.

Động cơ bắt đầu chậm lại.

Tom níu lấy mép thuyền bằng cả hai tay, tâm trí trống rỗng vì nhẹ nhõm, vì không thể tin nổi, cho tới khi anh cảm nhận được cơn bồng rạt trong họng, cảm giác đau quặn trong lồng ngực sau mỗi hơi thở.

Anh nghỉ ngơi một lúc lâu, có thể là hai hoặc mười phút, không nghĩ gì mà chỉ tập trung lấy lại sức lực đủ để lôi mình lên thuyền và cuối cùng anh chậm rãi nhảy lên nhảy xuống trong nước và quăng người úp mặt vào trong lòng thuyền, chân vẫn vắt qua mép. Anh nghỉ ngơi, lơ mơ nhận thức được dòng máu của Dickie trơn tuột dưới lòng bàn tay, một thứ ấm ướt hòa lẫn với nước chảy ra từ mũi và miệng anh. Anh bắt đầu nghĩ trước khi có thể cử động, về con thuyền đầy máu và không thể trả lại, về cái động cơ mà anh sẽ phải ngồi dậy khởi động trong giây lát. Về phương hướng.

Về nhãn của Dickie. Anh cảm thấy chúng trong túi áo khoác. Chúng vẫn ở đó, sau cùng thì điều gì có thể xảy đến với chúng chứ? Anh ho sặc sụa, nước mắt làm nhòe tầm nhìn khi anh cố nhìn xung quanh xem có con thuyền nào gần đó hay đang tiến về phía này không. Anh dụi mắt. Không có con thuyền nào trừ cái xuồng nhỏ rục rờ ở đằng xa, vẫn đang lượn vòng cung, hoàn toàn không chú ý tới anh. Tom nhìn đáy thuyền. Anh *có thể* rửa sạch chúng không? Nhưng máu rất khó rửa, anh vẫn luôn nghe nói thế. Anh đã định trả thuyền và giả dụ nếu người trông thuyền hỏi bạn anh đâu thì anh sẽ nói đã thả anh ta lên bờ rồi. Giờ thì không thể trả nó lại được nữa.

Tom dịch chuyển cần gạt một cách cẩn trọng. Động cơ khởi động và đến điều đó cũng làm anh sợ, nhưng nó có vẻ dễ điều khiển nên cũng bớt đáng sợ hơn. Anh lái xiên về hướng bờ, phía Bắc San Remo. Có lẽ anh có thể tìm một chỗ nào đó, một cái vịnh nhỏ hoang vắng nào đó ở gần bờ nơi anh có thể đậu thuyền và bỏ đi. Nhưng nếu họ tìm được con thuyền thì sao? Vấn đề có vẻ nghiêm trọng. Anh cố trở lại trạng thái lạnh lùng. Tâm trí anh có vẻ bất lực khi không biết làm sao để phi tang con thuyền.

Giờ anh có thể thấy hàng thông, một đường bờ biển nâu vàng, khô hạn, vắng vẻ và một cánh đồng ô-liu xanh xơ xác. Tom chậm rãi lái thuyền qua phải rồi qua trái vùng biển đó, xem thử có người không. Chẳng có ai. Anh hướng tới bãi biển hẹp, nông, điều khiển cần gạt một cách cẩn trọng vì không dám chắc liệu nó có rờ lên nữa không. Rồi anh cảm thấy mặt đất xóc nảy dưới mũi thuyền. Anh chuyển cần gạt về chế độ FERMA và chuyển một cái cần gạt khác để tắt hẳn động cơ. Anh thận trọng bước ra ngoài, nước sâu khoảng hai lăm phân. Anh kéo con thuyền lên xa hết mức có thể, rồi mang hai cái áo khoác, dép sandal của anh và hộp nước hoa của Marge từ thuyền lên bãi biển. Cái vịnh nhỏ nơi anh đang đứng - rộng chưa đến năm mét - cho anh cảm giác an toàn và riêng tư. Không có bất kỳ dấu hiệu nào cho thấy từng có người đặt chân đến đây. Tom quyết định đánh chìm con thuyền.

Anh bắt đầu thu thập đá, tất cả đều to cỡ đầu người bởi vì đó là tất cả những gì anh đủ sức mang và thả từng hòn một vào trong thuyền, nhưng cuối cùng anh phải dùng những viên đá nhỏ hơn bởi vì không còn đá to ở gần. Anh làm việc không ngừng nghỉ, sợ mình sẽ bất tỉnh vì kiệt sức nếu cho phép bản thân thả lỏng dù chỉ một giây, anh có thể sẽ nằm ngay đơ ra đó cho tới khi bị người khác nhìn thấy. Khi chỗ đá gần như ngang bằng mép thuyền, anh đẩy con thuyền ra khỏi bờ và lắc lư nó ngày một mạnh hơn cho tới khi nước tràn qua mép. Khi thuyền bắt đầu chìm dần, anh đẩy nó ra vùng nước sâu hơn, vừa đi vừa đẩy cho tới khi nước cao tới tận eo anh và con thuyền chìm xuống quá tầm tay. Rồi anh lê thân quay lại bãi biển và nằm xuống đó một lúc, úp mặt xuống cát. Anh bắt đầu vạch kế hoạch quay về khách sạn, câu chuyện sẽ kể, những động thái kế tiếp: rời San Remo trước khi màn đêm buông xuống, quay về Mongibello. Và câu chuyện ở đó.



## CHƯƠNG 13

Mặt trời lặn là lúc những người Ý và mọi người khác trong làng, sau khi đã tắm rửa sạch sẽ và thay đồ, ngồi tụ tập bên những cái bàn trên vỉa hè của các quán cà phê, hau háu nhìn tất cả mọi người và mọi thứ ngang qua, háo hức đón xem mọi loại hình giải trí mà thị trấn có thể đem đến. Tom đi vào trong làng, chỉ mặc đúng quần bơi, sandal và áo khoác nhung của Dickie, kẹp quần và cái áo khoác dính một ít máu dưới cánh tay. Anh bước đi với vẻ thong dong chậm rãi vì đã kiệt sức, dù vẫn ngẩng cao đầu vì hàng trăm người đang nhìn anh chăm chăm khi anh đi qua các quán cà phê, con đường duy nhất tới khách sạn cạnh biển của mình. Anh đã tiếp sức cho mình với năm cốc espresso đầy đường và ba ly brandy ở một quán bar trên con đường ngay rìa San Remo. Giờ anh đang đóng vai một vận động viên trai trẻ đã dành cả chiều tập luyện bởi vì đó là sở thích đặc biệt của anh, một tay bơi giỏi và miễn nhiễm với nước lạnh, thích bơi đến tận cuối chiều trong một ngày lạnh giá. Anh về đến khách sạn, lấy chìa khóa ở bàn, lên phòng và gục xuống giường. Anh nghĩ sẽ tự cho mình một tiếng nghỉ ngơi, nhưng không được phép ngủ vì sợ sẽ mê man lâu hơn. Anh nghỉ ngơi và khi cảm thấy mình sắp chìm vào giấc ngủ, anh nhồm dậy, đi tới bồn rửa, làm ướt mặt, lấy một cái khăn ướt rồi về lại giường, đơn giản chỉ vẫy nó trong tay nó để ngăn mình không thiếp đi.

Cuối cùng anh đứng dậy và bắt đầu xử lý vết máu dây ra trên ống quần nhung của mình. Anh dùng xà phòng và bàn chải móng cọ liên tục cho đến khi mệt lử ra và tạm dừng một lúc để đóng va-li. Anh cất đồ của Dickie hệt như anh ta vẫn làm, bàn chải và kem đánh răng ở trong túi sau bên trái. Rồi anh quay lại với cái ống quần. Áo khoác của anh dính quá nhiều máu đến mức không bao giờ có thể mặc lại nữa,



anh sẽ phải tổng khứ nó đi, nhưng anh có thể mặc áo khoác của Dickie, vì nó cùng màu be và gần như cùng kích cỡ. Tom đã sao chép nguyên bộ đồ của Dickie, được may bởi cùng một thợ ở Mongibello. Anh cất áo khoác của mình vào trong vali. Rồi anh mang vali xuống và hỏi thanh toán.

Nhân viên lễ tân hỏi bạn anh đâu và Tom nói anh sẽ gặp bạn mình ở ga tàu. Cậu ta vui vẻ mỉm cười, chúc Tom, “*Chúc bạn có một chuyến đi vui vẻ.*”

Tom dừng lại ở một nhà hàng cách đó hai con đường và ép mình phải ăn một bát canh thịt lấy sức. Anh vẫn để ý xem có ông chủ thuyền người Ý không. Anh nghĩ, cái chính là phải rời khỏi San Remo ngay tối nay, nếu không có tàu hoặc xe buýt thì phải đi taxi tới thị trấn lân cận.

Ở ga tàu Tom được biết rằng có một chuyến tàu xuôi về phía Nam lúc mười giờ hai tư. Tàu giường nằm. Sáng mai tỉnh giấc ở Rome và đổi tàu về Naples. Mọi chuyện có vẻ dễ dàng và đơn giản một cách kỳ cục, trong một thoáng đột nhiên cảm thấy tự tin, anh nghĩ mình sẽ tới Paris vài ngày.

“*Đó là một khoảnh khắc,*” anh nói với người bán vé đang chuẩn bị giao vé cho anh. Tom đi vòng quanh vali của mình, nghĩ về Paris. Qua đêm. Chỉ để xem nó thế nào, trong hai ngày chẳng hạn. Việc anh có kể với Marge hay không không quan trọng. Đột nhiên anh lại gạt bỏ ý tưởng tới Paris. Anh sẽ không thể thư giãn được. Anh quá háo hức muốn về Mongibello và xử lý đồ đạc của Dickie.

Ga trải giường phẳng phiu, trắng phau trên chiếc giường trên tàu có vẻ là thứ xa hoa tuyệt diệu nhất mà anh từng biết. Anh lấy tay vuốt ve chúng trước khi tắt đèn. Tấm chăn màu xanh xám sạch sẽ, công dụng tuyệt vời của cái lưới nhỏ màu đen trên đầu anh - Tom chìm vào một khoảnh khắc ngất ngây khi nghĩ tới tất cả những niềm vui giờ đang bày ra trước mặt anh với số tiền của Dickie, những chiếc giường, bàn ghế, đại dương, tàu, vali, áo sơ mi, những năm tháng tự do, những

năm tháng khoái lạc. Rồi anh tắt đèn, ngả đầu xuống, gần như chìm vào giấc ngủ ngay lập tức, hạnh phúc, mãn nguyện và hoàn toàn tự tin, chưa từng cảm thấy tự tin đến vậy trong đời.

Ở Naples, anh dừng lại trong phòng vệ sinh nam của ga tàu và bỏ bàn chải và kem đánh răng của Dickie ra khỏi vali, cuộn chúng lại trong áo mưa cùng áo choàng nhung của anh và cái quần lốm đốm máu của Dickie. Anh mang cả đồng hồ đó ra khỏi ga tàu, băng qua đường và nhét nó vào trong một cái túi rác bằng vải bố nằm cạnh tường trong con hẻm nhỏ. Rồi anh ăn sáng với bánh cuộn và một ly cà phê sữa ở một quán cà phê gần bến xe buýt và lên chuyến xe cũ khởi hành lúc mười một giờ về Mongibello.

Anh xuống xe và gần như dừng ngay trước mặt Marge, người đang mặc đồ tắm và áo khoác trắng lưng thùng mà cô ta luôn mặc ra biển.

“Dickie đâu rồi?” Cô ta hỏi.

“Anh ấy ở Rome.” Tom mỉm cười một cách thoải mái, đã chuẩn bị tất cả. “Anh ấy sẽ ở đó vài ngày. Tôi về đây để lấy một ít đồ hộ anh ấy.”

“Anh ấy đang ở nhờ nhà ai à?”

“Không, chỉ ở trong một khách sạn.” Với một nụ cười có ý tạm biệt, Tom mang vali của mình lên đồi. Một giây sau anh nghe tiếng sandal của Marge loẹt quẹt đuổi theo. Tom đợi. “Mọi thứ trong ngôi nhà ngọt ngào của chúng ta thế nào?” Anh hỏi.

“À, vô vị. Như thường lệ.” Marge mỉm cười. Cô ta không thoải mái với anh. Nhưng cô ta vẫn theo anh vào nhà - cửa không khóa và Tom lấy chiếc chìa khóa sắt lớn mở cửa hiên từ chỗ thường lệ, sau một cái chậu gỗ mục nát chứa đất và một bụi cây sắp chết - và cả hai cùng ra hiên. Cái bàn đã bị dịch chuyển đôi chút. Trên xích đu có một quyển sách. Marge đã ở đây từ khi họ đi, Tom nghĩ. Anh chỉ mới đi có ba ngày ba đêm nhưng cảm giác như thể đã đi cả tháng.

“Skippy thế nào?” Tom hỏi một cách vui vẻ, mở tủ lạnh, lấy một cái khay đá ra. Skippy là một con chó lạc mà Marge đã mang về mấy ngày trước, một con chó xấu xí lông pha đen trắng mà Marge chăm bẵm và nuôi ăn như một người hầu già ân cần.

“Nó bỏ đi rồi. Tôi cũng không nghĩ nó sẽ ở lại.”

“Ồ.”

“Có vẻ như anh đã rất vui vẻ,” Marge nói, có phần dăm chiêu.

“Chúng tôi đã rất vui.” Tom mỉm cười. “Tôi pha nước cho cô nhé?”

“Không, cảm ơn. Anh nghĩ Dickie sẽ đi vắng bao lâu?”

“À -” Tom cau mày trầm ngâm. “Tôi cũng không nắm được. Anh ấy nói muốn xem nhiều buổi triển lãm nghệ thuật ở đó. Tôi thì nghĩ anh ấy chỉ đang thích có chút thay đổi môi trường.” Tom rót cho mình một cốc gin dầy, thêm soda và một lát chanh. “Tôi đoán anh ấy sẽ quay lại sau một tuần. Mà tiện đây!” Tom lấy vali và lôi hộp nước hoa ra. Anh đã bỏ giấy bọc của cửa hàng vì nó dính máu. “Stradivari của cô. Chúng tôi đã mua được nó ở San Remo.”

“Ôi, cảm ơn - rất nhiều.” Marge nhận lấy nó, mỉm cười và bắt đầu mở ra, cẩn thận, mơ màng.

Tom căng thẳng dạo quanh hiên với cốc rượu của mình, không nói một lời với Marge, chờ cô ta ra về.

“À Marge nói khi đi ra hiên. “Anh sẽ ở bao lâu?”

“Ở đâu?”

“Ở đây.”

“Chỉ đêm nay thôi. Mai tôi sẽ tới Rome. Có thể là vào buổi chiều,” anh nói thêm, vì mai anh không thể lấy thư trước hai giờ.

“Chắc là tôi sẽ không gặp lại anh, trừ phi anh ra biển,” Marge nói, cố tỏ ra thân thiện. “Chúc anh vui vẻ phòng trường hợp tôi không gặp lại anh nữa. Mà bảo Dickie viết bưu thiếp về nhé. Anh ấy đang ở khách sạn nào thế?”

“À, ừm, tên nó là gì nhỉ? Chỗ gần quảng trường Spagna ý?”

“Khách sạn Inghilterra?”

“Đúng thế. Nhưng tôi nghĩ anh ấy sẽ lấy địa chỉ thư ở American Express.” Cô ta sẽ không cố gọi điện cho Dickie, Tom nghĩ. Và mai anh sẽ có ở khách sạn để nhận thư nếu cô ta gửi đi. “Có thể sáng mai tôi sẽ ra biển,” Tom nói.

“Được rồi. Cảm ơn vì nước hoa.”

“Đừng khách sáo thế!”

Cô ta ra lối đi dẫn tới cổng sắt và ra về.

Tom nhấc vali lên và chạy lên phòng ngủ của Dickie. Anh kéo ngăn tủ trên cùng của Dickie ra: thư, hai quyển sổ địa chỉ, vài quyển sổ tay nhỏ, một cái đồng hồ dây, vài cái chìa khóa lẻ và giấy tờ chính sách bảo hiểm nào đó. Anh mở các ngăn tủ khác ra, lần lượt từng cái một và cứ để chúng mở. Áo sơ mi, quần đùi, áo len gấp gọn và những chiếc tất vứt lộn xộn. Trong góc phòng có một núi cặp giấy và sổ vẽ đã cũ. Có rất nhiều việc phải làm. Tom cởi sạch đồ, trần truồng chạy xuống cầu thang và tắm nước lạnh thật nhanh, rồi mặc chiếc quần dài trắng cũ của Dickie đang treo trên một cái đinh trong tủ.

Anh bắt đầu từ ngăn kéo đầu tiên vì hai lý do: những bức thư gần đây rất quan trọng phòng trường hợp có những tình huống gấp cần phải được giải quyết ngay lập tức và cũng vì, trong trường hợp Marge tình cờ quay lại vào buổi chiều, trông anh không giống đang tháo dỡ mọi thứ quá nhanh. Nhưng ít nhất anh có thể bắt đầu, ngay từ chiều nay, đóng những bộ đồ đẹp nhất của Dickie vào mấy vali lớn nhất của anh ta, Tom nghĩ.

Đến nửa đêm Tom vẫn đang tà tà dọn dẹp ngôi nhà. Mấy chiếc vali của Dickie đều đã chất đầy đồ đạc, giờ anh đang ước tính xem đồ đạc trong nhà đáng giá bao nhiêu, mình nên để lại cho Marge thứ gì và nên giải quyết chỗ đồ còn lại như thế nào. Marge có thể giữ cái tủ lạnh chết tiệt đó. Điều đó hẳn sẽ làm hài lòng cô ta. Cái tủ chạm trần trong

phòng giải lao mà Dickie dùng cất đồ đông đồ lạnh cũng phải giá trị vài trăm đô la, Tom nghĩ. Anh ta từng nói nó bốn trăm năm tuổi khi Tom hỏi chuyện. Cinquecento. Anh định nhờ ông Pucci, phó quản lý của Miramare, làm môi giới bán nhà và nội thất. Và bán cả thuyền nữa. Dickie đã kể với anh là ông Pucci làm những việc như vậy hộ dân làng.

Anh đã muốn mang toàn bộ đồ đạc của Dickie thẳng tới Rome, nhưng cân nhắc đến việc Marge có thể nghi ngờ khi thấy anh mang theo từng ấy đồ đạc trong một khoảng thời gian ngắn chừng là rất ngắn ngủi, anh quyết định tốt hơn hết là cứ giả vờ rằng sau này Dickie mới quyết định chuyển hẳn về Rome.

Tom xuống bưu điện vào khoảng ba giờ chiều hôm sau, nhận một bức thư thú vị từ một người bạn ở Mỹ gửi cho Dickie. Không có thư nào cho anh cả, nhưng khi từ tốn đi bộ về nhà, anh tưởng tượng mình đang đọc một bức thư từ Dickie. Anh tưởng tượng ra chính xác từng từ để có thể trích dẫn cho Marge, nếu buộc phải làm và thậm chí anh còn bắt mình cảm thấy đôi chút ngạc nhiên theo đúng lẽ thường trước sự đổi ý của Dickie.

Ngay khi về nhà, anh bắt đầu đóng gói những bức tranh và những món đồ lạnh tốt nhất của Dickie vào một hộp các-tông lớn mà anh lấy từ Aldo, chủ cửa hàng tạp hóa trên đường lên đồi. Anh làm việc một cách bình tĩnh và có kế hoạch, chờ Marge ghé qua bất kỳ lúc nào, nhưng phải sau bốn giờ cô ta mới đến.

“Vẫn ở đây à?” Cô ta hỏi khi đi vào phòng của Dickie.

“Phải. Hôm nay tôi nhận được một bức thư từ Dickie. Anh ấy đã quyết định sẽ chuyển đến Rome.” Tom đứng thẳng dậy và mỉm cười, như thể chính anh cũng ngạc nhiên. “Anh ấy muốn tôi mang theo toàn bộ đồ đạc của anh ấy, tất cả những gì mà tôi có thể xử lý được.”

“*Chuyển* đến Rome? Bao lâu?”

“Tôi không biết. Rõ ràng là hết mùa đông.” Tom tiếp tục thắt các bức tranh sơn dầu.

“Cả mùa đông anh ấy sẽ không quay lại sao?” Marge lặc giọng hỏi.

“Không. Anh ấy nói có thể còn bán cả ngôi nhà này. Anh ấy vẫn chưa quyết định hẳn.”

“Trời ơi! - Đã có chuyện gì xảy ra?”

Tom nhún vai. “Rõ ràng là anh ấy muốn dành cả mùa đông ở Rome. Anh ấy nói sẽ viết thư cho cô đấy. Tôi tưởng cô cũng nhận được một bức thư chiều nay chứ.”

“Không.”

Im lìm. Tom vẫn tiếp tục làm việc. Anh nhận ra rằng anh hoàn toàn chưa thu dọn đồ đạc của mình. Anh thậm chí còn chưa vào phòng mình.

“Anh ấy vẫn tới Cortina phải không?” Marge hỏi.

“Không đâu. Anh ấy nói sẽ viết thư cho Freddie và hủy vụ đó. Nhưng cô vẫn có thể tham dự mà không cần anh ấy.” Tom quan sát cô ta. “Tiện đây, Dickie nói muốn cô lấy cái tủ lạnh đấy. Cô có thể nhờ ai đó giúp chuyển nó.”

Món quà tủ lạnh không hề có tác động gì tới khuôn mặt chết lạng của Marge. Tom biết cô ta đang tự hỏi có phải anh sẽ sống cùng Dickie hay không, rất có thể cô ta đã tự kết luận điều đó dựa trên thần thái tươi vui của anh. Tom thấy câu hỏi đã chực chờ trên môi cô ta - đối với anh cô ta dễ nhìn thấu như một đứa trẻ vậy - rồi cô ta hỏi, “Anh sẽ ở Rome cùng anh ấy à?”

“Có thể là trong thời gian đầu. Tôi sẽ giúp anh ấy ổn định ở đó. Tháng này tôi muốn tới Paris, rồi tôi đoán tầm giữa tháng Mười hai tôi sẽ quay lại Mỹ.”

Marge trông có vẻ chán nản. Tom biết cô ta đang mừng tưng ra những tuần lễ cô đơn trước mặt – kể cả khi Dickie có định kỳ ghé qua Mongibello thăm cô ta đi nữa - những buổi sáng Chủ nhật trống rỗng,

những bữa ăn lẻ loi. “Anh ấy định làm gì trong Giáng sinh? Anh nghĩ anh ấy muốn đón lễ ở đây hay ở Rome?”

Tom nói có phần bực dọc, “À, tôi không nghĩ là ở đây. Tôi có cảm giác anh ấy muốn ở một mình.”

Giờ cô ta sốc đến mức chết lặng và tổn thương. Cứ đợi tới khi cô ta nhận được bức thư mà anh sẽ viết từ Rome, Tom nghĩ. Tất nhiên, anh sẽ dịu dàng với cô ta, dịu dàng như Dickie vậy, nhưng không thể nhầm lẫn việc Dickie không muốn gặp lại cô ta nữa.

Vài phút sau, Marge đứng dậy và lơ đãng chào tạm biệt. Tom đột nhiên cảm thấy hôm nay cô ta sẽ gọi điện cho Dickie.

Hoặc thậm chí còn có thể đi tới Rome. Nhưng nếu cô ta làm thế thì có sao? Dickie có thể đã đổi khách sạn. Và có đủ khách sạn ở Rome để khiến cô ta bận rộn vài ngày, dù cô ta có tới tìm anh ta đi nữa. Khi không tìm được anh ta, dù bằng điện thoại hay trực tiếp ở Rome, cô ta sẽ cho rằng anh ta đã tới Paris hoặc một thành phố nào khác với Tom Ripley.

Tom đọc lướt qua tờ báo từ Naples để tìm bài báo về một con thuyền đắm được tìm thấy gần San Remo. *Phát hiện một chiếc thuyền chìm gần San Remo*, tiêu đề hẳn sẽ nói vậy. Và họ sẽ nặng cả lên với những vết máu trên thuyền, nếu chúng vẫn còn ở đó. Đó là những gì mà mấy tờ báo Ý thích viết trong những bài báo cường điệu của họ: “Giorgio di Stefani, một thanh niên đánh cá ở San Remo, lúc ba giờ chiều ngày hôm qua đã có một phát hiện kinh khủng nhất ở độ sâu hai mét dưới mực nước biển. Một chiếc thuyền máy nhỏ, bên trong đầy những vết máu khủng khiếp...” Nhưng không thấy gì trên báo hết. Ngày hôm qua cũng không. Có thể phải mất vài tháng người ta mới tìm thấy nó, anh nghĩ. Hoặc có thể nó sẽ chẳng bao giờ bị tìm thấy. Và cho dù họ tìm ra đi nữa thì làm sao họ biết Dickie Greenleaf và Tom Ripley đã đi cùng nhau chứ? Họ không hề báo tên với ông chủ thuyền người Ý ở San Remo. Ông ta chỉ đưa cho họ một cái vé màu vàng cam nhỏ xíu mà anh cất trong túi áo, sau đó tìm thấy và hủy đi.

Tom rời khỏi Mongibello bằng taxi vào khoảng sáu giờ, sau khi uống một cốc espresso ở Giorgio để chào tạm biệt Giorgio, Fausto và vài người quen khác trong làng của anh và Dickie. Anh kể với tất cả bọn họ cùng một câu chuyện, rằng anh Greenleaf sẽ ở Rome hết mùa đông và anh ấy gửi lời chào cho tới khi gặp lại họ. Tom nói rằng không nghi ngờ gì, chẳng bao lâu nữa Dickie sẽ về thăm lại nơi đây.

Anh đã đem đồng hồ lanh và tranh của Dickie cho American Express đóng thùng chiều hôm đó và những thùng này được gửi tới Rome cùng với một cái hòm và hai cái vali khá nặng của Dickie, sẽ được Dickie Greenleaf nhận lại ở Rome. Tom mang hai vali của anh và một cái khác của Dickie lên taxi. Anh đã nói chuyện với ông Pucci ở Miramare và nói rằng có khả năng anh Greenleaf muốn bán nhà và đồ đạc, liệu ông ta có thể xử lý nó hộ được không? Ông ta nói rất sẵn lòng làm việc đó. Tom cũng đã nói chuyện với Pietro, người canh cầu cảng và nhờ anh ta để ý xem có ai muốn mua con thuyền *Pipistrello* không, vì khả năng cao là anh Greenleaf sẽ muốn tống khứ nó đi trong mùa đông này. Tom báo rằng anh Greenleaf sẽ muốn nó ra đi với giá năm trăm nghìn lia, chưa đến tám trăm đô la, một mức giá khá hời cho một con thuyền dành cho hai người, Pietro nghĩ mình có thể bán nó chỉ trong vài tuần.

Trên tàu tới Rome, Tom cẩn thận soạn trước trong đầu bức thư gửi cho Marge đến mức thuộc lòng và khi tới khách sạn Hassler, anh dùng máy đánh chữ Hermes Baby của Dickie mà anh mang theo và ngay lập tức viết bức thư.

*Rome*

*28 tháng 11, 19-*

*Marge thân,*

*Anh đã quyết định thuê một căn nhà ở Rome trong mùa đông này, chỉ để thay đổi không khí và rời khỏi Mongy cũ kỹ một thời gian. Anh chỉ muốn được ở một mình. Anh xin lỗi vì chuyện này quá đột ngột và anh không có cơ hội chào tạm biệt em, nhưng thật ra thì anh cũng*



không ở xa lắm và anh hy vọng thỉnh thoảng sẽ được gặp em. Anh không thích việc đóng gói đồ đạc, nên đã quẳng gánh nặng đó cho Tom.

Về chuyện chúng ta, anh nghĩ nếu chúng ta dừng gặp nhau một thời gian thì cũng chẳng có hại gì và có thể còn cải thiện mọi chuyện. Anh có một cảm giác tồi tệ là anh đang làm em thấy chán, dù em thì không hề làm anh chán và xin đừng nghĩ rằng anh đang chạy trốn điều gì cả. Ngược lại, Rome sẽ đưa anh lại gần thực tại hơn. Mongy chắc chắn không làm được điều đó. Một phần cảm giác không hài lòng của anh liên quan đến em. Tất nhiên, việc anh bỏ đi không giải quyết được gì hết, nhưng nó sẽ giúp anh hiểu được tình cảm thực sự của mình đối với em. Vì lý do này, anh muốn dừng gặp em một thời gian, em yêu và anh hy vọng em sẽ thông cảm cho quyết định này của anh. Nếu em không thể - thì anh cũng không thể ép em, đó là nguy cơ anh chấp nhận. Anh có thể sẽ tới Paris vài tuần với Tom, vì anh ta đang muốn đến đó chết đi được. Kế hoạch là vậy, trừ phi anh bắt đầu vẽ bức tranh mới ngay lập tức. Mới gặp một họa sĩ tên là Di Massimo, anh rất thích các tác phẩm của ông ta, một ông chú già không có nhiều tiền và có vẻ rất sẵn lòng nhận anh làm học trò nếu anh chịu trả một ít học phí. Anh sẽ ở phòng vẽ của ông và vẽ cùng ông ta.

Thành phố này thật tuyệt với các vòi phun nước hoạt động suốt đêm và mọi người thức cả đêm, ngược hẳn với Mongy cũ kỹ. Em đã hiểu nhầm về Tom. Anh ta sẽ quay lại Mỹ sớm và anh cũng không quan tâm khi nào, dù anh ta thật sự không tệ và anh cũng không ghét anh ta. Dẫu sao đi nữa, anh ta cũng chẳng liên quan gì tới chuyện của chúng ta và anh hy vọng em nhận ra điều đó.

Viết thư cho anh qua địa chỉ American Express, Rome cho tới khi anh biết mình sẽ ở đâu nhé. Sẽ báo tin cho em khi anh tìm được một căn hộ. Trong lúc đó cứ giữ cho nhà luôn ấm áp, tủ lạnh luôn hoạt động và cả máy đánh chữ của em cũng vậy. Anh hết sức xin lỗi về vụ

*Giáng sinh, em yêu, nhưng anh không nghĩ mình nên gặp lại em sớm như vậy và em có thể ghét anh vì điều đó hoặc không.*

*Trọn tình yêu,*

*Dickie*

Tom vẫn đội mũ từ khi đi vào khách sạn và anh đã đưa hộ chiếu của Dickie thay vì hộ chiếu của anh cho quầy lễ tân, dù các khách sạn, như anh đã để ý, chẳng bao giờ nhìn vào ảnh mà chỉ sao chép số hộ chiếu. Anh đã ký tên đăng ký với chữ ký khá là thoáng và bay bướm của Dickie, hai chữ R và G lớn lồng vào nhau. Khi đi ra ngoài để gửi thư, anh tới một hàng dược phẩm cách đó vài con phố và mua vài món đồ trang điểm mà anh nghĩ có thể mình cần. Anh đã trêu chọc cô gái bán hàng người Ý, khiến cô ta nghĩ rằng anh mua chúng cho vợ, người đã đánh mất bộ trang điểm và đang ở lý trong khách sạn với cái bụng lép kẹp.

Anh dành cả tối hôm đó tập ký chữ ký của Dickie cho séc ngân hàng. Khoản tiền được nhận hàng tháng của anh ta sẽ từ Mỹ đến trong chưa đầy mười ngày nữa.

## CHƯƠNG 14

Ngày hôm sau anh chuyển tới khách sạn Europa, một khách sạn giá tầm trung gần Via Veneto, vì Hassler hào nhoáng hơn đôi chút, anh nghĩ, loại khách sạn như vậy thường được những người mê điện ảnh ghé thăm, nên Freddie Miles hoặc những người quen Dickie giống anh ta có thể sẽ chọn ở đó nếu họ tới Rome.

Tom đã có những cuộc đối thoại tưởng tượng với Marge, Fausto và Freddie trong phòng khách sạn của mình. Marge là người có khả năng đến Rome nhất, anh nghĩ. Anh sẽ nói chuyện với cô ta với tư cách là Dickie nếu đó là một cuộc trò chuyện qua điện thoại và với tư cách là Tom nếu phải gặp mặt trực tiếp. Ví dụ, cô ta có thể xuất hiện bất ngờ ở Rome, tìm ra khách sạn và đòi lên phòng của anh, trong trường hợp đó anh sẽ phải tháo nhẫn của Dickie và thay quần áo của mình vào.

“Tôi không biết,” anh sẽ nói với cô ta bằng giọng của Tom. “Cô biết anh ấy thế nào rồi đấy - thích cảm thấy mình tự do, được thoát khỏi mọi thứ. Anh ấy nói tôi có thể dùng phòng khách sạn của anh ấy vài ngày, bởi vì hệ thống sưởi phòng tôi vô tình quá tệ... À, anh ấy sẽ quay lại sau vài ngày, hoặc sẽ có một tấm bưu thiếp nói anh ấy vẫn ổn. Anh ấy đi cùng Di Massimo tới một thị trấn nhỏ nào đó để xem vài bức tranh trong một nhà thờ.”

(“Anh không biết anh ấy đã đi về hướng Bắc hay hướng Nam à?”)

“Tôi thật sự không biết. Tôi đoán là hướng Nam. Nhưng biết điều đó thì có ích gì cho chúng ta đâu?”

“Chỉ do tôi xui quá nên mới không gặp anh ấy đúng không? Vì sao anh ấy không nói mình đi đâu chứ?”)

“Tôi biết. Tôi cũng đã hỏi anh ấy. Đã tìm khắp phòng xem có bản đồ hay bất kỳ thứ gì khác có thể cho biết anh ấy định đi đâu hay không. Anh ấy chỉ vừa gọi cho tôi ba ngày trước và bảo tôi có thể dùng phòng của anh ấy nếu muốn.”

Tập vào vai chính bản thân mình một lần nữa là một ý hay, bởi vì có thể sẽ đến một lúc anh cần làm vậy trong vài giây và chẳng hiểu sao thật dễ quên đi âm sắc chính xác của Tom Ripley. Anh nói chuyện với Marge cho tới khi giọng của anh vang lên bên tai nghe giống hệt như trí nhớ của anh.

Nhưng phần lớn thời gian anh là Dickie, đàm thoại bằng giọng trầm với Freddie và Marge, đàm thoại từ xa với mẹ của Dickie, với Fausto, với một người lạ mặt ở một bữa tiệc tối. Anh trò chuyện bằng tiếng Anh và tiếng Ý. Cái đài radio nhỏ của Dickie được bật lên để nếu có nhân viên khách sạn nào đó đi ngang qua hành lang và tình cờ biết ngài Greenleaf ở một mình thì cũng không nghĩ là anh bị điên. Thịnh thoảng, nếu bài hát phát trên radio là bài Tom thích thì anh sẽ khiêu vũ một mình, nhưng nhảy giống như cách Dickie sẽ khiêu vũ với một cô gái. Anh từng một lần thấy anh ta nhảy với Marge trên hiên quán Giorgio và một lần ở Giardino degli Orangi ở Naples - nhảy những bước dài nhưng khá cứng, khó có thể gọi là nhảy giỏi. Mỗi khoảnh khắc đối với Tom đều sung sướng vô ngần, dù ở một mình trong phòng hay đi bộ trên những con phố của Rome, khi anh kết hợp ngắm cảnh với việc tìm một căn hộ. Anh nghĩ không đời nào có chuyện cảm thấy cô đơn hay buồn chán chừng nào anh còn là Dickie Greenleaf.

Họ chào đón anh với cái tên Greenleaf ở American Express, nơi anh lấy thư. Bức thư đầu tiên của Marge viết:

*Dickie,*

Thì đúng là có hơi ngạc nhiên một chút. Em tự hỏi điều gì đột nhiên choán lấy tâm trí anh ở Rome hay ở San Remo hay bất kể nơi đó là đâu đi nữa? Tom hết sức mờ ám, chỉ nói rằng anh ta sẽ ở cùng anh. Còn việc anh ta nói sẽ về Mỹ, chừng nào được tận mắt chứng kiến em mới tin. Dù đây không phải việc của em, bạn ạ, nhưng em có thể nói là mình không thích gã đó không? Theo quan điểm của em hoặc của bất kỳ ai khác, anh ta đang lợi dụng anh vì những điều kiện của anh. Nếu anh muốn thay đổi cho tốt hơn, vì Chúa hãy đẩy anh ta ra xa. Được rồi, có thể anh ta không đồng tính. Chỉ đơn giản anh ta chẳng là cái gì cả và điều đó còn tệ hơn. Anh ta còn không đủ bình thường để có bất kỳ một đời sống tình dục nào, nếu anh hiểu ý em. Tuy nhiên, người em quan tâm không phải Tom mà là anh. Phải, em có thể chịu đựng vài tuần không có anh, anh yêu và thậm chí là qua cả Giáng sinh, dù em không thích nghĩ về dịp lễ đó nữa. Em cũng muốn không nghĩ về anh và - như anh đã nói - cứ để mọi chuyện tự nhiên. Nhưng không thể không nghĩ về anh ở đây vì mọi góc ngách của ngôi làng này đều bị anh ám mất rồi, đối với em là vậy và đặc biệt trong căn nhà này, mọi nơi em nhìn đều có bóng dáng của anh, hàng cây chúng ta đã trồng, hàng rào chúng ta bắt đầu sửa và chẳng bao giờ sửa xong, những quyển sách em đã mượn anh và chẳng bao giờ trả lại. Và cả ghế của anh ở bàn, đó là điều làm em nhớ nhất.

Tiếp tục với việc chĩa mũi vào chuyện của người khác, em không nói là Tom sẽ làm bất kỳ chuyện gì xấu xa với anh, nhưng em biết anh ta có chút ảnh hưởng xấu với anh. Anh có biết là khi ở cạnh anh ta, anh xử sự như thế có phần xấu hổ không? Anh đã bao giờ thử suy nghĩ về điều đó chưa? Em nghĩ anh đã bắt đầu nhận ra tất cả những chuyện này trong vài tuần vừa qua, nhưng giờ anh lại dính với anh ta và thành thật mà nói, bạn thân mến, em không biết nên nghĩ sao nữa. Nếu anh thật sự “không quan tâm khi nào” anh ta bay về, vì Chúa hãy đuổi anh ta đi luôn đi! Anh ta sẽ chẳng bao giờ giúp anh hay bất kỳ ai

khác hiểu rõ được một chuyện gì hết. Thật ra thì anh ta chỉ quan tâm đến việc làm anh rối trí và bầu vú vào anh và bố anh thôi.

Cảm ơn nhiều vì lọ nước hoa, anh yêu. Em sẽ để dành nó - phần lớn - đợi lần tới em gặp anh. Em chưa mang tủ lạnh sang nhà em đâu. Anh có thể lấy nó về bất kỳ lúc nào anh muốn.

Có thể Tom đã kể lại cho anh chuyện Skippy trốn đi. Em có nên bắt một con tắc kè và buộc dây quanh cổ nó không? Em phải xử lý bức tường nhà ngay lập tức trước khi nó mọc lên hết và đổ sập xuống người em. Ước gì anh ở đây, anh yêu - tất nhiên rồi.

Vô vàn yêu thương và nhớ viết thư đây,

XX

Marge

Gửi tới American Express

Rome

12 tháng 12, năm 19-

Mẹ và bố thân yêu,

Con đang ở Rome, tìm một căn hộ để ở, dù con chưa tìm được căn nào ưng ý hết. Các căn hộ ở đây hoặc quá to hoặc quá nhỏ và nếu nó quá to thì mùa đông con sẽ phải đóng hết tất cả các phòng lại, chỉ trừ một phòng duy nhất để nó làm ấm hiệu quả. Con đang cố gắng tìm một chỗ cỡ vừa, giá tiền tầm tầm mà con có thể sưởi ấm hoàn toàn mà không tốn cả một gia tài cho nó.

Xin lỗi vì dạo này con ít viết thư quá. Con hy vọng mình sẽ viết nhiều hơn với cuộc sống êm đềm con đang tận hưởng nơi đây. Con cảm thấy mình cần một sự thay đổi so với Mongibello - như hai người vẫn nói lâu nay - nên con đã chuyển đóng hành lý linh kinh và thậm chí có thể còn bán cả nhà và thuyền nữa. Con đã gặp một họa sĩ tuyệt

vời có tên Di Massimo, người sẵn lòng hướng dẫn cho con trong phòng vẽ của ông ta. Con sẽ làm việc hết mình trong vài tháng xem kết quả thế nào. Đây gần như là một thời kỳ thử nghiệm. Bố, con nhận ra rằng điều này không hấp dẫn bố, nhưng vì bố vẫn luôn hỏi con dùng thời gian làm gì, thì đây. Con sẽ sống cuộc sống yên bình, chăm chỉ cho tới hè năm sau.

Nhân đây, bố có thể gửi cho con các hồ sơ mới nhất từ Burke-Greenleaf không? Con muốn cập nhật những gì bố đang làm và lâu lắm rồi con không nhận được gì.

Mẹ, con hy vọng mẹ đã không phải bận tâm nhiều về Giáng sinh của con. Con thật sự không nghĩ ra được con cần gì cả. Mẹ thế nào rồi? Mẹ có thể đi lại nhiều không? Ví dụ như đi nhà hát, hoặc đâu đó? Cậu Edward thế nào rồi? Gửi lời chúc của con tới cậu và cập nhật tình hình cho con nhé.

Yêu thương,

Dickie

Tom đọc lại nó, quyết định rằng có thể có quá nhiều dấu phẩy nên kiên nhẫn gõ lại và ký tên. Anh đã từng đọc một bức thư dang dở Dickie gửi cho bố mẹ ở máy đánh chữ của anh ta và anh hiểu phong cách chung của Dickie. Anh biết rằng anh ta chưa từng dành hơn mười phút để viết bất kỳ bức thư nào. Nếu bức thư này có gì khác biệt, Tom nghĩ, thì chỉ có thể là ở chỗ nó có phần riêng tư và nhiệt tình hơn thường lệ. Anh cảm thấy tương đối hài lòng với bức thư khi đọc lại nó lần thứ hai. Cậu Edward là một người em của bà Greenleaf, ông ta bị ung thư gì đó và phải nằm trong một bệnh viện ở Illinois, Tom biết điều này qua bức thư gần đây nhất mẹ Dickie gửi cho anh ta.

Vài ngày sau anh bay tới Paris. Anh đã gọi điện cho khách sạn Inghilterra trước khi rời Rome: không thư từ hay điện thoại cho Richard Greenleaf. Anh hạ cánh xuống Orly lúc năm giờ chiều. Cán bộ cửa khẩu đóng dấu vào hộ chiếu của anh sau khi chỉ mới liếc vội

nhìn anh, dù Tom đã làm tóc sáng lên đôi chút với thuốc nhuộm và tạo sóng cho nó nhờ dầu tóc. Vì người kiểm tra hộ chiếu, anh thậm chí còn trưng ra vẻ mặt khá căng thẳng, cau có đúng như hình ảnh trong hộ chiếu của Dickie. Tom ở tại khách sạn Hotel du Quai-Voltaire, nó được vài người Mỹ mà anh làm quen trong một quán cà phê ở Rome giới thiệu. Họ bảo nó nằm ở vị trí thuận tiện và không có quá nhiều người Mỹ. Rồi anh tản bộ trong một buổi tối tháng Mười hai mù sương, lạnh lẽo. Anh ngẩng cao đầu và mặt luôn nở nụ cười. Đó là bầu không khí của thành phố mà anh yêu thích, bầu không khí mà anh luôn nghe nói đến, những con đường quanh co, những tòa nhà tường xám với cửa sổ áp mái, tiếng còi xe inh ỏi và đâu đâu cũng có các chỗ đi tiểu và cột dán đầy áp phích nhà hát màu sắc rực rỡ. Anh muốn để bầu không khí ấy từ từ thấm vào người, có thể là qua vài ngày, trước khi anh ghé thăm bảo tàng Louvre, hoặc lên tháp Eiffel, hoặc làm những việc tương tự như vậy. Anh mua một tờ *Pigaro*, ngồi xuống một cái bàn ở Dôme, gọi một cốc *fine à l'eau*, vì Dickie từng nói rằng đây là loại đồ uống quen thuộc của anh ta ở Pháp. Tiếng Pháp của Tom không tốt lắm, nhưng Dickie cũng chẳng khá gì hơn. Có vài người quan sát anh một cách thú vị sau cửa kính của quán cà phê, nhưng không một ai tiến tới bắt chuyện. Tom đã chuẩn bị sẵn sàng chờ ai đó nhóm dậy từ một cái bàn vào bất kỳ lúc nào, lại gần và nói, “Dickie Greenleaf! Có thật là anh đấy không?”

Anh không làm gì quá giả tạo để thay đổi diện mạo của mình, nhưng điệu bộ của anh, Tom nghĩ, giờ giống hệt Dickie. Anh đeo nụ cười chào đón đầy nguy hiểm với người lạ, mà anh cho là nên dành nó cho bạn cũ hay người tình. Đó là nụ cười đẹp và đặc trưng nhất của Dickie khi anh ta đang vui. Tom cũng đang vui. Đây là Paris. Thật tuyệt vời khi được ngồi trong một quán cà phê nổi tiếng, nghĩ đến những ngày sau đó đều là Dickie Greenleaf! Khuy măng-sét, áo lụa trắng, thậm chí đến cả những món đồ cũ - cái thắt lưng nâu cũ mềm với mặt đồng; đôi giày da màu nâu sậm, loại được quảng cáo trong



cuốn *Punch* là bền đến trọn đời; cái áo len màu mù tạt với hai cái túi trĩu xuống, tất cả chúng là của anh và anh yêu tất cả. Cả cây bút máy đen có những chữ cái in hoa nữa. Cả ví, chiếc ví Gucci bằng da cá sấu cũ mềm và cả đồng tiền nhét bên trong đó.

Đến chiều hôm sau, anh đã được mấy người mời đến một bữa tiệc ở Đại lộ Kléber - một cô nàng người Pháp và một chàng trai người Mỹ - anh đã tán gẫu cùng họ trong một nhà hàng cà phê lớn trên đường Saint-Germain. Bữa tiệc có ba mươi đến bốn mươi người, phần lớn là trung niên, đứng chờ ra trong một căn hộ rộng, lạnh lẽo, khá nghiêm túc. Tom nhận ra ở châu Âu, việc sưởi không quá ấm trong mùa đông là dấu hiệu của sự thanh lịch, như những ly martini không đá vào mùa hè. Như lần anh chuyển tới một khách sạn đắt tiền ở Rome với hy vọng được ấm áp hơn và rồi phát hiện ra khách sạn đắt tiền hơn thậm chí còn lạnh hơn. Tom cho rằng căn nhà này cũng thanh lịch đấy, theo một phong cách cổ điển u ám. Có một quản gia và một cô hầu, một bàn rộng đầy *bánh nướng*, gà tây thái lát, những miếng bánh gato nhỏ xinh, một cơ sở rượu sâm-panh, dù vậy, vỏ bọc ghế sofa và những tấm rèm dài ở cửa sổ đã mòn chỉ và xơ xác theo thời gian và anh cũng nhìn thấy vài hang chuột trong hành lang cạnh thang máy. Ít nhất nửa tá vị khách mà anh được giới thiệu cho là bá tước và bá tước phu nhân. Một người Mỹ kể cho Tom biết rằng hai người đã mời anh tới đây chuẩn bị kết hôn với nhau, nhưng cha mẹ cô gái không mấy hài lòng. Không khí trong căn phòng lớn có chút căng thẳng và Tom cố gắng dễ thương hết mức có thể đối với tất cả mọi người, kể cả những người Pháp nghiêm nghị mà anh chẳng thể nói với họ nhiều hơn câu "*Nó rất đẹp phải không?*" Anh đã cố hết sức và ít nhất cũng giành được một nụ cười từ cô nàng người Pháp đã mời anh dự tiệc. Anh thấy mình may mắn vì được ở đó. Có bao nhiêu người Mỹ đơn độc ở Paris có thể được mời tới một ngôi nhà Pháp chỉ sau khoảng một tuần ở thành phố này? Người Pháp đặc biệt cẩn trọng trong việc mời người lạ về nhà, Tom vẫn luôn nghe nói là vậy. Có vẻ không

người Mỹ nào ở đây biết tên anh. Tom cảm thấy hết sức thoải mái, trước đây anh chưa từng trải qua cảm giác như vậy ở bất kỳ một bữa tiệc nào mà anh nhớ. Anh hành xử như cách anh vẫn luôn muốn hành xử ở các bữa tiệc. Đây chính là sự khởi đầu mới mà anh đã nghĩ tới khi ở trên con tàu rời nước Mỹ. Đây chính là sự thủ tiêu quá khứ và con người cũ của anh, Tom Ripley, người được tạo nên từ quá khứ ấy, để tái sinh thành một con người hoàn toàn mới. Một phụ nữ Pháp và hai người Mỹ mời anh dự tiệc, nhưng Tom từ chối với cùng một lý do: “Vô cùng cảm ơn, nhưng ngày mai tôi sẽ rời Paris.”

Tom nghĩ kết thân với bất kỳ ai trong số họ đều không được lợi lộc gì. Một người trong đó có thể quen ai đó biết rõ Dickie, ai đó có thể có mặt ở bữa tiệc kế tiếp.

Lúc mười một giờ mười lăm, khi anh tạm biệt nữ chủ nhân của bữa tiệc cùng phụ huynh của cô ta, trông họ có vẻ vô cùng tiếc nuối tiễn anh đi. Nhưng anh muốn đến nhà thờ Đức Bà trước nửa đêm. Đêm nay là đêm Giáng sinh.

Mẹ của cô gái hỏi lại tên anh.

“*Quý ông* Granelafe,” cô ta nhắc lại cho mẹ. “Deekie Granelafe. Đúng không?”

“Đúng rồi,” Tom đáp, mỉm cười.

Vừa xuống tới hành lang dưới tầng, anh chợt nhớ ra bữa tiệc của Freddie Miles ở Cortina. Ngày 2 tháng 12. Gần một tháng trước! Anh đã định viết thư cho Freddie để báo anh sẽ không đến. Anh tự hỏi Marge có đi không? Anh ta sẽ thấy lạ lẫm khi anh không viết thư báo việc mình không tới và Tom hy vọng chí ít thì Marge đã kể cho Freddie. Anh phải viết thư cho anh ta ngay. Có địa chỉ của Freddie ở Florence trong sổ địa chỉ của Dickie. Một sơ suất, nhưng không có gì nghiêm trọng, Tom nghĩ. Anh chỉ không được phép để một chuyện như vậy tái diễn.

Anh bước vào bóng đêm và rẽ về hướng Khải Hoàn Môn trắng lóa dưới ánh đèn. Thật lạ lùng khi lúc này anh cảm thấy vô cùng lẻ loi,

nhưng đó cũng là một phần quan trọng không thể thiếu, như lúc anh ở bữa tiệc. Anh lại cảm thấy thế khi đứng bên rìa đám đông chật kín quảng trường trước nhà thờ Đức Bà. Quá nhiều người nên chắc anh không thể vào được bên trong nhà thờ, nhưng bộ loa khuếch đại đưa tiếng nhạc tới mọi góc ngách của quảng trường một cách rõ ràng. Những bài hát mừng Giáng sinh bằng tiếng Pháp mà anh không biết tên. “Đêm im lặng.” Một bài hát mừng trang nghiêm, rồi đến một bài hát tươi vui, sinh động. Những giọng hát nam trầm bổng. Những người đàn ông Pháp ở gần anh bỏ mũ ra. Tom cũng làm theo. Anh đứng thẳng, cao, mặt nghiêm nghị, vậy nhưng sẵn sàng nở nụ cười nếu có người chào anh. Anh có chung cảm giác như lúc ở trên tàu, chỉ là lần này mãnh liệt hơn, đầy thiện ý, một quý ông, không có gì trong quá khứ làm anh phải bận lòng. Anh là Dickie, Dickie tốt bụng, ngây thơ, cười với tất cả mọi người và có một nghìn franc cho bất kỳ ai xin xỏ. Một ông già đã hỏi xin tiền anh khi Tom rời khỏi quảng trường nhà thờ và anh cho ông ta một tờ một nghìn franc màu xanh mới coong. Nụ cười nở rộng trên mặt và ông ta ngả mũ chào anh.

Tom thấy hơi đói, dù anh khá thích ý tưởng đi ngủ với cái bụng cồn cào tối nay. Anh nghĩ mình sẽ dành khoảng một tiếng đồng hồ cho quyển sách giao tiếp tiếng Ý rồi mới đi ngủ. Anh chợt nhớ ra mình đã dự định sẽ cố gắng tặng khoảng hai ký vì quần áo của Dickie hơi rộng với anh và mặt Dickie trông to hơn anh, nên anh dừng chân ở một quán bar được bán thuốc lá và gọi một cái bánh mì dài giòn kẹp thịt nguội và một cốc sữa nóng, vì người đàn ông ngồi cạnh anh ở quầy đang uống sữa nóng. Sữa gần như vô vị, nguyên chất và đầy ải, như Tom hình dung một cái bánh thánh trong nhà thờ.

Anh thư thả rời khỏi Paris, ngủ qua đêm ở Lyon và cả ở Arles để ngắm những nơi mà Van Gogh đã vẽ tranh. Anh vẫn giữ vẻ bình thản, vui tươi khi phải đối diện với cảnh thời tiết tồi tệ. Ở Arles, cơn bão hung dữ gây ra mưa như trút làm anh ướt sũng khi anh đang cố tìm đến vị trí chính xác mà Van Gogh đã đứng vẽ. Anh đã mua một quyển

sách đẹp để có tranh sao chép của Van Gogh ở Paris, nhưng vì không thể lôi quyển sách ra dưới trời mưa nên anh phải quay lại khách sạn cả tá lần để xác nhận khung cảnh đó. Anh ghé thăm Marseille, trừ Canebière vì thấy nó thật buồn tẻ và đi tàu về phía Đông, dừng chân một ngày ở St. Tropez, Cannes, Nice, Monte Carlo. Tất cả những địa điểm này anh đều đã nghe tên và cảm thấy mê đắm khi nhìn thấy chúng, dù là trong điều kiện thời tiết tháng Mười hai mây mù xám xịt phủ kín và không có những đám đông ăn vận lòe loẹt, dù là trong đêm giao thừa ở Menton. Tom tự vẽ thêm người vào những khung cảnh đó bằng trí tưởng tượng của mình, những người đàn ông và phụ nữ xúng xính trong những bộ đầm tối thanh lịch bước xuống những bậc thang rộng của cung điện bài bạc ở Monte Carlo, những người mặc những bộ đồ tắm rực rỡ, nhẹ nhàng và chói lọi như màu nước Dufy, dạo bước dưới những cây cọ của Đại lộ des Anglais ở Nice. Người đổ về từ khắp mọi nơi - Mỹ, Anh, Pháp, Đức, Thụy Điển, Ý. Lãng mạn, thất vọng, cãi cọ, giảng hòa, ám sát. Côte d'azur làm anh thích thú hơn bất kỳ chỗ nào khác mà anh từng tới trên thế giới này. Cung đường biển Địa Trung Hải này thật sự nhỏ xíu, nhưng nó có những cái tên tuyệt diệu ngân nga như tiếng hột cườm - Toulon, Fréjus, St. Rafael, Cannes, Nice, Menton và rồi San Remo.

Khi về Rome ngày mùng 4 tháng 1, anh nhận được hai bức thư từ Marge. Cô ta nói sẽ ngừng thuê nhà vào ngày mùng 1 tháng 3. Cô ta chưa viết xong bản thảo đầu tiên, nhưng vẫn sẽ gửi ba phần tư cuốn sách cùng hình ảnh tới một nhà xuất bản ở Mỹ đã có hứng thú với ý tưởng của cô ta khi cô ta viết về nó mùa hè năm ngoái. Cô ta viết:

*Khi nào thì em mới gặp lại anh? Em ghét phải trải qua một mùa hè ở châu Âu sau khi đã chịu đựng một mùa đông khủng khiếp, nhưng em nghĩ mình sẽ về nhà sớm vào tháng Ba. Em nhớ nhà lắm, cuối cùng thì cảm giác đó cũng thật sự đến. Anh thân yêu, nếu chúng ta có thể về nhà trên cùng một chuyến tàu thì sẽ thật tuyệt.*

*Liệu có khả năng đó không? Em không nghĩ vậy. Mùa đông này anh sẽ không quay lại Mỹ dù chỉ trong một khoảng thời gian ngắn sao?*

*Em đang cân nhắc việc sẽ gửi tất cả đồ đạc của em (tám kiện hành lý, hai cái hòm, ba thùng sách và đồ linh tinh!) bằng thuyền chở hàng từ Naples và ghé qua Rome. Nếu anh có hứng thú, ít nhất chúng ta có thể ra lại bờ biển và ngắm Forte dei Marmi, Viareggio và những địa điểm khác mà chúng ta thích - một lần cuối. Em không có tâm trạng để quan tâm đến thời tiết, dù em biết nó sẽ kinh khủng lắm. Em sẽ không bắt anh đưa em tới Marseille, nơi em sẽ đón thuyền, nhưng từ Genoa thì sao? Anh nghĩ sao?...*

Bức thư còn lại dè dặt hơn. Tom biết vì sao: suốt gần một tháng anh thậm chí còn chẳng gửi cho cô ta một tấm bưu thiếp. Cô ta viết:

*Đã đổi ý về Riviera. Có thể cái thời tiết chết tiệt này đã lấy mất sự quyết tâm của em, mà cũng có thể là do cuốn sách của em. Dẫu sao đi nữa, em sẽ rời đi từ Naples trên chuyến tàu sớm nhất - tàu Constitution vào ngày 28 tháng 2. Tưởng tượng xem - quay lại Mỹ ngay khi em đặt chân lên tàu. Đồ ăn Mỹ, người Mỹ, dùng đô la mua đồ uống và các cuộc đua ngựa - Anh yêu, em rất tiếc vì không được gặp lại anh, như em hiểu từ sự im lặng của anh thì anh vẫn không muốn gặp em, vậy nên không cần nghĩ tới chuyện đó nữa. Hãy coi như em không còn thuộc trách nhiệm của anh nữa.*

*Tất nhiên em vẫn hy vọng được gặp lại anh, ở Mỹ hoặc một nơi khác. Nếu anh thấy có hứng đi một chuyến xuống Mongy trước ngày 28 thì anh biết thừa là mình được chào đón rồi đấy.*

*Vẫn vậy,*

*Marge*

*Tái bút: Em thậm chí còn không biết liệu anh có còn ở Rome không.*

Tom có thể nhìn thấy những giọt nước mắt của cô ta lúc viết thư. Anh thấy thôi thúc muốn viết cho cô ta một bức thư dịu dàng, kể rằng anh vừa từ Hy Lạp về, hỏi cô ta đã nhận được hai tấm bưu thiếp của anh chưa? Nhưng sẽ an toàn hơn khi để cô ta ra đi mà không rõ anh ở đâu, Tom nghĩ. Anh không viết gì cho cô ta cả.

Điều duy nhất khiến anh bồn chồn, dù cũng không phải quá bồn chồn, là khả năng Marge sẽ tới gặp anh ở Rome trước khi anh kịp ổn định trong một căn hộ nào đó. Nếu cô ta lòng sục các khách sạn thì cô ta có thể tìm được anh, nhưng cô ta sẽ chẳng bao giờ có thể tìm được anh trong một căn hộ. Những người Mỹ giàu có không phải báo cáo nơi thường trú ở sở cảnh sát, dù theo luật tạm trú thì một người phải khai báo mọi thay đổi về địa chỉ với cảnh sát. Tom đã nói chuyện với một người Mỹ có căn hộ riêng ở Rome, anh ta nói rằng chưa bao giờ để tâm đến sở cảnh sát và họ cũng chẳng bao giờ làm phiền anh ta. Nếu Marge đột ngột tới Rome thật thì Tom cũng có cả đồng hồ của mình treo sẵn trong tủ. Điều duy nhất anh thay đổi về mặt ngoại hình là mái tóc, nhưng việc đó luôn có thể giải thích là do tác động của ánh nắng. Anh không lo mấy. Mới đầu Tom còn tự giải trí bằng chì kẻ mày - lông mày của Dickie dài hơn và hơi cong lên ở mép ngoài - và một ít bột phấn ở đầu mũi để khiến nó dài và nhọn hơn, nhưng anh gạt đi vì chúng quá dễ gây chú ý. Điều cốt lõi khi mạo danh là giữ được thần thái và khí chất của người được mô phỏng, cũng như thể hiện đúng những biểu cảm trên mặt của người đó, Tom nghĩ. Những cái khác sẽ tự đầu vào đó.

Vào ngày mùng 10 tháng 1, Tom viết thư báo cho Marge biết là anh đã quay lại Rome sau ba tuần ở Paris một mình, Tom đã rời khỏi Rome cách đây một tháng, anh ta nói rằng sẽ tới Paris và từ đó đi về Mỹ, dù anh không hề chạm mặt Tom ở Paris. Anh cũng chưa tìm được căn hộ nào ở Rome nhưng anh đang tiếp tục tìm và sẽ báo cho cô biết địa chỉ ngay khi có thể. Anh cảm ơn cô ta một cách thái quá vì món quà Giáng sinh: cô ta đã gửi áo len trắng với cổ áo chữ V viền đỏ mà

cô ta đã đan và thử kích cỡ trên người Dickie từ tháng Mười, cùng một quyển sách nghệ thuật về trường phái vẽ ở Ý thế kỷ mười lăm, một bộ đánh bóng đồ da với chữ cái viết tắt tên anh, H.R.G, trên nắp. Gói đồ mới tới ngày mừng 6 tháng 1, cũng là lý do chính để Tom viết thư: anh không muốn cô ta nghĩ rằng anh chưa nhận được nó, rồi tưởng tượng anh đã biến mất vào không khí rồi bắt đầu lòng sục anh. Anh hỏi cô ta đã nhận được món quà từ anh chưa? Anh đã gửi nó từ Paris và anh đoán nó sẽ tới muộn. Anh xin lỗi. Anh viết:

*Anh lại tiếp tục vẽ với Di Massimo và tương đối hài lòng. Anh cũng nhớ em, nhưng nếu em vẫn có thể chịu đựng được màn thử nghiệm của anh thì anh mong không gặp em thêm vài tuần nữa (trừ phi em đột ngột về nhà vào tháng Hai, một điều anh vẫn còn hoài nghi!) đến lúc ấy em có khi còn không quan tâm đến việc gặp anh. Gửi lời chào tới Giorgio và vợ anh ta, cùng Fausto nếu anh ta còn ở đó, cũng như Pietro ở cảng...*

Đó là một bức thư theo phong cách vô tâm và có phần sâu thẳm hết như mọi bức thư của Dickie, một bức thư không thể được gọi là ấm áp hay không và chẳng có gì quan trọng thiết yếu hết.

Thật ra thì anh đã tìm được một căn hộ trong một khu chung cư ở Via Imperiale, gần cổng Pincian và đã ký hợp đồng thuê một năm, dù anh không có ý định dành phần lớn thời gian của mình ở Rome, mùa đông lại càng không. Anh chỉ muốn có một ngôi nhà, một chỗ dừng chân đâu đó sau nhiều năm không có nơi nào. Và Rome còn sành điệu nữa. Rome là một phần cuộc đời mới của anh. Anh muốn có thể nói ở Majorca, Athens, Cairo, hay bất kỳ đâu anh tới là: “Phải, tôi sống ở Rome. Tôi giữ một căn hộ ở đó.” “Giữ” là từ dành cho các căn hộ giữa đám người ngoại quốc. Bạn giữ một căn hộ ở châu Âu như cái cách bạn giữ một gara ở Mỹ. Anh cũng muốn căn hộ của mình phải thanh lịch, dù chỉ định cho một ít người lên thăm và anh ghét ý tưởng lắp điện thoại, dù là số không có trong danh bạ, nhưng anh quyết định nó là biện pháp bảo đảm an toàn chứ không phải là một mối đe dọa, nên



vẫn lấp một cái. Căn hộ có một phòng khách lớn, một phòng ngủ, một phòng chờ, bếp và nhà tắm. Nó mới được trang hoàng một phần, nhưng hợp với khu dân cư đáng kính và cuộc sống đáng kính mà anh định sống. Tiền thuê nhà một tháng tầm một trăm bảy mươi lăm đô vào mùa đông bao gồm cả khí sưởi và một trăm hai mươi lăm đô vào mùa hè.

Marge hồi âm với một bức thư ngây ngất nói rằng cô ta vừa bất ngờ nhận được chiếc áo lụa tuyệt đẹp từ Paris và nó vừa khít. Cô ta còn nói đã mời Fausto và nhà Cecchi tới ăn tối Giáng sinh ở nhà cô ta, gà tây ngon tuyệt cú mèo, cùng hạt dẻ, nước luộc gà, bánh pudding mặn và đủ mọi thứ khác, chỉ thiếu mỗi anh. Anh đang làm gì, đang nghĩ gì? Anh có hạnh phúc hơn không? Fausto sẽ tới tìm anh trên đường tới Milan nếu anh gửi địa chỉ trong vài ngày tới, không thì cứ để lại tin nhắn cho anh ta ở American Express, thông báo nơi có thể gặp được anh.

Tom đoán thái độ vui vẻ của cô ta chủ yếu là do cô nghĩ giờ Tom đã từ Paris về Mỹ. Cùng bức thư của Marge còn có một bức thư của ông Pucci, kể rằng ông ta đã bán được ba món đồ của anh với giá một trăm năm mươi nghìn lia ở Naples. Ông ta cũng thông báo rằng có một người mua tàu tiềm năng, một ông Anastasio Martino ở Mongibello, người đã hứa trả khoản tiền đặt cọc đầu tiên trong vòng một tuần, nhưng căn nhà thì có thể sẽ không bán được cho tới mùa hè, khi người Mỹ lại bắt đầu tới đây. Trừ mười lăm phần trăm hoa hồng của ông Pucci, số tiền bán đồ đạc lên tới hai trăm mười đô. Tom ăn mừng buổi tối hôm đó bằng việc tới một hộp đêm La Mã và gọi một bữa tối thượng hạng mà anh thưởng thức trong yên bình một mình ở một cái bàn thấp nệm dành cho hai người.

Anh hoàn toàn không ngại việc ăn uống và đi tới rạp hát một mình. Nó cho anh cơ hội tập trung làm Dickie Greenleaf. Anh bẻ miếng bánh mì như Dickie làm, đưa thức ăn lên miệng bằng tay trái như Dickie làm, nhìn xa xăm sang các bàn khác và những người khiêu



vũ với vẻ xuất thần, sâu sắc và rộng lượng đến mức người bồi bàn phải gọi đôi lần mới nhận được sự chú ý của anh. Vài người vẫy tay chào anh từ một cái bàn và Tom nhận ra họ là cặp đôi người Mỹ mà anh đã gặp ở bữa tiệc trong đêm Giáng sinh ở Paris. Anh ra dấu chào đáp lễ. Anh thậm chí còn nhớ tên của họ, Souder. Anh không nhìn họ lần nào nữa trong suốt buổi tối, nhưng họ rời đi trước anh và dừng lại ở bàn anh để chào hỏi.

“Một mình à?” Người đàn ông hỏi. Anh ta trông có vẻ ngà ngà say.

“Phải. Tôi có cái hẹn định kỳ hàng năm với bản thân ở đây,” Tom đáp. “Tôi ăn mừng một ngày kỷ niệm đặc biệt.”

Gã người Mỹ gật đầu có phần lơ đãng và Tom nhận ra rằng anh ta đang lúng túng tìm một câu thông minh để đáp lại. Trông anh ta bồn chồn như bất kỳ một người Mỹ tinh lẻ nào khi ở cùng một người thành thị điềm đạm và đĩnh đạc, giàu có và ăn mặc hào nhoáng, dù đó cũng chỉ là một người Mỹ khác.

“Anh đã nói là anh sống ở Rome phải không?” Vợ anh ta hỏi.

“Anh biết không, tôi nghĩ chúng tôi đã quên tên anh, nhưng chúng tôi nhớ anh rất rõ từ hôm Giáng sinh.”

“Greenleaf,” Tom đáp. “Richard Greenleaf.”

“À, phải rồi!” Cô ta nói, nhẹ nhõm. “Anh có căn hộ ở đây à?”

Cô ta đã sẵn sàng ghi nhớ địa chỉ của anh trong đầu.

“Tôi đang ở trong khách sạn, nhưng tôi có kế hoạch chuyển vào một căn hộ sớm, ngay khi việc hoàn thiện nội thất hoàn tất. Tôi ở Elisio. Sao hai người không gọi điện cho tôi nhỉ?”

“Được đấy. Ba ngày nữa chúng tôi sẽ tới Majorca, nhưng còn khối thời gian!”

“Rất vui được gặp hai người,” Tom nói. “*Chúc buổi tối vui vẻ!*”

Lại đơn độc, Tom quay lại với trạng thái mơ màng riêng tư của mình. Anh nghĩ mình phải mở một tài khoản ngân hàng cho Tom

Ripley và đều đặn chuyển khoảng một trăm đô vào đó. Dickie Greenleaf có hai ngân hàng, một ở Naples và một ở New York, với khoảng năm nghìn đô trong mỗi tài khoản. Anh có thể mở tài khoản Ripley với vài nghìn và gửi số tiền một trăm năm mươi nghìn lia từ việc bán đồ đạc ở Mongibello vào đó. Sau cùng thì, anh phải chăm sóc cho tận hai người.

## CHƯƠNG 15

Anh tới thăm Capitoline và Villa Borghese, khám phá mọi ngóc ngách của quảng trường và học sáu tiết tiếng Ý từ một ông già sống cùng khu, ông ta đã treo biển gia sư trước cửa sổ và Tom đã báo tên giả cho ông ta. Sau bài học thứ sáu, anh nghĩ rằng trình độ tiếng Ý của mình đã ngang bằng Dickie. Anh nhớ nguyên văn vài câu Dickie có lần nói mà giờ anh biết rõ là sai. Ví dụ, “*Ho paura che non c’è arrivata, Giorgio,*” một tối nọ ở Giorgio, khi họ đợi Marge và cô ta đến muộn. Đáng ra phải là “*sia arrivata*” ở thể giả định sau khi biểu lộ nỗi sợ. Dickie chưa từng dùng thể giả định nhiều như đáng nhẽ nên dùng trong tiếng Ý. Tom cũng cố tình không học cách dùng đúng thể giả định.

Anh mua vải nhung đỏ sẫm làm rèm phòng khách, vì tấm rèm đi kèm trong nhà khiến anh khó chịu. Khi anh hỏi bà Buffi, vợ của người quản lý tòa nhà, liệu bà ta có biết cô thợ may nào có thể may chúng không thì bà ta đã tự tiến cử mình. Giá của bà ta là hai nghìn lia, hơn ba đô. Tom ép bà ta nhận năm nghìn. Anh mua thêm vài món đồ nhỏ để trang hoàng cho căn hộ của mình, dù anh chưa từng mời ai lên - chỉ trừ một chàng trai hấp dẫn nhưng không thông minh cho lắm, một người Mỹ mà anh đã gặp ở quán cà phê Greco khi anh ta hỏi anh đường từ đó tới khách sạn Excelsior. Khách sạn Excelsior nằm trên đường về nhà Tom, nên anh đã mời anh ta lên uống nước. Tom chỉ muốn gây ấn tượng với anh ta một tiếng đồng hồ rồi tạm biệt anh ta mãi mãi, một việc mà anh đã thực hiện, sau khi mời anh ta loại brandy ngon nhất của mình và dẫn đi thăm thú cả căn hộ trong lúc anh diễn thuyết về khoái lạc trong cuộc sống ở Rome. Anh ta sẽ tới Munich ngày hôm sau.

Tom cẩn trọng tránh né mọi cư dân Mỹ ở Rome, những người có thể mong anh tới dự tiệc của họ và mời họ về nhà anh để đáp lễ, dù anh rất thích tán gẫu với cả người Mỹ lẫn người Ý ở quán cà phê Greco và trong nhà hàng sinh viên ở Via Margutta. Anh chỉ báo tên mình cho một họa sĩ người Ý tên là Carlino, người anh đã gặp trong quán trọ ở Via Margutta và kể với anh ta rằng anh cũng vẽ và đang học từ một họa sĩ có tên là Di Massimo. Nếu cảnh sát có điều tra các hoạt động của Dickie ở Rome, có thể là rất lâu sau khi anh ta đã biến mất và anh trở lại làm Tom Ripley, có thể trông chờ người họa sĩ Ý này thuật lại rằng ông ta biết Dickie Greenleaf đã học vẽ ở Rome trong tháng Một. Carlino chưa từng nghe tới Di Massimo, nhưng Tom miêu tả người này sống động đến mức Carlino sẽ chẳng bao giờ quên được.

Anh cảm thấy chỉ có một mình, nhưng lại chẳng hề cô đơn. Nó rất giống cảm giác trong đêm Giáng sinh ở Paris, như thể tất cả mọi người đang quan sát anh, như thể anh có một nhóm khán giả bao gồm toàn bộ thế giới này, một cảm giác khiến anh phải cố gắng hết sức mình, vì chỉ gây ra một sai lầm thôi cũng là thảm họa. Nhưng anh cảm thấy tuyệt đối tự tin rằng mình sẽ không phạm sai lầm. Nó đem đến một bầu không khí thuần khiết ngọt ngào và độc nhất cho sự tồn tại của anh. Tom nghĩ đó hẳn là cảm giác của một diễn viên tài ba khi đóng một vai quan trọng trên sân khấu, với niềm tin rằng không ai có thể thể hiện vai diễn đó tốt hơn anh ta. Anh là chính mình nhưng cũng không phải là chính mình. Anh cảm thấy vô tội và tự do, bất chấp sự thật là anh kiểm soát mọi hành động của mình một cách có tính toán. Nhưng anh không còn cảm thấy mệt mỏi sau vài giờ đóng vai như hồi đầu nữa. Anh không cần thư giãn khi ở riêng. Giờ đây, kể từ khoảnh khắc anh ra khỏi giường và đánh răng, anh là Dickie, chải răng với khuỷu tay phải chìa ra, Dickie xoay trứng trên thìa để cắn miếng cuối cùng. Dickie luôn luôn cất lại cái cà vạt đầu tiên mà anh ta lấy ra khỏi

giá và chọn cái thứ hai. Anh thậm chí còn tạo ra một bức vẽ theo phong cách của Dickie.

Đến cuối tháng Một, Tom nghĩ rằng Fausto hẳn đã đến và thậm chí còn đi khỏi Rome rồi, dù những bức thư gần đây nhất của Marge không nhắc đến tên anh ta. Cô ta viết thư, qua American Express, khoảng một lần mỗi tuần. Cô ta hỏi xem anh có cần tất hay khăn choàng không, vì ngoài việc hoàn thành cuốn sách, cô ta có vô vàn thời gian để đan lát. Cô ta luôn chèn thêm vài mẫu chuyện vui về một người họ biết trong làng, chỉ để Dickie không nghĩ rằng cô ta đang dốc hết ruột gan cho anh ta, dù điều đó đã quá hiển nhiên. Cô ta dĩ nhiên cũng sẽ không quay về Mỹ trong tháng Hai mà không tuyệt vọng cố gặp mặt anh trực tiếp trước, Tom nghĩ, do đó mới có những bức thư dài dằng dặc, những đôi tất và khăn choàng tự đan mà Tom biết sắp được gửi tới, dù cho anh chẳng hề hồi âm. Các bức thư của cô ta khiến anh cảm ghét. Anh còn chẳng muốn chạm vào chúng và sau khi đã đọc lướt qua nội dung, anh xé thư và vứt vào sọt rác ngay.

Cuối cùng anh viết:

*Anh đã từ bỏ ý định có một căn hộ ở Rome trong khoảng thời gian này. Di Massimo sẽ tới Sicily vài tháng, anh có thể sẽ đi cùng ông ấy và từ đây đi tiếp tới một chỗ nào đó. Kế hoạch của anh còn mơ hồ, nhưng chúng có ưu điểm là tự do và hợp với tâm trạng hiện thời của anh.*

*Đừng gửi thêm tất cho anh nữa, Marge. Anh thật sự không cần thứ gì hết. Chúc em nhiều may mắn với “Mongibello.”*

Anh có một tấm vé tới Majorca - đi tàu tới Naples, rồi đi thuyền từ Naples tới Palma qua đêm 31 tháng 1 và mùng 1 tháng 2. Anh đã mua hai cái vali mới của Gucci, cửa hàng bán đồ da xịn nhất ở Rome: một chiếc vali rộng và mềm từ da linh dương, cái còn lại là một chiếc túi bằng vải bạt màu nâu sậm gọn gàng có quai da nâu. Cả hai đều có tên viết tắt của Dickie. Anh đã vứt cái vali cũ nát hơn trong hai cái vali của anh đi, cái còn lại thì anh giữ trong một cái tủ quần áo ở căn hộ

của mình, dùng để chất đầy quần áo của chính anh, phòng khi khẩn cấp. Nhưng Tom không nghĩ sẽ có tình huống như thế xảy ra. Con thuyền máy ở San Remo chưa từng được tìm thấy. Ngày nào Tom cũng đọc báo để tìm bài viết về nó.

Một sáng trong khi Tom đang xếp đồ vào vali thì chuông cửa nhà anh vang lên. Anh đoán đó là một người vận động quyền góp hoặc ai đó nhầm nhà. Anh không có tên trên chuông cửa và cũng đã bảo người quản lý là anh không muốn dính tên lên cửa vì không muốn mọi người ghé qua chơi. Nó réo lên lần thứ hai và Tom vẫn lờ tịt đi, tiếp tục quá trình xếp đồ của mình. Anh thích làm việc này và dành rất nhiều thời gian cho nó, trọn một đến hai ngày, âu yếm cất quần áo của Dickie vào vali, thỉnh thoảng lại thử một cái áo sơ mi đẹp để hoặc một cái áo khoác trước gương. Anh đang đứng trước một tấm gương, cài một cái áo sơ mi thể thao có họa tiết cá ngựa màu xanh dương và trắng của Dickie mà anh chưa từng mặc thì có tiếng gõ cửa vang lên.

Anh thoáng nghĩ đó có thể là Fausto, đúng là phong cách của anh ta khi săn tìm anh ở Rome và cố làm anh bất ngờ. Thật là ngớ ngẩn, anh tự nhủ. Nhưng tay anh ướt đẫm mồ hôi khi ra cửa. Anh cảm thấy yếu ớt và sự vô lý của trạng thái yếu ớt đầy cộng với mối nguy bị ngắt xiu rồi có người phát hiện ra anh nằm sõng soài trên sàn, khiến anh kéo giật cửa bằng cả hai tay, dù anh chỉ mở ra có vài phân.

“Xin chào!” Một giọng Mỹ vang lên từ hành lang tranh tối tranh sáng. “Dickie à? Freddie đây!”

Tom lùi lại một bước, mở cửa ra. “Anh ấy - Anh không vào à? Anh ấy không ở đây giờ này. Chắc một lát nữa anh ấy sẽ về ngay thôi.”

Freddie Miles bước vào trong, nhìn quanh quất. Khuôn mặt đầy tàn nhang xấu xí của anh ta dòm ngó đủ mọi chỗ. Làm thế quái nào mà anh ta tìm ra chỗ này chứ, Tom băn khoăn. Anh nhanh chóng tuột nhẫn ra và đút chúng vào túi áo. Còn gì nữa nhỉ? Anh liếc nhìn quanh phòng.

“Anh đang ở với cậu ấy à?” Freddie hỏi với ánh mắt trợn trừng trừng khiến khuôn mặt anh ta trông khá ngớ ngẩn và hơi đáng sợ.

“À, không. Tôi chỉ ở đây vài tiếng thôi,” Tom nói, thong thả cởi cái áo cá ngựa ra. Anh còn mặc một chiếc áo khác bên dưới. “Dickie ra ngoài ăn trưa rồi. Quán Otello, tôi nghĩ anh ấy đã bảo vậy. Muộn nhất là ba giờ anh ấy sẽ quay lại thôi.” Hẳn là một người nhà Buffi đã cho Freddie vào, Tom nghĩ, cho anh ta biết phải bấm cái chuông nào và cũng kể là anh Greenleaf có nhà. Hẳn Freddie đã nói mình là bạn cũ của Dickie. Giờ thì anh sẽ phải đuổi Freddie ra khỏi nhà mà không chạm mặt bà Buffi dưới gác, vì bà ta luôn hét lên, “*Chào buổi sáng, anh Greenleaf.*”

“Tôi đã gặp anh ở Mongibello phải không?” Freddie hỏi. “Anh không phải là Tom sao? Tôi tưởng anh cũng tới Cortina.”

“Tôi đã không thể đi được, cảm ơn. Cortina thế nào?”

“À, ổn. Có chuyện gì với Dickie vậy?”

“Anh ấy không viết thư cho anh à? Anh ấy đã quyết định dành mùa đông ở Rome. Anh ấy bảo tôi là sẽ viết thư cho anh.”

“Không một lời - trừ phi cậu ấy gửi thư tới Florence. Nhưng tôi đã ở Salzburg và cậu ấy cũng có địa chỉ ở đó.” Freddie ngồi nửa mông trên cái bàn dài của Tom, vò tấm lụa dài màu xanh lục. Anh ta mỉm cười. “Marge kể với tôi là cậu ấy đã chuyển tới Rome, nhưng cô ấy không có địa chỉ nào trừ American Express. Chỉ nhờ ăn may tôi mới tìm được căn hộ này của cậu ấy. Tối qua tôi gặp một người ở Greco tình cờ lại biết địa chỉ của cậu ấy. Cái ý tưởng này-”

“Ai thế?” Tom hỏi. “Một người Mỹ à?”

“Không, một thằng nhóc Ý. Chỉ là một đứa nhóc.” Freddie đang nhìn xuống giày của Tom. “Anh có cùng kiểu giày mà Dickie và tôi có. Chúng bền như mới phải không? Tôi đã mua đôi của tôi ở Luân Đôn cách đây tám năm.”

Chúng là đôi giày da của Dickie. “Đôi này mua ở Mỹ,” Tom nói. “Tôi mời anh uống nước được không hay là anh muốn thử tới Otello tìm Dickie? Anh có biết nó ở đâu không? Anh đợi ở đây cũng chẳng ích gì vì thường thì anh ấy sẽ ăn bữa trưa đến tận ba giờ. Tôi cũng sắp ra ngoài đây.”

Freddie đã bước về phía phòng ngủ và dừng lại, nhìn đống vali trên giường. “Dickie sắp đi đâu đó à hay cậu ta vừa về tới đây?” Freddie hỏi, quay người lại.

“Anh ấy sắp đi. Marge không kể với anh à? Anh ấy sẽ tới Sicily một thời gian.”

“Khi nào?”

“Ngày mai. Hoặc tối muộn hôm nay, tôi không chắc.”

“Này, dạo này Dickie có vấn đề gì vậy?” Freddie hỏi, cau mày. “Cậu ấy tự tách mình ra thế này là làm sao?”

“Anh ấy nói mùa đông này anh ấy đã làm việc rất nỗ lực,” Tom nói với giọng thoải mái. “Anh ấy có vẻ muốn được riêng tư, nhưng theo tôi biết thì anh ấy vẫn giữ mối quan hệ tốt đẹp với tất cả mọi người, kể cả Marge.”

Freddie lại mỉm cười, cởi cái áo khoác polo to đùng của mình ra. “Cậu ấy sẽ không giữ được mối quan hệ tốt đẹp với tôi nếu còn cho tôi leo cây thêm vài lần nữa. Anh có chắc là cậu ấy với Marge vẫn tốt đẹp không? Theo lời cô ấy thì tôi hiểu là họ đã cãi nhau. Tôi nghĩ có thể vì thế mà họ không tới Cortina.” Freddie nhìn anh chờ đợi.

“Theo tôi biết thì không.” Tom tiến về phía tủ để lấy áo khoác, để Freddie biết rằng anh muốn đi, rồi kịp thời nhận ra rằng cái áo khoác bằng vải flannel xám hợp với màu quần có thể bị nhận ra là đồ của Dickie, nếu Freddie từng thấy bộ vest của Dickie. Tom vội lấy áo khoác trong và áo khoác ngoài của anh đang treo ở tận cùng bên trái tủ đồ. Vai áo khoác ngoài trông như thể nó đã nằm trên móc treo vài tuần rồi, mà đúng là như vậy. Tom quay người lại và thấy Freddie đang



chăm chú nhìn cái vòng tay bạc định danh trên cổ tay trái của anh. Nó là của Dickie dù Tom chưa từng thấy anh ta đeo, anh tìm thấy nó trong hộp đựng khay rời. Freddie đang nhìn nó như thể đã từng thấy nó rồi. Tom bình thản mặc áo khoác vào.

Freddie giờ đang nhìn anh với một biểu cảm khác, có phần ngạc nhiên. Tom biết anh ta đang nghĩ gì. Anh cứng người lại, cảm thấy có mùi nguy hiểm. Mà chưa hết nguy cơ đâu, anh tự nhủ. Mà chưa ra khỏi nhà đâu.

“Sẵn sàng đi chưa?” Tom hỏi.

“Anh sống ở đây, đúng không?”

“Không!” Tom phản đối, cười. Khuôn mặt lồm đồm tàn nhang xấu xí dưới bụi tóc đỏ quạch chăm chú nhìn anh. Giá họ có thể đi ra ngoài mà không chạm mặt bà Buffi dưới nhà, Tom nghĩ. “Đi nào.”

“Dickie tặng anh toàn bộ số đồ trang sức của cậu ấy, theo tôi thấy.”

Tom không thể nghĩ nổi một lời nào hay một câu đùa nào để nói. “À, cho mượn thôi,” Tom nói bằng giọng trầm nhất của mình. “Dickie chán đeo nó nên đã bảo tôi có thể dùng một thời gian.” Ý anh là cái vòng tay, nhưng rồi anh nhận ra còn cả cái kẹp cà vạt bạc trên cà vạt của mình nữa, nó có chữ G ở trên. Tom đã tự mua cái kẹp đó. Anh có thể cảm nhận sự thù địch đang dâng lên trong Freddie Miles một cách rõ ràng. Tựa như cơ thể đô con của anh ta đang tỏa ra một luồng nhiệt mà đứng tận bên kia phòng anh cũng có thể nhận thấy. Freddie là một con bò có thể nện như tử một người mà anh ta nghĩ là đồng tính, đặc biệt trong hoàn cảnh thuận lợi như thế này. Tom sợ ánh mắt của anh ta.

“Phải, tôi sẵn sàng đi rồi,” Freddie nói một cách dứt khoát rồi đứng dậy. Anh ta đi ra cửa và đột nhiên quay phắt đôi vai rộng lại. “Cái quán Otello đó không xa Inghilterra đúng không?”

“Phải,” Tom nói. “Anh ấy đã đến đó lúc gần một giờ.” Freddie gật đầu. “Rất vui được gặp lại anh,” anh ta nói một cách hàm hồ và

đóng cửa lại.

Tom chửi thề. Anh mở hé cửa và lắng nghe tiếng lộc cộc gấp gáp khi giày của Freddie nện xuống nền cầu thang. Anh muốn bảo đảm anh ta ra ngoài mà không nói chuyện với một người trong nhà Buffi nữa. Và rồi anh nghe tiếng Freddie nói “*Chào buổi sáng, thưa bà,*” Tom rướn ra ngoài cầu thang. Dưới đó ba tầng, anh có thể nhìn thấy một phần ống tay áo của Freddie. Anh ta đang nói chuyện bằng tiếng Ý với bà Buffi. Giọng người phụ nữ vang lên rõ ràng hơn.

“... Chỉ có anh Greenleaf thôi,” bà ta đang nói. “Không, chỉ có một... Anh nào cơ?... Không, thưa anh... Tôi không nghĩ hôm nay anh ta đã ra ngoài, nhưng có thể tôi nhầm lẫn chứ!” Bà ta cười.

Tom bóp tay vịn cầu thang như thể đó là cổ Freddie. Rồi anh nghe tiếng bước chân của Freddie chạy lên cầu thang. Tom lùi lại vào trong nhà và đóng cửa lại. Anh có thể khẳng khẳng tuyên bố rằng anh không sống ở đây, Dickie đang ở Otello, anh không biết Dickie ở đâu, nhưng Freddie sẽ không chịu ngừng lại cho tới khi tìm ra Dickie. Hoặc Freddie sẽ lôi cổ anh xuống nhà và hỏi bà Buffi anh là ai.

Freddie gõ cửa. Tay nắm cửa xoay tròn. Nó đã bị khóa. Tom nhặt một cái gạt tàn thủy tinh nặng trịch lên. Tay anh không thể giữ lấy nó mà phải cầm ở mép. Anh cố gắng nghĩ thêm hai giây nữa thôi: không còn lối thoát nào khác sao? Anh sẽ làm gì với cái xác? Anh không nghĩ ra. Đây là lối thoát duy nhất. Anh mở cửa bằng tay trái. Tay phải cầm gạt tàn của anh vung ra sau.

Freddie bước vào phòng. “Nghe này, anh có phiền nói cho tôi-”

Mép gạt tàn bo tròn đập xuống chính giữa trán anh ta. Freddie trông có vẻ choáng. Rồi đầu gối anh ta khụy xuống và anh ta gục xuống như một con bò tót bị búa đập vào giữa trán. Tom đá cửa vào. Anh tiếp tục nện mép gạt tàn vào gáy của Freddie hết lần này đến lần khác, sợ anh ta có thể chỉ đang giả vờ và một cánh tay khổng lồ của anh ta có thể đột ngột ôm lấy chân anh và lôi anh xuống. Tom đập sượt qua trán anh ta và máu chảy ra. Anh tự chửi mình. Anh chạy đi

lấy một cái khăn từ phòng tắm và đặt nó dưới đầu của Freddie. Rồi anh sờ cổ tay anh ta xem có mạch đập không. Vẫn có, yếu ớt và nó có vẻ run rẩy tắt dần đi khi anh chạm vào, như thể áp lực từ các ngón tay anh khiến nó ngừng đập. Trong giây tiếp theo nó biến mất hẳn. Tom nghe xem có âm thanh nào sau cửa không. Anh mừng rỡ tưởng ra cảnh bà Buffi đang đứng sau cửa với nụ cười ngập ngừng mỗi khi cảm thấy mình đang lên quấy rầy. Nhưng không có gì hết. Chẳng có một tiếng động lớn nào, anh nghĩ thầm, dù là từ cái gạt tàn hay khi Freddie gục xuống. Tom nhìn xuống dáng vóc đồ sộ của anh ta trên sàn và đột nhiên cảm thấy ghê tởm và vô vọng.

Mới mười hai giờ bốn mươi, còn vài tiếng nữa trời mới tối. Anh tự hỏi liệu có ai đó đang chờ Freddie ở đâu đó không? Có thể là trong một cái ô-tô dưới nhà chằng hạn? Anh lục túi anh ta. Một cái ví. Quyển hộ chiếu Mỹ trong túi ngực trái của áo khoác ngoài. Xu Ý lẫn với một loại xu khác. Một cái vỏ đựng chìa khóa. Có hai chìa khóa ô-tô trên một cái vòng có chữ Fiat. Anh lục ví tìm giấy đăng ký. Có rồi, với đầy đủ chi tiết: Fiat 1400 màu đen - mui trần - 1955. Anh có thể tìm được nó nếu nó nằm ở trong khu vực này. Anh lục tất cả các túi và cả túi trong của chiếc áo vest màu da bò để tìm vé đỗ xe, nhưng không thấy gì. Anh ra cửa sổ đăng trước rồi suýt mỉm cười vì mọi chuyện quá đơn giản: chiếc xe mui trần màu đen đang đỗ bên kia đường, gần như trực diện căn nhà. Anh không dám chắc nhưng anh nghĩ không có ai ở trong cả.

Đột nhiên anh biết mình sẽ làm gì. Anh bắt đầu sắp xếp căn phòng, lôi các chai rượu gin và vermouthe từ tủ rượu của anh ra, rồi anh nghĩ lại và mang thêm cả rượu Pernod nữa vì mùi nó nặng hơn nhiều. Anh đặt mấy chai rượu lên chiếc bàn dài và trộn martini vào một cái cốc cao với vài viên đá ở trong, uống một ít rượu để làm bản cốc, rồi đổ một ít rượu vào một cốc khác, đưa nó tới chỗ Freddie và ép các ngón tay mềm oặt của anh ta vào cốc rồi mang nó về bàn. Anh nhìn vết thương và phát hiện ra nó đã dừng chảy máu hoặc đang

ngừng và đã không thấm qua khăn tắm xuống sàn nhà nữa. Anh dựng Freddie dựa vào tường và rót một ít gin nguyên chất từ chai rượu xuống thẳng cổ họng anh ta. Nó không thuận lợi cho lắm, phần lớn rượu chảy xuống ngực áo của anh ta, nhưng Tom không nghĩ cảnh sát Ý sẽ thật sự tiến hành thử máu để xem Freddie đã xin đến mức nào. Tom lơ đãng nhìn khuôn mặt ủ rũ, nhợt nhạt của anh ta trong giây lát và dạ dày anh co thắt dữ dội đến mức anh phải nhanh chóng quay đi. Anh không được phép lặp lại chuyện đó. Đầu anh ong ong, anh cảm thấy như thể mình sắp xỉu đến nơi.

Cũng tuyệt đấy, Tom nghĩ khi lão đảo đi về phía cửa sổ, nếu như ngất xỉu ngay bây giờ! Anh cau mày nhìn cái ô-tô đen bên dưới và hít thật sâu bầu không khí trong lành. Anh tự dặn mình không được ngất xỉu. Anh biết chính xác những việc mình sẽ phải làm. Vào phút cuối cùng, rượu Pemod, cho cả hai bọn họ. Thêm hai cái cốc có rượu Pemod và dấm vân tay của họ. Và cái gạt tàn phải đựng đầy tàn thuốc. Freddie hút Chesterfields. Rồi đường Appian. Một trong mấy chỗ tối đen phía sau những năm mờ. Có những đoạn đường dài dằng dặc trên đường Appian không hề có đèn đường. Ví của Freddie bị mất. Mục tiêu: ăn trộm.

Anh có vài tiếng đồng hồ, nhưng anh không hề ngừng lại cho tới khi căn phòng đã sẵn sàng, một tá điếu thuốc hiệu Chesterfield cùng khoảng một tá điếu Lucky Strikes cháy rụi và bị dụi vào gạt tàn, một cốc Pemod vỡ tan tành và chỉ mới được dọn qua loa trên sàn phòng tắm. Điều đáng ngạc nhiên là khi anh dàn dựng khung cảnh một cách tỉ mỉ, anh tưởng tượng mình có thêm vài tiếng đồng hồ để dọn dẹp. Giả dụ như giữa chín giờ tối nay, khi cái xác có thể bị phát hiện, cho đến nửa đêm, khi cảnh sát quyết định rằng phải thăm vấn anh, vì ai đó có thể biết rằng hôm nay Freddie đã định đi gặp Dickie Greenleaf. Anh biết rằng mình sẽ phải dọn dẹp xong tất cả trước tám giờ, bởi vì căn cứ vào câu chuyện mà anh định kể thì Freddie sẽ rời nhà anh lúc bảy giờ (vì thật sự là anh ta sẽ rời nhà anh lúc bảy giờ) và Dickie

Greenleaf là một chàng trai khá ngăn nắp, dù đã uống vài cốc. Nhưng điều quan trọng khi để căn nhà bừa bộn là sự bừa bộn ấy là minh chứng cho chính anh thấy về câu chuyện mà anh sắp kể và do đó chính anh phải tin đã.

Và anh vẫn sẽ đi tới Naples và Palma lúc mười rưỡi sáng mai, trừ phi vì một lý do nào đó mà cảnh sát ngăn cản anh. Nếu sáng mai anh đọc trên báo thấy cái xác đã được tìm thấy và cảnh sát không cố liên hệ với anh thì anh cũng nên tự nguyện kể cho họ biết rằng Freddie Miles đã ở nhà anh tới tận cuối giờ chiều, Tom nghĩ. Nhưng anh đột nhiên nghĩ ra là một bác sĩ có thể phán đoán được việc Freddie đã chết từ trưa. Và anh không thể lôi anh ta ra ngoài ngay bây giờ, giữa thanh thiên bạch nhật. Không, hy vọng duy nhất của anh là cái xác sẽ không bị phát hiện trong một thời gian đủ dài để bác sĩ không thể phán đoán được chính xác anh ta đã chết bao lâu. Và anh phải cố gắng ra khỏi nhà mà không bị ai nhìn thấy - liệu anh có thể vác Freddie xuống một cách tương đối dễ dàng như vác một gã bợm rượu đã xỉn ngoắc cần câu không – để nếu anh có bị lấy lời khai thì anh có thể nói rằng anh ta đã ra khỏi nhà vào khoảng bốn, năm giờ chiều.

Anh cảm ghét năm đến sáu tiếng chờ đợi tới khi màn đêm buông xuống đến mức có những lúc anh đã nghĩ mình *không thể* chờ nữa. Cái đồng thít trên sàn! Và anh không hề muốn giết anh ta. Đó là một việc không cần thiết, chỉ tại Freddie và những hồ nghi dơ bẩn, xấu xa của anh ta. Tom đang run bần bật, ngồi ở mép ghế, siết chặt nắm tay. Anh muốn ra ngoài đi dạo nhưng lại sợ khi bỏ cái xác nằm đó. Tất nhiên, phải có tiếng ồn nếu anh và Freddie tán gẫu và uống rượu cả chiều. Tom bật radio tới một kênh phát nhạc nhảy. Ít nhất thì anh có thể uống rượu. Đó là một phần vở kịch. Anh pha hai cốc martini có đá khác. Anh thậm chí chẳng muốn uống nhưng vẫn cứ phải uống.

Rượu chỉ càng khiến những suy nghĩ lúc trước của anh mãnh liệt hơn. Anh đứng nhìn xuống cơ thể cao to, nặng nề của Freddie trong cái áo khoác polo đang gục dưới chân mình. Anh chẳng có năng lượng

mà cũng chẳng có tâm trí để kéo thẳng người anh ta ra, dù cảnh tượng này làm anh bức bối. Anh nghĩ đến cái chết đáng buồn, ngỡ ngẩn, vụng về, nguy hiểm và không cần thiết của anh ta, nó bất công một cách tàn nhẫn với Freddie. Tất nhiên, người ta cũng có thể căm ghét anh ta. Một gã khốn nạn ích kỷ, ngu ngốc đã khinh bỉ một trong những người bạn thân nhất của mình - Dickie chắc chắn là một trong những người bạn thân nhất của anh ta - chỉ vì nghi ngờ người ấy có xu hướng tình dục lệch lạc. Tom cười nhạo cái cụm từ “xu hướng tình dục lệch lạc.” Tình dục nào? Lệch lạc nào? Anh nhìn Freddie và nói to đầy cay đắng, “Freddie Miles, mày là nạn nhân của chính đầu óc bản thiêu của mày.”

## CHƯƠNG 16

Cuối cùng thì anh vẫn đợi tới gần tám giờ, bởi vì tầm bảy giờ lúc nào cũng có nhiều người đi ra đi vào căn nhà hơn những giờ khác. Lúc tám giờ kém mười, anh tản bộ xuống nhà để bảo đảm bà Buffi không lớn vờn trong hành lang, cửa nhà bà ta cũng không mở. Anh cũng muốn chắc chắn thật sự không có ai trong xe của Freddie, dù giữa chiều anh đã xuống nhìn qua cái xe xem nó có phải của anh ta không. Anh quăng cái áo khoác polo của Freddie ra ghế sau. Quay lại trên gác, anh quỳ xuống, vòng cánh tay của Freddie quanh cổ, nghiêng rặng và nhấc cái xác lên. Anh lão đảo, cố gắng xốc cái xác mềm oặt lên cao hơn trên vai. Hồi chiều anh đã nhấc thử Freddie lên để xem có thể làm được không và có vẻ anh chẳng đi nổi quá hai bước trong phòng khi mà trọng lượng của anh ta ép chặt chân anh xuống sàn. Bây giờ Freddie vẫn nặng hết như lúc đó, nhưng điểm khác biệt là anh biết mình phải lôi anh ta ra ngoài ngay lập tức. Anh kéo lê chân của Freddie trên sàn để giảm bớt trọng lượng của anh ta, xoay sở để dùng khuỷu tay đóng cửa lại, rồi bắt đầu đi xuống cầu thang. Đi được nửa đường xuống tầng đầu tiên thì anh dừng lại, nghe thấy có người ra khỏi một căn hộ ở tầng hai. Anh đợi tới khi người đó đã xuống gác và ra khỏi cửa rồi mới tiếp tục hành trình đi xuống chậm chạp, khó nhọc của mình. Anh đã đội một cái mũ của Dickie sụp lên đầu Freddie để mái tóc nhuộm máu không lộ ra ngoài. Nhờ rượu gin trộn lẫn với Pemod, thứ mà anh đã uống suốt một tiếng qua, Tom đã đưa mình vào tình trạng say sưa được tính toán chính xác. Trong cái trạng thái ấy anh có thể di chuyển với vẻ hờ hững và êm ái nhất định, đồng thời cũng có đủ sự dũng cảm và liều lĩnh để mạo hiểm không do dự. Với cơ hội đầu tiên, điều tồi tệ nhất có thể xảy ra đơn giản chỉ là anh

khụy xuống dưới trọng lượng của Freddie trước khi mang được anh ta ra xe. Anh đã thề sẽ không ngừng lại nghỉ ngơi trên đường đi xuống cầu thang. Anh đã làm đúng như vậy. Và không còn ai khác ra khỏi bất kỳ căn hộ nào nữa, cũng không có ai đi vào từ cửa chính. Lúc còn trên gác, Tom đã tưởng tượng loanh quanh về mọi khả năng có thể xảy ra - bà Buffi hoặc chồng bà ta ra khỏi căn hộ của họ đúng lúc anh đi hết cầu thang, hoặc anh ngất xỉu khiến cả anh và Freddie bị phát hiện nằm sõng soài trên cầu thang cùng nhau, hoặc anh không đủ sức nhắc Freddie lên lại nếu phải đặt anh ta xuống để nghỉ ngơi. Lúc tưởng tượng ra tất cả những hình ảnh đó với đầy đủ sự khó khăn bên trong, anh đã co rúm người lại trong căn hộ của mình trên gác. Vậy nên lúc này khi đi xuống hết cầu thang mà không xảy ra bất cứ một chuyện nào như trong trí tưởng tượng của mình, anh cảm thấy như thể anh đang lướt xuống một cách quá dễ dàng, với một sự bảo vệ thần kỳ nào đó, bất chấp cái đồng thịt trên vai.

Anh nhìn ra ngoài qua lớp kính của hai cánh cửa trước. Đường phố trông có vẻ bình thường: một người đàn ông đi bộ trên vỉa hè đối diện, nhưng lúc nào chẳng có ai đó đi bộ trên vỉa hè này kia. Anh mở cánh cửa đầu tiên bằng một tay, đá nó rộng ra và lôi chân của Freddie qua. Giữa hai cánh cửa, anh chuyển anh ta sang vai còn lại, luồn đầu xuống dưới cơ thể của Freddie. Trong một khoảnh khắc, cảm giác tự hào bùng lên trong anh trước sức khỏe của chính mình, cho tới khi cảm giác nhức nhối trong cánh tay được thả lỏng khiến anh phải lão đảo vì đau. Cánh tay đã rã rời đến mức còn chẳng ôm lấy người Freddie được. Anh cắn chặt răng và loạng choạng đi xuống bốn bậc thềm trước cửa, dựa hông vào trụ đỡ tay vịn cầu thang bằng đá.

Một người đàn ông đang tiến về phía anh trên vỉa hè bỗng đi chậm dần như thể định dừng lại, nhưng rồi anh ta lại tiếp tục đi tiếp.

Nếu có ai đó lại gần, Tom nghĩ, anh sẽ phả một hơi đầy mùi Pemod vào mặt người đó và sẽ không có lý do gì để hỏi thăm nữa. Lũ chết tiệt, chết tiệt, chết tiệt, anh thầm nhủ khi chặt vật đi xuống lề



đường. Người qua đường, người qua đường ngậy thơ. Đã có bốn người rồi. Nhưng chỉ có hai người trong số đó thềm liếc mắt nhìn anh, anh nghĩ. Anh dừng lại để một chiếc xe ô-tô chạy qua. Rồi bước vài bước thật nhanh, anh xốc đầu và một bên vai của Freddie qua ô cửa sổ đang mở, vừa đủ để anh có thể dùng chính cơ thể mình để đỡ người Freddie trong lúc lấy lại nhịp thở. Anh nhìn quanh, nhìn khoảng sáng dưới cột đèn bên kia đường, nhìn khoảng tối trước căn chung cư của mình.

Trong khoảnh khắc đó thẳng út nhà Buffi ra khỏi cửa và lao đi trên vỉa hè mà không hề nhìn về phía Tom. Rồi một người đàn ông băng qua đường, đi ngang qua xe ô-tô mà chỉ thoáng ngạc nhiên nhìn vào cơ thể cúi gập của Freddie. Tom nghĩ giờ cái tư thế đó trông đã khá tự nhiên, gần như là Freddie đang dựa vào xe để nói chuyện với ai đó, chỉ có anh trông mới không tự nhiên, Tom biết. Nhưng lợi thế của châu Âu là ở chỗ đó. Không ai giúp ai cả, không ai can thiệp vào chuyện của người khác. Nếu đây mà là Mỹ -

“Tôi có thể giúp gì cho anh không?” Một giọng hỏi bằng tiếng Ý.

“À, không, không, *cảm ơn*,” Tom đáp lại với điệu cười say xin vui vẻ. “Tôi biết anh ấy sống ở đâu,” anh lầm bầm nói thêm bằng tiếng Anh.

Anh ta gật đầu, cười lại rồi đi tiếp. Một người đàn ông cao gầy mặc áo khoác mỏng, không đội mũ, có ria mép. Tom hy vọng anh ta sẽ không nhớ chuyện này. Hay nhớ cái xe.

Tom đẩy Freddie ra khỏi cửa, kéo anh ta vòng qua cửa vào ghế xe, rồi anh đi vòng sang bên kia và kéo Freddie vào hẫng trong bên cạnh ghế lái. Rồi anh lôi đôi găng tay bằng da nâu mà anh đã nhét trong túi áo khoác ra đeo vào. Anh tra chìa khóa của Freddie vào ổ. Chiếc xe khởi động một cách ngoan ngoãn. Họ khởi hành. Qua ngọn đồi xuống tới đường Veneto, qua thư viện Mỹ, qua tháp Venezia, qua cái ban công mà Mussolini từng hay đứng đọc diễn văn, đi qua đài tưởng niệm Victor Emmanuel tráng lệ, qua quảng trường trung tâm,

qua đấu trường, một chuyến tham quan đủ mọi địa điểm của Rome mà Freddie không thể thưởng thức. Trông Freddie chỉ như đang ngủ cạnh anh, như thỉnh thoảng vài người vẫn ngủ khi bạn muốn dẫn họ đi thăm quan phong cảnh.

Đường Appian trải dài trước mặt anh, xám xịt và cổ xưa dưới ánh đèn dịu dịu của những ngọn đèn lúc sáng lúc tối. Những nắm mộ đen xì rải rác hai bên đường, đổ bóng dưới bầu trời vẫn chưa tối hẳn. Có nhiều bóng tối hơn ánh sáng. Và chỉ có độc một chiếc ô-tô phía trước, đang đi về hướng này. Không mấy người chọn lái xe trên con đường xóc nảy, tối tăm này vào buổi đêm tháng Một. Có lẽ chỉ trừ những cặp đôi. Chiếc xe đi ngược chiều lướt qua anh. Tom bắt đầu nhìn xung quanh để tìm một vị trí thích hợp. Freddie phải có một cái mộ đẹp để nằm, anh nghĩ. Có một chỗ phía trước với ba, bốn cái cây gần lề đường và một ngôi mộ, hoặc phần còn lại của ngôi mộ nằm khuất sau. Tom đỗ xe lại cạnh chỗ mấy cái cây và tắt đèn đi. Anh chờ đợi trong giây lát, nhìn cả hai đầu con đường thẳng băng, vắng tanh.

Freddie vẫn mềm oặt như con búp bê cao su. Vậy mà mọi người chẳng hay nói cứng đờ như xác chết sao? Giờ anh thô bạo lôi cái xác, lê khuôn mặt trong bùn đất, kéo ra chỗ sau cái cây xa nhất và một phần của ngôi mộ chỉ cao có một mét hai với những bức tường vòng cung lởm chởm. Nhưng có vẻ đây là tàn dư còn sót lại của một ngôi mộ quý tộc, Tom nghĩ, khá đủ cho con lợn này. Tom chửi rủa trọng lượng nặng nề của anh ta và bất chợt đá vào cằm anh ta. Anh mệt, mệt đến phát khóc, phát ốm vì phải nhìn thấy Freddie Miles và chẳng biết đến khi nào mới có thể thoát khỏi anh ta. Vẫn còn cái áo khoác chết tiệt nữa chứ! Tom quay về xe để lấy nó. Khi đi bộ trở lại, anh nhận thấy mặt đất cứng và khô khốc, sẽ không để lại dấu chân của mình. Anh quăng cái áo khoác xuống cạnh cái xác và vội vã quay về xe trên đôi chân lão đảo, tê dại và lái xe quay về Rome.

Khi lái xe, anh chùi mặt ngoài của cửa kính xe bằng bàn tay đeo găng để xóa dấu vân tay ở nơi duy nhất anh chạm vào trước khi đeo

găng, anh nghĩ thầm. Trên con đường dẫn lên American Express, đối diện câu lạc bộ Florida, anh đỗ xe lại, ra ngoài và bỏ chìa khóa trong ổ. Anh vẫn giữ ví của Freddie trong túi áo, trước đó anh đã chuyển số tiền Ý sang ví của mình và đốt tờ hai mươi franc Thụy Sĩ và vài tờ schilling của Áo trong nhà. Giờ anh lôi cái ví ra và khi ngang qua một cái nắp cống, anh cúi người thả nó xuống.

Chỉ có hai chuyện sai lầm, anh nghĩ khi đang đi về nhà: theo logic thì lũ trộm hăn sẽ lấy cái áo khoác polo vì nó là hàng tốt và lấy cả hộ chiếu, thứ vẫn nằm trong túi áo khoác ngoài. Nhưng không phải tên trộm nào cũng có logic, anh nghĩ, có thể đặc biệt là bọn trộm người Ý. Và không phải màn giết người nào cũng có logic. Tâm trí anh trôi về cuộc đối thoại với Freddie “... *một thằng nhóc người Ý...*” Ai đó đã bám theo anh về nhà vào một lúc nào đó, Tom nghĩ, vì anh không hề kể cho ai biết nơi mình sống hết. Điều đó làm anh thấy xấu hổ. Có thể hai, ba đứa nhóc giao hàng biết nơi anh ở, nhưng bọn chúng không thể nào ngồi trong một chỗ như quán cà phê Greco. Anh co rúm người lại trong áo khoác. Anh tưởng tượng ra một khuôn mặt trẻ trung đen tối, đang hớn hển bám theo anh về nhà, nhìn chăm chăm lên trên để xem ô cửa sổ nào sáng đèn sau khi anh đã vào trong. Tom khom người trong áo khoác và sải bước nhanh hơn như thể đang chạy trốn một kẻ theo đuổi bệnh hoạn.

## CHƯƠNG 17

**T**om ra ngoài trước tám giờ sáng để mua báo. Không có tin tức gì. Có thể phải mất rất lâu họ mới tìm được xác anh ta, Tom nghĩ. Chẳng mấy ai sẽ đi dạo quanh một ngôi mộ bình thường như ngôi mộ mà anh đã bỏ Freddie lại. Tom cảm thấy khá vững tin về sự an toàn của mình, nhưng cơ thể anh thì thấy thật khủng khiếp. Anh đang vật vã sau cơn say rượu, cảm giác chũnh choáng, khủng khiếp khiến anh bỏ dở mọi việc đang làm, thậm chí đang đánh răng dở cũng bỏ đấy đi xem liệu tàu của anh thật sự khởi hành vào lúc mười giờ ba mươi hay mười giờ bốn mươi. Nó rời đi lúc mười giờ ba mươi.

Đến chín giờ anh đã hoàn toàn sẵn sàng, ăn vận chỉnh chu, áo khoác ngoài và áo mưa đặt trên giường. Anh thậm chí còn nói chuyện với bà Buffi để báo cho bà ta biết là anh sẽ đi ít nhất ba tuần hoặc có thể còn lâu hơn. Bà Buffi vẫn hành xử như thường lệ, Tom nghĩ và cũng không đề cập tới vị khách người Mỹ của anh ngày hôm qua. Tom cố gắng nghĩ ra điều gì đó để hỏi bà ta, một điều có vẻ bình thường khi xét đến những câu hỏi ngày hôm qua của Freddie, để xem bà Buffi thật sự nghĩ gì, nhưng anh chịu không nghĩ được gì và quyết định cứ để yên là tốt nhất. Mọi chuyện đều ổn. Tom cố gắng trấn an bản thân để thoát khỏi dư âm của cơn say, vì anh chỉ uống nhiều nhất có khoảng ba ly martini và ba ly Pernod. Anh biết đây là do trạng thái tinh thần, anh thấy chũnh choáng vì định giả vờ đã nốc cả đống rượu cùng Freddie. Và giờ thì điều đó không cần nữa nhưng anh vẫn đang giả vờ, một cách mất kiểm soát.

Điện thoại reo, Tom nhắc điện thoại lên và nói một cách cục cằn.  
“Tôi nghe.”

“Đó có phải anh Greenleaf?” Một giọng Ý hỏi.

“Vâng.”

“Đây là đồn cảnh sát số tám mươi mốt. Anh có phải là bạn của một người Mỹ tên là Fred-derick Mee-lays?”

“Frederick Miles? Vâng,” Tom nói.

Giọng nói vội vã, căng thẳng thông báo rằng xác của Fred-derick Mee-lays đã được tìm thấy sáng hôm nay ở đường Appian và ngày hôm qua anh Mee-lays đã ghé thăm anh một lúc, có đúng là như thế không?

“Đúng vậy.”

“Chính xác là vào lúc nào?”

“Khoảng từ trưa tới - có lẽ là năm, sáu giờ chiều gì đó, tôi không chắc lắm.”

“Anh có thể vui lòng trả lời vài câu hỏi được không?... Không, anh không cần phải tự đi tới đồn cảnh sát làm gì cho phiền phức. Điều tra viên sẽ tới chỗ anh. Liệu mười một giờ sáng nay có tiện không?”

“Tôi sẽ rất sẵn lòng giúp nếu có thể,” Tom nói bằng giọng phấn khích vừa phải. “Nhưng điều tra viên không thể tới ngay bây giờ à? Tôi cần phải rời khỏi nhà lúc mười giờ.”

Đầu dây bên kia phát ra một âm thanh than vãn và nói không chắc chắn, nhưng họ sẽ thử xem sao. Nếu họ không thể đến trước mười giờ thì tốt hơn là anh không nên rời khỏi nhà.

“Được rồi,” Tom nói một cách chấp thuận và dập máy.

Chết tiệt! Giờ thì anh sẽ nhờ cả tàu lẫn thuyền. Tất cả những gì anh muốn là ra ngoài, rời Rome và rời cả căn hộ của mình. Anh bắt đầu tập dượt những gì mình sẽ khai với cảnh sát. Nó thật đơn giản đến mức làm anh phát chán. Sự thật tuyệt đối. Họ đã uống rượu, Freddie kể cho anh về Cortina, họ cũng nói rất nhiều chuyện, rồi anh ta ra về, có thể là hơi say nhưng tâm trạng rất vui vẻ. Không, anh không biết Freddie đã đi đâu. Anh cứ tưởng anh ta có hẹn tối hôm đó.

Tom vào phòng ngủ và đặt bức tranh sơn dầu mà anh đã bắt đầu vẽ cách đây vài ngày lên giá. Màu vẽ trên khay vẫn còn ướt vì anh đã cất nó dưới nước trong một cái chảo trong bếp. Anh trộn một ít màu xanh với màu trắng và bắt đầu điểm thêm bầu trời màu xanh xám. Bức tranh vẫn theo phong cách của Dickie - các mái nhà và bức tường mang sắc nâu đỏ rực và trắng lóa lấy cảm hứng từ khung cảnh Rome ngoài cửa sổ phòng anh. Bầu trời là điểm khác biệt duy nhất, vì bầu trời mùa đông ở đây u ám đến mức Dickie hẳn cũng sẽ vẽ nó thành màu xám xanh thay vì màu xanh dương, Tom nghĩ. Anh cau mày, hết như cách Dickie vẫn làm mỗi khi vẽ.

Điện thoại lại reo. “Chết tiệt!” Tom rửa và đi nghe máy. “*Tôi nghe.*”

“*Xin chào! Fausto đây!*” Giọng nói vang lên. “*Anh khỏe không?*” Sau đó là tiếng cười trẻ trung, rộn ràng quen thuộc.

“Oh- h! Fausto! *Tôi khỏe, cảm ơn anh!* Thứ lỗi nhé.” Tom tiếp tục nói tiếng Ý bằng giọng cười đùa, lơ đãng của Dickie, “*Tôi đang tập trung vẽ - đang cố gắng.*” Nó được tính toán để nghe giống giọng của Dickie sau khi mới mất một người bạn như Freddie và cũng là giọng của Dickie vào một buổi sáng miệt mài làm việc thông thường.

“*Chúng ta ăn trưa nhé?*” Fausto hỏi. “*Tàu của tôi sẽ khởi hành tới Milan lúc bốn giờ mười lăm.*”

Tom rên rỉ, hết như Dickie. “*Tôi lại đang chuẩn bị đến Naples. Phải, ngay bây giờ, sau hai mươi phút nữa!*” Nếu anh có thể trốn Fausto bây giờ thì anh ta sẽ không biết cảnh sát đã gọi anh, Tom nghĩ. Tin tức về Freddie chắc phải đến trưa hoặc chiều mới lên báo.

“*Nhưng tôi đang ở đây! Ở Rome! Nhà anh ở đâu? Tôi đang ở ga tàu!*” Fausto nói vui vẻ, cười lớn.

“*Anh lấy được số điện thoại của tôi ở đâu thế?*”

“*À! Tôi đã gọi hỏi thông tin. Họ bảo tôi là họ sẽ không tiết lộ số điện thoại đâu nhưng tôi đã kể cho cô nàng trực điện thoại một câu*

chuyện dài về tấm vé số mà anh trúng ở Mongibello. Tôi không biết liệu cô ấy có tin không nhưng tôi đã tỏ ra đó là một chuyện rất quan trọng. Một cái nhà, một con bò, một giếng nước và thậm chí cả tủ lạnh nữa! Tôi đã phải gọi lại cho cô ấy ba lần, cuối cùng cô ấy mới tiết lộ cho tôi. Vậy Dickie, giờ anh ở đâu thế?”

“Điều đó không quan trọng. Tôi sẽ ăn trưa với anh nếu không có chuyến tàu này, nhưng-”

“Được rồi, tôi sẽ giúp anh mang túi! Cứ báo cho tôi địa chỉ của anh và tôi sẽ đưa một cái taxi đến chỗ anh!”

“Thời gian gấp quá. Sao tôi không gặp anh ở ga tàu trong khoảng nửa tiếng nữa nhỉ? Tôi đi chuyến tàu lúc mười giờ ba mươi tới Naples.”

“Được!”

“Marge sao rồi?”

“À- người yêu của anh,” Fausto cười. “Anh sẽ gặp cô ấy ở Naples chứ?”

“Tôi không nghĩ vậy. Tôi sẽ gặp anh sau vài phút nữa, Fausto. Phải đi gấp đây. *Tạm biệt.*”

“*Rivederch, Deeki! Tạm biệt!*” Anh ta đập máy.

Khi Fausto đọc báo chiều hôm đó, anh ta sẽ hiểu vì sao anh không đến ga tàu, mà không thì Fausto cũng sẽ chỉ nghĩ họ đã bị lạc nhau sao đó. Nhưng chắc là đến trưa Fausto sẽ đọc được báo thôi, Tom nghĩ, vì các tờ báo Ý sẽ phóng đại nó lên - vụ sát hại một công dân Mỹ trên đường Appian. Sau cuộc lấy cung với cảnh sát, anh sẽ lên một con tàu khác tới Naples - sau bốn giờ, để Fausto không còn lảng vảng ở ga tàu nữa - và ở Naples chờ con thuyền tiếp theo khởi hành tới Majorca.

Anh chỉ hy vọng là Fausto sẽ không mò được cả địa chỉ từ tổng đài cung cấp thông tin và quyết định sẽ ghé qua đây trước bốn giờ. Anh hy vọng anh ta sẽ không đến đây đúng lúc có mặt cảnh sát.

Tom đẩy hai vali xuống dưới gầm giường rồi mang cái còn lại ra tủ và đóng cửa tủ lại. Anh không muốn cảnh sát nghĩ rằng anh chuẩn bị rời thành phố. Nhưng anh lo lắng về cái gì vậy nhỉ? Chắc chắn họ chẳng có manh mối nào. Có thể một người bạn của Freddie biết là ngày hôm qua Freddie tìm gặp anh, nhưng chỉ có thế. Tom lấy một cái bàn cọ và làm ướt nó trong cốc dầu thông để làm màu trước mặt cảnh sát, anh muốn trông như thể mình không quá sâu thẳm trước tin Freddie chết đến mức không thể vẽ vờ đôi chút trong khi chờ họ, dù anh đã ăn vận để sẵn sàng ra ngoài, bởi vì anh đã nói mình định ra ngoài. Anh sẽ vào vai một người bạn của Freddie, nhưng không phải một người bạn quá thân thiết.

Bà Buffi cho cảnh sát vào lúc mười giờ ba mươi. Tom nhìn xuống cầu thang và thấy họ. Họ không dừng lại để hỏi han bà ta. Tom quay vào căn hộ của mình. Mùi dầu thông hăng hắc tỏa khắp phòng.

Có hai người: một người lớn tuổi mặc trang phục sĩ quan và một người trẻ hơn mặc đồng phục cảnh sát bình thường. Người lớn tuổi lịch sự chào anh và hỏi xem hộ chiếu của anh. Tom trình nó ra, đôi mắt sắc bén của viên sĩ quan hết nhìn Tom lại nhìn hình Dickie và anh chuẩn bị tinh thần nghe chất vấn, nhưng nó không xảy ra. Ông ta trả lại hộ chiếu cho anh, hơi cúi người chào và mỉm cười. Ông ta trông giống như mọi người đàn ông trung niên Ý khác, hơi thấp, hàng lông mày và bộ ria ngắn rậm rạp màu xám đen. Trông ông ta không quá thông minh cũng không quá ngu ngốc.

“Anh ấy đã bị giết như thế nào?” Tom hỏi.

“Anh ta bị đập vào đầu và gáy bởi một vật nặng,” viên sĩ quan đáp, “và còn bị cướp nữa. Chúng tôi nghĩ anh ta đã say. Chiều hôm qua khi rời khỏi căn hộ của anh, anh ta có say lắm không?”

“À - ngà ngà say. Cả hai bọn tôi đều uống rượu. Chúng tôi đã uống martini và Pemod.”

Viên sĩ quan ghi lại thông tin đó vào sổ và ghi thêm cả khoảng thời gian mà Tom khai Freddie đã ở nhà anh, từ khoảng mười hai giờ



cho tới tầm sáu giờ.

Viên cảnh sát trẻ, đẹp trai với khuôn mặt vô cảm, đang đi quanh căn hộ, tay chấp sau lưng, cúi xuống gần giá vẽ với vẻ thư thái như thể đang ở một mình trong bảo tàng.

“Anh có biết anh ta định đi đâu khi ra về không?” Viên sĩ quan hỏi.

“Tôi không biết.”

“Nhưng anh nghĩ là anh ấy có thể lái xe chứ?”

“Có chứ. Anh ấy không say đến mức không thể lái xe, không thì tôi đã đi cùng anh ấy rồi.”

Viên sĩ quan hỏi thêm một câu nữa mà Tom giả vờ không hiểu lắm. Ông ta hỏi lại lần hai, chọn cách dùng từ khác và thoáng cười với viên sĩ quan trẻ. Tom liếc nhìn hai người bọn họ, có phần ghét bỏ. Viên sĩ quan muốn biết quan hệ của anh với Freddie là gì.

“Bạn bè,” Tom nói. “Không thân thiết lắm. Đã hai tháng nay tôi không gặp hay nghe tin gì từ anh ấy rồi. Tôi đã buồn khủng khiếp lúc biết về thảm họa ấy sáng nay.” Tom để vẻ mặt lo lắng bù đắp cho vốn từ có phần đơn giản của mình. Anh nghĩ là nó có tác dụng. Anh thấy việc thăm vấn có phần chiếu lệ và họ sẽ rời đi trong khoảng một phút nữa. “Chính xác thì anh ấy đã bị giết lúc mấy giờ?” Tom hỏi.

Viên sĩ quan vẫn đang ghi chép. Ông ta rướn hàng lông mày rậm rạp lên. “Rõ ràng là ngay sau khi anh ta rời khỏi nhà của anh, vì bác sĩ tin rằng anh ta đã chết được ít nhất mười hai tiếng rồi, có thể còn lâu hơn.”

“Anh ấy được tìm ra lúc nào vậy?”

“Lúc bình minh. Bởi một người lao động đang đi bộ trên đường.”

“*Chúa ơi!*” Tom lầm bầm.

“Hôm qua anh ta không hề đề cập tới việc đi dạo ở đường Appian khi rời khỏi nhà anh à?”

“Không,” Tom nói.

“VẬY HÔM QUA ANH ĐÃ LÀM GÌ SAU KHI ANH MEE-LAYS RA VỀ?”

“TÔI ĐÃ Ở ĐÂY,” TOM NÓI, RA HIỆU BẰNG HAI TAY NHƯ DICKIE SẼ LÀM, “RỒI TÔI NGỦ MỘT LÚC, SAU ĐÓ RA NGOÀI ĐI DẠO VÀO KHOẢNG TÁM GIỜ HAY TÁM GIỜ RỪOI GÌ ĐÓ.” MỘT NGƯỜI ĐÀN ÔNG SỐNG TRONG NHÀ, TÊN THÌ TOM KHÔNG BIẾT, ĐÃ THẤY ANH VÀO NHÀ TỐI QUA LÚC CHÍN GIỜ KÉM MƯỜI LĂM VÀ HỌ ĐÃ CHÀO NHAU.

“ANH TẢN BỘ MỘT MÌNH À?”

“PHẢI.”

“ANH MEE-LAYS CŨNG ĐÃ RỜI KHỎI ĐÂY MỘT MÌNH SAO? ANH TA KHÔNG ĐI GẶP AI ĐÓ MÀ ANH QUEN À?”

“KHÔNG. ANH ẤY KHÔNG NÓI GÌ.” TOM TỰ HỎI FREDDIE CÓ NGƯỜI BẠN NÀO Ở CÙNG TRONG KHÁCH SẠN, HAY BẤT KỲ NƠI NÀO MÀ ANH TA ĐÃ Ở KHÔNG. TOM HY VỌNG CẢNH SÁT KHÔNG ĐỂ ANH ĐỐI CHỨNG VỚI BẤT KỲ NGƯỜI BẠN NÀO CỦA FREDDIE CÓ THỂ QUEN DICKIE. GIỜ THÌ TÊN ANH - RICHARD GREENLEAF - SẼ XUẤT HIỆN TRÊN BÁO Ý, CẢ ĐỊA CHỈ CỦA ANH NỮA, TOM NGHĨ. ANH SẼ PHẢI CHUYỂN NHÀ. THẬT KINH KHỦNG. ANH TỰ RỬA MÌNH. VIÊN SĨ QUAN NHÌN THẤY, NHƯNG NÓ TRÔNG CHỈ NHƯ MỘT TIẾNG LẦM BẦM CHỬI THỀ SỐ PHẬN BUỒN THẨM ĐÃ GIÁNG XUỐNG ĐẦU FREDDIE, TOM NGHĨ.

“VẬY-” VIÊN SĨ QUAN NÓI, MỈM CƯỜI VÀ ĐÓNG QUYỂN SỔ CỦA MÌNH LẠI.

“ÔNG NGHĨ KẸ GÂY ÁN LÀ-” TOM CỐ GẮNG NGHĨ RA TỪ DÀNH CHO BỌN LƯU MANH “- BỌN DU CÔN, ĐÚNG KHÔNG? CÓ MANH MỖI NÀO KHÔNG?”

“GIỜ CHÚNG TÔI ĐANG TÌM DẤU VÂN TAY TRÊN XE. KẸ SÁT NHÂN CÓ THỂ LÀ MỘT NGƯỜI MÀ ANH TA CHO ĐI NHỜ XE. SÁNG NAY CHIẾC XE ĐÃ ĐƯỢC PHÁT HIỆN GẦN QUẢNG TRƯỜNG SPAGNA. CHÚNG TÔI HẸN SẼ CÓ MANH MỖI NÀO ĐÓ TRƯỚC TỐI NAY. CẢM ƠN ANH RẤT NHIỀU, ANH GREENLEAF.”

“*KHÔNG CÓ GÌ!* NẾU TÔI CÓ THỂ TRỢ GIÚP GÌ THÊM -”

VIÊN SĨ QUAN ĐANG RA ĐẾN CỬA THÌ QUAY LẠI. “CHÚNG TÔI CÓ THỂ TÌM ANH Ở ĐÂY TRONG VÀI NGÀY TỚI, TRONG TRƯỜNG HỢP CẦN HỎI GÌ THÊM KHÔNG?”

Tom ngáp ngừng. “Ngày mai tôi định tới Majorca.”

“Nhưng những câu hỏi có thể liên quan tới việc nhận dạng ai là ai, người đó có thể là nghi phạm không,” viên sĩ quan giải thích. “Anh có thể cho chúng tôi biết mối liên quan giữa người đó với người đã mất như thế nào.” Ông ta ra dấu.

“Được thôi. Nhưng tôi không nghĩ mình biết rõ anh Miles lắm. Có thể anh ấy có những người bạn thân thiết hơn trong thành phố đây.”

“Ai?” Viên sĩ quan đóng cửa lại và lấy sổ ra.

“Tôi không biết,” Tom nói. “Tôi chỉ biết anh ấy có vài người bạn ở đây, những người hiểu rõ anh ấy hơn tôi.”

“Tôi xin lỗi, nhưng chúng tôi vẫn mong có thể liên lạc được với anh trong mấy ngày tới,” ông ta bình tĩnh nhắc lại, như thể không cần phải tranh cãi thêm về việc đó với Tom, cho dù anh có là người Mỹ đi nữa. “Chúng tôi sẽ báo cho anh biết ngay khi anh có thể đi. Tôi rất tiếc nếu anh đã lên kế hoạch cho chuyến du lịch. Có lẽ vẫn còn thời gian để hủy đấy. Chúc một ngày tốt lành, anh Greenleaf.”

“Chúc một ngày tốt lành.” Tom đứng yên ở đó sau khi họ đã ra về. Anh nghĩ mình có thể chuyển ra khách sạn nếu anh báo cho cảnh sát biết khách sạn đó ở đâu. Anh không muốn bạn bè của Freddie hay bất kỳ bạn bè nào của Dickie tới thăm sau khi họ thấy địa chỉ của anh trên mặt báo. Anh cố gắng đánh giá biểu hiện của mình từ góc độ của cảnh sát. Họ không hề chất vấn gì anh cả. Anh không thể hiện vẻ hoảng sợ trước tin Freddie chết, nhưng điều đó khớp với việc anh cũng không hẳn là một người bạn thân đặc biệt của anh ta. Phải, mọi chuyện không tệ lắm, chỉ trừ việc anh luôn phải sẵn sàng đợi lệnh.

Điện thoại reo nhưng Tom không nghe máy, vì anh có cảm giác đó là Fausto đang gọi anh từ ga tàu. Bây giờ là mười một giờ năm phút và tàu tới Naples hẳn đã rời bến. Khi điện thoại ngừng reo, Tom nhắc máy lên và gọi tới khách sạn Inghilterra. Anh đặt một phòng, thông báo mình sẽ có mặt sau khoảng nửa tiếng nữa. Rồi anh gọi tới

đồn cảnh sát - anh nhớ nó là đồn số tám mươi ba - và sau gần mười phút vất vả vì không thể tìm được ai biết hoặc thèm quan tâm xem Richard Greenleaf là ai, anh cũng đã để lại được một tin nhắn báo rằng họ có thể tìm được anh Richard Greenleaf ở Albergo Inghilterra, trong trường hợp cảnh sát muốn gặp anh.

Chưa đầy một tiếng sau anh đã đến khách sạn. Ba vali của anh, hai trong số đó là của Dickie còn một cái của anh, khiến anh phiền muộn: anh đã xếp vali cho một mục đích hoàn toàn khác. Thế mà giờ lại thế này!

Buổi trưa anh ra ngoài mua báo. Mọi tờ báo đều đưa tin đó: MỘT NGƯỜI MỸ BỊ SÁT HẠI KINH HOÀNG TRÊN ĐƯỜNG APPIAN... VỤ GIẾT NGƯỜI RỪNG RỌN TỐI QUA Ở APPIAN: NẠN- NHÂN FREDERICK MILES LÀ NGƯỜI MỸ... PHÁT HIỆN MỘT NGƯỜI MỸ CHẾT CHƯA RÕ NGUYÊN NHÂN Ở ĐƯỜNG APPIAN... Tom đọc từng từ một. Thật sự không có một manh mối nào, ít nhất là chưa, không dấu vết, không dấu vân tay, không nghi phạm. Nhưng mọi tờ báo đều đề tên Herbert Richard Greenleaf và đăng địa chỉ của anh là nơi cuối cùng người ta thấy Freddie. Tuy nhiên, không một bài viết nào ám chỉ rằng Herbert Richard Greenleaf nằm trong diện tình nghi. Các tờ báo đều nói rằng Miles rõ ràng đã uống vài ly rượu này rượu kia, đúng đặc trưng phong cách đưa tin của báo Ý, tất cả đều được liệt kê ra từ americano cho tới rượu scotch whiskey, brandy, sâm-panh, lẫn rượu nho Ý. Chỉ có gin và Pernod nằm ngoài danh sách.

Tom ở lại trong phòng khách sạn qua giờ ăn trưa, đi đi lại lại trong phòng, cảm thấy phiền muộn và bị mắc kẹt. Anh gọi điện cho văn phòng du lịch ở Rome, nơi đã bán cho anh vé tới Palma và tìm cách hủy vé. Anh sẽ được nhận lại hai mươi phần trăm số tiền đã trả, họ nói. Trong khoảng năm ngày tới không còn con thuyền nào tới Palma nữa.

Khoảng hai giờ chiều, điện thoại của anh réo liên hồi.

“Xin chào,” Tom trả lời bằng giọng lo lắng, bức bối của Dickie.

“Chào, Dick. Van Houston đây.”

“Ồ,” Tom nói như thể quen biết anh ta, vậy nhưng nó chẳng truyền đi một chút ngạc nhiên hay ấm áp nào.

“Anh thế nào rồi? Lâu lắm rồi đấy nhỉ,” giọng nói khàn khàn, căng thẳng hỏi.

“Chắc chắn rồi. Anh đang ở đâu đấy?”

“Ở Hassler. Tôi đã kiểm tra vali của Freddie cùng cảnh sát. Nghe này, tôi muốn gặp anh. Hôm qua có vấn đề gì với Freddie vậy? Anh biết đấy, tôi đã cố gắng tìm anh suốt tối qua, vì Freddie đáng nhẽ phải về khách sạn lúc sáu giờ. Tôi không có địa chỉ của anh. Chuyện gì đã xảy ra hôm qua vậy?”

“Giá như tôi biết được! Freddie đã rời nhà tôi lúc khoảng sáu giờ. Bọn tôi đều đã uống kha khá martini, nhưng trông anh ấy vẫn đủ khả năng lái xe, không thì theo lẽ tự nhiên, tôi đã chẳng để anh ấy đi. Freddie bảo để xe dưới nhà. Tôi không thể tưởng tượng nổi chuyện gì đã xảy ra, chắc có lẽ anh ấy đã cho ai đó đi nhờ xe, rồi kẻ đó chĩa súng vào anh ấy hoặc sao đó.”

“Nhưng anh ấy không bị giết bằng súng. Tôi đồng ý với anh là có kẻ hản đã ép anh ấy lái xe ra ngoài đó, hoặc anh ấy đã bị làm ngất, vì anh ấy sẽ phải băng qua cả thành phố mới tới được đường Appian. Hassler thì chỉ cách nơi anh sống vài khu phố.”

“Anh ấy đã bao giờ bị mù tạm thời chưa? Khi đang lái xe ấy?”

“Nghe này, Dickie, tôi có thể gặp anh không? Giờ tôi đang rảnh, chỉ có điều hôm nay tôi không được phép rời khỏi khách sạn.”

“Tôi cũng vậy.”

“Thôi nào. Cứ để lại tin nhắn báo nơi anh sẽ đến và qua đây.”

“Tôi không thể, Van. Cảnh sát sẽ tới trong khoảng một tiếng nữa và tôi phải có mặt ở đây. Sao lát nữa anh không gọi lại cho tôi nhỉ? Tôi có thể gặp anh tối nay.”

“Được rồi. Máy giờ?”

“Gọi cho tôi vào khoảng sáu giờ nhé.”

“Được. Giữ vững tinh thần nhé, Dickie.”

“Anh cũng vậy nhé.”

“Gặp anh sau,” giọng nói vang lên yếu ớt.

Tom đập máy. Lúc cuối giọng Van như thể anh ta sắp khóc tới nơi. “*Xin chào?*” Tom nói, bấm máy để nối với tổng đài khách sạn. Anh để lại tin nhắn báo rằng anh sẽ không tiếp ai trừ cảnh sát và họ không được cho bất kỳ người nào lên gặp anh cả. Tuyệt đối không một ai.

Sau đó điện thoại không hề reo suốt cả chiều. Khoảng tám giờ, khi trời đã tối, Tom đi xuống tầng để mua số báo chiều. Anh nhìn quanh cái sảnh nhỏ xíu, nhìn vào cửa quầy bar nằm ngay cạnh hành lang chính của khách sạn, tìm xem liệu có ai đó có thể là Van không. Anh đã chuẩn bị tinh thần cho tất cả mọi chuyện, thậm chí sẵn sàng nhìn thấy Marge đang ngồi đó đợi anh, nhưng anh chẳng thấy ai, kể cả một người trông giống cảnh sát. Anh mua tờ báo chiều và ung dung ngồi đọc trong một nhà hàng nhỏ cách đó vài con phố. Vẫn không có manh mối. Anh biết thêm một số thông tin trên báo rằng Van Houston là bạn thân của Freddie, hai tám tuổi, dành một kỳ nghỉ đi du lịch cùng anh ta từ Áo tới Rome và trạm cuối ở Florence, nơi mà cả Miles và Houston đều có nhà. Người ta đã thẩm vấn ba thanh niên Ý, hai đứa mười tám và một đứa mười sáu tuổi, vì nghi ngờ chúng đã gây ra “hành vi ghê sợ” đó, nhưng rồi chúng cũng được thả ra. Tom nhẹ nhõm khi đọc được rằng không tìm thấy dấu vân tay nào được xem là mới hay hữu ích trên chiếc “Fiat 1400 mui trần màu đen của Miles.”

Tom từ tốn ăn món đùi cừu, nhấp rượu và đọc lướt qua mọi cột báo để xem có tin giờ chót nào không, thỉnh thoảng vẫn có những tin tức được đưa lên báo Ý ngay trước khi chúng được đem đi in. Anh không tìm thấy gì về vụ án của Miles nữa. Nhưng ở trang cuối cùng của tờ báo cuối cùng anh thấy:

## PHÁT HIỆN VẾT MÁU TRÊN XÁC TÀU ĐĂM GẦN SAN REMO

Anh đọc vội vàng, cảm thấy còn hãi hùng hơn cả lúc đem vớt xác của Freddie hay lúc cảnh sát thẩm vấn. Đây như một quả báo, một cơn ác mộng thành sự thật, đến tiêu đề bài báo cũng có ý nghĩa như vậy. Chiếc xuồng được miêu tả chi tiết và nó gợi lại cảnh tượng đầy trong anh, Dickie ngồi ở đuôi tàu điều khiển động cơ, Dickie cười với anh, cơ thể Dickie chìm xuống nước với những bong bóng nổi lên. Bài báo nói các vết ố bị nghi là vết máu, chứ chưa chắc chắn. Nó không nói cảnh sát hay ai đó định làm gì với con xuồng. Nhưng cảnh sát sẽ làm gì đó, Tom nghĩ. Người giữ thuyền có thể báo cho họ biết cái ngày con xuồng mất tích. Sau đó cảnh sát có thể kiểm tra các khách sạn. Ông chủ thuyền người Ý thậm chí còn có thể nhớ ra có hai người Mỹ không mang thuyền đem trả. Nếu cảnh sát chịu khó kiểm tra những người đăng ký ở khách sạn trong khoảng thời gian đó, cái tên Richard Greenleaf sẽ nổi lên bần bật như một lá cờ đỏ. Trong trường hợp như vậy, tất nhiên, Tom Ripley sẽ là người mất tích và người có thể bị giết vào hôm đó. Trí tưởng tượng của Tom lao đi theo vài hướng khác nhau: giả sử họ tìm kiếm xác của Dickie và tìm ra thì sao? Giờ thì nó sẽ được xem là xác của Tom Ripley. Dickie sẽ bị tình nghi là kẻ giết người. Vậy thì Dickie cũng sẽ bị nghi đã giết Freddie. Qua một đêm Dickie sẽ bị xem là “loại người nguy hiểm.” Mặt khác, ông chủ thuyền người Ý có thể không nhớ ra là ngày hôm đó, một trong những chiếc thuyền của ông ta đã không được đem trả. Mà dù ông ta có nhớ thì cảnh sát cũng chưa chắc sẽ kiểm tra khách sạn. Họ có thể không thấy hứng thú với việc đó lắm. Có thể có hoặc *có thể không*.

Tom gấp các tờ báo lại, trả hóa đơn và đi ra ngoài.

Anh hỏi bàn lễ tân xem có tin nhắn nào gửi cho mình hay không.

“*Vâng thưa ông. Có bốn lời nhắn.*” Nhân viên lễ tân trải chúng ra trên mặt bàn trước mặt anh như một người chơi bài đặt xuống một bộ bài thắng cuộc.



Hai tin nhắn từ Van. Một tin nhắn từ Robert Gilbertson. (Không phải có một người tên Robert Gilbertson trong sổ địa chỉ của Dickie sao? Nhớ kiểm tra.) Một từ Marge. Tom cầm nó lên và đọc tiếng Ý một cách cẩn thận: cô Sherwood đã gọi điện lúc ba giờ ba mươi lăm phút chiều và sẽ gọi lại. Cuộc điện thoại được gọi từ Mongibello.

Tom gật đầu và nhặt chúng lên. “Cảm ơn nhiều.” Anh không thích ánh mắt của người lễ tân sau bàn. Người Ý thật tò mò quá thế!

Ở trên gác, anh ngồi sụp xuống trong một cái ghế bành, hút thuốc và ngẫm nghĩ. Anh đang cố phán đoán một cách logic xem nếu anh án binh bất động thì chuyện gì sẽ xảy ra, anh có thể làm gì để mọi chuyện diễn ra theo ý mình. Nhiều khả năng Marge sẽ tới Rome. Rõ ràng là cô ta đã gọi cho cảnh sát Rome để xin địa chỉ của anh. Nếu cô ta xuất hiện thì anh sẽ phải gặp cô ta với tư cách là Tom, cố gắng thuyết phục cô ta là Dickie tạm thời đi vắng, như anh đã làm với Freddie. Và nếu anh thất bại - Tom xoa lòng bàn tay vào nhau một cách lo lắng. Anh không được gặp Marge, đành thế. Nhất là không phải bây giờ khi vụ chiếc xuống đang nổi lên. Mọi thứ sẽ loạn hết lên nếu anh gặp cô ta. Nó sẽ kết thúc tất cả! Nhưng nếu anh có thể ở yên một chỗ thì sẽ chẳng có chuyện gì xảy ra hết. Thời điểm này hơi khó khăn với vụ khủng hoảng nho nhỏ của cái thuyền và vụ sát hại Freddie Miles chưa được phá, anh nghĩ. Nhưng chắc chắn sau đó mọi thứ sẽ lại êm xuôi, sẽ không có chuyện gì xảy ra với anh hết, nếu anh tiếp tục nói và làm những điều đúng đắn với tất cả mọi người. Rồi anh sẽ tới một nơi nào đó xa, thật xa, Hy Lạp hoặc Ấn độ. Ceylon. Bất cứ nơi nào mà không một người bạn cũ nào có thể tới gõ cửa nhà anh hết. Anh đúng là ngớ ngẩn khi nghĩ mình có thể ở lại Rome! Sao không dọn tới nhà ga trung tâm hoặc đưa mình ra triển lãm ở bảo tàng Louvre cho rồi!

Anh gọi điện đến ga Termini, hỏi về chuyến tàu tới Naples ngày mai. Có bốn đến năm chuyến. Anh ghi lại thời gian của tất cả các chuyến. Phải năm ngày nữa mới có tàu từ Naples đi Majorca và anh sẽ dành thời gian đó ở Naples, anh nghĩ. Tất cả những gì anh cần là lệnh



thả của cảnh sát và nếu ngày mai vẫn không có chuyện gì xảy ra thì anh sẽ được phép ra đi. Họ không thể cứ giữ một người lại mãi khi thậm chí còn chẳng có một nghi vấn nào, chỉ để thỉnh thoảng thăm vấn anh ta vài câu! Anh bắt đầu cảm thấy ngày mai mình sẽ được thả, việc đó hoàn toàn hợp logic thôi.

Anh lại nhắc điện thoại lên và báo với tổng đài viên là nếu cô Marjorie Sherwood gọi lại thì anh sẽ nhận. Nếu cô ta gọi lại thì trong vòng hai phút anh có thể thuyết phục cô ta rằng mọi chuyện đều ổn, vụ sát hại Freddie chẳng dính dáng gì tới anh, việc anh chuyển ra khách sạn chỉ để tránh những cuộc gọi phiền nhiễu từ đủ kẻ xa lạ, mà vẫn nằm trong tầm kiểm soát của cảnh sát phòng trường hợp họ muốn anh nhận diện bất kỳ nghi phạm nào mà họ phát hiện ra. Anh sẽ báo với cô ta là mai hoặc ngày kia anh sẽ bay tới Hy Lạp, vậy nên cô ta có tới Rome cũng chẳng ích gì hết. Hiển nhiên là anh có thể bay từ Rome tới Palma, anh nghĩ. Trước đây anh thậm chí còn chẳng nghĩ tới điều đó.

Anh mệt mỏi nằm xuống giường, nhưng chưa sẵn sàng thay đồ, vì anh có linh cảm một chuyện gì đó sẽ diễn ra tối nay. Anh cố gắng tập trung vào Marge. Anh tưởng tượng ra lúc này cô ta đang ngồi ở Giorgio, hoặc tự thưởng cho mình một cốc Tom Collin ở quán Miramare, đắn đo xem có nên gọi lại cho anh hay không. Anh có thể thấy đôi lông mày cau lại, mái tóc xõa tung khi cô ta ngồi đăm chiêu nghĩ về chuyện có thể đang xảy ra ở Rome. Cô ta sẽ ngồi một mình một bàn, không tán gẫu với ai hết. Anh thấy cô ta đứng dậy, đi về nhà, xếp một vali và đón chuyển xe buýt trưa mai. Anh ở đó trên con đường trước bưu điện, hét lên bảo cô ta đừng đi, cố ngăn cản xe buýt, nhưng nó vẫn cứ lăn bánh...

Cảnh tượng ấy tan ra trong một đốm xám pha vàng xoáy tròn, màu của cát ở Mongibello. Tom thấy Dickie cười với mình, mặc đúng bộ vest nhung mà anh ta đã mặc ở San Remo. Bộ vest ướt đẫm, cà vạt nhỏ nước tong tong. Dickie cúi xuống, lắc anh. “Tôi đã bơi!” Anh ta nói. “Tom, tỉnh dậy đi! Tôi vẫn ổn! Tôi đã bơi! Tôi còn sống!” Tom

vận người tránh khỏi sự động chạm của anh ta. Anh nghe tiếng Dickie cười mình, tiếng cười trầm và vui vẻ. “*Tom!*” Giọng nói ấy ngày một trầm hơn, giàu âm sắc hơn, hay hơn hẳn những gì Tom có thể mô phỏng được. Anh nhồm dậy. Cơ thể anh nặng như chì và chậm chạp, như thể anh đang cố nhắc mình lên khỏi vùng nước sâu.

“*Tôi đã bơi!*” Giọng của Dickie lại vang lên, ngân vang trong tai Tom như thể anh nghe thấy nó qua một đường hầm dài.

Tom nhìn quanh phòng, tìm kiếm Dickie trong quầng sáng vàng dưới cây đèn, trong bóng tối cạnh tủ quần áo cao sừng sững. Tom cảm thấy đôi mắt của mình mở to, hoảng hốt và dù biết nỗi sợ bây giờ thật vô lý, anh vẫn tiếp tục tìm kiếm Dickie khắp nơi, dưới tấm rèm khép hờ nơi cửa sổ, trên sàn nhà bên kia giường. Anh dựng dậy, băng qua phòng, mở một cửa sổ ra. Rồi mở tiếp một ô cửa sổ khác. Anh cảm thấy say thuốc. Có kẻ nào đó đã cho thứ gì vào rượu vang của mình, đột nhiên anh nghĩ. Anh quỳ xuống dưới cửa sổ, hít không khí lạnh giá vào, chống lại cảm giác chuẫn choáng như thể có thứ gì đó sẽ chiếm lấy anh nếu anh không cố gắng hết sức. Cuối cùng anh vào phòng tắm, hắt nước lên mặt cho tỉnh táo. Cảm giác chuẫn choáng dần biến mất. Anh biết mình không bị chuốc thuốc. Anh đã để trí tưởng tượng của mình đi quá xa. Anh đã mất kiểm soát.

Anh đứng thẳng dậy và bình tĩnh cời cà vạt ra. Anh cử động hết như Dickie, thay đồ, tắm rửa, mặc đồ ngủ và nằm xuống giường. Anh cố nghĩ đến những gì Dickie sẽ nghĩ. Mẹ anh ta. Bức thư gần đây nhất của bà đính kèm hai bức ảnh của bà và ông Greenleaf ngồi uống cà phê trong phòng khách, cảnh tượng hết như anh nhớ từ buổi tối đến nhà họ dùng bữa. Bà Greenleaf bảo rằng ông Herbert đã tự chụp bức ảnh đó bằng cách bóp một cái bầu. Tom bắt đầu soạn bức thư kế tiếp để gửi họ. Họ hài lòng vì anh viết thư thường xuyên hơn. Anh phải trấn an họ về vụ Freddie, vì họ cũng biết anh ta. Trong một bức thư bà Greenleaf từng hỏi thăm Freddie Miles. Nhưng Tom vẫn căng tai chờ điện thoại trong lúc cố soạn thư và anh không thể thật sự tập trung.

## CHƯƠNG 18

**Đ**iều đầu tiên anh nghĩ tới sau khi thức giấc là Marge. Anh vội lấy điện thoại hỏi xem buổi tối cô ta có gọi tới không. Không có. Anh có một dự cảm chẳng lành là cô ta đang tới Rome. Anh nhảy bổ ra khỏi giường, rồi khi tiếp tục chu trình cạo râu và tắm táp thường lệ, cảm xúc của anh thay đổi. Vì sao anh lại phải lo lắng đến thế về Marge? Lúc nào mà anh chẳng thể xử lý cô ta. Chẳng nào thì cô ta cũng không thể có mặt ở đây trước năm hoặc sáu giờ chiều, vì chuyến xe buýt đầu tiên rời Mongibello vào buổi trưa và khó có khả năng cô ta sẽ đi taxi tới Naples.

Có thể anh sẽ rời khỏi Rome sáng nay. Lúc mười giờ anh sẽ gọi cho cảnh sát để tìm hiểu.

Anh đặt phục vụ mang cà phê sữa, bánh cuộn và vài tờ báo sáng lên phòng. Kỳ lạ thay, không có lấy một tin tức gì về vụ án của Miles hay chiếc xuồng ở San Remo trong bất kỳ tờ báo nào. Nó khiến anh cảm thấy kỳ cục và e sợ, vẫn nổi sợ hãi mà anh đã cảm nhận được tối qua khi tưởng tượng ra Dickie đứng trong phòng. Anh quăng tờ báo ra một cái ghế thật xa.

Điện thoại reo và anh chớp lấy nó. Hoặc Marge, hoặc cảnh sát.  
“*Xin chào?*”

“*Chúc ông buổi sáng tốt lành. Có hai vị cảnh sát ở dưới này muốn gặp ông.*”

“*Được rồi. Anh bảo họ lên đây được không?*”

Một phút sau anh nghe tiếng bước chân trong hành lang trải thảm, vẫn là vị sĩ quan trung niên ngày hôm qua, nhưng đi cùng một cảnh sát khác trẻ hơn.

“Chào buổi sáng,” viên sĩ quan nói một cách lịch sự, hơi cúi chào.

“Chào buổi sáng,” Tom nói. “Ông có tìm thêm được thứ gì mới không?”

“Không,” vị sĩ quan nói bằng giọng tra hỏi. Ông ta ngồi xuống cái ghế mà Tom mời và mở cặp da màu nâu của mình ra. “Một vấn đề khác vừa nảy sinh. Anh cũng là bạn của một anh chàng người Mỹ tên là Thomas Reepley à?”

“Phải,” Tom nói.

“Anh có biết giờ anh ta ở đâu không?”

“Tôi nghĩ anh ta đã quay trở lại Mỹ cách đây tầm một tháng rồi.”

Viên sĩ quan đối chiếu giấy tờ của mình. “Tôi thấy rồi. Điều này sẽ phải được Cục thông tin Mỹ xác nhận. Anh thấy đấy, chúng tôi đang cố gắng tìm Thomas Reepley. Chúng tôi nghĩ có thể anh ta đã chết.”

“Chết à? Vì sao?”

Đôi môi của viên sĩ quan dưới hàng ria mép rậm rạp màu xám lạnh hơi mím lại sau mỗi câu nói, khiến cho ông ta trông như thể đang mỉm cười. Nụ cười cũng đã khiến Tom hơi mất cảnh giác ngày hôm qua. “Anh đã ở cùng anh ta trong chuyến du lịch tới San Remo vào tháng Mười một, đúng không?”

Họ đã kiểm tra các khách sạn. “Đúng vậy.”

“Lần cuối anh gặp anh ta là ở đâu? San Remo à?”

“Không. Tôi đã gặp lại anh ta ở Rome.” Tom nhớ Marge biết anh đã quay lại Rome sau khi về Mongibello lấy đồ, vì anh đã nói sẽ giúp Dickie ổn định cuộc sống ở Rome.

“Lần cuối anh gặp anh ta là khi nào?”

“Tôi không nhớ chính xác là ngày nào. Chắc khoảng hai tháng trước, tôi nghĩ vậy. Hình như tôi đã nhận được một tấm bưu thiếp của anh ta từ - từ Genoa, nói rằng anh ta sắp quay về Mỹ.”

“Anh chắc vậy à?”

“Tôi nhớ là vậy,” Tom nói. “Vì sao ông lại nghĩ là anh ta đã chết?”

Viên sĩ quan nhìn vào tờ khai của mình một cách hồ nghi. Tom liếc nhìn viên cảnh sát trẻ, anh ta đang đứng dựa vào bàn, hai cánh tay khoanh lại, mắt nhìn anh lơ đãng.

“Anh có từng đi xuồng cùng với Thomas Reepley ở San Remo không?”

“Đi xuồng à? Ở đâu?”

“Trong một cái xuồng máy? Đi quanh cầu cảng?” Viên sĩ quan nhẹ nhàng hỏi, nhìn Tom.

“Tôi nghĩ là có. Phải, tôi nhớ rồi. Sao thế?”

“Vì người ta đã phát hiện ra một chiếc xuồng máy bị đắm với vài vết ố rất có thể là vết máu trên đó. Nó đã bị mất vào ngày 25 tháng 11. Tức là, nó đã không được trả lại đầu cảng nơi nó được thuê. Ngày 25 tháng 11 cũng là ngày anh đã ở San Remo với anh Reepley.” Viên sĩ quan nhìn chăm chăm vào anh không chuyển động.

Sự hòa nhã trong ánh mắt ấy khiến Tom khó chịu. Anh cảm thấy nó thật đối trá. Nhưng Tom nỗ lực rất lớn để hành xử một cách thích hợp. Anh cảm thấy mình như thể đang đứng tách rời khỏi cơ thể và quan sát khung cảnh ấy. Anh thậm chí còn sửa lại cả thế đứng của mình và làm mình thả lỏng hơn bằng cách tựa một tay lên cột chống cuối giường. “Nhưng chẳng có chuyện gì xảy ra với chúng tôi khi đi xuồng hết. Không có tai nạn nào cả.”

“Anh có mang trả xuồng không?”

“Đương nhiên.”

Viên sĩ quan vẫn nhìn anh. “Chúng tôi không thể tìm được thông tin anh Reepley đăng ký ở bất kỳ khách sạn nào sau ngày 25 tháng 11.”

“Thật à? - Các ông đã tìm kiếm bao lâu rồi?”

“Chưa đủ lâu để tìm kiếm mọi ngôi làng nhỏ ở Ý, nhưng chúng tôi đã kiểm tra các khách sạn ở các thành phố lớn rồi. Chúng tôi thấy anh đăng ký ở Hassler từ ngày 28 đến 30 tháng 11, còn sau đó -”

“Tom không ở cùng tôi ở Rome - anh Ripley ý. Anh ta đã về Mongibello trong khoảng thời gian đó và còn ở lại đó hai ngày.”

“Anh ta đã ở đâu khi quay lại Rome?”

“Ở một khách sạn nhỏ nào đó. Tôi không nhớ tên nó là gì. Tôi chưa đến thăm anh ta.”

“Thế anh ở đâu?”

“Khi nào?”

“Vào ngày 26 và 27 tháng 11. Tức là ngay sau khi rời San Remo.”

“Ở Forte dei Marmi,” Tom đáp. “Tôi đã nghỉ chân ở đó trên đường quay lại. Tôi ở tại một khách sạn tư nhân nhỏ.”

“Khách sạn nào?”

Tom lắc đầu. “Tôi không nhớ tên. Đó là một nơi rất nhỏ.” Sau tất cả, anh nghĩ, thông qua Marge anh có thể chứng minh rằng Tom đã về Mongibello, còn sống, sau khi rời San Remo, vậy làm gì còn lý do để cảnh sát đi điều tra khách sạn nơi Dickie Greenleaf đã ở lại vào ngày 26 và 27 nữa? Anh ngồi xuống mép giường. “Tôi vẫn chưa hiểu vì sao các ông lại nghĩ Tom Ripley đã chết.”

“Chúng tôi nghĩ có người đã chết,” viên sĩ quan trả lời, “ở San Remo. Có người đã bị giết trên cái xuồng đó. Vì lẽ đó mà cái xuồng bị đánh chìm – để giấu các vết máu.”

Tom cau mày. “Họ chắc chắn chúng là vết máu à?”

Viên sĩ quan nhún vai.

Tom cũng nhún vai. “Hẳn phải có hai trăm người thuê thuyền vào ngày hôm đấy ở San Remo.”

“Không nhiều đến thế đâu. Khoảng ba mươi người thôi. Đúng là đó có thể là bất cứ ai trong số ba mươi người - hoặc bất kỳ đôi nào

trong số mười lăm đôi,” ông ta cười nói thêm. “Chúng tôi thậm chí còn chẳng biết hết tên bọn họ. Nhưng chúng tôi bắt đầu nghĩ rằng Thomas Reepley đang mất tích.” Giờ ông ta nhìn sang một góc phòng và có thể đang nghĩ tới một chuyện khác, dựa vào biểu cảm của ông ta, Tom nghĩ. Hay là ông ta chỉ đang tận hưởng hơi ấm từ lò sưởi cạnh ghế?

Tom đảo chân một cách mất kiên nhẫn. Chuyện đang diễn ra trong đầu gã người Ý này quá dễ đoán: Dickie Greenleaf đã hai lần có mặt tại hiện trường án mạng, hoặc là ở rất gần đó. Thomas Ripley mất tích khi đi xuống vào ngày 25 tháng 11 với Dickie Greenleaf. Vậy thì - Tom đứng thẳng dậy, cau mày. “Ông đang nói là ông không tin tôi khi tôi bảo rằng tôi đã gặp Tom Ripley ở Rome vào tầm mùng 1 tháng 12 à?”

“À không, tôi không hề nói thế, nhất định là không rồi!” Viên sĩ quan giơ tay xoa dịu tình hình. “Tôi muốn nghe anh nói về chuyến - hành trình của anh cùng anh Reepley sau khi rời San Remo, vì chúng tôi không thể tìm được anh ta.” Ông ta lại cười rạn rỡ, hòa giải, khoe bộ răng vàng ệch.

Tom nhún vai cúi kính và thả lỏng người. Rõ ràng là cảnh sát Ý không muốn thẳng thừng cáo buộc một công dân Mỹ tội giết người. “Tôi rất tiếc vì không thể cho ông biết chính xác nơi anh ta đang ở lúc này. Sao ông không thử tìm ở Paris? Hoặc Genoa? Anh ta luôn ở trong các khách sạn nhỏ, vì anh ta thích như thế hơn.”

“Anh còn giữ tâm thư thiệp mà anh ta gửi cho anh từ Genoa không?”

“Tôi không có ở đây,” Tom nói. Anh cào tay qua tóc, như Dickie thỉnh thoảng vẫn làm khi bực bội. Anh cảm thấy khá hơn khi tập trung trở thành Dickie Greenleaf trong vài giây, đi đi lại lại trên sàn một hai lần.

“Anh có quen biết người bạn nào khác của Thomas Reepley không?”

Tom lắc đầu. “Không, tôi thậm chí còn chẳng biết rõ anh ta, tôi chỉ tiếp xúc với anh ta một thời gian ngắn. Tôi không rõ liệu anh ta có nhiều bạn ở châu Âu không. Hình như anh ta từng kể là có quen ai đó ở Faenza. Cả ở Florence nữa. Nhưng tôi không nhớ tên họ.” Nếu gã người Ý nghĩ anh đang bảo vệ bạn của Tom khỏi việc bị cảnh sát thẩm vấn bằng cách không nêu tên họ ra thì cứ để kệ ông ta nghĩ vậy, Tom nghĩ.

“Được rồi, chúng tôi sẽ tìm hiểu,” viên sĩ quan nói. Ông ta cất giấy tờ đi. Ông ta viết ít nhất một tá ghi chú trong đó.

“Trước khi ông đi,” Tom vẫn dùng giọng nói lo lắng, thành thật, “tôi muốn hỏi khi nào thì tôi có thể rời khỏi thành phố, tôi đã định tới Sicily. Tôi rất muốn rời đi ngay hôm nay nếu có thể. Tôi định ở lại khách sạn Palma ở Palermo. Ông mà muốn liên hệ với tôi cũng rất đơn giản.”

“Palermo,” viên sĩ quan nhắc lại. “Tốt, cũng được thôi. Tôi dùng điện thoại được không?”

Tom châm một điếu thuốc lá Ý và nghe viên sĩ quan hỏi gặp đội trưởng Anlicino, ông ta tường thuật lại một cách khá dừng dưng là anh Greenleaf không biết anh Reepley ở đâu, anh ta có thể đã quay về Mỹ hoặc cũng có thể đang ở Florence hoặc Faenza, theo ý kiến của anh Greenleaf. “Faenza,” ông ta cẩn thận nhắc lại, “gần Bologna.” Khi người ở đầu kia đã nghe rõ, ông ta bảo rằng anh Greenleaf muốn tới Palermo hôm nay. “Được. Được rồi.” Ông ta quay sang Tom, mỉm cười. “Hôm nay anh có thể tới Palermo.”

“Cảm ơn ông.” Anh tiễn hai người ra cửa. “Nếu ông tìm được Tom Ripley ở đâu thì tôi mong ông báo cho tôi biết với,” anh nói một cách chân thật.

“Tất nhiên rồi! Chúng tôi sẽ cập nhật tình hình cho anh. *Buổi sáng tốt lành!*”

Còn lại một mình, Tom ngân nga huýt sáo khi đóng gói lại vài món đồ mà anh đã bỏ ra khỏi vali. Anh cảm thấy tự hào với bản thân



vì đã đề cập tới Sicily thay vì Majorca, vì Sicily vẫn nằm trong nước Ý còn Majorca thì không, theo lẽ tự nhiên cảnh sát Ý sẽ sẵn lòng để anh đi hơn nếu anh vẫn ở trong lãnh thổ của họ. Anh đã nghĩ đến điều đó khi nhận ra rằng hộ chiếu của Tom Ripley không thể hiện rằng anh đã quay lại Pháp sau chuyến du lịch tới San Remo - Cannes. Anh nhớ mình đã bảo với Marge là Tom Ripley nói sẽ tới Paris và từ đó quay về Mỹ. Nếu họ có thăm vấn Marge về việc liệu Tom Ripley có về Mongibello sau khi rời San Remo không thì cô ta còn có thể đề cập thêm đến việc sau đó anh định tới Paris. Và nếu có ngày anh phải trở lại làm Tom Ripley, cho cảnh sát xem hộ chiếu, họ sẽ thấy anh không quay lại Pháp sau chuyến du lịch tới Cannes. Anh chỉ cần nói rằng anh đã đổi ý sau khi báo với Dickie và quyết định ở lại Ý. Chuyện đó không quan trọng.

Đột nhiên Tom đứng thẳng dậy khi đang xếp vali. Liệu có phải tất cả chỉ là một mưu mẹo? Có phải họ chỉ đang thả mồi khi đồng ý cho anh tới Sicily, để làm anh mất cảnh giác? Gã sĩ quan đó đúng là một kẻ ranh ma khôn kiếp. Ông ta từng tự giới thiệu tên một lần. Là gì nhỉ? Ravini à? Hay Roverini? Nhưng làm vậy thì có lợi gì đâu? Anh đã báo cho họ biết chính xác nơi mình định đến. Anh không có ý định chạy trốn bất kỳ cái gì. Tất cả những gì anh muốn chỉ là được rời khỏi Rome. Anh muốn bỏ đi đến phát điên! Anh ném món đồ cuối cùng vào trong vali và đóng sầm nắp lại rồi khóa chặt.

Lại điện thoại! Tom giật nó lên. “*Tôi nghe?*”

“Ôi, Dickie -!” Giọng hụt hơi.

Marge và cô ta đang ở dưới kia, anh có thể nhận ra điều đó qua âm thanh. Bối rối, anh nói bằng giọng của Tom, “Ai thế?”

“Tom đấy à?”

“Marge! À, chào cô! Cô ở đâu thế?”

“Tôi ở dưới khách sạn đây. Dickie có ở đó không? Tôi có thể lên được không?”

“Cô có thể lên đây sau khoảng năm phút nữa,” Tom cười nói. “Tôi chưa ăn vận chỉnh tề đâu.” Nhân viên lễ tân luôn dẫn người tới một bộ điện thoại ở dưới khách sạn, anh nghĩ. Lễ tân sẽ không thể nghe lỏm được họ nói gì.

“Dickie có ở đó không?”

“Hiện tại thì không. Anh ấy vừa ra ngoài cách đây nửa tiếng, nhưng sẽ quay lại ngay thôi. Tôi biết anh ấy ở đâu, nếu cô muốn tới tìm anh ấy.”

“Ở đâu thế?”

“Ở đồn cảnh sát số tám mươi ba. À không, xin lỗi, phải là đồn số tám mươi bảy mới đúng.”

“Anh ấy đang gặp rắc rối gì à?”

“Không, chỉ đang trả lời thăm vấn thôi. Anh ấy phải có mặt ở đó lúc mười giờ. Muốn tôi cho cô địa chỉ không?” Anh ước gì mình đã không dùng giọng của Tom: anh có thể dễ dàng giả vờ là một người phục vụ phòng, bạn bè của Dickie, ai cũng được và báo cho cô ta biết rằng Dickie sẽ đi vắng mấy tiếng liền.

Marge đang rên rỉ. “Không. Tôi sẽ đợi anh ấy vậy.”

“Đây rồi!” Tom nói như thế mới tìm ra. “Số 21 đường Perugia. Cô có biết đó là đâu không?” Tom thì không, nhưng anh sẽ đuổi cô ta đi về hướng ngược với American Express, nơi anh đi lấy thư trước khi rời khỏi thành phố.

“Tôi không muốn đi,” Marge nói. “Tôi sẽ lên đợi với anh, nếu anh không phiền.”

“À, thì-” Anh cười, nụ cười đặc trưng không thể nhầm lẫn của anh mà Marge hiểu rất rõ. “Vấn đề là, tôi sắp có một cuộc hẹn ngay bây giờ. Đó là một cuộc phỏng vấn xin việc. Dù tin hay không, Ripley ngày xưa đang cố kiếm việc đây.”

“À,” Marge nói, không mấy may hứng thú. “Vậy Dickie thế nào? Vì sao anh ấy lại phải tới gặp cảnh sát?”

“À, chỉ vì anh ấy đã uống vài ly với Freddie ngày hôm đó. Cô cũng đọc báo rồi phải không? Báo chí phóng đại lên gấp mười lần chỉ vì một lý do đơn giản là họ chẳng có một chút manh mối nào hết.”

“Dickie đã ở đây bao lâu rồi?”

“Ở đây à? À, chỉ mới một đêm thôi. Tôi thì vừa đi lên phía Bắc. Khi nghe tin về Freddie, tôi về lại Rome ngay để gặp anh ấy. Nếu không nhờ cảnh sát thì chắc tôi sẽ chẳng bao giờ tìm được anh ấy!”

“Đúng thế! Tôi cũng tìm tới cảnh sát trong cơn tuyệt vọng đấy! Tôi đã lo lắng vô cùng, Tom ạ. Ít nhất thì anh ấy cũng phải gọi điện cho tôi chứ - ở Giorgio hoặc đâu đó -”

“Tôi mừng hết sức khi cô tới đây, Marge. Dickie sẽ sướng rơn khi thấy cô. Anh ấy vẫn lo lắng không biết cô sẽ nghĩ gì về đồng tin trên báo ấy.”

“Ồ, vậy sao?” Marge nói một cách hồ nghi, nhưng nghe giọng vẫn có vẻ hài lòng.

“Sao cô không đợi tôi ở Angelo nhỉ? Đó là quán bar ngay cuối đường, trước cổng khách sạn, dẫn về hướng các bậc thang của quảng trường Spagna. Tôi sẽ xem xem liệu có thể chuồn ra ngoài và uống một cốc rượu hoặc một tách cà phê với cô trong khoảng năm phút nữa không, được chứ?”

“Được. Nhưng có một quán bar ngay trong khách sạn này mà.”

“Tôi không muốn bị sếp tương lai nhìn thấy đang ngồi trong một quán bar.”

“À, được rồi. Angelo à?”

“Cô sẽ tìm thấy nó ngay thôi. Trên con đường thẳng trước cửa khách sạn. Chào nhé.”

Anh quay phắt lại để thu dọn nốt đồ đạc. Anh đã làm gần xong, chỉ còn chỗ áo khoác trong tủ nữa thôi. Anh nhấc điện thoại lên, yêu cầu chuẩn bị hóa đơn và gọi người lên xách hành lý cho mình. Rồi anh xếp gọn đồng hành lý lại cho nhân viên lên lấy và đi cầu thang xuống.

Anh muốn xem xem liệu Marge có còn chờ anh ở trong hành lang không, hay vẫn đang gọi điện thoại. Cô ta hẳn không có mặt ở đây khi cảnh sát tới, Tom nghĩ. Khoảng năm phút đã trôi qua giữa lúc cảnh sát ra về và lúc Marge gọi tới. Anh đã đội mũ vào để giấu mái tóc vàng óng, mặc một chiếc áo mưa mới và bày ra vẻ mặt rụt rè, có phần sợ sệt của Tom Ripley.

Cô ta không ở trong sảnh. Tom trả tiền hóa đơn. Nhân viên lễ tân trao cho anh một tin nhắn khác: Van Houston đã tới đây. Bức thư được tự tay anh ta viết, ký tên mười phút trước.

*Đã đợi anh nửa tiếng. Anh không bao giờ ra ngoài đi dạo à? Họ không chịu cho tôi lên. Gọi cho tôi ở Hassler nhé.*

*Van*

Có thể Van và Marge đã chạm mặt, nếu họ quen nhau và đang cùng ngồi ở Angelo.

“Nếu có người hỏi thăm tôi thì anh có thể nói là tôi đã rời thành phố không?” Tom nói với nhân viên lễ tân.

*“Vâng thưa ông.”*

Tom ra chỗ chiếc taxi đang đợi anh. “Anh có thể ghé qua American Express không?” Anh hỏi người lái xe.

Người lái xe không đi qua con đường có quán Angelo. Tom thả lỏng và tự chúc mừng bản thân. Hơn tất cả anh tự chúc mừng vì việc đã quá lo lắng nên hôm qua không ở lại căn hộ của mình mà thuê phòng khách sạn. Anh sẽ không bao giờ có thể trốn được Marge nếu ở trong căn hộ của anh. Cô ta đã lấy được địa chỉ trên báo. Nếu anh vẫn dùng mảnh khốe này thì cô ta hẳn sẽ khăng khăng đòi lên nhà ngồi chờ Dickie. May mắn đang đứng về phía anh!

Anh có thư ở American Express - ba bức thư, một bức từ ông Greenleaf.

“Hôm nay anh thế nào?” Cô gái Ý đưa thư cho anh và hỏi thăm.

Cô ta cũng đọc tin trên báo, Tom nghĩ. Anh mỉm cười với khuôn mặt tò mò ngây thơ của cô ta. Tên cô ta là Maria. “Rất tốt, cảm ơn, cô thì sao?”

Khi quay lưng bỏ đi, anh chợt nhận ra là mình không bao giờ có thể dùng American Express ở Rome làm địa chỉ nhận thư của Tom Ripley. Hai hay ba nhân viên đã biết mặt anh. Anh đang dùng địa chỉ của American Express ở Naples để nhận thư của Tom Ripley, dù anh chưa hề nhận hay gửi cái gì đi từ đó, vì anh không mong đợi một thứ gì quan trọng được gửi tới Tom Ripley hết, kể cả một lời chửi rửa khác của ông Greenleaf. Khi mọi chuyện lắng xuống đôi chút, một ngày nào đó anh sẽ thân nhiên đi vào American Express ở Naples và nhận nó với hộ chiếu của Tom Ripley, anh nghĩ.

Anh không thể dùng địa chỉ American Express ở Rome với tư cách là Tom Ripley, nhưng anh vẫn phải mang Tom Ripley theo, cả hộ chiếu và quần áo phòng những trường hợp khẩn cấp như cú điện thoại của Marge sáng nay chẳng hạn. Marge suýt nữa đã chui vào phòng anh. Chừng nào sự vô tội của Dickie Greenleaf còn bị cảnh sát nghi vấn thì việc rời khỏi đất nước này với tư cách là Dickie chẳng khác nào hành động tự sát, vì nếu đột nhiên anh phải chuyển về làm Tom Ripley thì hộ chiếu của Ripley sẽ không cho thấy anh đã từng rời khỏi Ý. Nếu anh muốn rời khỏi Ý - để mang Dickie Greenleaf hoàn toàn thoát khỏi tay cảnh sát - anh sẽ phải rời đi với tư cách là Tom Ripley và sau đó quay lại với tư cách Tom Ripley, rồi trở thành Dickie một khi cuộc điều tra của cảnh sát đã kết thúc. Đó là một khả năng.

Mọi chuyện có vẻ đơn giản và an toàn. Tất cả những gì anh cần làm là nâng cao cảnh giác trong mấy ngày tới.

## CHƯƠNG 19

Con thuyền chậm rãi và ngập ngừng tiến lại gần cảng Palermo, mũi thuyền trắng phau nhẹ nhàng xuyên qua những vỏ cam nổi dập dềnh, rơm, những thùng đựng hoa quả vỡ vụn. Đó cũng là cảm giác của Tom khi tiến lại gần Palermo. Anh đã dành hai ngày ở Naples, trên báo vẫn chẳng có tin gì đáng chú ý về vụ án của Miles và hoàn toàn không có thêm tin gì mới về chiếc xuồng ở San Remo, cảnh sát cũng chẳng cố gắng liên lạc với anh, theo anh biết. Nhưng có lẽ họ chỉ không thèm tìm anh ở Naples mà đang đợi anh ở khách sạn ở Palermo, anh nghĩ thầm.

Không có cảnh sát nào đợi anh trên bến cảng dù Tom đã chủ động tìm họ. Anh mua hai tờ báo, rồi đón taxi mang hành lý về khách sạn Palma. Cũng không có cảnh sát trong sảnh khách sạn. Sảnh khách sạn cũ kỹ lộng lẫy với những cột đá cẩm thạch vĩ đại và các chậu cây cọ khổng lồ đứng quanh. Một nhân viên báo số phòng đã đặt cho anh và đưa chìa khóa cho một nhân viên vác hành lý. Tom cảm thấy nhẹ nhõm hơn nhiều khi đi tới quầy nhận thư và mạnh mẽ hỏi liệu có bức thư nào gửi cho Richard Greenleaf không. Nhân viên báo với anh là không có.

Sau đó anh bắt đầu thả lỏng. Điều đó có nghĩa là cũng chẳng có bức thư nào từ Marge hết. Chắc chắn giờ Marge đã tới chỗ cảnh sát để tìm nơi ở của Dickie. Tom đã tưởng tượng ra những viễn cảnh kinh khủng trong chuyến đi thuyền: Marge tới Palermo trước anh bằng máy bay, cô ta để lại tin nhắn cho anh ở khách sạn Palma rằng mình sẽ tới trên chuyến tàu kế tiếp. Anh thậm chí còn nhìn ngó xung quanh để tìm Marge trên thuyền khi lên boong ở Naples.

Giờ thì anh bắt đầu nghĩ rằng có thể Marge đã từ bỏ Dickie sau vụ này. Có thể cô ta sẽ tự suy ra là Dickie đang chạy trốn cô ta để ở riêng với Tom. Có lẽ cái sợ rõ cứng của cô ta cuối cùng đã thông ra điều đó. Tom đấu tranh xem có nên gửi cho cô ta một bức thư theo chiều hướng đó hay không khi ngâm mình trong bồn tắm ấm áp tối hôm đó, xoa xà phòng dọc cánh tay một cách xa hoa. Tom Ripley phải gửi cho cô ta một bức thư chứ, anh nghĩ. Đã đến thời điểm thích hợp rồi. Anh sẽ nói là anh muốn tỏ ra lịch thiệp suốt quãng thời gian này, không muốn nói huých toẹt điều đó ra trên điện thoại ở Rome, nhưng đến giờ thì anh có cảm giác là cô ta đã tự hiểu ra rồi. Anh và Dickie rất vui vẻ cùng nhau, thế đấy. Tom cười khúc khích một cách vui vẻ, không tự kiểm soát được và tự bịt miệng mình lại bằng cách bịt mũi, chìm người xuống nước.

Marge thân, anh sẽ viết như vậy. Tôi viết bức thư này vì không nghĩ Dickie sẽ chịu viết, dù tôi đã yêu cầu anh ấy rất nhiều lần. Cô là một người con gái quá tử tế, không nên bị che giấu như thế này suốt từng ấy thời gian...

Anh lại cười khúc khích, rồi tự làm mình tỉnh táo lại bằng cách chủ tâm tập trung vào những rắc rối nhỏ mà anh chưa giải quyết xong: Marge hẳn cũng đã báo với cảnh sát Ý là cô ta từng trò chuyện với Tom Ripley ở Inghilterra. Cảnh sát sẽ bắn khoản không biết anh đã đi chỗ quái nào. Có thể giờ họ đang tìm anh ở Rome. Cảnh sát chắc chắn sẽ tìm kiếm Tom Ripley quanh chỗ Dickie Greenleaf. Thêm một mối nguy nữa - giả dụ giờ họ đã nghi anh là Tom Ripley, chỉ qua miêu tả của Marge về anh, lục soát anh và thấy cả hộ chiếu của anh lẫn Dickie. Nhưng anh đã nói gì về rủi ro nào? Đó mới là thứ khiến chuyện này vui mà. Anh hát vang:

*Papa non vuole, Mama ne meno,  
Come faremo far' l'amor?*

Anh hát văng lên trong phòng tắm khi lau khô người. Anh hát bằng giọng nam trung ồn ào của Dickie mà anh chưa từng nghe thấy, nhưng anh cảm thấy chắc chắn là Dickie hẳn sẽ hài lòng với tiếng hát của mình.

Anh mặc một trong những bộ cánh dành để đi du lịch mới cóng, không một nếp nhăn và tản bộ trong chiều hoàng hôn ở Palermo. Đối diện quảng trường là thánh đường chịu ảnh hưởng của phong cách Norman, được xây dựng bởi Tổng giám mục người Anh Walter-của-xứ-Mill, anh nhớ lại từ một quyển sách hướng dẫn. Rồi đến thành phố Siracusa ở phía Nam, nơi chứng kiến trận thủy chiến vĩ đại giữa quân Latinh và quân Hy Lạp. Đến hang đá Ear of Dionysius. Rồi Taormina. Lại còn Etna! Đây là một hòn đảo rộng và hết sức mới mẻ với anh. Sicily! Pháo đài của Giuliano! Bị người Hy Lạp cổ chiếm làm thuộc địa, bị người Norman và Saracen xâm chiếm! Ngày mai anh sẽ có những trải nghiệm du lịch một cách thực thụ, nhưng khoảnh khắc này thật huy hoàng, anh nghĩ thầm khi dừng chân để ngắm thánh đường cao sừng sững trước mặt. Thật tuyệt vời khi được nhìn những đường cong phủ đầy bụi trên bề mặt của nó, nghĩ tới việc ngày mai sẽ vào trong đó, hình dung mùi ẩm mốc, ngòn ngọt được tạo nên từ vô số ngọn nến và hương trầm - được đốt qua hàng trăm hàng trăm năm. Mong đợi! Anh chợt nhận ra đối với anh sự mong đợi còn dễ chịu hơn cả trải nghiệm thực tế. Có phải lúc nào cảm giác của anh cũng như thế này không? Khi anh dành các buổi tối một mình để xử lý tài sản của Dickie, chỉ đơn giản là nhìn vào hai chiếc nhẫn của anh ta đeo trên ngón tay anh, hoặc cà vạt len của anh ta, hay cái ví da cá sấu đen ngòm của anh ta, đó là trải nghiệm hay mong đợi?

Sau Sicily là đến Hy Lạp. Chắc chắn anh muốn ngắm Hy Lạp. Anh muốn đến đó với tư cách là Dickie Greenleaf, với tiền của Dickie, quần áo của Dickie, cách cư xử với người lạ của Dickie. Nhưng liệu có chuyện gì xảy ra khiến anh không thể ngắm Hy Lạp với tư cách là Dickie Greenleaf không? Liệu sẽ có chuyện này nối chuyện kia tới



ngăn cản anh không - giết người, tình nghi, con người? Anh không hề muốn giết người, mà bị buộc phải giết người. Ý nghĩ tới Hy Lạp, lê chân qua Acropolis dưới danh nghĩa Tom Ripley, du khách Mỹ, chẳng hề có chút hấp dẫn nào với anh hết. Anh thà không đi nữa. Nước mắt dâng lên trong mắt anh khi anh chăm chú nhìn lên gác chuông của thánh đường, rồi anh quay người bước trên một con phố mới.

Sáng hôm sau có một bức thư gửi tới cho anh, một bức thư mỏng từ Marge. Tom vò nó trong tay và mỉm cười. Anh cảm thấy đó chắc chắn là những gì mình mong đợi, không thì nó đã chẳng mỏng thế này. Anh đọc nó trong lúc dùng bữa sáng. Anh tận hưởng từng dòng thư một cùng bánh mì ấm nóng và cà phê vị quế. Đó là tất cả những gì anh có thể mong chờ và còn hơn thế nữa.

*... Nếu anh thật sự không biết là em đã đến khách sạn của anh, thì điều đó cũng có nghĩa là Tom đã không báo cho anh, tức là vẫn dẫn đến cùng một kết luận. Giờ thì lý do anh chạy trốn và không thể đối diện với em cũng đã khá rõ ràng rồi đấy. Sao anh không thừa nhận là mình không thể sống thiếu anh bạn bé bỏng của mình? Anh à, em chỉ thấy tiếc vì anh không có dũng khí để nói thẳng với em điều này từ trước. Anh nghĩ em là gì chứ, một con nhóc nhà quê không biết về những chuyện đó à? Anh mới là người duy nhất quê mùa đấy! Dẫu sao đi nữa, em hy vọng việc em tự nói cho anh những gì anh không có can đảm để nói với em giúp lương tâm anh nhẹ nhõm đi đôi chút và anh có thể ngẩng cao đầu. Không có gì hơn việc tự hào về người mà anh yêu đâu! Không phải chúng ta từng nói về chuyện này rồi à?*

*Thành tựu thứ hai trong chuyến đi Rome của em là báo cho cảnh sát biết việc Tom Ripley đang ở cạnh anh. Họ có vẻ đang nặng xì lên đi tìm anh ta. (Em tự hỏi vì sao? Anh ta đã làm gì vậy?) Em cũng đã dùng hết vốn liếng tiếng Ý của mình để báo cho cảnh sát biết rằng anh và Tom không thể rời khỏi nhau và làm sao mà họ tìm được anh nhưng lại nhớ mất Tom thì em cũng không tài nào hiểu nổi.*

*Đã đổi tàu và em sẽ về Mỹ vào khoảng cuối tháng Ba, sau một chuyến thăm Kate ngắn ngày ở Munich, sau đó em đoán chúng ta sẽ không bao giờ gặp lại nhau nữa. Không có gì phải áy náy, Dickie thân mến. Em chỉ ngờ anh can đảm hơn thế cơ.*

*Cảm ơn vì tất cả những ký ức tuyệt vời. Chưa gì chúng đã như một thứ trong bảo tàng hoặc thứ được lưu giữ trong hồ phách rồi, có phần không thực, như anh hẳn vẫn luôn cảm thấy về cách anh đối xử với em. Chúc những điều tốt đẹp nhất cho tương lai,*

*Marge*

Trời ạ! Cái câu kết ủy mị đó! Đúng là cô nàng đồ đông lạnh! Tom gấp bức thư lại và nhét nó vào trong túi áo khoác. Anh liếc nhìn hai cánh cửa của nhà hàng trong khách sạn, vô thức tìm cảnh sát. Nếu cảnh sát nghĩ rằng Dickie Greenleaf và Tom Ripley đang đi du lịch cùng nhau thì họ hẳn đã phải kiểm tra các khách sạn ở Palermo để tìm Tom Ripley rồi, anh nghĩ. Nhưng anh không hề nhận thấy có bất kỳ cảnh sát nào quan sát hay theo dõi anh hết. Hoặc có thể họ đã từ bỏ vụ con xuồng vì chắc chắn Tom Ripley còn sống. Vì lẽ gì mà họ phải tiếp tục lần theo nó chứ? Có thể sự tình nghi Dickie trong vụ San Remo lẫn vụ giết Miles đã kết thúc. Có thể.

Anh về phòng và soạn một bức thư cho ông Greenleaf bằng máy đánh chữ Hermes nhỏ gọn của Dickie. Anh mở đầu thư bằng việc giải thích vụ Miles một cách tỉnh táo và lý trí, vì đến giờ nhiều khả năng ông Greenleaf đang khá hoảng hốt rồi. Anh kể rằng cảnh sát đã hoàn tất việc thẩm vấn và lúc này tất cả những gì mà họ muốn chỉ là anh hãy cố nhận diện bất kỳ nghi phạm nào mà họ có thể tìm được, vì kẻ đó có thể là người quen chung của anh và Freddie.

Điện thoại reo trong khi anh đang đánh máy. Một giọng đàn ông tự xưng là Tenente gì đó của đội cảnh sát Palermo.

“Chúng tôi đang tìm Thomas Phelps Ripley. Anh ta có ở cùng anh trong khách sạn không?” Anh ta hỏi một cách lịch sự.

“Không có đâu,” Tom đáp lại.

“Anh có biết anh ta ở đâu không?”

“Tôi nghĩ anh ta ở Rome. Tôi vừa gặp anh ta cách đây ba hay bốn ngày gì đấy ở Rome.”

“Không tìm được anh ta ở Rome. Anh có biết anh ta có thể đi đâu từ Rome không?”

“Xin lỗi, tôi không có phỏng đoán nào hết,” Tom nói.

“*Tiếc thật đấy,*” anh ta thở dài thất vọng. “*Cảm ơn anh rất nhiều.*”

“*Không có gì.*” Tom dập máy và tiếp tục viết thư.

Giọng văn nhạt nhẽo của Dickie giờ tuôn ra lưu loát hơn cả chính những bức thư của Tom. Anh dành phần lớn nội dung thư cho mẹ của Dickie, kể cho bà về tình trạng tù đày của anh, nó rất tốt, sức khỏe của anh cũng tốt nốt và hỏi xem bà đã nhận được bộ tranh ba bức vẽ trên men mà anh gửi từ một tiệm đồ cổ ở Rome cách đây hai tuần chưa. Trong khi viết thư, anh cũng nghĩ tới những gì mình phải làm về Thomas Ripley. Cuộc truy tìm của cảnh sát rõ ràng là được tiến hành một cách chiếu lệ và hờ hững, nó chẳng đáng để mạo hiểm. Dù vậy, anh không nên cất hộ chiếu của Tom ngay trong vali của mình, kể cả khi nó được bọc trong cả đồng giấy tờ thuế thu nhập cũ của Dickie để không lộ ra trước mắt nhân viên hải quan. Anh nên giấu nó trong lớp trong của cái vali da linh dương mới chẳng hạn, nơi không ai có thể tìm thấy nó cho dù cả vali có trống không, vậy nhưng anh vẫn có thể lôi nó ra trong vòng vài phút nếu cần. Bởi vì một ngày nào đó anh có thể sẽ phải làm thế. Có thể đến một lúc nào đó làm Dickie Greenleaf còn nguy hiểm hơn làm Tom Ripley.

Tom dành nửa buổi sáng cho bức thư gửi về gia đình Greenleaf. Anh có cảm giác là ông Greenleaf ngày một bức bối và mất kiên nhẫn với Dickie, không còn như cái hồi Tom gặp ông ta ở New York, mà nghiêm trọng hơn nhiều. Ông Greenleaf nghĩ rằng việc anh chuyển từ Mongibello về Rome chỉ là một ý thích điên rồ bất chợt, Tom biết. Nỗ lực biến việc vẽ vời và học hành ở Rome trở nên hữu ích của Tom đã

thất bại thảm hại. Ông Greenleaf đã gạt nó đi bằng một câu nhận xét đầy khinh miệt: kiểu như là ông ta thấy tiếc vì anh vẫn đang tự tra tấn mình với việc vẽ vời, vì đáng nhẽ ra đến giờ này anh phải hiểu ra rằng để trở thành một họa sĩ không chỉ cần đến chỗ có phong cảnh đẹp hay thay đổi địa điểm. Ông Greenleaf cũng không mấy ấn tượng trước sự hứng thú mà Tom thể hiện dành cho các hồ sơ của công ty Burke-Greenleaf mà ông đã gửi cho anh. Đến giờ này mọi thứ đều khác xa so với mong đợi của Tom: anh tưởng mình có thể nắm ông Greenleaf trong lòng bàn tay, anh nghĩ sẽ bù đắp được sự thờ ơ và vô tâm của Dickie với bố mẹ trong quá khứ và rồi anh có thể xin thêm tiền của ông Greenleaf. Giờ anh chẳng thể hỏi xin tiền của ông ta nữa.

*Giữ gìn sức khỏe nhé mẹ (anh viết). Cẩn thận với các trận cúm nhé. (Bà đã kể là mùa đông này bà bị bốn trận cúm và cả Giáng sinh phải nằm trên giường, đeo cái khăn choàng len màu hồng mà anh đã gửi cho bà làm quà Giáng sinh). Nếu mẹ đi một trong những đôi tất len tuyệt vời mà mẹ đã gửi cho con, thì mẹ sẽ chẳng bao giờ bị cúm. Con chẳng bị cúm lần nào suốt mùa đông này, một thứ đáng để tự hào trong cái lạnh lẽo ở châu Âu... Mẹ, con có thể gửi thứ gì cho mẹ từ đây nhỉ? Con thích mua đồ cho mẹ lắm...*

## CHƯƠNG 20

Năm ngày đã trôi qua, tĩnh lặng, cô độc, nhưng hết sức dễ chịu, trong mấy ngày ấy anh đã dạo quanh Palermo, dừng lại chỗ này chỗ kia để ngồi suốt một giờ trong một quán cà phê hay nhà hàng nào đó, đọc báo và sách hướng dẫn. Trong một ngày u ám, anh đã đi xe ngựa tới tận Monte Pellegrino để thăm quan lăng mộ thánh Rosalia tráng lệ, vị thánh bảo trợ của Palermo, được thể hiện qua một bức tượng nổi tiếng, trong một trạng thái mê ly đến cứng người được các nhà tâm lý học gọi bằng những cái tên khác. Dù đã xem ảnh bức tượng hồi ở Rome, Tom vẫn thấy lăng mộ này hết sức thú vị. Anh phải cố hết sức để nín cười khi thấy bức tượng: cơ thể đàn bà đầy đặn, ngả ngớn, bàn tay túm chặt, đôi mắt mơ màng, đôi môi hé mở. Tất cả lộ rõ mồn một chỉ thiếu tiếng thở dốc. Nó làm anh nghĩ tới Marge. Anh thăm quan một cung điện Byzantine, thư viện Palermo với các bức tranh và các tác phẩm viết tay cũ kỹ nứt vỡ trong các hộp kính. Anh dành thời gian nghiên cứu việc hình thành cảng, nó được minh họa tỉ mỉ trong sách hướng dẫn của anh. Anh phác họa lại một bức tranh của Guido Reni, không vì mục đích cụ thể nào và ghi nhớ một câu đề dài ngoằng của Tasso trên một công trình công cộng. Anh viết thư cho Bob Delancey và Cleo ở New York, bức thư dài dằng dặc gửi tới Cleo miêu tả hành trình du lịch, niềm vui và các mối quan hệ phong phú của anh với thái độ nhiệt tình đầy sức thuyết phục như Marco Polo miêu tả Trung Quốc vậy.

Nhưng anh cô đơn. Cảm giác này không giống với khi một mình ở Paris. Anh đã tưởng tượng mình kết thân với một nhóm bạn mới tươi vui, với họ anh sẽ khởi đầu một cuộc sống mới với thái độ mới, tiêu chuẩn mới và các thói quen mới, chúng sẽ tuyệt vời và trong sạch

hơn nhiều so với những người anh đã từng quen suốt cuộc đời này. Giờ anh nhận ra chuyện đó không thể xảy ra. Anh sẽ luôn phải giữ khoảng cách với mọi người. Anh có thể sẽ có các tiêu chuẩn và thói quen khác, nhưng sẽ không bao giờ có thể giao du với một vòng giao thiệp mới - trừ phi anh tới Istanbul hoặc Ceylon, thế nhưng quen biết những người mà anh sẽ gặp ở chốn đó thì có tác dụng gì? Anh cô độc và trò chơi anh đang chơi cũng cô độc. Tất nhiên, những người bạn anh có thể giao du đa phần đều nguy hiểm. Nếu anh được một mình trôi dạt trong thế giới này thì tốt hơn nhiều: khả năng bị phát hiện sẽ giảm thiểu hẳn. Dẫu sao đó cũng là một khía cạnh tươi sáng và anh cảm thấy khá hơn nhiều khi nghĩ về nó.

Anh chậm rãi thay đổi hành vi của mình để tương xứng với vai một người đứng ngoài quan sát cuộc đời. Anh vẫn lịch thiệp và vui vẻ với tất cả mọi người, với những người muốn mượn báo của anh trong nhà hàng và những nhân viên mà anh nói chuyện cùng ở khách sạn, nhưng đều anh ngẩng cao kiêu hãnh hơn nhiều và anh nói ít đi một chút khi trò chuyện. Một bầu không khí buồn bã phảng phất quanh anh. Tom thích sự thay đổi ấy. Anh hình dung mình trông như một chàng trai đã trải qua một cuộc tình không hạnh phúc hoặc một chấn động tinh thần nào đó và đang cố hồi phục theo một cách văn minh, bằng việc tới tham quan những vùng đất đẹp đẽ trên trái đất.

Điều đó khiến anh nhớ tới Capri. Thời tiết vẫn tệ, nhưng Capri là nước Ý. Chút hình ảnh lướt qua hồi anh ở đó cùng Dickie chỉ càng kích thích sự thèm muốn của anh. Chúa ơi, ngày hôm ấy Dickie thật nhạt nhẽo! Có lẽ anh nên trì hoãn cảnh sát cho tới mùa hè, anh nghĩ. Nhưng hơn cả Hy Lạp và Acropolis, anh muốn tận hưởng một kỳ nghỉ vui vẻ ở Capri và kệ xác văn hóa đi. Anh đã đọc về Capri trong mùa đông - chỉ có gió, mưa, sự tĩnh mịch. Nhưng vẫn là Capri! Vách đá Tiberius và Blue Grotto, quảng trường không người nhưng vẫn là quảng trường, không đổi một hòn đá nào hết. Có thể anh sẽ đi tới đó ngay hôm nay. Anh rảo bước về phía khách sạn. Việc vắng bóng du

khách cũng chẳng làm giảm giá trị của Côte d' Azur. Có thể anh sẽ bay tới Capri. Anh đã từng nghe đến dịch vụ thủy phi cơ từ Naples đến Capri. Nếu thủy phi cơ không hoạt động vào tháng Hai thì anh có thể thuê nó. Tiền nhiều để làm gì cơ chứ?

“Chào buổi sáng! Anh khỏe không?” Anh mỉm cười chào nhân viên lễ tân.

“Có thư cho anh đây. *Hỏa tốc*,” nhân viên nói, cũng cười đáp lại.

Bức thư từ ngân hàng của Dickie ở Naples. Bên trong phong bì là một bức thư khác từ công ty ủy thác của Dickie ở New York. Tom đọc thư từ ngân hàng Naples trước.

*Ngày 10 tháng 2, năm 19-*

*Kính mến,*

*Công ty Ủy thác Wendell ở New York đã thông báo với chúng tôi rằng họ nghi ngờ liệu chữ ký nhận khoản tiền năm trăm đô la hồi tháng Một vừa rồi có thật sự là của anh hay không. Chúng tôi gấp rút thông báo cho anh để có thể có hành động cần thiết.*

*Chúng tôi đã thấy cần phải thông báo cho cảnh sát nhưng vẫn sẽ đợi ý kiến xác nhận của người giám định chữ ký của chúng tôi và của Công ty ủy thác Wendell ở New York. Mọi thông tin mà anh có thể cung cấp đều sẽ được ghi nhận và chúng tôi mong anh nhanh chóng liên lạc với chúng tôi ngay khi có thể.*

*Hết sức trân trọng và tôn kính,*

*Emilio di Braganzi*

*Tổng Giám đốc của Ngân hàng Naples*

*Tái bút: Trong trường hợp chữ ký của anh vẫn có hiệu lực, chúng tôi mong anh nhanh chóng ghé qua văn phòng của chúng tôi ở Naples sớm nhất có thể để ký lại tên cho chúng tôi lưu vào hồ sơ vĩnh viễn.*

*Chúng tôi gửi kèm một bức thư cho anh gửi từ Công ty ký thác Wendell.*

Tom xé phong bì thư của công ty ủy thác ra.

*Ngày 5 tháng 2, năm 19-*

*Anh Greenleaf thân mến,*

*Phòng Chữ ký của chúng tôi đã báo cáo rằng theo họ thì chữ ký nhận khoản tiền hàng tháng vào tháng Một của anh, số 8747, vô hiệu lực. Tin rằng điều này vì lý do nào đó đã thoát khỏi sự chú ý của anh, chúng tôi gấp rút báo tin cho anh để anh có thể xác nhận đã ký tờ séc nói trên hoặc xác nhận ý kiến của chúng tôi cho rằng tờ chữ ký đó đã bị giả mạo. Chúng tôi cũng đã thông báo điều này cho ngân hàng Naples.*

*Đính kèm là một tờ giấy mẫu để lưu hồ sơ chữ ký vĩnh viễn của chúng tôi mà chúng tôi yêu cầu anh ký và gửi lại.*

*Vui lòng báo tin cho chúng tôi ngay khi có thể.*

*Trân trọng,*

*Edward T Cavanach*

*Thư ký*

Tom liếm môi. Anh muốn viết thư báo cho cả hai bên biết rằng mình không bị mất một khoản tiền nào hết. Nhưng liệu điều đó có ngăn họ được lâu không? Anh đã ký tổng cộng ba tấm séc, tính từ tháng Mười hai. Liệu họ có quay ngược lại kiểm tra toàn bộ chữ ký của anh không? Liệu chuyên gia có thể chỉ ra ba chữ ký đó là giả mạo không?

Tom lên gác và ngay lập tức ngồi xuống trước máy đánh chữ. Anh đặt một tờ giấy của khách sạn vào trục lăn và nhìn nó chăm chăm trong giây lát. Họ chưa chịu yên thế này đâu. Nếu họ có cả một hội đồng chuyên gia xem xét các chữ ký bằng kính lúp thì chắc họ sẽ phát



hiện ra tất cả đều là giả mạo. Nhưng Tom biết chúng là những chữ ký giả rất xuất sắc. Anh nhớ là mình đã ký tấm séc tháng Một hơi vội, nhưng nó cũng không tệ lắm, không thì anh đã chẳng bao giờ gửi đi. Anh hẳn đã báo ngân hàng là anh làm mất séc và yêu cầu họ gửi lại một tấm khác. Phần lớn các vụ giả mạo đều phải mất vài tháng mới bị phát hiện, anh nghĩ. Vì sao họ lại phát giác ra vụ này trong có bốn tuần nhĩ? Không phải vì họ đã theo dõi mọi mặt cuộc sống của anh, từ vụ sát hại Freddie Miles và chuyện cái xuồng ở San Remo đấy chứ? Họ muốn gặp mặt anh trực tiếp ở ngân hàng Naples. Có thể có vài người ở đó biết mặt Dickie. Cảm giác khủng hoảng hãi hùng, ngứa ngáy lan ra khắp người anh. Trong một khoảnh khắc, anh cảm thấy thật yếu đuối và tuyệt vọng, đến mức không thể cử động được. Anh thấy mình phải đương đầu với một tá cảnh sát, người Ý và người Mỹ, chất vấn anh Dickie Greenleaf ở đâu và anh không thể lờ anh ta ra hay báo cho họ biết anh ta ở đâu hay chứng minh anh ta còn sống. Anh tưởng tượng cảnh mình cố ký chữ H. Richard Greenleaf dưới con mắt sẫm soi của một tá chuyên gia chữ viết tay và đột nhiên vỡ vụn, không thể viết được gì hết. Anh đưa tay lên trước máy đánh chữ và ép mình bắt đầu. Anh gửi bức thư tới Công ty ủy thác Wendell ở New York.

*12 tháng 2, năm 19-*

*Thưa các ông:*

*Về bức thư của các ông báo về khoản tiền tháng Một của tôi:*

*Tôi đã tự mình ký tấm séc nói trên và nhận đủ tiền. Nếu tôi không nhận được tấm séc thì đương nhiên tôi đã phải thông báo cho các ông ngay lập tức rồi.*

*Tôi đính kèm tấm thiệp có chữ ký của tôi để các ông lưu hồ sơ vĩnh viễn như yêu cầu.*

*Chân thành,*

*H. Richard Greenleaf*

Anh ký thử chữ ký của Dickie vài lần lên mặt sau phong bì của công ty ủy thác trước khi ký vào thư và vào tấm thiệp. Rồi anh viết một bức thư tương tự cho ngân hàng Naples, hứa sẽ đến đó trong vòng vài ngày tới và ký lại tên để họ lưu hồ sơ vĩnh viễn. Anh đánh dấu cả hai phong bì thư là “*Hỏa tốc,*” đi xuống sảnh, mua tem từ người đưa thư và gửi chúng đi.

Rồi anh ra ngoài đi dạo. Khao khát tới Capri của anh đã biến mất. Bây giờ là bốn giờ mười lăm phút chiều. Anh vẫn mãi miết rảo bước vô định. Cuối cùng, anh dừng chân trước cửa kính của một cửa hàng đồ cổ và nhìn chăm chăm vài phút vào một bức tranh sơn dầu u ám vẽ hai vị thánh có râu đang hạ xuống một ngọn đồi tối đen dưới ánh trăng. Anh vào trong tiệm, mua nó với cái giá đầu tiên mà người bán hàng nêu ra. Nó thậm chí còn chẳng được đóng khung và anh cuộn nó lại, kẹp dưới cánh tay mang về khách sạn.

# CHƯƠNG 21

*Đồn cảnh sát số 83*

*Roma*

*Ngày 14 tháng 2, năm 19-*

*Anh Greenleaf đáng kính,*

*Chúng tôi yêu cầu anh ngay lập tức tới Rome để trả lời một vài câu hỏi quan trọng liên quan đến Thomas Ripley. Sự hiện diện của anh sẽ được đánh giá cao và cũng sẽ xúc tiến cuộc điều tra của chúng ta nhanh hơn nhiều.*

*Việc không trình diện trong vòng một tuần sẽ khiến chúng tôi phải đưa ra những biện pháp nhất định không tiện cho cả chúng tôi lẫn anh.*

*Trân trọng,*

*Đội trưởng Enrico Tarrara*

Vậy là họ vẫn đang tìm kiếm Tom. Nhưng cũng có thể có tiến triển gì đó với vụ của Miles, Tom nghĩ. Người Ý không vô cớ triệu tập một người Mỹ bằng giọng điệu như thế này. Đoạn cuối trong bức thư đúng là một lời đe dọa thẳng thừng. Và tất nhiên đến giờ họ đã biết về tấm séc giả.

Anh đứng cầm bức thư trong tay, đờ đẫn nhìn quanh phòng. Anh bắt gặp hình ảnh của mình trong gương, hai khóe miệng trĩu xuống, đôi mắt lo lắng và sợ hãi. Anh trông như thể đang cố truyền tải cảm xúc sợ hãi và bàng hoàng bằng tư thế và biểu cảm và vì dáng điệu ấy hoàn toàn không chủ tâm và rất chân thực, anh đột nhiên trở nên sợ

hãi gấp đôi. Anh gấp thư lại và đút vào túi, rồi lại lấy nó ra khỏi túi và xé vụn.

Anh bắt đầu đóng gói đồ đạc một cách vội vã, giật lấy áo choàng tắm và áo ngủ từ cửa phòng tắm, ném đồ vệ sinh cá nhân vào trong một cái túi da có in tên viết tắt của Dickie mà Marge đã tặng anh ta nhân dịp Giáng sinh. Anh đột ngột khựng lại. Anh phải tống khứ toàn bộ đồ đạc của Dickie, toàn bộ. Ở đây? Ngay bây giờ sao? Anh có nên quăng chúng qua mạn tàu trên đường quay lại Naples không?

Câu hỏi không tự trả lời, nhưng đột nhiên anh biết mình phải làm gì, mình sẽ làm gì khi quay lại Ý. Anh sẽ không đến gần Rome. Anh có thể đi thẳng tới Milan hoặc Turin, hoặc có thể đâu đó gần Venice, mua một con xe cũ đã đi rất nhiều dặm. Anh sẽ khai mình đã chu du khắp nước Ý trong hai đến ba tháng qua. Anh không hề nghe được tin gì về việc tìm kiếm Thomas Ripley hết. Thomas Reepley.

Anh tiếp tục đóng gói đồ đạc. Đây là cái kết của Dickie Greenleaf, anh biết. Anh ghét trở lại làm Thomas Ripley, ghét là người tầm thường, ghét tròng lên những thói quen ngày xưa, cảm thấy mọi người khinh bỉ và chán ngấy mình trừ phi anh diễn trò cho họ như một thằng hề, cảm thấy kém cỏi và không thể làm được một chuyện gì hết trừ mua vui cho người ta từng phút một. Anh ghét quay lại làm chính mình cũng hệt như việc ghét phải khoác lên người một bộ đồ thùng thình, dầu mỡ, nhăn nhúm, xấu xí kể từ khi mới mua. Nước mắt của anh rớt xuống chiếc áo sơ mi xanh sọc trắng của Dickie đang nằm trên cùng trong vali, được là phẳng phiu, sạch sẽ, vẫn mới tinh tươm như khi anh lấy nó ra khỏi ngăn tủ của anh ta ở Mongibello. Nhưng nó có tên viết tắt của Dickie trên túi áo bằng những con chữ nhỏ màu đỏ. Khi đóng gói đồ đạc, anh dần trở nên ngoan cố, tính toán những thứ thuộc về Dickie mà anh vẫn có thể giữ vì chúng không có tên hoặc vì sẽ không có ai nhớ ra chúng thuộc về anh ta chứ không phải anh. Có lẽ chỉ trừ Marge sẽ nhớ vài món, như quyển sổ địa chỉ bằng da màu xanh

dương mà Dickie mới viết có vài trang và nhiều khả năng là chính cô ta đã tặng nó cho anh ta. Nhưng anh không định gặp lại Marge.

Tom thanh toán hóa đơn ở Palma, nhưng anh phải đợi tới ngày hôm sau mới có thuyền về đất liền. Anh đã đặt vé thuyền dưới tên Greenleaf, nghĩ rằng đây là lần cuối cùng anh sẽ giữ vé dưới cái tên này, nhưng cũng có thể không phải vậy. Anh không thể từ bỏ ý nghĩ rằng tất cả mọi chuyện rồi sẽ chìm dần vào quên lãng. Có thể thôi. Và vì lý do đó, thật vô nghĩa nếu nản lòng. Dù có là Tom Ripley đi nữa thì cũng không thể nản lòng. Tom Ripley chưa bao giờ như vậy, dù trông bên ngoài thì thường có vẻ là vậy. Anh chưa học được điều gì từ mấy tháng vừa qua sao? Nếu bạn muốn vui vẻ, u sầu, trầm ngâm, suy tư, hay lịch lãm, đơn giản bạn chỉ cần làm bộ như vậy trong từng động tác.

Một suy nghĩ hết sức hào hứng đến với anh khi anh tỉnh giấc vào buổi sáng cuối cùng ở Palermo: anh có thể gửi toàn bộ quần áo của Dickie ở American Express Venice dưới một cái tên khác và lấy lại chúng vào một lúc nào đó trong tương lai, nếu anh muốn hay bắt buộc phải làm vậy, hoặc cũng có thể không bao giờ lấy chúng về nữa. Anh cảm thấy khá hơn nhiều khi biết rằng những cái áo sơ mi đẹp đẽ của Dickie, hộp đựng khuy rời với tất cả chỗ khuy măng sét, vòng tay mang tên riêng cùng đồng hồ đeo tay của anh ta sẽ được an toàn trong một cái kho ở đâu đó, thay vì nằm dưới đáy biển Tyrrhenus hoặc một cái thùng rác nào đó ở Sicily.

Vì vậy, sau khi cạo sạch tên viết tắt trên hai cái vali của Dickie, anh gửi những cái vali đã khóa lại ấy từ Naples tới công ty American Express ở Venice, cùng hai bức tranh mà anh đã bắt đầu vẽ ở Palermo, dưới tên Robert S. Fanshaw, lưu kho tới khi được lấy về. Những thứ duy nhất để lộ tung tích mà anh mang theo mình là hai chiếc nhẫn của Dickie mà anh cất dưới đáy một chiếc hộp da nâu nhỏ xấu xí thuộc về Thomas Ripley. Không hiểu sao anh lại giữ nó bên người nhiều năm trời, mang theo tới mọi nơi anh du lịch hoặc chuyển tới sống, cất giấu

trong đó những bộ sưu tập thú vị gồm các khay măng sét, khay cài cổ áo, những cái nút kỳ quặc, một đôi đầu bút máy và một cuộn chỉ trắng có kim khâu nhét cùng.

Tom đi tàu từ Naples qua Rome, Florence, Bologna và Verona, nơi anh xuống tàu và đi xe buýt tới thị trấn Trento cách đó khoảng sáu mươi lăm kilômét. Anh không muốn mua một chiếc xe ô-tô ở trong một thị trấn to như Verona, vì cảnh sát có thể sẽ chú ý tới tên anh khi anh đăng ký biển số xe, Tom nghĩ thầm. Ở Trento, anh mua một chiếc Lancia cũ màu kem với giá khoảng tám trăm đô la. Anh mua nó dưới tên Thomas Ripley, như trên hộ chiếu của anh và thuê một phòng khách sạn cũng dưới tên đó để đợi hai mươi tư tiếng cho tới khi biển số xe của anh sẵn sàng. Sáu tiếng đầu không có chuyện gì xảy ra hết. Tom cứ lo rằng cái khách sạn nhỏ này có thể nhận ra tên anh, viên sĩ quan xử lý đơn đăng ký biển số cũng có thể chú ý tới tên anh, nhưng đến trưa ngày hôm sau anh đã có biển số trên xe và không chuyện gì xảy ra hết. Cũng chẳng có gì trên báo về việc truy tìm Thomas Ripley, hay vụ Miles, hay vụ con xuồng ở San Remo. Điều đó khiến anh cảm thấy hơi lạ lùng, có phần an toàn và hạnh phúc, như thể tất cả đều không thực. Anh bắt đầu cảm thấy hạnh phúc kể cả khi đang đóng cái vai u ám Thomas Ripley. Anh tìm niềm vui trong đó, làm quá anh chàng Tom Ripley vốn ít nói với người lạ, vẻ thấp kém trong từng động tác cúi đầu và ánh mắt liếc xéo trầm ngâm. Sau tất cả, liệu có ai, bất kỳ ai, tin rằng một người với tính cách như vậy lại phạm tội giết người chứ? Vụ giết người duy nhất mà anh có thể bị tình nghi là giết Dickie ở San Remo và có vẻ họ cũng chưa tiến xa trong vụ án đó. Ít nhất làm Tom Ripley cũng có một sự đền bù: nó giải phóng tâm trí anh khỏi cảm giác tội lỗi vì đã giết Freddie Miles một cách ngu xuẩn, không cần thiết.

Anh muốn đi thẳng tới Venice, nhưng lại nghĩ mình nên dành một tối để tính toán xem nên khai với cảnh sát là anh đã làm gì trong vài tháng trời: ngủ trong xe ô-tô trên một con đường quê. Anh dành một

đêm ở ghế sau của con Lancia, tù túng và khốn khổ, ở đâu đó gần Brescia. Anh trườn lên ghế trước lúc bình minh với cái cổ vẹo đau đớn đến mức khó có thể quay đầu để lái xe, nhưng thế mới thật, anh nghĩ, thế mới giúp anh bịa chuyện giống hơn. Anh mua một quyển sách hướng dẫn về vùng Bắc Ý, đánh dấu ngày tháng một cách phù hợp, gấp các góc trang, giẫm chân lên bìa và xé gáy để nó rơi lá tả ở Pisa.

Tối hôm sau anh ở Venice. Một cách trẻ con, Tom đã né tránh Venice chỉ đơn giản vì anh vẫn nghĩ mình sẽ thấy thất vọng với nó. Anh cho rằng chỉ những kẻ ủy mị và du khách Mỹ mới phát cuồng lên với Venice, nó chỉ là một thị trấn cho những cặp đôi đi trăng mật thích cái cảm giác bất tiện của việc không thể đi đâu hết nếu không có thuyền gondola với vận tốc ba cây số một giờ. Anh khám phá ra Venice rộng hơn nhiều những gì anh hình dung, đầy những người Ý trông cũng giống mọi người Ý ở bất kỳ chỗ nào khác. Anh có thể đi bộ khắp thành phố trên những con đường và những cây cầu hẹp mà không cần phải đặt chân lên một con thuyền gondola nào hết, những kênh đào chính có hệ thống thuyền nhỏ cũng nhanh và hiệu quả chẳng kém hệ thống tàu điện ngầm, mà các kênh đào cũng không hề hôi thối. Có vô số khách sạn để lựa chọn, từ những nơi anh đã từng nghe tên như Gritti và Danieli, cho tới những khách sạn nhỏ và căn hộ rẻ tiền trong các con hẻm nằm xa đường chính, cách biệt với thế giới đầy cảnh sát và du khách Mỹ. Tom tưởng tượng cảnh mình sống ở đó hàng tháng trời mà không bị bất kỳ ai chú ý hết. Anh chọn một khách sạn có tên là Costanza, rất gần cầu Rialto, nằm trong phân khúc giữa những khách sạn xa hoa tiếng tăm và những nhà nghỉ nhỏ vô danh trong các con hẻm. Nó sạch sẽ, giá không đắt cắt cổ và tiện đi tới các địa điểm tham quan. Nó đúng là khách sạn phù hợp dành cho Tom Ripley.

Tom dành hai tiếng loanh quanh trong phòng khách sạn, chậm chạp dỡ những bộ quần áo cũ quen thuộc, mơ màng nhìn hoàng hôn phủ xuống kênh đào trung tâm ngoài cửa sổ. Anh hình dung ra cuộc đối thoại mà chẳng mấy nữa anh sẽ phải trao đổi cùng cảnh sát... Sao

chứ, tôi chẳng biết gì. Tôi đã gặp anh ấy ở Rome. Nếu các anh nghi ngờ về điều đó thì có thể xác nhận với cô Majorie Sherwood... Tất nhiên tôi là Tom Ripley rồi! (Anh sẽ phá ra cười). Tôi không hiểu nổi sao phải nặng xị lên thế này!... San Remo à? Có tôi nhớ chứ. Chúng tôi đã mang trả thuyền sau một tiếng đồng hồ... Phải, tôi đã quay lại Rome sau Mongibello, nhưng tôi không ở quá hai đêm. Tôi đã lang thang khắp phía Bắc nước Ý... Tôi e là mình không biết anh ấy đi đâu, nhưng tôi đã gặp anh ấy cách đây khoảng ba tuần... Tom rời khỏi bực cửa sổ, mỉm cười, thay áo sơ mi và cà vạt cho buổi tối hôm đó, rồi ra ngoài tìm một nhà hàng để chịu để dùng bữa. Một nhà hàng có tiếng, anh nghĩ. Tom Ripley có thể tự thưởng cho mình một thứ đắt đỏ chứ. Ví tiền của anh chứa đầy những tờ mười và hai mươi nghìn lia đến mức không thể gấp vào được. Anh đã đổi một nghìn đô la séc du lịch dưới tên Dickie trước khi rời khỏi Palermo.

Anh mua hai tờ báo tối, kẹp chúng dưới cánh tay và đi tiếp qua một cây cầu nhỏ cong cong, qua một con phố dài với chiều rộng chưa đầy hai mét nhưng đầy những cửa hàng đồ da, cửa hàng áo sơ mi nam, qua những ô cửa kính sáng trưng, đằng sau đó bày đầy vòng cổ và nhẫn lấp lánh trong những cái hộp mà Tom luôn hình dung chứa kho báu trong các câu chuyện cổ tích. Anh thích việc Venice không có xe ô-tô. Nó khiến thành phố trở nên người hơn. Các con phố giống như những mạch máu và con người chính là dòng máu, lưu thông khắp nơi, anh nghĩ. Anh quay về trên một con đường khác, đi qua sân trong rộng rãi của San Marco lần thứ hai. Đâu đâu cũng có chim bồ câu, trên bầu trời, trên các ngọn đèn của các cửa hàng - thậm chí cả vào buổi tối, bồ câu vẫn đi lại dưới chân người như những khách thăm quan trong chính thị trấn quê hương của chúng! Ghế và bàn ngồi uống cà phê kê dài dưới mái vòm, vào tận trong quảng trường, khiến cả người lẫn chim bồ câu phải tìm các lối đi nhỏ hẹp để lách qua. Cả hai đầu quảng trường đều có các máy quay đĩa phát giai điệu ồm tỏi và đánh nhau chan chát. Tom thử tưởng tượng ra nơi đây trong mùa hè, dưới



ánh mặt trời, người ta đua nhau quăng các năm thóc lên không trung cho chim bồ câu sà xuống ăn.

Anh đi vào một con hẻm nhỏ sáng đèn khác, tập trung nhiều nhà hàng và chọn một chỗ trông vừa phải và đáng kính với khăn trải bàn trắng tinh, các bức tường gỗ nâu. Kinh nghiệm của anh chỉ ra đây là loại nhà hàng chỉ tập trung vào thức ăn-chứ không phải các du khách vắng lai. Anh lấy một bàn và mở một tờ báo ra.

Nó đây, một tin tức nhỏ trên trang thứ hai:

### CẢNH SÁT TÌM NGƯỜI MỸ MẤT TÍCH

Dickie Greenleaf, bạn của Freddie Miles đã bị sát hại, mất tích sau kỳ nghỉ ở Sicily.

...

Tom cúi sát xuống trang báo, dồn toàn bộ sự chú ý vào nó, vậy nhưng anh vẫn ý thức được một cảm giác phiền muộn dai dẳng khi đọc, vì lạ kỳ thay, mọi chuyện có vẻ ngớ ngẩn, cảnh sát thật ngớ ngẩn khi ngu ngốc và bất lực đến như vậy, tờ báo cũng thật ngớ ngẩn khi phí mực in thông tin này ra. Mẫu tin thông báo rằng H. Richard (“Dickie”) Greenleaf, một người bạn thân thiết của Frederick Miles quá cố, người Mỹ đã bị sát hại cách đây ba tuần ở Rome, được giả định đã biến mất sau khi đi thuyền từ Palermo tới Naples. Cảnh sát Sicily và Rome đều đã được thông báo và đang thận trọng tìm anh ta. Đoạn cuối còn nói rằng Greenleaf vừa bị cảnh sát Rome triệu tập tới trả lời thẩm vấn về sự biến mất của Thomas Ripley, cũng là một người bạn thân của Greenleaf. Ripley đã mất tích khoảng ba tháng, tờ báo cho biết.

Tom đặt tờ báo xuống, vô thức giả tạo tài tình về ngạc nhiên mà người ta có thể cảm thấy khi đọc thấy trên báo tin mình đang “mất tích,” đến mức còn không chú ý thấy bồi bàn đang cố đưa anh thực đơn cho tới khi tờ thực đơn đã chạm vào tay anh. Đây là thời điểm

thích hợp để anh tới thẳng đồn cảnh sát và trình diện rồi, anh nghĩ. Nếu họ không có chứng cứ chống lại anh - mà họ có thể có gì chống lại Tom Ripley chứ? - họ hẳn sẽ không kiểm tra thời điểm anh mua ô-tô. Tin trên báo khiến anh khá nhẹ nhõm, vì nó có nghĩa là cảnh sát thật sự không phát hiện ra tên anh ở cục đăng ký xe ở Trento.

Anh ăn bữa tối một cách từ tốn và sung sướng, sau đó còn gọi cả một cốc espresso và hút hai điếu thuốc trong khi lật giở quyển sách hướng dẫn về vùng Bắc Ý. Đến lúc ấy anh đã có vài suy nghĩ khác. Chẳng hạn, vì sao anh lại đọc được một mẫu tin nhỏ như thế này trên báo? Và nó chỉ xuất hiện trên đúng một tờ báo. Không, anh chưa nên trình diện cho tới khi đọc được hai đến ba mẫu tin như vậy, hoặc một bài báo lớn mà theo logic sẽ thu hút sự chú ý của anh. Chắc chẳng lâu nữa họ sẽ đăng một bài như vậy thôi: vài ngày trôi qua mà Dickie Greenleaf vẫn chưa xuất hiện, họ sẽ bắt đầu hoài nghi rằng anh ta đang lẩn trốn vì đã giết Freddie Miles và có lẽ cả Tom Ripley nữa. Marge có thể đã báo cảnh sát là cô ta đã nói chuyện với Tom Ripley cách đây hai tuần ở Rome, nhưng cảnh sát vẫn chưa thấy mặt mũi anh ta đâu. Anh đọc qua quyển sổ hướng dẫn, mắt lướt qua các đoạn văn và số liệu nhạt nhẽo trong khi cân nhắc thêm.

Anh nghĩ tới Marge, cô ta chắc đang xới loạn cả nhà mình ở Mongibello lên để thu dọn đồ đạc về Mỹ. Cô ta sẽ đọc thấy trên báo việc Dickie mất tích và sẽ trách cứ anh, Tom biết. Cô ta sẽ viết thư cho bố Dickie và kể rằng anh đã gây ảnh hưởng xấu đến thế nào, ít nhất là thế. Ông Greenleaf có thể quyết định đi tới đây.

Thật đáng tiếc vì anh không thể tự trình diện dưới vai Tom Ripley và khiến họ cảm hòng, rồi lại trình diện làm Dickie Greenleaf, khỏe mạnh và hăng hái và giải quyết nốt cả cái bí mật nhỏ đó nữa!

Anh nghĩ mình có thể chơi đùa với vai Tom thêm một chút nữa. Anh có thể khom người một chút nữa, có thể rụt rè hơn bao giờ hết, thậm chí có thể đeo cặp kính gọng sừng và mím môi một cách buồn bã, thái độ ủ rũ hơn nữa, đối lập hoàn toàn với vẻ căng thẳng của

Dickie. Vì vài cảnh sát mà anh có thể sẽ nói chuyện cùng cũng chính là những người đã gặp khi anh đóng là Dickie Greenleaf. Tên của gã ở Rome là gì nhỉ? Rovassini à? Tom quyết định nhuộm tóc bằng một loại thuốc nhuộm còn mạnh hơn nữa để tóc anh tối màu hơn cả màu tóc thật.

Anh kiểm tra tất cả các tờ báo lần thứ ba để xem có gì về vụ Miles không. Không một tin tức nào hết.

## CHƯƠNG 22

Sáng hôm sau có cả một bài tường thuật dài dằng dặc trên tờ báo hàng đầu, trong đó một đoạn rất nhỏ nói về việc Thomas Ripley mất tích, nhưng rất mạnh dạn nói rằng Richard Greenleaf đang “tự biến mình thành đối tượng tình nghi tham gia” vào vụ án giết Miles và anh ta sẽ bị xem là đang lẩn trốn “rắc rối,” trừ phi tự ra trình diện để được xóa sạch mọi nghi ngờ. Bài báo cũng đề cập đến các tờ séc giả. Nó nói rằng thông tin cuối cùng từ Richard Greenleaf là bức thư anh ta gửi tới Ngân hàng Naples, chứng thực rằng mình không bị giả mạo giấy tờ nào cả. Nhưng hai trong ba chuyên gia ở Naples nói rằng họ tin chắc tấm séc vào tháng Một và tháng Hai của anh Greenleaf là giả mạo, đồng tình với ý kiến từ ngân hàng Mỹ của anh Greenleaf, nơi đã gửi bản sao chữ ký của anh ta về Naples. Tờ báo kết thúc với một câu hỏi ngỏ có ý bông đùa: “Liệu có người nào lại tự giả mạo bản thân mình không? Hay anh chàng người Mỹ giàu có này đang bao che cho một người bạn của mình?”

Kệ xác họ, Tom nghĩ. Chữ viết tay của Dickie thay đổi thường xuyên: anh đã thấy điều đó trên một tờ bảo hiểm giữa đồng giấy tờ của Dickie, cũng đã tận mắt chứng kiến điều đó ở Mongibello. Cứ để họ lôi ra mọi thứ mà anh đã ký trong ba tháng qua và xem xem nó dẫn họ tới đâu! Rõ ràng là họ đã không nhận thấy chữ ký trên thư của anh từ Palermo cũng là giả.

Điều duy nhất thật sự hấp dẫn anh là liệu cảnh sát có tìm ra thứ gì để buộc tội Dickie trong vụ sát hại Freddie Miles hay không. Mà thực ra điều đó cũng chẳng hấp dẫn cá nhân anh lắm. Anh mua tờ *Oggi* và *Epoca* ở một sạp báo trong góc San Marco. Chúng là thời báo lá cải hàng tuần, đầy tranh ảnh, đầy những câu chuyện từ giết chóc cho tới

người ngồi trên cột cờ, bất kỳ tin tức kỳ lạ nào đang diễn ra ở mọi nơi. Vậy nhưng chúng chưa có tin gì về việc Dickie Greenleaf mất tích cả. Có thể tuần sau, anh nghĩ. Nhưng đăng nào thì họ cũng không thể đăng ảnh của anh lên được. Marge đã chụp ảnh Dickie ở Mongibello, nhưng chưa từng chụp ảnh anh.

Trên đường đi dạo quanh thành phố sáng hôm ấy, anh mua một cặp kính gọng sừng ở một cửa hàng bán đồ chơi và đồ dùng cho những trò chơi khăm. Mắt kính là thủy tinh trong suốt. Anh ghé thăm nhà thờ San Marco và ngó nghiêng khắp bên trong mà không thực sự thấy được bất kỳ cái gì, nhưng đó không phải do lỗi của kính. Anh đang nghĩ là mình phải ra trình diện ngay lập tức. Bất kể có chuyện gì xảy ra, anh càng trì hoãn lâu thì càng bất lợi. Khi rời khỏi nhà thờ, anh hỏi một cảnh sát xem đồn cảnh sát gần nhất ở đâu. Anh hỏi một cách rầu rĩ. Anh cảm thấy buồn. Anh không sợ, nhưng cảm thấy tự trình diện mình là Thomas Phelps Ripley sẽ là một trong những điều buồn nhất mà anh từng thực hiện trong đời.

...

“Anh là Thomas Reepley à?” Đội trưởng đội cảnh sát hỏi, chẳng có vẻ hào hứng mấy, cứ như Tom chỉ là một con chó mất tích vừa được tìm về. “Tôi có thể xem hộ chiếu của anh không?”

Tom đưa nó cho anh ta. “Tôi không biết vấn đề là gì, nhưng khi đọc báo thấy việc tôi bị xem là mất tích-” Thật u ám, u ám hết như anh đã dự kiến. Cảnh sát đứng chờ ra đó, mặt vô cảm, nhìn anh chăm chăm. “Giờ thì sao?” Tom hỏi viên sĩ quan.

“Tôi phải gọi tới Rome đã,” viên sĩ quan bình tĩnh trả lời và nhắc điện thoại trên bàn lên.

Anh ta đợi vài phút để nối máy tới Rome và rồi bằng một giọng vô cảm, anh ta thông báo cho ai đó ở Rome là Thomas Reepley người Mỹ đang ở Venice. Sau vài câu trao đổi, viên sĩ quan nói với Tom, “Họ muốn gặp anh ở Rome. Hôm nay anh có thể tới đó không?”

Tom cau mày. “Tôi không định đi tới Rome.”

“Tôi sẽ báo với họ,” viên sĩ quan nói thờ ơ, rồi lại trao đổi qua điện thoại.

Giờ thì anh ta đang sắp xếp cho cảnh sát Rome tới gặp anh. Tom thấy rằng làm một công dân Mỹ vẫn có những đặc quyền nhất định.

“Anh đang ở khách sạn nào?” Viên sĩ quan hỏi.

“Ở Costanza.”

Viên sĩ quan chuyển thông tin này cho phía Rome. Rồi anh ta đập máy và lịch sự thông báo với Tom là đại diện cảnh sát Rome sẽ tới Venice sau tám giờ tối hôm nay để trao đổi với anh.

“Cảm ơn,” Tom nói và quay lưng lại với bóng hình ảm đạm của viên sĩ quan ngồi điền vào tờ đơn. Đó đúng là một cảnh tượng hết sức nhàm chán.

Tom dành cả ngày còn lại trong phòng, im lặng ngẫm nghĩ, đọc sách, tạo ra thêm vài thay đổi nhỏ trong diện mạo của mình. Anh nghĩ nhiều khả năng họ sẽ cử chính người đã thẩm vấn anh ở Rome tới, đại úy Rovassini hay gì gì đó. Anh tô đậm lông mày của mình thêm ba phân với bút chì. Anh nắm ườn cả chiều trong bộ vest nâu bằng vải tweed và thậm chí còn giật một cái nút ra khỏi áo. Dickie khá là gọn gàng, nên Tom Ripley sẽ cầu thả hơn hẳn để thể hiện rõ sự đối lập. Anh không ăn trưa, dù rằng anh cũng chẳng muốn ăn, nhưng chủ yếu vì anh muốn tiếp tục giảm thêm vài cân mà anh đã tăng lên để vào vai Dickie Greenleaf. Anh sẽ biến mình gầy hơn cả Tom Ripley trước kia. Cân nặng ghi trên hộ chiếu của anh là bảy mươi ký. Dickie là bảy sáu ký, dù họ cùng chiều cao là mét tám sáu.

Lúc tám rưỡi tối hôm ấy, điện thoại của anh réo lên và người trực tổng đài thông báo là đại úy Roverini đang ở dưới sảnh.

“Anh mời ông ấy lên đây được không?” Tom hỏi.

Tom đi về phía cái ghế mà anh định ngồi xuống và kéo nó ra xa khu vực ánh sáng dưới cây đèn đứng. Căn phòng được sắp đặt để

trông như thể anh vừa đọc sách giết thời gian trong mấy tiếng qua - cây đèn đứng và một đèn đọc sách nhỏ được bật, khăn phủ giường không còn phẳng phiu, hai cuốn sách mở úp mặt xuống dưới và anh thậm chí còn vừa soạn một bức thư trên bàn để gửi cho cô Dottie.

Viên sĩ quan gõ cửa.

Tom uể oải mở cửa. “Chào buổi tối.”

“Chào buổi tối. Tôi là Trung úy Roverini của đội cảnh sát Rome.” Khuôn mặt thân thiện, tươi cười của viên sĩ quan không hề mang chút vẻ ngạc nhiên hay hoài nghi nào. Sau lưng ông ta là một sĩ quan cảnh sát cao ráo, im lìm, trẻ tuổi khác - không phải người lạ, Tom đột nhiên nhận ra, mà chính là người đã đi cùng Roverini khi Tom mới gặp ông ta trong căn hộ ở Rome. Viên sĩ quan ngồi xuống cái ghế mà Tom mời, dưới đèn. “Anh là bạn của anh Richard Greenleaf à?” Ông ta hỏi.

“Đúng vậy.” Tom ngồi xuống chiếc ghế còn lại, một cái ghế tay vịn mà anh có thể ngồi sụp xuống.

“Lần cuối cùng anh gặp anh ta là khi nào và ở đâu?”

“Tôi có gặp anh ấy trong chốc lát ở Rome, ngay trước khi anh ấy đi Sicily.”

“Khi anh ta ở Sicily thì anh còn nghe tin gì từ anh ta không?” Viên sĩ quan đang ghi chép lại toàn bộ nội dung vào quyển sổ mà ông ta vừa lấy ra khỏi cặp táp nâu.

“Không, tôi không nghe tin gì từ anh ấy hết.”

“À ha,” viên sĩ quan nói. Ông ta dành nhiều thời gian nhìn giấy tờ của mình hơn là nhìn Tom. Cuối cùng, ông ta ngẩng lên với vẻ mặt thân thiện, hào hứng. “Lúc ở Rome anh không hề biết là cảnh sát muốn gặp mình à?”

“Không. Tôi không hề biết. Tôi không thể hiểu nổi vì sao tôi bị coi là mất tích.” Anh chỉnh lại kính và nhìn ông ta chăm chú.

“Tôi sẽ giải thích sau. Anh Greenleaf không báo lại với anh ở Rome là cảnh sát muốn gặp anh à?”

“Không.”

“Lạ thật,” ông ta nhẹ nhàng nhận xét, lại ghi chú lại. “Anh Greenleaf biết là chúng tôi muốn nói chuyện với anh. Anh ta có vẻ không hợp tác lắm.” Ông ta mỉm cười với Tom.

Tom vẫn giữ vẻ mặt nghiêm túc và chú tâm.

“Anh Reepley, anh đã ở đâu từ cuối tháng Mười một?”

“Tôi đã du lịch. Chủ yếu tôi ở vùng phía Bắc của nước Ý.” Tom dùng thứ tiếng Ý vụng về, điểm lỗi ở chỗ này chỗ nọ và âm điệu cũng tương đối khác tiếng Ý của Dickie.

“Ở đâu?” Viên sĩ quan lại cầm bút.

“Milan, Turin, Faenza – Pisa-”

“Chúng tôi đã tìm kiếm các khách sạn ở Milan và Faenza. Anh luôn ở với bạn à?”

“Không, tôi - hay ngủ trong xe.” Có thể thấy rõ là anh không có nhiều tiền lắm, Tom nghĩ và anh cũng là kiểu thanh niên thích đi bụi với sách hướng dẫn và một quyển sách của Silone và Dante hơn là ở trong một khách sạn xa hoa. “Tôi rất tiếc vì đã không xin lại giấy phép tạm trú,” Tom nói một cách hối lỗi. “Tôi không biết đó lại là một vấn đề nghiêm trọng đến vậy.” Nhưng anh biết rằng các du khách ở Ý hầu như chẳng bao giờ phiền phức đi làm lại giấy phép tạm trú mà cứ ở lì cả mấy tháng trời, dù lúc đầu nhập cảnh họ khai mình chỉ định ở đó trong vài tuần thôi.

“*Giấy phép tạm trú,*” viên sĩ quan nói bằng giọng dịu dàng, như bậc cha mẹ sửa lỗi sai cho con.

“*Cảm ơn anh.*”

“Tôi xem hộ chiếu của anh được không?”

Tom lấy nó ra từ túi áo trong. Viên sĩ quan nhìn kỹ ảnh trong khi Tom trưng lên vẻ thoáng chút lo lắng, môi khẽ tách ra, như trong hình



hộ chiếu. Trong tấm hình đó anh không đeo kính, nhưng kiểu tóc vẫn thế, cà vạt thắt nút tam giác lỏng lẻo vẫn thế. Viên sĩ quan liếc nhìn vài dấu nhập cảnh mới chỉ lấp một phần hai trang hộ chiếu đầu tiên.

“Anh đã ở Ý từ mùng 2 tháng 10, trừ chuyến du lịch ngắn ngày tới Pháp cùng anh Greenleaf?”

“Phải.”

Viên sĩ quan mỉm cười, giờ là nụ cười dễ chịu đậm chất Ý và cúi gập người xuống. “*Tốt lắm*, điều này giải quyết một vấn đề quan trọng - bí ẩn về chiếc xuồng ở San Remo.”

Tom cau mày. “Nó là gì?”

“Người ta tìm thấy một chiếc xuồng bị đánh chìm với vài vết ố được xem là vết máu. Theo lẽ tự nhiên, chúng tôi nghĩ anh đã mất tích ngay sau khi tới San Remo-” Ông ta vung hai tay ra và cười. “Chúng tôi đã nghĩ nên hỏi anh Greenleaf xem đã có chuyện gì xảy ra với anh. Chúng tôi đã làm vậy. Chiếc xuồng bị mất tích cùng ngày hai anh ở San Remo!” Ông ta lại cười.

Tom giả vờ không hiểu câu chuyện đùa. “Nhưng anh Greenleaf không kể với các ông là tôi đã về Mongibello sau khi rời San Remo à? Tôi đã giúp –” anh tìm một từ để nói “- anh ấy chút việc chân tay.”

“*Được lắm!*” Sĩ quan Roverini nói, mỉm cười. Ông ta nói lỏng chiếc áo khoác có khuy đồng một cách thoải mái và cọ một ngón tay trên hàng ria mép rậm rạp, xơ cứng. “Anh có quen Frederick Mee-lays không?” Ông ta hỏi.

Tom thở dài một cách vô thức, vì rõ ràng là vụ chiếc xuồng đã khép lại. “Không. Tôi mới chỉ gặp anh ta đúng một lần khi anh ta xuống khỏi xe buýt ở Mongibello. Tôi chưa từng gặp lại anh ta.”

“À ha,” ông ta nói, ghi nhận thông tin. Ông ta im lặng trong giây lát như thể đã hết câu để hỏi, rồi mỉm cười. “À, Mongibello! Một ngôi làng xinh đẹp, không phải sao? Vợ tôi cũng đến từ Mongibello đấy.”

“Vậy sao!” Tom vui vẻ nói.

“Vâng. Chúng tôi đã tới đó hưởng trăng mật.”

“Ngôi làng đẹp nhất đấy,” Tom nói. Anh hòa theo câu xã giao mà viên sĩ quan nói. Tom cảm thấy đây có lẽ là màn nghỉ giải lao lịch sự của người Ý, nghỉ giữa hiệp. Chắc chắn họ sẽ đào sâu vào đời sống riêng tư của Dickie, các tấm séc giả và tất cả những chuyện còn lại. Tom nghiêm túc nói bằng thứ tiếng Ý bập bõm, “Tôi đã đọc trên báo là cảnh sát nghĩ rằng anh Greenleaf có thể có tội trong vụ sát hại Freddie Miles, nếu anh ấy không trình diện. Có đúng là người ta nghĩ anh ấy có tội không?”

“À, không, không, không!” Viên sĩ quan phản đối. “Nhưng việc anh ta trình diện là rất khẩn thiết! Vì sao anh ta lại trốn tránh chúng tôi?”

“Tôi không biết. Như ông nói đấy - anh ấy có vẻ không hợp tác lắm,” Tom bình luận một cách nghiêm trọng. “Ở Rome anh ấy không chịu hợp tác đến mức không thèm báo cho tôi việc cảnh sát muốn gặp tôi. Nhưng đồng thời - tôi không thể tin là anh ấy có khả năng giết Freddie Miles.”

“Nhưng - anh biết không, ở Rome có một người khai rằng anh ta đã thấy hai người đàn ông đang đứng cạnh ô-tô của anh Mee-lays đối diện nhà anh Greenleaf và cả hai đều say xỉn hoặc-” ông ta dừng lại để tăng phần kịch tính, nhìn Tom “-có thể một người đã chết, vì người còn lại đang ngả anh ta vào xe! Tất nhiên, chúng tôi không thể nói rằng người được đỡ là anh Mee-lays hay anh Greenleaf,” ông ta để thêm, “nhưng nếu chúng tôi có thể tìm được anh Greenleaf thì ít nhất chúng tôi có thể hỏi liệu anh ta có say đến mức anh Mee-lays phải đỡ anh ta không!” Ông ta cười.

“Ra vậy.”

“Đó là một vấn đề hết sức nghiêm trọng.”

“Phải, tôi có thể thấy điều đó.”

“Anh không biết một chút gì việc anh Greenleaf đang ở đâu vào thời điểm này à?”

“Không. Tuyệt đối không.”

Viên sĩ quan suy tư. “Anh có biết đến vụ cãi cọ nào của anh Greenleaf và anh Mee-lays không?”

“Không, nhưng -”

“Nhưng gì?”

Tom tiếp tục một cách chậm rãi, ra vẻ vừa đủ. “Tôi biết là Dickie đã không tới dự một bữa tiệc trượt tuyết mà Freddie Miles mời anh ấy. Tôi nhớ là mình cũng ngạc nhiên khi anh ấy không đi. Anh ấy không nói với tôi lý do.”

“Tôi biết về bữa tiệc trượt tuyết. Ở Cortina d’ Ampezzo. Anh có chắc chắn là chuyện này không liên quan tới người phụ nữ nào không?”

Bản tính hài hước của Tom trỗi dậy, nhưng anh giả vờ nghĩ ngợi cẩn thận. “Tôi không nghĩ vậy.”

“Thế còn cô Marjorie Sherwood thì sao?”

“Tôi đoán là có khả năng đấy,” Tom nói, “nhưng tôi không nghĩ vậy. Có lẽ tôi không phải là người thích hợp để trả lời các câu hỏi về đời sống cá nhân của anh Greenleaf.”

“Anh Greenleaf chưa từng kể với anh về những mối tình của anh ta sao?” Viên sĩ quan hỏi với vẻ sùng sốt đậm chất La tinh.

Anh có thể dẫn dắt họ tới vô tận, Tom nghĩ. Marge sẽ làm chứng cho tất cả, chỉ cần nhìn cái cách cô ta tràn trề cảm xúc khi phản ứng lại các câu hỏi về Dickie là đủ và cảnh sát Ý sẽ chẳng bao giờ có thể tìm hiểu ngọn nguồn về các mối quan hệ tình cảm của Greenleaf hết. Đến anh còn chẳng thế nữa là! “Không,” Tom nói. “Dickie chưa từng kể với tôi về đời sống riêng tư của anh ấy. Nhưng tôi biết anh ấy rất quý Marjorie.” Anh nói thêm, “Cô ấy cũng quen Freddie Miles đấy.”

“Cô ta thân với anh ta không?”

“À thì-” Tom ra vẻ còn nhiều điều để nói.

Viên sĩ quan rướn người. “Vì anh đã sống một thời gian với anh Greenleaf ở Mongibello, có thể anh biết về các mối quan hệ của anh Greenleaf nói chung đấy. Hãy kể với chúng tôi. Điều đó rất quan trọng.”

“Sao các ông không hỏi cô Sherwood ấy?” Tom gợi ý.

“Chúng tôi đã nói chuyện với cô ấy ở Rome - trước khi anh Greenleaf biến mất. Tôi đã sắp xếp để gặp lại cô ấy khi cô ấy tới Genoa để lên tàu về Mỹ. Giờ cô ấy đang ở Munich.”

Tom im lặng chờ đợi. Viên sĩ quan đang đợi anh tiết lộ thêm một điều gì đó. Giờ Tom cảm thấy khá thoải mái rồi. Mọi chuyện đang diễn ra đúng như anh vẫn kỳ vọng trong những viễn cảnh lạc quan nhất: cảnh sát không có bằng chứng nào chống lại anh và họ cũng không nghi ngờ gì anh hết. Đột nhiên Tom cảm thấy vừa vô tội lại vừa mạnh mẽ, không còn chút cảm giác tội lỗi nào, hệt như chiếc vali cũ mà anh vừa phải tỉ mỉ xóa sạch tem *Deponimento* từ phòng hành lý của Palermo. Anh nói bằng giọng Ripley thành thật, cẩn trọng nhất, “Tôi nhớ là từng có lúc ở Mongibello, Marjorie đã bảo là cô ấy sẽ không tới Cortina và sau đó cô ấy lại đổi ý. Nhưng tôi không biết vì sao. Nếu điều đó có ý nghĩa nào đó -”

“Nhưng cô ta không hề đến Cortina.”

“Không, chỉ vì anh Greenleaf không đi, tôi nghĩ vậy. Ít nhất thì cô Sherwood mến anh ấy đến mức cô ấy sẽ không đi một mình sau khi đã mong sẽ dành kỳ nghỉ với anh ấy.”

“Anh có nghĩ anh Mee-lays và Greenleaf đã cãi cọ về cô Sherwood không?”

“Tôi không dám chắc. Có khả năng đó. Tôi biết là anh Miles cũng rất mến cô ấy.”

“À ha.” Viên sĩ quan cau mày, cố gắng làm rõ tất cả manh mối. Anh liếc lên nhìn người cảnh sát trẻ, người rõ ràng là đang lắng nghe,

dù qua vẻ mặt bất động của anh ta thì anh ta chẳng có gì để đóng góp hết.

Những gì anh vừa khai vẽ ra bức chân dung của Dickie như một người tình hay hờn dỗi, Tom nghĩ, không sẵn lòng cho Marge tới Cortina để chơi bời, vì biết cô ta quá quý mến Freddie Miles. Ý nghĩ có ai đó, đặc biệt là Marge, lại thích con bò mắt trố đó hơn Dickie khiến Tom mỉm cười. Anh biến nụ cười thành biểu cảm khó hiểu. “Các ông thật sự nghĩ là Dickie đang chạy trốn một điều gì đó, hay chỉ cho là do có vấn đề khác nên mới không tìm được anh ấy?”

“À không. Phỏng đoán như thế thì hơi quá. Đầu tiên là vấn đề về các tấm séc. Có lẽ anh đã biết về điều đó qua báo.”

“Tôi hoàn toàn không hiểu gì về các tờ séc.”

Viên sĩ quan giải thích. Ông ta biết ngày ký séc và số người tin rằng chúng bị giả mạo. Ông ta cũng nói là anh Greenleaf đã phủ nhận việc chúng bị giả mạo. “Nhưng khi ngân hàng muốn gặp anh ta về vụ giả mạo giấy tờ và cảnh sát ở Rome cũng muốn gặp anh ấy về vụ án bạn anh ta bị sát hại, anh ta lại đột nhiên biến mất -” Viên sĩ quan vung tay lên. “Điều đó chỉ có nghĩa là anh ta đang trốn chúng tôi.”

“Ông không nghĩ là ai đó có thể đã giết anh ấy sao?” Tom nói nhỏ nhẹ.

Viên sĩ quan nhún vai, đẩy hai vai lên dưới tai ít nhất phải mười lăm giây. “Tôi không nghĩ vậy. Thực tế không cho thấy điều đó. Không hẳn. Ebbene - chúng tôi đã kiểm tra qua radio mọi con thuyền chở khách với đủ mọi kích cỡ đã rời khỏi Ý. Hoặc anh ta đã dùng một con thuyền nhỏ, như loại thuyền đánh cá, hoặc anh ta đang trốn ở Ý. Hoặc, tất nhiên, bất kỳ đâu ở châu Âu, vì chúng tôi thường không lưu tên của những người rời khỏi nước chúng tôi và anh Greenleaf có vài ngày để biến mất. Dẫu là trường hợp nào đi nữa thì anh ta cũng đang trốn tránh. Điều đó có nghĩa là anh ta có tội. Có vấn đề gì đó ở đây.”

Tom nhìn ông ta chăm chăm.

“Anh có bao giờ nhìn thấy anh Greenleaf ký vào các tờ séc đó không? Cụ thể là tờ séc tháng Một và tháng Hai?”

“Tôi đã thấy anh ấy ký một trong số chúng,” Tom nói. “Nhưng tôi sợ đó là tháng Mười hai. Tôi không ở cạnh anh ấy trong tháng Một và tháng Hai. - Các ông nghiêm túc khi nghi ngờ anh ấy có thể đã giết anh Miles à?” Tom hỏi lại, đầy ngờ vực.

“Anh ta không có chứng cứ ngoại phạm cụ thể,” viên sĩ quan đáp. “Anh ta nói mình đã đi dạo sau khi anh Mee-lays ra về, nhưng không ai thấy anh ta đi dạo hết.” Đột nhiên ông ta chỉ một ngón tay vào Tom. “Và - chúng tôi cũng được biết thông qua một người bạn của anh Mee-lays, anh Van Houston, là anh Mee-lays đã phải rất vất vả mới tìm được anh Greenleaf ở Rome - như thể anh Greenleaf đang cố trốn tránh anh ta. Anh Greenleaf có thể bực tức với anh Mee-lays, dù theo lời anh Van Houston thì anh Mee-lays hoàn toàn không giận anh Greenleaf!”

“Tôi hiểu rồi,” Tom nói.

“*Ecco*,” viên sĩ quan kết luận. Ông ta đang nhìn chăm chăm vào tay của Tom.

Hay ít nhất là Tom tưởng tượng ra điều đó. Anh đã đeo lại chiếc nhẫn của mình, nhưng liệu viên sĩ quan có khả năng chú ý đến một điểm tương đồng nào đó không? Tom mạnh dạn chìa bàn tay về phía gạt tàn thuốc lá và lấy điếu thuốc lá.

“*Vậy thôi*,” viên sĩ quan nói, đứng dậy. “Cảm ơn rất nhiều vì sự giúp đỡ của anh, anh Reepley. Anh là một trong số ít người giúp chúng tôi hiểu thêm về đời sống cá nhân của anh Greenleaf. Ở Mongibello, những người mà anh ta quen đều hết sức kín tiếng. Đặc tính của người Ý, trời ơi! Anh biết đấy, họ sợ cảnh sát.” Ông ta cười khê. “Chúng tôi hy vọng lần tới chúng tôi có câu hỏi cho anh thì sẽ dễ liên lạc với anh hơn. Cố gắng ở trong thành phố nhiều hơn và ở nông thôn ít đi nhé. Tất nhiên, trừ phi anh nghiện vùng nông thôn của chúng tôi.”

“Đúng thế!” Tom nói một cách nồng nhiệt. “Theo quan điểm của tôi, Ý là đất nước đẹp nhất châu Âu. Nhưng nếu ông muốn thì tôi sẽ giữ liên lạc với ông ở Rome để ông luôn nắm được tôi đang ở đâu. Tôi cũng rất quan tâm tới việc tìm được bạn tôi.” Anh nói như thế tâm hồn ngây thơ của anh đã quên bằng khả năng Dickie có thể là kẻ sát nhân.

Viên sĩ quan đưa cho anh một tấm danh thiếp có tên ông ta và địa chỉ trụ sở của ông ta ở Rome. Ông ta cúi chào. “*Cảm ơn rất nhiều, anh Reepley. Chúc buổi tối vui vẻ!*”

“*Buổi tối vui vẻ,*” Tom nói.

Viên cảnh sát trẻ hơn chào anh khi ra ngoài và Tom gật đầu chào lại và đóng cửa.

Anh cảm thấy mình có thể bay - như chim, ra ngoài cửa sổ, với sải cánh dang rộng! Lũ ngốc! Đã lớn vớn rất gần mà chẳng bao giờ đoán được! Chẳng bao giờ đoán được rằng Dickie đang chạy trốn khỏi những nghi ngờ về vụ giả mạo séc vì ngay từ đầu anh ta không phải Dickie Greenleaf! Điều duy nhất mà họ tỏ ra sáng dạ là việc Dickie Greenleaf có thể đã giết Freddie Miles. Nhưng Dickie Greenleaf chết rồi còn đâu, điều đó chắc như đinh đóng cột, còn anh, Tom Ripley, đã an toàn! Anh nhắc điện thoại lên.

“Nối máy cho tôi với khách sạn Grand nhé?” Anh nói bằng giọng Ý của Tom Ripley. “*Nhà hàng, làm ơn. - Cho tôi đặt bàn cho một người lúc chín rưỡi nhé? Cảm ơn anh. Tên là Ripley. R-i-p-l-e-y.*”

Tối nay anh sẽ có một bữa tối đúng nghĩa. Ngắm ánh trăng trên kênh đào trung tâm. Ngắm thuyền gondola lững lờ trôi, chở các đôi vợ chồng đi trăng mật, người chèo thuyền và mái chèo in bóng xuống mặt nước lấp lánh ánh trăng sáng. Đột nhiên anh đói cồn cào. Anh sẽ ăn một thứ gì đó xa hoa và đắt đỏ - bất kể món đặc biệt của khách sạn Grand là gì, ức gà lôi hay ức gà, có thể khai vị bằng món cannelloni, sau đó thưởng thức mỳ Ý hảo hạng với sốt kem, một cốc vang đỏ Ý để nhắm nháp trong khi mơ mộng về tương lai và lên kế hoạch cho điểm đến tiếp theo.

Anh có một ý tưởng xuất sắc trong khi đang thay đồ: anh phải mang theo người một cái phong bì, trên đó có ghi không được mở ra trong vài tháng tới. Bên trong là một tờ di chúc có chữ ký của Dickie, tặng lại cho anh tiền và thu nhập của anh ta. Đúng là một ý tưởng tuyệt vời.



## CHƯƠNG 23

*Venice,*

*Ngày 28 tháng 2, năm 19-*

*Chú Greenleaf kính mến,*

*Cháu nghĩ trong tình huống này chú sẽ không hiểu sai nếu cháu viết thư báo cho chú mọi thông tin cá nhân mà cháu biết liên quan đến Richard - có vẻ như cháu là một trong những người cuối cùng gặp anh ấy.*

*Cháu đã gặp anh ấy ở Rome vào tầm ngày mùng 2 tháng 2 ở khách sạn Inghilterra. Như chú biết, lúc đó mới là hai đến ba ngày sau khi Freddie Miles chết. Cháu thấy Dickie buồn bực và lo lắng. Anh ấy đã nói sẽ tới Palermo ngay khi cảnh sát thẩm vấn xong các vấn đề liên quan tới cái chết của Freddie và có vẻ anh ấy rất nóng lòng muốn rời đi, một điều cũng dễ hiểu, nhưng cháu muốn báo với chú là anh ấy có một thái độ tuyệt vọng nhất định ẩn sâu bên trong khiến cháu thấy lo lắng còn hơn cả sự lo âu hiển hiện ra bên ngoài của anh ấy. Cháu có cảm giác anh ấy sẽ thử làm điều gì đó bạo lực - có lẽ là với chính mình. Cháu cũng biết là anh ấy không muốn gặp lại người bạn Marjorie Sherwood nữa và anh ấy cũng nói sẽ cố trốn tránh cô ấy nếu cô từ Mongibello lên gặp anh ấy vì vụ Miles. Cháu đã cố thuyết phục anh ấy gặp Marge. Cháu không biết sau đó anh ấy có nghe theo không. Cô ấy khiến người ta thấy được an ủi, như có lẽ chú đã biết.*

*Điều cháu muốn nói là cháu cảm thấy Richard có thể đã tự tử. Đến thời điểm bức thư này được viết, người ta vẫn chưa tìm ra anh ấy.*

*Cháu hy vọng anh ấy sẽ xuất hiện trước khi bức thư này tới tay chú. Không cần nghi ngờ gì nữa, cháu chắc chắn Richard chẳng hề dính líu, dù trực tiếp hay gián tiếp, tới cái chết của Freddie, nhưng cháu nghĩ sự chấn động mà nó gây ra cùng tròng thâm vấn sau đó đã có ảnh hưởng làm thay đổi sự cân bằng của anh ấy. Đây là một bức thư phiền muộn, không nên gửi tới chú và cháu cũng đã thấy hối hận. Có thể nó hoàn toàn không cần thiết và Dickie có lẽ (một lần nữa cũng có thể hiểu được, xét đến tính khí của anh ấy) chỉ đơn giản đang trốn tránh đâu đó cho tới khi tình huống khó chịu này trôi qua. Nhưng khi thời gian trôi đi, cháu bắt đầu cảm thấy cắn rứt. Cháu nghĩ mình có trách nhiệm viết bức thư này, chỉ đơn giản là báo cho chú biết...*

*Munich*

*Ngày 3 tháng 3, năm 19 -*

*Tom thân mến:*

*Cảm ơn bức thư của anh. Anh thật tử tế. Tôi đã viết thư trả lời cảnh sát và một người đã tới gặp tôi. Tôi sẽ không ghé qua Venice, nhưng cảm ơn lời mời của anh. Ngày kia tôi sẽ tới Rome để gặp bố của Dickie, người đang trên đường bay tới. Phải, tôi đồng ý là anh nên viết thư báo cho ông ấy.*

*Tôi quá sững sốt bởi toàn bộ chuyện này, tôi đã bắt đầu bị một cơn sốt gần giống sốt nhiễm khuẩn hành hạ, hoặc cũng có thể như người Đức vẫn nói là do gió Phơn, nhưng mang theo virus nào đó. Không thể rời khỏi giường suốt bốn ngày, theo đúng nghĩa đen, không thì tôi đã tới Rome từ trước rồi. Nên vui lòng bỏ qua cho bức thư thiếu mạch lạc và có phần ngớ ngẩn này, nó đúng là một lời hỏi đáp quá tệ so với bức thư vô cùng tử tế của anh. Nhưng tôi vẫn muốn nói rằng tôi hoàn toàn không đồng ý với anh về chuyện Dickie có thể đã tự sát. Anh ấy không phải kiểu người như vậy, dù tôi biết anh sẽ nói rằng người ta chẳng bao giờ tỏ ra là mình sẽ làm vậy, vân vân. Không, với Dickie thì gì cũng được trừ việc này. Anh ấy có thể đã bị giết trong*

*một con hẻm nào đó ở Naples - hoặc thậm chí là Rome, vì ai mà biết liệu anh ấy có tới Rome sau khi rời Sicily không? Tôi cũng có thể hình dung anh ấy đang thoái thác trách nhiệm tới mức gần như đang lẩn trốn. Tôi nghĩ đó chính là những gì anh ấy đang làm đấy.*

*Tôi mừng vì anh nghĩ việc giả mạo giấy tờ chỉ là chuyện nhàm lẫn. Ý tôi là về phía ngân hàng. Tôi cũng nghĩ vậy. Dickie đã thay đổi quá nhiều kể từ tháng Mười một, anh ấy có thể dễ dàng thay đổi cả chữ viết tay của mình. Hãy hy vọng sự việc có tiến triển khi anh nhận được bức thư này. Tôi đã nhận được điện tín từ bác Greenleaf về Rome - nên phải dành năng lượng cho chuyện đó.*

*Mừng là cuối cùng cũng biết được địa chỉ của anh. Một lần nữa cảm ơn vì bức thư, lời khuyên và cả lời mời của anh.*

*Trân trọng,*

*Marge*

*Tái bút: Tôi chưa kể cho anh tin tốt lành của tôi nhỉ. Có một nhà xuất bản đã thể hiện sự quan tâm với “Mongibello!” Họ nói muốn xem toàn bộ cuốn sách trước khi bàn chuyện ký hợp đồng với tôi, chỉ nhiều đó cũng đã tràn trề hy vọng! Giá mà giờ tôi có thể hoàn thành xong thứ chết tiệt này!*

*M.*

Tom đoán cô ta đã quyết định giữ quan hệ tốt với anh. Cô ta chắc cũng đã đổi giọng về anh với cảnh sát.

Sự biến mất của Dickie khuấy lên sự kích động trong giới báo chí Ý. Marge, hoặc ai đó, đã cung cấp ảnh cho phóng viên. Có các bức ảnh Dickie đi thuyền ở Mongibello trên tờ *Epoca*, trên tờ *Oggi* thì có hình Dickie ngồi trên bãi biển ở Mongibello, ngồi ngoài hiên quán Giorgio, hình Dickie và Marge - “bạn gái của cả Dickie đã biến mất và Freddie đã bị giết” - đang mỉm cười, hai tay khoác lên vai nhau và còn có cả một bức chân dung đạo mạo của ông Herbert Greenleaf. Tom đã

lấy địa chỉ ở Munich của Marge từ trên báo. Tờ *Oggi* đã lên chuyên đề về câu chuyện cuộc đời Dickie suốt hai tuần qua, miêu tả những năm tháng học sinh của anh ta là “nổi loạn” và thêu dệt nhiều điều về cuộc sống xã hội của anh ta ở Mỹ và hành trình tới châu Âu vì mục đích nghệ thuật, đến mức Dickie có vẻ như là sự kết hợp giữa Errol Flynn và Paul Gauguin. Tờ báo tuần có hình minh họa cập nhật từ các báo cáo mới nhất của cảnh sát, hầu như là vô dụng, xen đầy những giả thiết mà tác giả thích bịa ra trong tuần đó. Một giả thiết yêu thích là anh ta đã bỏ trốn cùng một cô nàng khác - người có thể đã giả mạo chữ ký trên các tấm séc - và đang vui vẻ, không để lộ tung tích, ở Tahiti, hoặc Nam Mỹ hoặc Mexico chẳng hạn. Cảnh sát vẫn đang lùng sục khắp Rome, Naples và Paris, chỉ có thể. Không có chút manh mối gì về kẻ đã giết Freddie Miles và không một tin tức nào về việc Dickie Greenleaf đã bị bắt gặp chở Freddie Miles, hay ngược lại, trước nhà của Dickie. Tom tự hỏi vì sao họ lại giữ bí mật điều đó với báo giới. Có thể là nếu đăng tin đó lên, họ sẽ bị kiện vì tội phi báng với Dickie. Tom hài lòng khi thấy mình được miêu tả như “một người bạn trung thành” của Dickie Greenleaf mất tích, người đã tình nguyện cung cấp tất cả những gì mình biết về thói quen và tính cách của Dickie, người cũng thấy hết hoảng về sự biến mất của anh ta như bất kỳ ai khác. “Anh Ripley, một trong những du khách Mỹ giàu có ở Ý,” tờ *Oggi* viết, “giờ đang sống trong một cung điện nhìn ra San Marco ở Venice.” Điều đó làm Tom hài lòng hơn hết. Anh cắt đoạn báo đó ra.

Tom chưa từng xem nó là một “cung điện,” nhưng tất nhiên đó là cách người Ý gọi một tòa nhà hai tầng có thiết kế nguy nga hơn hai trăm tuổi, với cổng chính nằm trên kênh đào trung tâm, chỉ có thể vào được bằng thuyền gondola, với các bậc thềm đá rộng rãi dẫn xuống nước, cánh cửa sắt phải được mở bằng một chiếc chìa khóa dài hai mươi centimet, bên cạnh còn có các cánh cổng thường phía sau cánh cổng sắt đó, cũng phải mở bằng một chìa khóa khổng lồ. Tom thường hay dùng “cửa sau” ít trang trọng hơn, nó nằm trên hẻm San

Spiridione, chỉ trừ những lúc anh muốn gây ấn tượng với các vị khách của mình bằng cách đưa họ vào nhà băng thuyền gondola. Cửa sau - bản thân nó đã cao bốn mét, ngang với bức tường đá bao trọn căn nhà khỏi đường – dẫn vào một khu vườn bị bỏ hoang nhưng cây cối vẫn xanh tốt, có hai thân cây ô-liu xương xẩu và một cái bể nước cho chim tắm là một bức tượng trông có vẻ lâu đời hình một bé trai trần truồng đang cầm một cái bát nông rộng. Nó đúng là khu vườn dành cho một cung điện ở Ý, dù hơi xuống cấp và cần tu sửa, điều mà khó xảy ra, nhưng vẫn đẹp không thể xóa nhòa vì nó đã sinh ra trên thế giới này một cách quá đổi xinh đẹp cách đây hai trăm năm. Thiết kế bên trong ngôi nhà đúng như lý tưởng về nơi ở của một chàng trai độc thân lịch lãm, ít nhất là khi ở Venice: sàn tầng một lát đá cẩm thạch hai màu đen trắng như bàn cờ vua, từ sảnh chính tỏa vào từng phòng, trên tầng thì sàn nhà lát bằng đá cẩm thạch màu trắng và hồng, các món đồ nội thất giống như là hiện thân âm nhạc của Cinquecento được chơi bằng kèn ô-boa, máy phát đĩa và đàn vi-ô-lông cổ. Anh đã lệnh cho hai người giúp việc của mình - Anna và Ugo, một cặp đôi trẻ người Ý đã từng làm cho người Mỹ ở Ý, nên họ cũng biết sự khác nhau giữa Bloody Mary và si-rô bạc hà xanh - đánh bóng bề mặt trạm trổ của tủ đứng, tủ ngăn kéo và ghế cho tới khi chúng dường như sống dậy với ánh sáng mờ rực rỡ lấp lóa khi người ta đi vòng quanh chúng. Thứ duy nhất có phần hiện đại là phòng tắm. Trong phòng ngủ của Tom có một cái giường khổng lồ, chiều rộng còn dài hơn cả chiều dài. Tom trang trí phòng ngủ của mình với một loạt tranh toàn cảnh Naples từ năm 1540 tới 1880 mà anh mua được ở một tiệm đồ cổ. Anh đã dồn toàn tâm toàn ý vào việc trang trí ngôi nhà trong hơn một tuần lễ. Thẩm mỹ của anh giờ có một vẻ chắc chắn mà anh đã không hề cảm nhận được ở Rome và căn hộ của anh ở Rome hoàn toàn không thể hiện được điều đó. Giờ anh cảm thấy chắc chắn về bản thân mình hơn bao giờ hết.

Sự tự tin của anh thậm chí còn tạo cảm hứng cho anh viết thư cho cô Dottie bằng một giọng bình tĩnh, yêu thương và nhẫn nại mà trước

đây anh chưa bao giờ muốn dùng, hoặc chưa bao giờ có thể dùng. Anh hỏi thăm sức khỏe của bà, nhóm bạn xấu xa của bà ở Boston và đã giải thích cho bà biết vì sao anh mê mẩn châu Âu và có ý định sống ở đó một thời gian, giải thích hùng hồn tới mức anh đã phải sao chép phần thư đó và đặt lên bàn mình. Anh đã viết bức thư đầy cảm hứng này vào một buổi sáng sau khi dùng bữa, ngồi trong phòng ngủ với cái áo ngủ bằng lụa mới toanh được đặt làm riêng ở Venice, nhìn ra ngoài cửa sổ, ngắm kênh đào trung tâm và tháp Đồng hồ của thánh đường San Marco bên kia mặt nước. Sau khi viết xong bức thư, anh pha thêm cà phê và dùng máy đánh chữ Hermes của chính Dickie để viết di chúc của chính anh ta, để lại cho anh thu nhập và các khoản tiền trong nhiều ngân hàng khác nhau, ký tên Herbert Richard Greenleaf con. Tom nghĩ tốt hơn hết là không để thêm người làm chứng vào, vì sợ rằng ngân hàng hoặc ông Greenleaf sẽ thách thức đòi biết người làm chứng là ai, dù Tom đã nghĩ hay là bịa ra một cái tên Ý, giả như Dickie đã gọi ai đó vào căn hộ của anh ta ở Rome với mục đích chứng nhận cho tờ di chúc. Anh phải mạo hiểm với một tờ di chúc không nhân chứng thôi, anh nghĩ, nhưng trước hết cần sửa ngay máy đánh chữ của Dickie vì các lỗi gõ của nó giờ dễ nhận ra vô cùng và anh đã nghe nói rằng di chúc viết tay không cần nhân chứng. Nhưng chữ ký quá hoàn hảo, giống hệt chữ ký mảnh và rối trên cuốn hộ chiếu của Dickie. Tom tập luyện suốt nửa tiếng đồng hồ trước khi ký vào tờ di chúc, anh thả lỏng tay, ký trước vào một mẫu giấy nháp, rồi gấp rút ký luôn vào tờ di chúc. Anh sẽ thách thức bất kỳ ai dám chứng minh chữ ký trên tờ di chúc không phải của Dickie. Tom đặt một phong bì vào máy đánh chữ và gửi tới Những Người Có Liên Quan, với ghi chú rằng không được mở nó cho tới tháng Sáu năm nay. Anh đút nó vào trong vali, như thể đã mang nó theo một thời gian và không thèm mở nó ra khi chuyển vào trong căn nhà này. Rồi anh mang chiếc Hermes Baby để trong bao xuống gác và thả nó xuống một cái lạch nhỏ, quá hẹp để thuyền đi qua, chạy từ trước nhà anh tới bức tường quanh vườn. Anh mừng khi vớt được cái máy đánh chữ, dù anh vẫn chưa sẵn

sàng để bỏ nó cho tới lúc này. Trong vô thức, anh biết mình sẽ viết di chúc hoặc một thứ gì đó vô cùng quan trọng với nó và đó cũng là lý do anh đã giữ nó lại.

Tom theo dõi báo Ý và ấn bản Paris của tờ *Herald-Tribune* về vụ án của Miles và Greenleaf với vẻ quan tâm lo lắng phù hợp với tư cách một người bạn của cả Dickie lẫn Freddie. Đến cuối tháng Ba, các tờ báo bắt đầu đồn đoán rằng Dickie có thể đã chết, bị giết bởi chính người hoặc những người được hưởng lợi khi giả mạo chữ ký của anh ta. Một tờ báo Rome viết rằng một người ở Naples tuyên bố chữ ký trên bức thư gửi từ Palermo xác nhận mình không bị lừa cũng là giả mạo. Tuy nhiên, những tờ báo khác không tán thành. Một người nào đó trong lực lượng cảnh sát, không phải ông Roverini, nghĩ rằng tên du côn hay lũ du côn đó có quan hệ mật thiết với Greenleaf đến mức có thể tiếp cận bức thư từ ngân hàng và còn cả gan tự hồi âm bức thư đó. “Bí ẩn,” trích lời viên sĩ quan, “không chỉ là tìm ra gã giả mạo mà còn cả cách hãn tiếp cận được bức thư, vì người đưa thư của khách sạn vẫn nhớ đã trao tận tay bức thư của ngân hàng cho Greenleaf. Người này cũng nhớ là Greenleaf luôn luôn chỉ có một mình ở Palermo...”

Ngày càng nhiều người tiếm cận chân tướng nhưng không bao giờ chạm được vào nó. Mặc dù vậy Tom vẫn run rẩy mất vài phút sau khi đọc nó. Họ chỉ cần tiến thêm một bước nữa mà thôi, liệu có ai đó sẽ khám phá ra sự thật ngay hôm nay, ngày mai, hoặc ngày kia không? Hay họ đã biết câu trả lời rồi và chỉ đang cố làm anh mất cảnh giác - cứ vài ngày sĩ quan Roverini lại gửi tin nhắn riêng cho anh để cập nhật những gì đang diễn ra trong cuộc tìm kiếm Dickie - liệu họ có sớm vồ lấy anh một ngày nào đó với mọi bằng chứng mà họ cần không?

Điều đó khiến Tom có cảm giác mình đang bị theo dõi, đặc biệt là khi anh đi bộ trên con đường dài, chật hẹp dẫn tới cửa nhà mình. Hẻm San Spiridione chẳng qua chỉ là một đường xẻ tiện lợi giữa các bức tường cao vút, không có lấy một cửa hàng trên đường, ánh sáng chỉ vừa đủ để anh nhận ra mình đang đi đâu, chẳng có gì ngoài các mặt



tiền còn nguyên vẹn và những cánh cửa cao được khóa kín, giống như mọi cổng nhà Ý khác, có tường bao quanh. Không có chỗ nào để chạy trốn nếu chẳng may bị tấn công, cũng không có cửa nhà nào để nép vào. Tom không biết ai sẽ tấn công mình nếu thực sự chuyện đó xảy ra. Anh không nghĩ nhất thiết phải là cảnh sát. Anh sợ những thứ vô hình, vô dạng đang săn đuổi tâm trí mình như những nữ thần báo thù. Anh chỉ có thể thoải mái đi trên San Spiridione sau khi đã uống vài ly cocktail để xóa sạch nỗi sợ. Rồi anh huýt sáo và bước loạng choạng về nhà.

Anh có thể tùy ý chọn tiệc cocktail mình muốn, dù trong hai tuần đầu tiên ở căn nhà này, anh chỉ mới tới dự hai chỗ. Anh có thể tùy ý chọn người tiệc tùng vì một tai nạn nhỏ xảy ra trong ngày đầu tiên anh bắt đầu tìm nhà. Một đại lý môi giới, được trang bị ba cái chìa khóa không lỗ, đã đưa anh tới xem một căn nhà ở xứ đạo San Stefano, vì nghĩ rằng nó còn trống. Thực tế ở đó không chỉ có người mà người ta còn đang tổ chức tiệc cocktail và nữ chủ nhà đã quả quyết bắt Tom và người môi giới cũng phải uống vài ly để đền bù cho sự bất tiện mà họ phải chịu cũng như thói đẽnh đoảng của cô ta. Cô ta đã rao cho thuê nhà cách đây khoảng một tháng, rồi đổi ý về quyết định rời đi và quên không báo cho đại lý môi giới. Tom ở lại qua một chiều, ra về lịch lãm nhưng xa cách, gặp gỡ toàn bộ khách khứa của cô ta, mà anh đoán phần lớn bọn họ đã trú ngụ ở Venice suốt mùa đông, đang khao khát một điều gì đó mới mẻ, xét qua cái cách họ đón chào anh và đề nghị giúp anh tìm nhà. Tất nhiên, họ nhận ra tên anh và việc anh quen Dickie Greenleaf nâng giá trị giao thiệp của anh lên một mức độ khiến chính Tom cũng ngạc nhiên. Rõ ràng là họ sắp mời anh tới mọi nơi, tra hỏi anh và moi sạch mọi chi tiết nhỏ nhất nhất từ anh để thêm gia vị cho cuộc sống tẻ nhạt của họ. Tom cư xử một cách dè dặt nhưng thân thiện, phù hợp với một người ở địa vị của anh - một thanh niên mẫn cảm, không quen với chỗ đông người phù phiếm, với cảm xúc hàng đầu về Dickie là lo lắng không biết chuyện gì đã xảy ra với bạn mình.



Anh rời bữa tiệc đầu tiên với địa chỉ của ba ngôi nhà khác mà anh có thể tới xem (một trong số đó chính là căn anh đã lấy) cùng lời mời tới hai bữa tiệc khác. Anh tới dự bữa tiệc mà chủ tiệc có tước vị, nữ Bá tước Roberta (Titi) xứ Latta-Cacciaguerra. Anh hoàn toàn không có tâm trạng để tham dự tiệc tùng. Dường như anh nhìn mọi người qua một lớp sương mù, việc giao tiếp thật chậm chạp và khó khăn. Anh thường hỏi người ta nhắc lại điều họ vừa nói. Anh thấy chán ngán khủng khiếp. Nhưng anh vẫn có thể dùng họ để luyện tập, anh nghĩ. Những câu hỏi ngây thơ mà họ hỏi anh (“Dickie có uống nhiều rượu không?” hay “Anh ấy yêu Marge phải không?” và “Anh nghĩ thật sự thì anh ấy đã đi đâu?”) là những bài tập tốt để đối phó với những câu hỏi chi tiết hơn từ ông Greenleaf, nếu có ngày ông tới gặp anh. Tom bắt đầu thấy bút rứt khoảng mười ngày sau bức thư của Marge, vì ông Greenleaf không hề viết thư hay gọi điện cho anh từ Rome. Trong một vài khoảnh khắc khiếp sợ, Tom tưởng tượng cảnh sát đã báo cho ông biết rằng họ đang chơi đùa với Tom Ripley và đề nghị ông đừng nói chuyện với anh.

Hàng ngày anh đều hăm hở tìm trong thùng thư xem có thư của Marge hay ông Greenleaf không. Nhà của anh đã sẵn sàng đón họ. Câu trả lời cho các câu hỏi của họ đã ở sẵn trong đầu anh. Cảm giác như đang chờ đợi một màn diễn bắt đầu, chờ rèm được kéo lên, trong vô tận. Hoặc có thể ông Greenleaf vô cùng căm ghét anh (chưa kể đến việc có thể đang nghi ngờ anh) đến mức sẽ lờ tịt anh đi. Có thể Marge đang xúi ông ấy làm vậy. Dầu sao đi nữa, anh không thể đi du lịch ở đâu cả cho tới khi một chuyện gì đó xảy ra. Tom muốn đi du lịch, chuyển du lịch huy hoàng tới Hy Lạp. Anh đã mua một quyển sách hướng dẫn về Hy Lạp và cũng đã lên lịch trình đi lại giữa các hòn đảo.

Sau đó, vào một buổi sáng ngày mùng 4 tháng 4, anh nhận được cuộc điện thoại từ Marge. Cô ta đang ở Venice, ga tàu.

“Tôi sẽ tới đón cô!” Tom nói một cách hào hứng. “Chú Greenleaf có đi cùng cô không?”

“Không, chú ấy ở Rome. Tôi đi một mình. Anh không phải tới đón tôi đâu. Tôi chỉ có một cái túi du lịch thôi.”

“Vớ vẩn!” Tom nói, khao khát muốn được làm gì đó. “Cô sẽ chẳng bao giờ tự tìm được căn nhà này đâu.”

“Có chứ. Nó nằm cạnh Salute phải không? Tôi sẽ đi xuống máy tới San Marco, rồi đi thuyền gondola qua.”

Được rồi, cô ta biết rõ đấy. “Nếu cô quả quyết như vậy thì tùy cô đấy.” Anh vừa nghĩ ra là mình nên quan sát khắp căn nhà thật kỹ càng một lần nữa trước khi cô ta tới. “Cô đã ăn trưa chưa?”

“Chưa.”

“Tốt! Chúng ta sẽ cùng ăn trưa ở đâu đó. Cẩn thận khi đi xuống xuống máy nhé!”

Họ ngắt máy. Anh nghiêm túc và chậm rãi một vòng quanh nhà, vào cả các căn phòng lớn trên gác, xuống dưới tầng một, đi qua phòng khách. Không có gì thuộc về Dickie ở bất kỳ đâu hết. Anh hy vọng căn nhà trông không quá xa hoa. Anh lấy một cái hộp thuốc lá bằng bạc có khắc tên mình, mới mua hai ngày trước, từ bàn tiếp khách để cất lại vào ngăn dưới cùng của một cái tủ kéo trong phòng ăn.

Anna đang ở trong bếp, chuẩn bị bữa trưa.

“Anna, sẽ có thêm một người tới ăn trưa,” Tom nói. “Một cô gái.”

Mặt Anna nở nụ cười trước viễn cảnh có khách. “Một cô gái Mỹ à?”

“Phải. Một người bạn cũ. Khi bữa trưa đã sẵn sàng thì cô và Ugo có thể nghỉ hết chiều. Chúng tôi sẽ tự phục vụ.”

“Được rồi,” Anna đáp.

Anna và Ugo thường đến lúc mười giờ và ở lại tới hai giờ. Tom không muốn họ có mặt khi anh trò chuyện với Marge. Họ hiểu một ít tiếng Anh, không đủ để theo dõi trọn vẹn cuộc nói chuyện, nhưng anh

biết cả hai sẽ vênh tai lên nghe nếu anh và Marge nói về Dickie và điều đó làm anh khó chịu.

Tom pha một ít martini, sắp xếp các ly rượu và đặt một đĩa bánh lên cái khay trong phòng khách. Khi nghe thấy tiếng gõ cửa, anh nhanh chóng ra mở.

“Marge! Thật vui được gặp cô! Mời vào!” Anh lấy vali từ tay cô ta.

“Anh thế nào, Tom? Trời ơi! - Đây là của anh hết ư?” Cô ta nhìn xung quanh, ngẩng lên nhìn trần nhà với mái vòm cao vút.

“Tôi thuê nó đấy. Để sáng tác,” Tom nói một cách khiêm tốn. “Vào uống chút gì đấy đi. Kể cho tôi xem có gì mới không. Cô vẫn liên lạc với cảnh sát ở Rome chứ?” Anh mang áo khoác và áo mưa của cô ta ra một cái ghế.

“Phải và tôi cũng liên lạc với chú Greenleaf nữa. Chú ấy rất buồn - cũng là lẽ tự nhiên.” Cô ta ngồi xuống ghế sô-pha.

Tom ngồi vào cái ghế đối diện. “Thế họ đã tìm được gì mới chưa? Một sĩ quan cảnh sát ở đó vẫn cập nhật thông tin cho tôi nhưng không nói được gì hữu dụng hết.”

“À, họ phát hiện ra Dickie đã đổi hơn một nghìn đô la từ séc du lịch sang tiền mặt trước khi rời Palermo. Ngay trước đó. Nên anh ấy hẳn đã đi đâu đó với số tiền ấy, như Hy Lạp hoặc châu Phi chẳng hạn. Dẫu sao thì anh ấy cũng không thể đi tự tử ngay sau khi đổi một nghìn đô la được.”

“Đúng là không,” Tom đồng tình. “Nghe có vẻ có hy vọng đấy. Tôi không hề đọc được điều đó trên báo.”

“Tôi không nghĩ là họ đã đăng tin đó.”

“Không. Chỉ đăng toàn tin vớ vẩn về những món Dickie hay ăn sáng ở Mongibello thôi,” Tom vừa nói vừa rót martini.

“VẬY MỚI KHỦNG KHIẾP LÀM SAO! Bây giờ mọi chuyện đỡ hơn một chút rồi, nhưng khi chú Greenleaf tới đây thì báo chí kinh tởm thật. Ôi,

cảm ơn!” Cô ta nhận lấy ly rượu một cách biết ơn.

“Chú ấy thế nào rồi?”

Marge lắc đầu. “Tôi cảm thấy buồn thay cho chú ấy. Chú ấy toàn nói cảnh sát Mỹ giỏi hơn nhiều này nọ và chú ấy cũng không biết tí tiếng Ý nào, nên điều đó khiến mọi chuyện tồi tệ gấp đôi.”

“Chú ấy đang làm gì ở Rome?”

“Chờ đợi. Chúng ta còn có thể làm gì nữa? Tôi lại hoãn chuyến tàu của mình rồi - Chú Greenleaf và tôi đã tới Mongibello và tôi đã hỏi tất cả mọi người ở đó, chủ yếu là giúp chú Greenleaf, tất nhiên, nhưng họ không biết gì hết. Dickie không hề quay lại đó từ hồi tháng Mười một.”

“Không.” Tom trầm ngâm nhấp ly martini của mình. Anh có thể thấy Marge đang lạc quan. Đến tận bây giờ cô ta vẫn giữ vẻ sôi nổi hăng hái khiến Tom nghĩ đến các nữ hướng đạo sinh điển hình, cái vẻ choán rất nhiều không gian, có khả năng làm đổ vỡ thứ gì đó với một chuyển động bất cần, vẻ khỏe mạnh và sự lộn xộn mơ hồ. Đột nhiên cô ta khiến anh tức giận ghê gớm, nhưng anh vẫn diễn kịch, đứng dậy và vỗ vào vai cô ta, hôn nhẹ lên má cô ta đầy trùi mền. “Có thể anh ấy đang ngồi ở Tangier hoặc đâu đó, sống cuộc đời của Riley và chờ tất cả lắng xuống.”

“Nếu thế thật thì anh ấy đúng là thiếu suy nghĩ!” Marge nói, bật cười.

“Chắc chắn là tôi không có ý làm mọi người hoảng hốt khi nói về trạng thái tuyệt vọng của anh ấy. Tôi chỉ cảm thấy mình có trách nhiệm báo lại cho cô và chú Greenleaf biết thôi.”

“Tôi hiểu. Không, tôi nghĩ việc anh kể cho bọn tôi là đúng. Tôi chỉ không nghĩ đó là sự thật.” Cô ta cười rạn rỡ, đôi mắt sáng lên vẻ lạc quan mà Tom thấy hoàn toàn điên rồ.

Anh bắt đầu hỏi cô ta những câu hỏi thực tế, lý trí về ý kiến của cảnh sát Rome, về những đầu mối mà họ có (họ không nắm được gì

đáng kể) và những gì cô ta nghe ngóng được về vụ Miles. Vụ Miles cũng chẳng có tin gì mới nhưng Marge biết về việc có người nhìn thấy Freddie và Dickie trước cửa nhà Dickie vào tầm tám giờ tối hôm đó. Cô ta nghĩ câu chuyện đã bị phóng đại.

“Có thể Freddie đã say, hoặc có thể Dickie chỉ đang chờ lấy anh ta. Ai mà biết được chuyện gì xảy ra trong bóng tối chứ? Đừng có vội nói là Dickie đã giết anh ta!”

“Họ có manh mối cụ thể nào để tin Dickie đã giết anh ta chưa?”

“Tất nhiên là chưa!”

“Vậy thì sao mấy người đó không tập trung tìm ra kẻ đã thật sự giết anh ta đi? Và Dickie ở đâu nữa?”

“*Ecco!*” Marge nói một cách mạnh mẽ. “Dẫu sao đi nữa, giờ cảnh sát chắc chắn là Dickie ít nhất đã di chuyển từ Palermo tới Naples. Một người phục vụ trên tàu nhớ đã mang hành lý từ buồng của anh ấy xuống bến Naples.”

“Thật sao?” Tom nói. Anh cũng nhớ người phục vụ đó, một gã vụng về đã đánh rơi chiếc vali bằng vải dù của anh khi cố kẹp nó dưới cánh tay. “Không phải Freddie đã bị giết vài tiếng sau khi rời khỏi nhà của Dickie sao?” Tom đột nhiên hỏi.

“Không. Các bác sĩ không xác định được. Và có vẻ Dickie cũng không có bằng chứng ngoại phạm, tất nhiên, vì anh ấy rõ ràng chỉ ở một mình. Đúng là đen đủi cho Dickie.”

“Họ không thật sự tin là Dickie đã giết Freddie chứ?”

“Họ không nói thế. Nhưng nó cứ lơ lửng ở trong không khí vậy đó. Theo lẽ tự nhiên, họ không thể đưa ra những kết luận bừa bãi về một công dân Mỹ, nhưng chừng nào họ còn chưa có nghi phạm nào khác và Dickie còn biến mất - Mà cả bà chủ nhà ở Rome của anh ấy cũng nói là Freddie đã xuống hỏi bà ta xem ai đang sống trong căn hộ của Dickie hay điều gì đó tương tự thế. Bà ta nói trông Freddie rất

giận dữ, như thể họ vừa cãi cọ. Bà ta còn nói anh ta đã hỏi có phải Dickie sống một mình không.”

Tom cau mày. “Tôi không hiểu là vì sao?”

“Tôi cũng không hiểu nổi. Tiếng Ý của Freddie không giỏi cho lắm nên có thể bà chủ nhà đã hiểu sai. Dầu sao đi nữa, chỉ nội việc Freddie giận dữ về điều gì đó cũng không có lợi cho Dickie rồi.”

Tom nhướn lông mày lên. “Tôi thì nghĩ điều đó bất lợi với Freddie, có thể Dickie hoàn toàn không tức giận.” Anh cảm thấy hoàn toàn bình tĩnh, vì anh có thể thấy rõ là Marge chưa đánh hơi được gì hết. “Tôi sẽ không lo lắng về điều đó trừ phi có bằng chứng xác thực từ nó. Đối với tôi thì nó vô nghĩa.” Anh rót thêm rượu cho cô ta. “Nói đến châu Phi, họ đã tìm kiếm quanh Tangier chưa? Dickie hay nói về việc tới Tangier lắm.”

“Tôi nghĩ họ đã báo động cho cảnh sát khắp nơi rồi. Đáng ra họ nên mời cảnh sát Pháp tới đây. Người Pháp siêu giỏi trong những chuyện như thế này. Nhưng tất nhiên là họ không thể làm vậy. Đây là nước Ý mà,” cô ta nói, giọng lần đầu thấy run rẩy.

“Chúng ta ăn trưa ở đây nhé?” Tom hỏi. “Cô giúp việc làm việc qua giờ ăn trưa và chúng ta nên tận dụng điều đó.” Anh nói đúng lúc Anna bước vào phòng, thông báo bữa trưa đã sẵn sàng.

“Tuyệt vời!” Marge nói. “Đằng nào thì trời cũng đang mưa phùn.”

“*Bữa ăn đã sẵn sàng, thưa ông,*” Anna mỉm cười nói, nhìn Marge chăm chăm.

Tom thấy là Anna đã nhận ra cô ta qua các bức ảnh trên báo. “Cô và Ugo có thể đi bây giờ nếu muốn, Anna. Cảm ơn.”

Anna quay vào bếp - có một cánh cửa từ bếp dẫn ra một con hẻm nhỏ ở phía hông nhà mà các người hầu vẫn sử dụng - nhưng Tom nghe thấy cô ta lọ mọ với máy pha cà phê, chắc là đang trì hoãn để hóng hớt thêm.

“Và Ugo?” Marge nói. “Tận hai người giúp việc cơ à?”

“À, ở đây họ toàn đi theo cặp thôi. Cô có thể không tin, nhưng tôi thuê chỗ này chỉ với năm mươi đô một tháng, chưa tính tiền sưởi.”

“Tôi không tin đâu! Thế thì nó ngang với giá ở Mongibello rồi còn gì!”

“Đúng thế. Tất nhiên, lò sưởi xịn lắm, nhưng bình thường tôi sẽ không sưởi ấm bất kỳ phòng nào trừ phòng ngủ của tôi.”

“Ở đây thoải mái thật đấy.”

“À, hôm nay tôi bật toàn bộ lò sưởi là vì cô đấy,” Tom nói, mỉm cười.

“Chuyện gì đã xảy ra vậy? Một người cô của anh mất và để lại cả gia tài cho anh à?” Marge hỏi, vẫn đang giả vờ choáng váng.

“Không, chỉ là một quyết định của tôi thôi. Tôi sẽ tận hưởng những gì mình có đến chừng nào hay chừng ấy. Tôi đã kể với cô là công việc tôi theo đuổi ở Rome không đi đến đâu rồi đấy và tôi ở trên đất châu Âu này mà chỉ có khoảng hai nghìn đô trong túi, nên tôi đã quyết định tận hưởng tới bến rồi về nhà - rỗng túi - và bắt đầu lại từ đầu.” Tom đã giải thích với cô ta qua thư là công việc mà anh ứng tuyển là bán máy trợ thính cho một công ty Mỹ ở châu Âu và anh đã không thể đối diện với điều đó, người đã phỏng vấn anh cũng nghĩ anh không phù hợp. Tom cũng kể với cô ta là người đàn ông ấy đã xuất hiện đúng một phút sau khi anh nói chuyện với cô ta, đó là lý do anh không thể giữ đúng hẹn ở Angelo ngày hôm đó ở Rome.

“Nếu cứ sống thế này thì hai nghìn đô la cũng sẽ sớm hết thôi.”

Cô ta đang dò hỏi để xem Dickie có cho anh cái gì không, Tom biết. “Nó sẽ đủ sống tới mùa hè,” Tom nói thản nhiên. “Dẫu sao đi nữa, tôi cảm thấy mình xứng đáng được hưởng. Tôi đã dành phần lớn mùa đông để du lịch khắp nước Ý như dân du mục với số tiền tiêu ít ỏi và tôi thấy thế là đủ lắm rồi.”

“Anh đã ở đâu trong mùa đông cơ?”

“À thì, không ở với Tom. Ý tôi là, không ở với Dickie,” anh cười nói, bối rối vì lỡ mồm. “Tôi biết chắc cô đã nghĩ vậy. Nhưng thực ra số lần tôi gặp Dickie cũng chỉ ngang với cô thôi.”

“Ôi, thôi nào,” Marge dài giọng. Cô ta có vẻ đang ngấm dần rượu rồi.

Tom pha thêm hai đến ba ly maritini nữa vào bình. “Trừ chuyến du lịch tới Cannes và hai ngày ở Rome trong tháng Hai, tôi hoàn toàn không gặp Dickie.” Nó không đúng lắm, vì anh đã viết thư báo với cô ta là “Tom sẽ ở” với Dickie ở Rome vài ngày sau chuyến du lịch tới Cannes, nhưng giờ khi đối mặt với Marge, anh thấy xấu hổ khi cô ta biết, hoặc nghĩ rằng anh dành nhiều thời gian đến vậy với Dickie, nghĩ anh và Dickie đúng như những gì cô ta đã buộc tội Dickie trong thư. Anh cắn môi khi rót rượu cho cả hai, tự ghét bản thân vì sự hèn nhát ấy.

Trong bữa trưa - Tom hối hận rất nhiều khi món chính lại là thịt bò nướng để lạnh, một món ăn đắt đỏ có tiếng trên thị trường Ý - Marge chất vấn anh sắc bén hơn bất kỳ sĩ quan cảnh sát nào về trạng thái tinh thần của Dickie khi anh ở Rome. Tom bị đóng đinh vào mười ngày ở Rome với Dickie sau chuyến du lịch tới Cannes và bị tra hỏi về mọi thứ, từ Di Massimo, người họa sĩ mà Dickie đã làm việc cùng cho tới khẩu vị của Dickie và mấy giờ sáng anh ta thức dậy.

“Anh nghĩ anh ấy cảm thấy thế nào về tôi? Nói thật với tôi đi. Tôi có thể chịu được.”

“Tôi nghĩ anh ấy lo cho cô lắm đấy,” Tom nói một cách thành khẩn. “Tôi nghĩ - à, đó là một trong những tình huống vẫn thường xảy ra, một người đàn ông sợ kết hôn -”

“Nhưng tôi có bao giờ bắt anh ấy cưới tôi đâu!” Marge phản đối.

“Tôi biết, nhưng -” Tom ép mình tiếp tục, dù anh thấy miệng đắng ngắt. “Cứ cho là Dickie không thể đối diện với trách nhiệm khi cô quá quan tâm tới anh ấy như vậy. Tôi nghĩ anh ấy muốn có một mối



quan hệ bình thường hơn với cô.” Điều đó cho cô ta biết tất cả và cũng không có gì cả.

Marge nhìn anh chăm chăm với vẻ lạc lối quen thuộc trong giây lát, rồi lấy lại tinh thần và nói, “Đến giờ thì nó cũng là chuyện đã rồi. Tôi chỉ muốn biết Dickie đã làm gì với bản thân anh ấy thôi.”

Nỗi giận dữ của cô ta với việc anh đã ở bên Dickie suốt mùa đông rõ ràng cũng đã qua, Tom nghĩ, vì ngay từ đầu cô ta đã không muốn tin vào điều đó và giờ cô ta không cần tin nữa. Tom hỏi một cách cẩn trọng, “Anh ấy không tình cờ viết thư cho cô khi ở Palermo à?”

Marge lắc đầu. “Không. Vì sao?”

“Tôi chỉ muốn biết cô nghĩ sao về trạng thái của anh ấy lúc ở đó thôi. Cô có viết thư cho anh ấy không?”

Cô ta ngập ngừng. “Có - dĩ nhiên là có.”

“Thư kiểu gì thế? Tôi chỉ hỏi vì một bức thư không thiện chí có thể ảnh hưởng xấu tới anh ấy vào thời điểm đó.”

“À - khó mà nói được là kiểu thế nào. Một bức thư khá thiện chí. Tôi đã báo với anh ấy là tôi sẽ quay lại Mỹ.” Cô ta mở to mắt nhìn anh.

Tom thích thú quan sát khuôn mặt của cô ta, ngắm nghía một người co rúm lại khi họ nói dối. Đó hẳn là bức thư bản thiêu mà cô ta kể đã khai với cảnh sát là anh và Dickie luôn đồng hành với nhau. “Vậy thì tôi không nghĩ là nó quan trọng,” Tom nói với vẻ dụi dàng ngọt ngào và ngồi tựa lưng ra sau.

Họ im lặng trong chốc lát rồi Tom hỏi thăm về quyển sách của cô ta, nhà xuất bản nào và cô ta còn phải viết thêm bao nhiêu nữa. Marge trả lời tất cả một cách nhiệt tình. Tom có cảm giác rằng nếu đến mùa đông tới mà Dickie quay lại với cô ta và cuốn sách của cô ta cũng được xuất bản thì chắc cô ta sẽ nổ tung vì hạnh phúc, phát ra một tiếng bùm ầm ã, khó nghe và rồi xong đời.

“Cô có nghĩ là tôi có nên đề nghị nói chuyện với chú Greenleaf không?” Tom hỏi. “Tôi rất vui lòng tới Rome -” Có điều anh cũng sẽ chẳng vui lắm, đơn giản vì anh nhớ ra là ở Rome có quá nhiều người đã từng thấy anh dưới vai Dickie Greenleaf. “Hay cô nghĩ chú ấy muốn tới đây hơn? Tôi có thể đề nghị chú ấy. Chú ấy đang ở đâu tại Rome vậy?”

“Chú ấy đang ở cùng người bạn Mỹ nào đó có một căn hộ rộng rãi. Một người tên là Northup ở đường Quattro Novembre. Tôi nghĩ nếu anh gọi cho chú ấy thì tốt quá, tôi sẽ viết địa chỉ ra cho anh.”

“Ý kiến hay đấy. Chú ấy không thích tôi phải không?”

Marge khẽ cười. “Thăng thản mà nói thì không. Tôi nghĩ chú ấy có hơi khắt khe với anh. Chắc chú ấy nghĩ anh ăn bám Dickie.”

“Không có chuyện đó. Tôi rất tiếc vì ý tưởng tôi đưa Dickie về nhà không đi đến đâu, nhưng tôi đã giải thích cả rồi. Tôi đã viết bức thư tử tế nhất có thể về Dickie khi nghe nói anh ấy mất tích. Điều đó không giúp ích gì sao?”

“Tôi nghĩ là có, nhưng - Ôi, tôi rất tiếc, Tom! Đổ hết ra cái khăn trải bàn tuyệt đẹp này rồi!” Marge đã gạt đổ ly martini của cô ta. Cô ta vụng về dùng khăn ăn chấm chấm tấm khăn trải bàn bằng len móc.

Tom chạy vào bếp lấy một cái khăn ướt ra. “Hoàn toàn không có vấn đề gì đâu,” anh nói, nhìn mặt bàn gỗ trắng bệch ra bất chấp anh đang lau lấy lau để. Anh chẳng quan tâm đến khăn trải bàn mà chỉ lo cho chiếc bàn đẹp đẽ thôi.

“Tôi vô cùng xin lỗi,” Marge vẫn tiếp tục rên rỉ.

Tom ghét cô ta. Đột nhiên anh nhớ lại cảnh áo lót của cô ta treo trên bụi cửa sổ ở Mongibello. Đồ lót của cô ta sẽ vắt lên mấy cái ghế của anh tối nay, nếu anh mời cô ta ở lại đây. Ý nghĩ đấy khiến anh ghê tởm. Anh mỉm cười với cô ta ở bên kia bàn. “Tôi hy vọng cô sẽ cho tôi vinh dự bằng cách nghỉ lại ở đây đêm nay. Không phải trên giường

của tôi,” anh nói thêm, cười, “nhưng tôi có hai phòng trên gác và cô có thể chọn một trong hai tùy thích.”

“Cảm ơn nhiều. Được rồi, tôi sẽ ở lại.” Cô ta mỉm cười với anh.

Tom đưa cô ta vào phòng anh - cái giường trong căn phòng còn lại chỉ là một cái tràng kỷ quá khổ và không thoải mái bằng cái giường đôi của anh - và Marge đóng cửa lại để nghỉ trưa sau bữa ăn. Tom đi lang thang không ngừng nghỉ khắp căn nhà, tự hỏi liệu có còn gì trong phòng anh mà anh chưa cất đi không. Hộ chiếu của Dickie nằm trong mép vali trong tủ đồ của anh. Anh không thể nghĩ ra được cái gì nữa. Nhưng phụ nữ thường có con mắt sắc sảo lắm, kể cả Marge đi nữa, Tom nghĩ. Cô ta có thể rình mò khắp nơi. Cuối cùng anh vào phòng trong khi cô ta vẫn đang ngủ và lấy vali ra khỏi tủ áo. Sàn nhà kêu cọt két và mắt Marge hấp háy mở ra.

“Chỉ muốn lấy một thứ ra khỏi đây thôi,” Tom thì thào. “Xin lỗi.” Anh tiếp tục nhón chân đi ra ngoài. Chắc Marge sẽ không nhớ gì hết vì cô ta chưa tỉnh hẳn, anh nghĩ.

Sau giờ nghỉ trưa, anh dẫn Marge đi quanh nhà, khoe với cô ta cái giá đựng toàn sách bọc bìa da trong căn phòng cạnh phòng ngủ của anh, những cuốn sách mà anh nói là có sẵn trong nhà, dù chúng là của anh, được mua ở Rome, Palermo và Venice. Anh nhận ra là mình có khoảng mười cuốn ở Rome, một trong số hai cảnh sát trẻ đi cùng Roverini đã dí sát vào chúng, rõ ràng đang đọc các tiêu đề. Nhưng thật sự thì nó chẳng phải vấn đề đáng quan tâm, cho dù chính viên cảnh sát đó quay lại đây đi nữa. Anh dẫn Marge ra cửa trước có các bậc thang bằng đá rộng rãi. Thủy triều vẫn còn thấp và giờ có bốn bậc thang lộ ra, hai bậc dưới phủ kín rêu ẩm ướt. Rêu trơn tuột, dài, phủ trên mép thang như một búi tóc màu xanh lục rối bời. Tom thấy chúng thật ghê tởm, trong khi Marge lại nghĩ chúng thật lãng mạn. Cô ta cúi xuống nhìn chúng, nhìn chăm chăm vào mặt nước sâu thăm thẳm của kênh đào. Tom cảm thấy thôi thúc muốn đẩy cô ta xuống.

“Tối nay chúng ta có thể dùng thuyền gondola đi vào nhà qua lối này không?” Cô ta hỏi.

“Chắc chắn rồi.” Tất nhiên là họ sẽ ra ngoài ăn tối. Tom ghét buổi tối Ý dài dằng dặc trước mặt, vì họ sẽ không dùng bữa cho tới mười giờ, sau đó chắc cô ta sẽ muốn ngồi ở San Marco nhâm nhi espresso cho tới hai giờ sáng.

Tom nhìn lên bầu trời Venice mù sương, không một tia nắng, nhìn một con mòng biển sà xuống chỗ thềm cửa nhà ai đó ở bên kia kênh đào. Anh đang suy nghĩ xem nên gọi điện cho người bạn Venice mới quen nào để hỏi xem có thể đưa Marge tới uống rượu lúc năm giờ được không, họ hẳn sẽ rất vui được gặp cô. Anh quyết định chọn anh chàng người Anh Peter Smith-Kingsley. Peter có một con chó Afghan, một cái đàn piano và một quầy bar đầy đủ. Tom nghĩ Peter là nhất vì anh ta chẳng bao giờ muốn ai ra về hết. Họ có thể ở đó cho tới giờ ăn tối.

## CHƯƠNG 24

**T**om gọi điện cho ông Greenleaf từ nhà của Peter Smith-Kingsley vào khoảng bảy giờ. Ông Greenleaf có vẻ thân thiện hơn mong đợi và có vẻ thèm khát mọi chi tiết vụn vặt mà Tom kể về Dickie đến mức tội nghiệp. Peter, Marge và những người nhà Franchetti - một cặp anh em hấp dẫn từ Trieste mà Tom cũng chỉ mới gặp gần đây - đang ở trong phòng bên cạnh và có thể nghe hầu hết những gì mà anh nói, nên Tom cảm thấy anh còn biểu hiện tốt hơn so với lúc ở một mình.

“Cháu đã kể cho Marge tất cả những gì cháu biết,” anh nói, “nên cô ấy có thể kể lại cho chú bất kỳ điều gì mà cháu quên. Cháu chỉ tiếc là không thể đóng góp điều gì thật sự quan trọng cho cảnh sát điều tra.”

“Bọn cảnh sát đó!” Ông Greenleaf nói một cách thô lỗ. “Tôi bắt đầu nghĩ rằng Richard đã chết rồi. Vì lý do nào đó mà lũ người Ý do dự không dám thừa nhận điều đó. Bọn chúng hành động như dân nghiệp dư - hay mấy bà già chơi trò thám tử.”

Tom sốc trước câu nói thẳng tuột của ông Greenleaf về khả năng Dickie đã chết. “Chú có nghĩ là Dickie đã tự tử không, chú Greenleaf?” Tom hỏi nhỏ.

Ông Greenleaf thở dài. “Tôi không biết. Tôi nghĩ đúng là có khả năng đấy. Tôi chưa bao giờ đánh giá cao tính ổn định của con trai tôi, Tom.”

“Cháu e là cháu cũng đồng ý với chú,” Tom nói. “Chú có muốn nói chuyện với Marge không? Cô ấy ở ngay phòng bên thôi.”

“Không, không cần, cảm ơn cậu. Khi nào thì con bé quay lại?”

“Cháu nghĩ cô ấy đã bảo sẽ quay lại Rome vào ngày mai. Nếu chú định ghé Venice để nghỉ ngơi vài ngày thì cháu mời chú tới ở lại nhà cháu, chú Greenleaf.”

Nhưng ông Greenleaf cũng từ chối lời mời đó. Tom nhận ra anh cũng chẳng cần cố quá làm gì. Chẳng khác gì anh đang tự mời gọi rắc rối và không thể ngăn mình lại. Ông Greenleaf cảm ơn anh vì cuộc điện thoại và chúc buổi tối tốt lành một cách lịch thiệp.

Tom quay lại căn phòng bên cạnh. “Không có tin mới từ Rome,” anh nói một cách chán nản với cả nhóm người.

“Ồ.” Peter trông có vẻ thất vọng.

“Đây là tiền gọi điện, Peter,” Tom nói, đặt một nghìn hai trăm lia lên mặt cây đàn piano của Peter. “Cảm ơn anh rất nhiều.”

“Tôi có ý nghĩ này,” Pietro Franchetti cất giọng với thứ tiếng Anh đậm chất Anh. “Dickie Greenleaf đã đổi hộ chiếu với một người đánh cá ở Naples hoặc có thể là một người La Mã buôn thuốc lá lậu để có thể sống cuộc đời yên bình mà anh ta vẫn hằng mong muốn. Tình cờ thay người giữ hộ chiếu của Dickie Greenleaf lại không giỏi đóng giả như anh ta nghĩ và phải biến mất đột ngột. Cảnh sát nên tìm một người đàn ông không thể trình đúng chứng minh thư của mình, xem hẵn là ai, rồi tìm đúng người đang mang tên của hẵn, đó chính là Dickie Greenleaf!”

Tất cả mọi người đều bật cười và Tom cười vang nhất.

“Vấn đề với ý tưởng đó,” Tom nói, “là có rất nhiều người quen của Dickie đã gặp anh ấy vào tháng Một và tháng Hai-”

“Ai?” Pietro ngắt lời với vẻ thù hằn kiểu Ý rất khó chịu trong các cuộc đối thoại và còn khó chịu gấp đôi khi anh ta nói bằng tiếng Anh.

“Tôi là một này. Dẫu sao đi nữa, như tôi định nói, theo ngân hàng nói thì sự giả mạo bắt đầu từ tháng Mười hai.”

“Tuy nhiên đó cũng là một ý kiến,” Marge tặc lưỡi, cảm thấy ngà ngà với ly rượu thứ ba, ngả người dựa vào cái ghế dài cỡ to của Peter.

“Một ý nghĩ rất giống Dickie đấy. Chắc hẳn anh ấy đã làm thế ngay sau khi rời Palermo, khi anh ấy phải ưu tiên xử lý vụ giả mạo ở ngân hàng trước. Tôi không tin vụ đó lấy một phút. Tôi nghĩ Dickie đã thay đổi quá nhiều khiến chữ viết tay của anh ấy cũng thay đổi theo.”

“Tôi cũng nghĩ vậy,” Tom nói. “Dẫu sao thì ngân hàng cũng không nhất trí với điều đó khi nói tất cả đều đã bị giả mạo. Bên Mỹ cũng chia ra hai luồng ý kiến, còn bên Naples thì nghe theo bên Mỹ. Bên Naples sẽ chẳng bao giờ chú ý đến sự giả mạo nếu không phải phía Mỹ báo cho họ biết.”

“Tôi tự hỏi tối nay trên báo sẽ có gì?” Peter hỏi một cách tươi vui, đi lại đôi sục mà anh ta đã cởi ra chắc vì đau. “Tôi có nên ra ngoài mua không?”

Nhưng một người nhà Franchetti tình nguyện đi mua và lao ra khỏi phòng. Lorenzo Franchetti đang mặc một cái áo gi-lê thêu màu hồng, đậm chất Anh và một bộ vest may ở Anh, giày đế nặng kiểu Anh. Em trai anh ta cũng ăn mặc hết như vậy. Peter, mặt khác, lại mặc quần áo Ý từ đầu tới chân. Tom đã nhận ra ở các bữa tiệc và rạp hát, nếu một người mặc đồ Anh thì anh ta nhất định là người Ý và ngược lại.

Có thêm vài người đến đúng lúc Lorenzo mang báo về - hai người Ý và hai người Mỹ. Các tờ báo được truyền tay nhau. Lại thảo luận, lại trao đổi những nghi ngờ ngu ngốc, lại phẫn khích trước tin tức ngày hôm nay: Căn nhà của Dickie ở Mongibello đã được bán cho một người Mỹ với số tiền gấp đôi cái giá anh ta rao ban đầu. Số tiền sẽ được một ngân hàng Naples giữ cho tới khi Greenleaf đến nhận lại.

Chính tờ báo đó có tranh biếm họa một người đàn ông quỳ gối, tìm kiếm thứ gì đó dưới bàn làm việc. Vợ ông ta hỏi, “Khuy cổ à?” Và câu trả lời của ông ta là, “Không, tôi đang tìm Dickie Greenleaf.”

Tom nghe đâu các thính phòng ở Rome cũng đang đẩy mạnh vụ truy tìm bằng các bài thơ trào phúng.

Một trong số hai người Mỹ vừa đi vào, có tên Rudy gì đó, mời Tom và Marge tới một bữa tiệc cocktail ở khách sạn của anh ta vào ngày mai. Anh đã dợm từ chối nhưng Marge lại nói rất vui được tới dự. Tom không nghĩ ngày mai cô ta vẫn còn ở đây vì trưa nay cô ta đã nói gì đó về việc ra về. Tom chắc chắn bữa tiệc sẽ chán chết. Rudy là một gã to mồm, thô lỗ, ăn mặc bảnh chọe, tự giới thiệu là người buôn đồ cổ. Tom khéo léo đưa mình và Marge rời khỏi ngôi nhà đó trước khi cô ta nhận thêm một lời mời nào trong tương lai.

Marge vẫn giữ vẻ chuẩn choáng khiến Tom cáu điên suốt bữa tối năm món của họ, nhưng anh nỗ lực hết sức và phản ứng lại với sự tốt bụng - như một con ếch bất lực co giật trên mũi kim điện, anh nghĩ - và khi cô ta làm rơi quả bóng, anh nhặt nó lên và nghịch nó trong chốc lát. Anh nói những câu như là, “Có thể Dickie đột nhiên tìm ra bản thân trong hội họa và bắt chước Gauguin tới các hòn đảo ở biển Nam.” Nó khiến anh phát ốm. Rồi Marge lại mơ màng về Dickie và các hòn đảo ở biển Nam, lấy tay ra dấu một cách biếng nhác. Điều tồi tệ nhất còn chưa tới, Tom nghĩ: đi thuyền gondola. Nếu cô ta nhúng đôi bàn tay đó vào nước thì anh hy vọng cá mập sẽ gặm nó đi. Anh gọi một món tráng miệng mà không còn bụng để ăn, nhưng Marge thì ăn sạch.

Tất nhiên, cô ta muốn một con thuyền gondola riêng chứ không phải thuyền dịch vụ thông thường vẫn chở hơn mười người một lúc từ San Marco tới các bậc thềm của Santa Maria vùng Salute, nên họ thuê một con thuyền gondola tư. Lúc ấy là một rười sáng. Miệng Tom đắng ngắt do uống quá nhiều espresso, tim đập thành thịch như cánh chim và anh không nghĩ mình có thể ngủ được cho tới bình minh. Anh cảm thấy kiệt quệ, nằm ườn ra trên ghế của con thuyền, giống hệt Marge, cẩn thận không chạm vào đùi cô ta. Marge vẫn có tâm trạng hăng hái, đang tự giải trí bằng các tràng độc thoại về bình minh ở Venice, rõ ràng là cô ta đã thấy cảnh đó trong một chuyến đi khác. Con thuyền đung đưa nhẹ nhàng theo tay chèo nhịp nhàng khiến Tom cảm thấy hơi



buồn nôn. Vùng nước giữa bến thuyền San Marco và thềm nhà anh dường như rộng bất tận.

Giờ chỉ còn hai bậc thềm lộ ra và mặt nước dập dềnh trên mặt bậc thềm thứ ba, các cọng rêu đung đưa một cách ghê tởm. Tom máy móc trả tiền cho người lái gondola và khi đã đứng trước cánh cổng khổng lồ thì anh mới nhận ra là mình không mang chìa khóa. Anh liếc nhìn xung quanh xem có thể trèo vào đâu đó hay không, nhưng anh thậm chí còn chả chạm vào nổi rìa cửa sổ từ bậc thềm này. Trước khi anh kịp nói gì đó thì Marge đã phá ra cười.

“Anh không mang chìa khóa! Kẹt trên bậc cửa với mặt nước dập dềnh xung quanh mà lại không có chìa khóa!”

Tom cố cười. Vì cái quái gì mà anh lại nghĩ đến việc mang theo hai cái chìa khóa dài đến ba mươi centimet và nặng gần bằng hai khẩu súng lục cơ chứ? Anh quay người, hét lên gọi người lái thuyền quay lại.

“À!” Người lái đò cười khẽ qua mặt nước. *“Tôi xin lỗi, thưa ngài! Tôi phải trở lại San Marco! Có một cuộc hẹn!”* Ông ta vẫn chèo đều tay.

“Chúng tôi không có chìa khóa!” Tom hét lên bằng tiếng Ý.

*“Tôi xin lỗi thưa ngài!”* Người chèo thuyền đáp lại. *“Tôi sẽ nhờ một gondolier khác!”*

Marge lại cười. “Ôi, sẽ có một người chèo thuyền khác đến đón chúng ta ngay thôi. Nơi này không đẹp sao?” Cô ta kiễng chân.

Đêm nay hoàn toàn không phải một đêm đẹp. Trời lạnh căm căm và một trận mưa phùn đã bắt đầu đổ xuống. Anh có thể gọi một cái thuyền công cộng đi qua nhưng lại chẳng thấy cái thuyền nào, Tom nghĩ. Con thuyền duy nhất anh thấy là chiếc xuồng máy đang lại gần cầu cảng San Marco. Ít có cơ hội con xuồng ấy sẽ thềm đón họ, nhưng Tom vẫn hét gọi nó. Con xuồng tràn ngập ánh sáng và lúc nhúc người nhắm mắt đi tiếp và chĩa mũi thuyền vào cầu cảng bằng gỗ bên kia

kênh. Marge đang ngồi ở bậc thang trên cùng, hai cánh tay ôm lấy đầu gối, không làm gì hết. Cuối cùng, một chiếc ca-nô trông như tàu đánh cá chậm chậm tiến lại và có người hét lên bằng tiếng Ý: “Bị nhốt bên ngoài à?”

“Chúng tôi quên đem chìa khóa!” Marge giải thích một cách hăm hở.

Nhưng cô ta không muốn lên thuyền. Cô ta bảo sẽ đợi trên các bậc thềm trong lúc Tom đi vòng lại và mở cánh cửa ở mặt đường. Tom nói việc đó có thể phải mất hơn mười lăm phút và cô ta có thể bị cảm nên cuối cùng cô ta đành chui vào. Người Ý đưa họ tới bến đỗ gần nhất ở thềm của nhà thờ Santa Maria xứ Salute. Anh ta từ chối nhận tiền công cho phiên toái vừa rước về, nhưng nhận hộp thuốc lá Mỹ hút dở của Tom. Tom không biết lý do, nhưng tối hôm đó anh còn cảm thấy sợ sệt khi đi qua San Spiridione với Marge hơn cả khi đi một mình. Marge, tất nhiên, hoàn toàn không bị con hẻm ảnh hưởng và ríu rít suốt dọc đường.

## CHƯƠNG 25

Sáng hôm sau Tom tỉnh giấc rất sớm do có người nện cửa nhà anh. Anh khoác vội áo choàng và đi xuống. Anh có một bức điện tín và phải chạy ngược lên gác để lấy tiền bo cho người đưa thư. Đứng trong phòng khách lạnh lẽo, anh giở bức thư ra đọc.

TÔI ĐÃ ĐỔI Ý, MUỐN GẶP ANH

SẼ ĐẾN LÚC 11H45 SÁNG

H. GREENLEAF

Tom rùng mình. À, anh đã lường trước rồi đấy thôi, anh nghĩ. Nhưng thật ra là không. Anh căm ghét việc này. Hay là do bây giờ mới chỉ bình minh nhỉ? Phòng khách trông xám xịt khủng khiếp. Từ “anh” mang lại cho bức điện tín một không khí rùng rợn, cổ xưa. Thường thì các bức điện tín của Ý hay có những lỗi đánh máy buồn cười hơn nhiều. Nếu họ đặt chữ R hoặc D thế vào chữ H thì sao? Lúc đó anh sẽ cảm thấy thế nào?

Anh chạy lên gác, chui vào cái giường ấm áp của mình để cố gắng ngủ thêm một chút. Anh liên tục bần khoản không biết liệu Marge có đi vào hay gõ cửa phòng anh vì nghe thấy tiếng đập cửa âm ỉ ban này hay không, nhưng cuối cùng anh nhận định rằng cô ta đã ngủ say như chết. Anh tưởng tượng ra cảnh chào đón ông Greenleaf ở cửa, nắm chặt tay ông và cố hình dung các câu hỏi của ông, nhưng tâm trí anh mệt mỏi dần, khiến anh cảm thấy sợ hãi và không thoải mái. Anh quá buồn ngủ để định hình những câu hỏi và những câu trả lời cụ thể, cũng quá căng thẳng để chìm vào giấc ngủ. Anh muốn pha cà phê và đánh thức Marge dậy để có người nói chuyện cùng, nhưng lại không

thể đối mặt với việc đi vào căn phòng đó và thấy đồ lót cùng nịt tất vương vãi khắp nơi, tuyệt đối không thể.

Cuối cùng Marge lại là người đánh thức anh dậy và cô ta cũng đã pha cà phê dưới nhà, theo lời cô ta.

“Cô nghĩ sao?” Tom cười tươi nói. “Sáng nay tôi đã nhận được một bức điện tín từ chú Greenleaf thông báo là chú ấy sẽ đến đây vào buổi trưa.”

“Thế à? Anh đã nhận được điện tín lúc nào đấy?”

“Sáng sớm hôm nay. Nếu không phải tôi mơ.” Tom tìm nó. “Đây rồi.”

Marge đọc nó. “Muốn gặp anh,” cô ta nói, cười cười. “Hay thật đấy. Tôi hy vọng điều này sẽ giúp chú ấy. Anh định xuống nhà hay để tôi mang cà phê lên?”

“Tôi sẽ đi xuống,” Tom nói, mặc áo khoác vào.

Marge đã mặc áo len và quần thụng nhung đen, cắt may cẩn thận và được đặt riêng, Tom đoán, vì chúng vừa khít với cơ thể hình quả lê của cô ta. Họ nhẩn nha uống cà phê cho tới khi Anna và Ugo đến lúc mười giờ, mang theo sữa, bánh mì và báo sáng. Rồi họ pha thêm cà phê và sữa nóng, ngồi trong phòng khách. Đó là một trong những buổi sáng mà trên báo không có tin tức gì về Dickie hay vụ Miles cả. Có những buổi sáng như thế và rồi báo tối lại đăng tin tức gì đó về họ, dù thật ra chẳng có tin nào mới để thông báo, chỉ là một cách để nhắc nhở mọi người nhớ rằng Dickie vẫn đang mất tích và vụ án giết Miles vẫn chưa được giải.

Marge và Tom ra ga tàu để đón ông Greenleaf lúc mười một giờ bốn lăm. Trời lại mưa, gió mạnh và lạnh đến mức mưa cảm giác như tuyết trên mặt họ. Họ đứng dưới mái che của nhà ga, nhìn dòng người đi qua cổng và cuối cùng cũng thấy ông Greenleaf, lồm lổm và nhợt nhạt. Marge lao tới hôn lên má ông ta và ông ta mỉm cười chào cô ta.

“Chào Tom!” Ông nói một cách nhiệt thành, chìa tay ra. “Cậu thế nào?”

“Rất khỏe, thưa chú. Chú thế nào?”

Ông Greenleaf chỉ có một cái vali nhỏ, nhưng có người khuân hành lý đang vác nó và anh ta cũng đi cùng họ trên xuồng máy, dù Tom đã nói anh có thể mang nó một cách dễ dàng. Tom gợi ý họ đi thẳng về nhà anh, nhưng ông Greenleaf muốn đăng ký vào khách sạn trước. Ông khăng khăng như vậy.

“Tôi sẽ tới ngay sau khi đăng ký xong. Tôi nghĩ mình nên thử ở Gritti. Nó có ở gần chỗ cậu không?” Ông Greenleaf hỏi.

“Không gần lắm, nhưng chú có thể đi bộ tới San Marco và đi thuyền gondola qua,” Tom nói. “Chúng cháu sẽ đi cùng chú nếu chú chỉ muốn đăng ký. Cháu nghĩ chúng ta có thể ăn trưa cùng nhau - trừ phi chú muốn gặp riêng Marge một lúc. Anh lại trở lại làm Ripley khép nép rồi.

“Tôi tới đây chủ yếu để nói chuyện với cậu mà!” Ông Greenleaf nói.

“Có tin gì mới không chú?” Marge hỏi.

Ông Greenleaf lắc đầu. Ông liên tục lơ đãng, lo lắng liếc nhìn ra ngoài cửa sổ xuồng, như thể sự xa lạ của thành phố này buộc ông phải nhìn nó, dù chẳng có gì thật sự thu vào mắt ông hết. Ông không trả lời câu hỏi về bữa trưa của Tom. Anh khoanh tay, mặt thoải mái, không cố nói gì thêm. Đàng nào thì động cơ của xuồng đã đủ ồn ào rồi. Ông Greenleaf và Marge đang lơ đãng tán gẫu về những người họ quen ở Rome. Tom đoán là hai người đó rất hòa hợp, dù Marge đã nói không hề quen ông trước khi gặp ông ở Rome.

Họ ăn trưa ở một nhà hàng vừa phải nằm giữa Gritti và Rialto, chuyên các món hải sản tươi sống. Một món gồm những con bạch tuộc tím mà Dickie mê mẩn và Tom nói với Marge, hất đầu về phía những

cái đĩa đó khi hầu bàn bê chúng qua, “Thật tệ khi Dickie không có ở đây để thưởng thức món ngon này.”

Marge cười rạng rỡ. Cô ta luôn mang tâm trạng vui vẻ khi họ chuẩn bị ăn.

Ông Greenleaf nói nhiều hơn đôi chút trong bữa trưa, nhưng mặt ông vẫn rắn như đá và vẫn liên tục liếc nhìn xung quanh trong lúc nói chuyện, như thể ông hy vọng Dickie sẽ nhảy ra từ một xó xỉnh nào đó bất kỳ lúc nào. Không, cảnh sát vẫn chưa tìm được chút thông tin nào đáng được gọi là manh mối, ông kể và ông vừa sắp xếp thuê một thám tử tư người Mỹ qua đây để cố làm sáng tỏ bí ẩn này.

Điều đó khiến Tom phải nuốt nước bọt trầm tư - chính anh hẳn cũng ngấm ngấm nghi ngờ, hoặc cũng có thể là ảo tưởng, rằng các thám tử Mỹ giỏi hơn đồng nghiệp Ý - nhưng anh và rõ ràng cả Marge nữa, đều chợt nhận ra sự vô ích quá hiển nhiên của hành động đó, vì mặt cô ta đột nhiên dài ra và ngơ ngác.

“Đó có thể là một ý rất hay đấy,” Tom nói.

“Cậu có đánh giá cao cảnh sát Ý không?” Ông Greenleaf hỏi anh.

“Thật ra là cháu có,” Tom đáp lời. “Còn một lợi thế nữa là họ nói tiếng Ý và có thể thâm nhập khắp mọi nơi, điều tra mọi đối tượng nghi vấn. Cháu cho rằng người chú cử đến đây cũng nói tiếng Ý?”

“Tôi thật sự không biết. Tôi không biết,” ông Greenleaf hoang mang nói, như thể vừa nhận ra mình nên yêu cầu điều đó nhưng lại bỏ qua. “Tên anh ta là McCarron. Người ta bảo anh ta rất giỏi.”

Tom nghĩ chắc anh ta không nói được tiếng Ý đâu. “Anh ta sẽ đến đây khi nào?”

“Ngày mai hoặc ngày kia. Mai tôi sẽ ở Rome để đón anh ta nếu anh ta đến nơi.” Ông Greenleaf đã ăn xong món thịt bê hầm phủ phô mai. Ông không ăn nhiều.

“Tom có ngôi nhà đẹp nhất quả đất!” Marge nói, bắt đầu tấn công món bánh rệu bảy tầng.

Đang trừng mắt nhìn cô ta, Tom nở nụ cười yếu ớt.

Màn hỏi cung sẽ diễn ra ở nhà, chắc vào lúc anh và ông Greenleaf ở riêng, Tom nghĩ. Anh biết ông Greenleaf muốn nói chuyện riêng với anh, do đó anh đề nghị uống cà phê ở nhà hàng họ đang ngồi trước khi Marge có thể gợi ý uống ở nhà anh. Cô ta thích loại cà phê mà máy pha của anh làm ra. Kể cả vậy, Marge vẫn ngồi lì cạnh họ trong phòng khách suốt nửa tiếng sau khi họ về đến nhà. Tom nghĩ Marge không có chút nhạy cảm tinh tế nào của phụ nữ hết. Cuối cùng Tom phải cau mày nhìn cô ta một cách hài hước và đánh mắt về phía cầu thang, cô ta nhận ra dấu hiệu, vỗ tay lên mồm và tuyên bố rằng cô ta sẽ lên nhà ngủ một giấc. Cô ta vẫn mang tâm trạng hờn hờ thường thấy và đã tán gẫu với ông Greenleaf suốt bữa trưa như thể tất nhiên Dickie chưa chết và ông không được, tuyệt đối không được lo lắng quá vì điều đó không hề có lợi cho hệ tiêu hóa của ông. Như thế cô ta vẫn nuôi hy vọng một ngày nào đó sẽ trở thành con dâu ông ta vậy, Tom nghĩ.

Ông Greenleaf đứng dậy, đi đi lại lại quanh nhà, hai tay đút vào túi áo khoác, như một giám đốc đang sắp sửa truyền đạt mệnh lệnh cho người viết tốc ký. Ông không hề bình luận gì về ngôi nhà xa hoa và thậm chí còn chẳng thèm nhìn nó, Tom nhận ra.

“Tom này,” ông mở đầu bằng tiếng thở dài, “cái kết này thật kỳ lạ, không phải sao?”

“Cái kết?”

“À, giờ thì cậu đang sống ở châu Âu, còn Richard-”

“Hai bọn cháu đều không cho rằng anh ấy đã quay về Mỹ,” Tom nhẹ nhàng nói.

“Không. Không thể có chuyện đó. Cơ quan nhập cảnh Mỹ cũng đã được cảnh báo về điều đó.” Ông Greenleaf vẫn bước đều chân, không nhìn anh. “Quan điểm thật sự của cậu về nơi nó có thể đang ở là gì?”

“Thưa chú, anh ấy có thể đang lẩn trốn ở Ý - rất dễ dàng nếu anh ấy không ở một khách sạn yêu cầu đăng ký.”

“Có khách sạn nào ở Ý mà người ta không phải đăng ký không?”

“Không, chính thức thì không. Nhưng một người thành thạo tiếng Ý như Dickie có thể lách luật được. Hiển nhiên là, nếu anh ấy hồi lộ một chủ nhà trọ nhỏ ở miền Nam nước Ý để họ không nói gì cả, thì anh ấy có thể ở lại đó dù người ta biết tên anh ấy là Richard Greenleaf.”

“Đó là ý kiến của cậu về việc nó có thể đang làm à?” Ông Greenleaf đột ngột quay sang nhìn anh và Tom lại thấy vẻ đáng thương mà anh đã chú ý đến từ buổi tối đầu tiên gặp ông ta.

“Không, cháu - Có khả năng đó lắm chứ. Đó là tất cả những gì cháu có thể nói.” Anh dừng lại. “Cháu rất tiếc phải nói ra điều này, chú Greenleaf, nhưng cháu nghĩ có khả năng Dickie đã chết.”

Biểu cảm của ông Greenleaf không hề lay động. “Vì trạng thái tuyệt vọng mà cậu đã đề cập đến ở Rome à? Chính xác thì nó đã nói gì với cậu?”

“Đó là tâm trạng thường thấy của anh ấy.” Tom cau mày. “Rõ ràng vụ án của Miles đã làm anh ấy chấn động. Anh ấy là kiểu người - Anh ấy thật sự rất ghét các hành vi công cộng và bạo lực.” Tom liếm môi. Anh thật sự thấy khó khăn trong việc cố gắng diễn tả bản thân. “Anh ấy có nói nếu một chuyện như vậy còn xảy ra nữa, thì anh ấy sẽ nổi khùng lên - hoặc không biết mình sẽ làm gì. Đồng thời lần đầu tiên, cháu cảm thấy anh ấy không có hứng thú với việc vẽ vời nữa. Có thể đó chỉ là tạm thời, nhưng cho tới lúc ấy cháu vẫn luôn nghĩ Dickie mãi hướng đến hội họa, bất kể có chuyện gì xảy ra đi nữa.”

“Nó thật sự nghiêm túc với việc vẽ vời đến thế à?”

“Đúng vậy,” Tom nói chắc nịch.

Ông Greenleaf lại nhìn lên trần nhà, tay chấp sau lưng. “Tiếc là chúng ta không thể tìm được lão Di Massimo này. Ông ta có thể biết gì



đó. Tôi nghe nói Richard và ông ta đã cùng nhau tới Sicily,”

“Cháu không biết điều đó,” Tom nói. Hẳn ông Greenleaf biết thông tin đó từ Marge, anh nghĩ.

“Di Massimo cũng đã biến mất, nếu ông ta thật sự tồn tại. Tôi có thiên hướng nghĩ là Richard đã dựng nên ông ta để cố thuyết phục tôi việc nó đang vẽ. Cảnh sát không tìm được một họa sĩ nào có tên Di Massimo trong danh sách nhân khẩu của họ, bất kể đó là gì.”

“Cháu chưa từng gặp ông ta,” Tom nói. “Dickie có nhắc đến ông ta vài lần. Cháu chưa bao giờ nghi ngờ danh tính của ông ta - hay sự hiện hữu của ông ta.” Anh cười nhẹ.

“Cậu có ý gì khi nói ‘nếu một chuyện như vậy còn xảy ra’ với nó? Còn chuyện gì đã xảy ra với nó?”

“Lúc ở Rome thì cháu chưa biết, nhưng cháu nghĩ giờ mình hiểu ý anh ấy là gì. Họ đã tra hỏi Dickie về cái xuồng bị đắm ở San Remo. Họ có kể với chú chuyện đó không?”

“Không.”

“Họ tìm được một con xuồng ở San Remo, bị đánh chìm. Có vẻ nó mất tích trong cái ngày hoặc khoảng thời gian mà Dickie và cháu ở đó và tình cờ bọn cháu cũng thuê loại xuồng đó. Nó là loại xuồng máy nhỏ mà ở đó người ta thuê suốt. Dẫu sao đi nữa, chiếc xuồng đã bị đánh chìm, trên đó có những vết ố mà họ nghĩ là vết máu. Họ vô tình tìm ra chiếc xuồng ngay sau vụ Miles bị giết và lúc ấy họ không tìm được cháu vì cháu đang thử du lịch khắp đất nước, nên họ đến hỏi Dickie xem cháu ở đâu. Cháu nghĩ có một thời gian Dickie hẳn đã nghĩ là họ nghi ngờ anh ấy giết cả cháu nữa!” Tom cười.

“Chúa lòng lành!”

“Cháu chỉ biết điều này khi một thanh tra cảnh sát thăm vấn cháu về việc đó ở Venice mới vài tuần trước. Ông ta nói cũng đã tra khảo Dickie về chuyện đó. Lạ lùng là cháu không hề biết người ta đang tìm cháu - không phải kiểu tìm kiếm gắt gao, nhưng cũng là đang được

tìm kiếm - cho tới khi đọc được trên một tờ báo ở Venice. Cháu đã lập tức tới đồn cảnh sát ở đây để trình diện.” Tom vẫn cười. Mấy ngày trước anh đã quyết định sẽ thuật lại toàn bộ câu chuyện cho ông Greenleaf nếu có ngày gặp mặt ông, dù ông có biết tin về tai nạn ở San Remo hay chưa. Thế tốt hơn là để ông nghe từ cảnh sát, để ông hiểu anh đã ở Rome với Dickie vào lúc anh nên biết cảnh sát đang tìm mình. Ngoài ra, nó cũng khớp với những gì anh kể về tâm trạng tuyệt vọng của Dickie vào thời điểm đó.

“Tôi không hiểu nổi chuyện này,” ông Greenleaf nói. Ông đang ngồi trên ghế sofa, chăm chú lắng nghe.

“Giờ tất cả đã chấm dứt vì Dickie và cháu đều còn sống. Lý do cháu đề cập tới chuyện này là vì Dickie đã biết cảnh sát đang tìm cháu vì họ có đến hỏi anh ấy về cháu. Ở cuộc thẩm vấn đầu tiên với cảnh sát thì chắc anh ấy không rõ cháu ở đó, nhưng ít nhất thì anh ấy cũng biết cháu vẫn đang ở trong nước Ý. Nhưng kể cả lúc cháu tới Rome gặp anh ấy thì anh ấy cũng không báo lại với cảnh sát là đã gặp cháu. Anh ấy không chịu hợp tác, anh ấy không có tâm trạng đó. Cháu biết điều này vì đúng lúc Marge nói chuyện với cháu trong khách sạn ở Rome, Dickie đang ở ngoài gặp cảnh sát. Thái độ của anh ấy kiểu như là cứ để cảnh sát đi tìm cháu, anh ấy sẽ không báo cho họ biết cháu ở đâu hết.”

Ông Greenleaf lắc đầu, đầy tình thương của cha, có phần nóng nảy, như thể ông có thể dễ dàng tin Dickie sẽ hành động như thế.

“Cháu nghĩ chính tối hôm đó là lúc anh ấy nói, nếu một chuyện như vậy còn xảy ra với anh ấy - Nó khiến cháu có phần hổ thẹn khi ở Venice. Cảnh sát chắc đã nghĩ cháu là thằng đàn mới không biết họ đang tìm cháu từ lâu, nhưng sự thật vẫn là cháu không biết.”

“Hừm,” ông Greenleaf thờ ơ nói.

Tom đứng dậy lấy brandy.

“Tôi e là mình không đồng tình với cậu về việc Richard tự tử,” ông Greenleaf nói.

“Cả Marge cũng không. Cháu chỉ nói là có khả năng đó. Cháu thậm chí cũng không nghĩ đó là khả năng cao nhất có thể xảy ra.”

“Cậu không nghĩ vậy? Thế theo cậu thì là gì?”

“Anh ấy đang trốn,” Tom nói. “Cháu mời chú uống một ly brandy được không? Cháu nghĩ căn nhà này khá lạnh so với ở Mỹ.”

“Thành thật thì đúng là vậy.” Ông Greenleaf nhận lấy cốc rượu.

“Chú biết đấy, anh ấy có thể đến vài nước khác ngoài nước Ý,” Tom nói. “Anh ấy có thể đã tới Hy Lạp, Pháp, hoặc bất kỳ nơi nào khác sau khi quay lại Naples, vì phải sau đó nhiều ngày người ta mới bắt đầu tìm kiếm anh ấy.”

“Tôi biết, tôi biết,” ông Greenleaf mệt mỏi nói.

## CHƯƠNG 26

Tom hy vọng Marge đã quên lời mời tới dự bữa tiệc cocktail của gã buôn đồ cổ ở Danieli, nhưng không. Tầm bốn giờ, ông Greenleaf về khách sạn nghỉ ngơi, ngay khi ông vừa rời đi Marge đã nhắc Tom về bữa tiệc lúc năm giờ.

“Cô thật sự muốn đi à?” Tom hỏi. “Tôi thậm chí còn chẳng nhớ nổi tên hẳn ta.”

“Malooof. M-a-l-o-o-f,” Marge nói. “Tôi muốn đi lắm. Chúng ta không cần ở lại lâu đâu.”

Thế đấy. Điều Tom ghét là cảnh tượng mà họ tự đưa mình vào. Không chỉ một mà tận hai nhân chứng quan trọng trong vụ án Greenleaf, xuất hiện nổi bật ở nơi công cộng, như cặp nghệ sĩ nhào lộn được ánh đèn rạp xiếc chiếu vào. Anh cảm thấy - anh biết - họ chẳng là gì ngoài hai cái tên mà gã Malooof đó vớ được, các vị khách danh dự đã đến tham gia, vì chắc chắn hôm nay Malooof sẽ báo với tất cả mọi người là Marge Sherwood và Tom Ripley sẽ dự tiệc của hẳn. Tom thấy thế thật không lịch sự. Và Marge cũng chẳng thể bao biện cho trạng thái choáng váng của mình chỉ đơn giản bằng cách nói cô ta chẳng lo lắng gì về việc Dickie đang mất tích. Tom thậm chí còn cho rằng Marge nốc martini vì chúng miễn phí, như thế cô ta vẫn uống chưa đủ ở nhà anh hay anh sẽ không mua thêm cho cô ta khi họ gặp ông Greenleaf để ăn tối.

Tom chậm rãi nhấp một cốc rượu và cố gắng tránh xa Marge. Anh là bạn của Dickie Greenleaf, khi ai đó bắt đầu một cuộc tán gẫu bằng cách hỏi xem có đúng vậy không, nhưng anh chỉ biết sơ về Marge.

“Cô Sherwood đây là khách của tôi,” anh nói với nụ cười bối rối.

“Ông Greenleaf đâu? Sao anh không đưa ông ta đến đây chứ,” Maloof nói, đi lại khép nép như một con voi cầm ly cocktail Manhattan không lồ. Gã mặc bộ vét caro may bằng vải tweed sặc sỡ của Anh, Tom nghĩ đó là loại họa tiết mà người Anh miễn cưỡng làm cho những gã người Mỹ như Rudy Maloof.

“Tôi nghĩ chú Greenleaf đang nghỉ ngơi,” Tom nói. “Lát nữa chúng tôi sẽ đi ăn tối với chú ấy.”

“À, anh đã đọc báo tối nay chưa?” Maloof nói một cách lịch sự, khuôn mặt trang nghiêm kính cẩn.

“Tôi đọc rồi,” Tom đáp.

Malooof gật đầu mà không nói gì thêm. Tom tự hỏi anh sẽ phải kể lại câu chuyện tầm phào nào nếu nói mình chưa đọc báo. Tờ báo tối hôm nay viết rằng ông Greenleaf đã đến Venice và đang ở cung điện Gritti. Nó không đề cập tới việc một thám tử tư từ Mỹ sẽ tới Rome ngày hôm nay và cũng hoàn toàn không nhắc tới việc có một người sẽ đến, khiến Tom phải nghi vấn những gì ông Greenleaf nói về tay thám tử tư ấy. Nó giống như một câu chuyện do người khác kể, hoặc do nỗi sợ hãi tưởng tượng của anh bịa ra mà chẳng dựa trên một sự kiện có thực nào và vài tuần sau, anh mới thấy xấu hổ vì đã từng tin vào nó. Giống như chuyện Marge và Dickie có quan hệ tình cảm ở Mongibello vậy, thậm chí họ còn chẳng sắp sửa phát sinh chuyện gì hết. Hay chuyện giấy tờ giả hồi tháng Hai sẽ hủy diệt và lật mặt anh nếu anh tiếp tục đóng vai Dickie Greenleaf. Thật ra thì vụ giả mạo giấy tờ đã chấm dứt. Tin tức mới nhất anh nhận được là bảy trong số mười chuyên gia ở Mỹ tuyên bố là họ không tin tờ séc bị giả mạo. Anh có thể ký thêm giấy nhận tiền từ ngân hàng Mỹ và đóng giả Dickie Greenleaf đến cuối đời, nếu anh không để nỗi sợ hãi vô cớ điều khiển mình. Tom bạnh quai hàm. Anh vẫn dành một phần não bộ chú ý lắng nghe Maloof nói, gã đang cố ra chiều thông minh và nghiêm túc bằng cách mô tả cuộc thám hiểm đảo Murano và Burano của gã sáng nay.

Tom lại bạnh quai hàm, cau mày, lắng nghe, nhưng mãi miết tập trung vào cuộc đời của mình. Có lẽ anh nên tin câu chuyện có một gã thám tử tử sắp tới của ông Greenleaf cho tới khi nó bị bác bỏ, nhưng không nên vì nó mà hoảng hốt và sợ hãi để rồi manh động.

Tom lơ đãng trả lời chuyện gì đó mà Maloof vừa nói và anh ta cười hân hoan một cách ngớ ngẩn rồi bước đi. Tom theo dõi tấm lưng rộng của anh ta một cách khinh bỉ, nhận ra anh đã cư xử thật thô lỗ, vẫn đang thô lỗ, anh nên trấn tĩnh lại, vì cư xử lịch thiệp cả với những gã buôn đồ cỡ hạng hai, buôn đồ lạ và buôn gạt tàn thuốc này - Tom đã từng thấy một số mẫu hàng của họ trải ra trên giường trong căn phòng mà họ cất áo khoác - là một phần công việc đóng vai quý ông lịch lãm. Nhưng họ gợi nhớ quá nhiều tới những người mà anh đã chào tạm biệt ở New York, đó là lý do họ làm cả người anh ngứa ngáy và muốn bỏ trốn.

Sau cùng thì Marge mới là lý do anh ở đây, lý do duy nhất. Anh oán trách cô ta. Tom nhấp một ngụm martini, nhìn lên trần nhà và nghĩ thầm chỉ vài tháng nữa thôi là tinh thần của anh, sự kiên nhẫn của anh có thể chịu đựng được cả mấy gã như thế này, nếu có ngày còn phải ở cùng họ. Ít nhất anh đã cải thiện nhiều từ khi rời New York và anh sẽ còn cải thiện nữa. Anh nhìn chăm chăm lên trần nhà và nghĩ đến cảnh dong thuyền tới Hy Lạp, qua biển Adriatic từ Venice, vào biển Ionia tới Crete. Anh sẽ làm điều đó vào mùa hè này. Tháng Sáu. *Tháng Sáu*. Từ đó mới ngọt ngào, êm ái làm sao, trong veo, biếng nhác, tràn ngập ánh nắng! Nhưng trạng thái mơ màng của anh chỉ kéo dài được vài giây. Các giọng nói ồn ào, chói tai của người Mỹ lại xộc thẳng vào tai anh, như những móng vuốt bầu chặt xuống vai và lưng anh. Anh miên cưỡng đi từ nơi đang đứng tới chỗ Marge. Chỉ còn hai người phụ nữ khác trong căn phòng này, hai người vợ khủng khiếp của một cặp doanh nhân khủng khiếp và Marge, anh phải thừa nhận, là trông xinh xắn hơn họ, nhưng giọng cô ta thì chán hơn, cũng giống như họ nhưng chán hơn nhiều, anh nghĩ thầm.

Anh đã chực mở mồm yêu cầu ra về, nhưng vì một người đàn ông mà lại yêu cầu ra về trước là chuyện không thể tưởng tượng được, anh lại không nói gì nữa, chỉ nhập hội với Marge và mỉm cười. Có người rót đầy cốc cho anh. Marge đang kể lể về Mongibello, về quyển sách của mình và ba người đàn ông mặt đê tiện, đầu trọc lóc chỉ trừ nhúm tóc bạc ở thái dương, có vẻ mê mẩn cô ta.

Vài phút sau khi Marge tự đề nghị ra về, họ đã trải qua một đoạn thời gian kinh khiếp mới xua đuổi được Maloof và bè lũ của gã, những kẻ đã ngà ngà say và khăng khăng ép họ ở lại cùng ăn tối, mời cả ông Greenleaf nữa.

“Venice dành cho mục đích đó - vui vẻ!” Maloof liên tục lặp lại câu nói đó một cách ngớ ngẩn, nhân cơ hội đó để vòng tay qua người Marge, vờ vò cô ta một chút khi cố nài cô ta ở lại và Tom thầm nghĩ may là anh chưa ăn, không thì chắc sẽ nôn hết ra đây ngay lập tức mất. “Số của ông Greenleaf là bao nhiêu? Gọi cho ông ấy nhé!” Maloof len lỏi tới chỗ điện thoại.

“Tôi nghĩ chúng ta nên chuồn ra khỏi đây thôi!” Tom dứt khoát nói vào tai Marge. Anh nắm chặt lấy khuỷu tay của cô ta và hướng cô ta ra cửa, cả hai cùng gật đầu lia lịa và cười chào tạm biệt trên đường ra.

“Có vấn đề gì cơ chứ?” Marge hỏi khi họ ra hành lang.

“Không có gì. Tôi chỉ nghĩ là bữa tiệc này bắt đầu mất kiểm soát rồi,” Tom nói, cố mỉm cười để khiến mọi chuyện nhẹ nhàng hơn. Marge có phần lâng lâng nhưng không quá say để không nhận ra anh có vấn đề gì đó. Anh đang đổ mồ hôi hột. Nó sáng bóng trên trán anh và anh quệt nó đi. “Những người như thế làm tâm trạng tôi đi xuống,” anh nói, “lúc nào cũng nói về Dickie, chúng ta thậm chí còn chẳng quen biết họ và tôi cũng không muốn quen. Họ khiến tôi phát ốm.”

“Buồn cười thật. Không một ai nói với tôi về Dickie hay thậm chí là nhắc đến tên anh ấy. Tôi nghĩ hôm nay còn đỡ hơn hôm qua ở nhà Peter nhiều.”

Tom ngẩng cao đầu khi bước đi và không nói gì. Đó là những người ở tầng lớp mà anh chán ghét và sao phải giải thích với Marge, khi cô ta cũng ở tầng lớp ấy?

Họ gọi ông Greenleaf ở khách sạn của ông. Vẫn còn quá sớm để ăn tối nên họ ăn nhẹ ở một quán cà phê trên một con phố gần Gritti. Tom cố gắng bù đắp cho trạng thái giận dữ ở bữa tiệc bằng cách tỏ ra hài hước và nói liên mồm suốt bữa tối. Ông Greenleaf cũng giữ tâm trạng vui vẻ vì vừa gọi điện cho vợ mình và thấy bà đang có tinh thần rất tốt, đã khỏe hơn nhiều. Ông Greenleaf kể bác sĩ của bà đã thử một liệu trình tiêm mới trong vòng mười ngày qua và có vẻ bà phản ứng tốt với liệu trình này hơn hẳn những gì họ đã từng thử trước đây.

Bữa tối khá yên tĩnh. Tom kể một chuyện đùa có phần hài hước, không quá trớn, vậy mà Marge vẫn cười như nắc nẻ. Ông Greenleaf khẳng khái đòi trả tiền bữa tối, rồi nói ông sẽ về khách sạn vì cảm thấy không khỏe lắm. Từ việc ông cẩn thận chọn món mỳ và không ăn salad, Tom nghĩ có thể ông đang bị bệnh ngã nước và muốn gợi ý cho ông một phương thuốc tuyệt vời có thể mua được ở mọi tiệm dược phẩm, nhưng ông Greenleaf không phải là mẫu người mà người ta có thể thoải mái nói một chuyện như vậy, dù họ có ở riêng với nhau đi nữa.

Ông Greenleaf báo là ngày mai ông sẽ về Rome và Tom hứa sẽ gọi cho ông vào khoảng chín giờ sáng mai để xem ông quyết định đi chuyến tàu nào. Marge sẽ quay lại Rome với ông Greenleaf và với cô ta thì chuyến nào cũng được. Họ đi bộ về Gritti - ông Greenleaf vẫn giữ vẻ mặt nghiêm trọng đúng kiểu nhà tư bản công nghiệp dưới chiếc mũ mềm màu xám, trông như một người đi bộ trên Đại lộ Madison qua những con hẻm hẹp, ngoằn ngoèo - và họ chào tạm biệt nhau.

“Cháu rất tiếc vì không thể dành nhiều thời gian hơn bên cạnh chú,” Tom nói.

“Tôi cũng vậy, con trai. Có lẽ để lúc khác.” Ông Greenleaf vỗ vai anh.



Tom đi bộ về nhà cùng Marge với tâm trạng khá thoải mái. Tất cả đều diễn biến hết sức tốt đẹp, Tom nghĩ. Marge tám nhảm với anh trong lúc đi bộ, cười khúc khích vì đã làm tuột một bên quai áo lót và phải lấy một tay giữ nó, cô ta kể. Tom đang nghĩ đến bức thư mà anh nhận được từ Bob Delancey chiều nay, tin tức đầu tiên anh nhận từ anh ta, trừ một tấm bưu thiếp từ rất lâu trước đó, trong đó kể rằng cảnh sát đã thẩm vấn tất cả mọi người trong nhà Bob về một vụ lừa đảo thuế thu nhập cá nhân cách đây vài tháng. Có vẻ gã lừa đảo đã dùng địa chỉ nhà anh ta để nhận séc và lấy lại các tấm séc một cách đơn giản bằng cách lấy thư ra khỏi mép thùng nơi người đưa thư đút chúng vào. Người đưa thư cũng bị thẩm vấn, theo lời Bob và nhớ ra cái tên George McAlpin trên các bức thư. Có vẻ Bob thấy chuyện đó khá buồn cười. Anh ta miêu tả lại phản ứng của vài người trong căn nhà đó khi họ bị cảnh sát thẩm vấn. Bí ẩn ở đây là ai nhận các bức thư được gửi cho George McAlpin? Anh thấy được trấn an. Vụ thuế thu nhập đó đã treo lơ lửng trên đầu anh một cách mơ hồ, vì anh luôn biết một lúc nào đó sẽ bị điều tra. Anh mừng vì nó đã đi tới nước này và dừng lại. Anh không nghĩ ra nổi cách nào để cảnh sát có thể liên hệ Tom Ripley với George McAlpin. Bên cạnh đó, như Bob đã nói, gã lừa đảo thậm chí còn không thèm thử đổi các tấm séc sang tiền mặt.

Anh ngồi trong phòng khách để đọc lại thư của Bob khi về đến nhà. Marge đã lên trên tầng đóng gói đồ đạc và ngủ một giấc. Tom cũng mệt mỏi, nhưng cảm giác mong đợi đến ngày mai tự do, khi cả Marge và ông Greenleaf đều đã đi, dễ chịu đến mức anh không ngại thức trắng đêm. Anh cởi giày ra để gác chân lên ghế sofa, nằm dựa vào gối và tiếp tục đọc thư của Bob. “Cảnh sát nghi ngờ có một kẻ sống ở ngoài thỉnh thoảng ghé qua nhận thư, vì đám ngu ngốc sống trong căn nhà này không có đứa nào trông giống tội phạm hết...” Thật lạ khi đọc về những người anh quen ở New York, Ed và Lorraine, cô nàng nào nhỏ đã cố đi lậu vé trong bụng của anh ngày anh khởi hành từ New York. Lạ lắm nhưng không có gì hấp dẫn. Cuộc sống của họ

thật âm đạm, lê la khắp New York, ra vào các con tàu điện ngầm, ngồi trong một quán rượu dơ dáy trên Đại lộ Số Ba để giải trí, xem ti-vi. Dù thậm chí một ngày nào đó họ có đủ tiền tới một quán rượu trên Đại lộ Madison hay một nhà hàng sang chảnh nào đó, thì nó vẫn thật vô vị khi so sánh với nhà hàng Ý tẻ nhất Venice với những dãy bàn đầy salad tươi ngon, các khay phô mai hảo hạng, những người bồi bàn thân thiện mang đến những ly rượu vang tuyệt vời nhất trên thế giới! “Chắc chắn là tôi cũng ghen tị với anh khi được ngồi ở Venice trong một cung điện cũ!” Bob viết. “Anh có hay đi thuyền gondola không? Bọn con gái ở đó thế nào? Anh bây giờ có văn hóa rồi nên sẽ không nói chuyện với ai trong số chúng tôi khi quay lại đây đúng không? Mà anh định sẽ ở đó bao lâu?”

Cả đời, Tom nghĩ. Có lẽ anh sẽ chẳng bao giờ quay lại Mỹ nữa. Chẳng phải do châu Âu mà chủ yếu là do những buổi tối mà anh ở một mình, cả ở đây lẫn ở Rome, khiến anh cảm thấy như vậy. Những tối cô đơn chỉ ngồi nhìn bản đồ, hoặc nằm trên sofa lật giở sách hướng dẫn du lịch. Những tối nhìn đồng quần áo của anh và Dickie - cảm nhận đôi nhãn của Dickie trong lòng bàn tay, rê tay trên chiếc vali da hoẵng mà anh đã mua ở Gucci. Anh đã đánh bóng nó với một loại sáp dành cho đồ da đặc biệt của Anh, dù nó cũng chẳng cần được đánh bóng vì anh chăm chút nó quá cẩn thận, chủ yếu là để bảo vệ nó. Anh yêu các món đồ thuộc sở hữu của mình, không dồn đống mà chỉ một số ít có chọn lọc. Chúng mang lại cho người đàn ông cảm giác tự trọng. Không phải sự phô trương mà là sự chất lượng và tình yêu với sự chất lượng. Tài sản khiến anh nhớ rằng mình còn sống, khiến anh tận hưởng sự tồn tại của bản thân. Đơn giản có thể. Điều đó không giá trị sao? Anh đang sống chứ không chỉ vật vờ tồn tại. Không nhiều người trên thế giới này biết cách sống dù họ có tiền đi nữa. Vấn đề không nằm ở việc có nhiều tiền, mà ở cảm giác an toàn nhất định. Anh đã đi trên hành trình tìm tới nó, kể cả với Marc Priminger. Anh đã tán thưởng tài sản của Marc và chính chúng lôi kéo anh tới nhà ông ta,

nhưng chúng không phải của anh và bắt đầu mua sắm bất kỳ một món đồ gì đấy cho mình với chỉ bốn mươi đô la một tuần là việc bất khả thi. Anh sẽ phải bỏ ra những năm tháng đẹp nhất cuộc đời, tiêu xài tiết kiệm mới có thể mua được những món đồ mình muốn. Tiền của Dickie chỉ giúp anh tăng tốc trên hành trình mà anh đang đi. Khoản tiền giúp anh nhàn nhã ngắm Hy Lạp, sưu tập đồ gốm Etruria nếu muốn (mới đây anh đã đọc được một quyển sách thú vị về đề tài đó do một người Mỹ sống ở Rome viết), gia nhập các hiệp hội nghệ thuật nếu anh quan tâm và quyên góp cho các tác phẩm của họ. Chẳng hạn, nó cho anh thời gian rỗi rãi để đọc Malraux đến đêm muộn tùy thích, vì sáng mai anh không phải đi làm. Anh vừa mua một ấn bản hai tập của tác phẩm *Tâm lý học nghệ thuật* của Malraux mà anh đang đọc đây, với cảm giác sung sướng thỏa mãn, đọc bằng tiếng Pháp với sự trợ giúp của từ điển. Anh nghĩ mình có thể chợp mắt một chút, rồi tiếp tục đọc sách, bất kể giờ nào. Anh cảm thấy ấm cúng và uể oải, dù đã uống espresso. Độ cong của góc sô-pha vừa vặn với vai anh như vòng tay của một người, mà thậm chí còn vừa vặn hơn vòng tay của bất kỳ ai. Anh quyết định sẽ ngủ đêm ở đây. Nó thoải mái hơn chiếc sô-pha trên gác. Vài phút nữa anh có thể lên nhà và lấy chăn.

“Tom à?”

Anh mở mắt. Marge đang đi xuống gác, chân trần. Tom ngồi dậy. Cô ta đang cầm cái hộp da màu nâu của anh trong tay.

“Tôi vừa thấy cặp nhẵn của Dickie ở trong này,” cô ta hớn hển nói.

“À. Anh ấy đã đưa nó cho tôi. Để bảo quản.” Tom đứng dậy.

“Khi nào?”

“Tôi nghĩ là ở Rome.” Anh bước lùi lại một bước, dẫm vào một chiếc giày của anh và nhặt nó lên, chủ yếu để cố ra vẻ bình tĩnh.

“Anh ấy định làm gì? Vì sao lại đưa chúng cho anh?”

Cô ta vừa tìm chỉ để khâu áo lót, Tom nghĩ. Thế quái nào mà anh lại không cất cái nhẫn ở chỗ khác, như trong lớp lót của cái vali chẳng hạn? “Tôi thật tình không biết,” Tom nói. “Chắc là do một ý nghĩ bất chợt thôi. Cô hiểu anh ấy mà. Anh ấy nói nếu có bất kỳ chuyện gì xảy ra với anh ấy thì anh ấy muốn tôi giữ cặp nhẫn này.”

Marge trông bối rối. “Anh ấy định đi đâu chứ?”

“Tới Palermo. Sicily.” Anh đang dùng cả hai tay để giữ chiếc giày, ở tư thế dùng gót gỗ của nó làm vũ khí. Một ý nghĩ lướt nhanh qua đầu anh: lấy giày đập cô ta, rồi lôi cô ta qua cửa trước và thả xuống kênh. Anh sẽ nói cô ta trượt chân trên rêu. Vì cô ta bơi rất giỏi nên anh cứ nghĩ cô ta có thể nổi được.

Marge nhìn chăm chăm vào cái hộp. “Vậy thì anh ấy đã định tử tử rồi.”

“Phải - nếu cô muốn nhìn nhận theo cách đó, cặp nhẫn - Chúng khiến khả năng điều đó xảy ra là rất cao.”

“Vì sao trước đây anh không kể về nó?”

“Tôi nghĩ mình đã quên bémeg về chúng. Tôi đã cất chúng vào đó để khỏi mất và chưa bao giờ nhìn đến chúng kể từ ngày anh ấy đưa cho tôi.”

“Hoặc anh ấy tự tử hoặc đã đổi danh tính, đúng không?”

“Đúng.” Tom nói một cách quả quyết và buồn bã.

“Anh nên kể chuyện này cho chú Greenleaf.”

“Có chứ. Cả chú Greenleaf và cảnh sát.”

“Điều này gần như xác nhận mọi chuyện,” Marge nói.

Tom quăng chiếc giày trong tay như một đôi găng tay, nhưng vẫn giữ tư thế, vì Marge đang nhìn anh chăm chăm một cách ngộ nghĩnh. Cô ta vẫn đang suy nghĩ. Cô ta đang đùa anh chắc? Có phải giờ cô ta hiểu ra rồi không?

Marge thành thật nói, “Tôi không thể hình dung ra Dickie sống thiếu cặp nhẫn của anh ấy,” và Tom biết cô ta chưa đoán ra đáp án,

tâm trí cô ta đã lang thang cả dặm trên một hướng khác.

Đến lúc đó anh mới thả lỏng, người mềm oặt, ngồi phịch xuống ghế sô-pha và giả vờ đang xỏ giày. “Không,” anh tán đồng, một cách vô thức.

“Nếu không phải bây giờ đã quá muộn rồi thì tôi sẽ gọi cho chú Greenleaf ngay. Chắc chú ấy đã đi ngủ và tôi biết nếu tôi mà kể chuyện này thì chắc chú ấy sẽ mất ngủ cả đêm mất.”

Tom cố gắng xỏ chân vào nốt chiếc giày còn lại, dù giờ các ngón tay anh mềm oặt, cạn kiệt sức lực. Anh động não tìm một câu lý trí để nói. “Tôi xin lỗi vì đã không đề cập tới nó sớm hơn,” anh thốt ra bằng giọng trầm trầm. “Chỉ là một trong những -”

“Phải, đến thời điểm này thì việc chú Greenleaf đưa một thám tử tư đến đây khá là ngớ ngẩn rồi, đúng không?” Giọng cô ta run run.

Tom nhìn cô ta. Cô ta sắp khóc. Tom nhận ra, đây là lần đầu tiên cô ta chịu thừa nhận với bản thân rằng Dickie có thể đã chết, chắc đã chết. Tom chậm rãi tiến lại gần cô ta. “Tôi rất tiếc, Marge. Tôi tiếc hơn tất cả vì đã không nói với cô về cặp nhẫn này sớm hơn.” Anh vòng tay ôm lấy cô ta. Anh hầu như không cần làm vậy vì cô ta đã dựa vào anh rồi. Anh ngửi mùi nước hoa của cô ta. Chắc là Stradivari. “Đó là một trong những lý do khiến tôi cảm thấy chần chừ về việc anh ấy đã tự tử - ít nhất là có khả năng đó.”

“Đúng thế,” cô ta nói bằng giọng khỗ sở, rên rĩ.

Thật ra thì cô ta không khóc mà chỉ dựa vào anh, đầu cứng đờ, cúi gập xuống. Như một người vừa nghe tin có người mất, Tom nghĩ. Đúng với trường hợp của cô ta.

“Uống brandy không?” Anh ân cần nói.

“Không.”

“Lại đây ngồi xuống ghế sô-pha đi.” Anh dẫn cô ta về phía ghế.

Cô ta ngồi xuống và anh băng qua phòng để lấy brandy, rót vào hai cái ly tròn. Khi anh quay lại thì cô ta đã bỏ đi mất. Anh chỉ kịp

nhìn thấy mép áo choàng và đôi chân trần của cô ta biến mất ở đầu cầu thang.

Cô ta thích ở một mình, anh nghĩ. Anh đã định mang brandy lên cho cô ta nhưng rồi lại quyết định thôi. Chắc đến rượu cũng không giúp ích gì được cho cô ta. Anh hiểu cảm giác của cô ta. Anh nghiêm nghị mang hai ly brandy về tủ đựng rượu. Anh chỉ định đổ một ly ngược vào chai nhưng lại đổ hết cả hai ly rồi xếp chai rượu về cạnh các chai khác.

Anh lại ngồi chìm xuống sô-pha, duỗi một chân ra, chân ngoe nguẩy, quá mệt mỏi ngay cả với việc cởi giày. Cảm giác hết như sau khi giết Freddie Miles, anh bất chợt nghĩ, hay sau khi giết Dickie ở San Remo. Một pha hú hồn! Anh nhớ lại những suy nghĩ lạnh lùng của mình về việc đánh ngất cô ta bằng gót giày, nhưng không thô bạo đến mức làm trầy da, rồi lôi cô ta qua hành lang để ra cửa, tắt hết đèn để không ai nhìn thấy họ, câu chuyện bịa đặt nhanh chóng được vẽ ra: cô ta đã bị trượt chân, anh nghĩ rằng chắc chắn cô ta có thể bơi trở về các bậc thềm, nên đã không nhảy xuống hay kêu lên cầu cứu cho tới khi - Theo một cách nào đó, anh thậm chí còn hình dung ra chính xác từng từ một mà anh và ông Greenleaf sẽ nói với nhau sau đó, ông Greenleaf sốc và bàng hoàng và bản thân anh cũng chấn động thấy rõ, nhưng chỉ bề ngoài thôi. Sâu bên dưới, anh sẽ bình thản và chắc chắn về bản thân như sau khi giết Freddie, vì câu chuyện của anh không có gì để nghi ngờ. Cũng như câu chuyện ở San Remo. Các câu chuyện của anh đều chân thực vì anh đã mường tượng nó một cách sống động, đến mức ngay bản thân anh cũng dần tin vào nó.

Trong khoảnh khắc anh nghe giọng mình vang lên: "... tôi đã đứng trên bậc thềm và gọi cô ấy, cứ ngỡ cô ấy sẽ nổi lên ngay hay chỉ đang trêu tôi thôi... Nhưng tôi không rõ cô ấy bị thương, vì lúc đứng trên bờ cô ấy còn đang vui vẻ..." Anh căng ra. Cứ như có một cái máy quay đĩa bật lên trong đầu anh, một vở kịch nhỏ diễn ra ngay trong căn phòng khách mà anh không thể ngăn lại. Anh có thể thấy cảnh mình

đứng với cảnh sát Ý và ông Greenleaf cạnh cánh cổng lớn dẫn vào sảnh trước. Anh có thể nhìn và nghe thấy bản thân đang nói hết sức chân thành. Và được họ tin tưởng.

Nhưng điều khiến anh khiếp hãi không phải là cuộc đối thoại hay niềm tin ảo giác về việc mình đã thực hiện điều đó (anh biết mình chưa làm gì cả), mà là ký ức về cảnh anh đứng trước mặt Marge, tay cầm giấy, hình dung ra toàn bộ vụ việc một cách lạnh lùng, lý trí. Và việc anh còn từng hai lần gây án như thế. Hai lần trước là thực tế đã xảy ra chứ không phải trong tưởng tượng. Anh có thể tự nhủ là mình không muốn gây ra những việc đó, nhưng thực tế là anh đã làm. Anh không muốn thành kẻ sát nhân. Anh nhận ra thỉnh thoảng mình có thể quên sạch việc đã từng giết người. Nhưng thỉnh thoảng - như lúc này chẳng hạn - thì không thể. Chắc chắn tối nay anh đã quên được trong một khoảng thời gian, khi ngẫm nghĩ về ý nghĩa của tài sản và lý do anh thích sống ở châu Âu.

Anh quay người sang một bên, chân co lên ghế sofa. Anh đổ mồ hôi và run rẩy. Điều gì đang xảy ra với anh vậy? Chuyện gì đã xảy ra vậy? Liệu ngày mai khi gặp ông Greenleaf anh có thể lái nhai những chuyện ngớ ngẩn như là Marge rơi xuống kênh, anh gào lên cầu cứu, nhảy xuống mà không tìm được cô ta không? Dù Marge đang đứng ngay cạnh họ, liệu anh có nổi khùng, tuôn câu chuyện ra và tự để lộ mình là người điên không?

Ngày mai anh phải đối mặt với ông Greenleaf về chuyện cặp nhẵn. Anh sẽ phải thuật lại câu chuyện đã kể cho Marge. Anh phải thêm thắt chi tiết để nghe thật hơn. Anh bắt đầu sáng tạo. Trí óc anh vững vàng trở lại. Anh hình dung ra một phòng khách sạn La Mã, Dickie và anh đang đứng tán gẫu trong đó và Dickie đột nhiên cởi cả hai chiếc nhẵn ra đưa cho anh. Anh ta nói: “Tốt nhất anh đừng kể cho ai về chuyện này.

## CHƯƠNG 27

Marge gọi điện cho ông Greenleaf lúc tám rưỡi sáng hôm sau để hỏi xem họ có thể tới khách sạn của ông sớm nhất khi nào, rồi cô ta báo cho Tom. Nhưng ông Greenleaf hẳn đã nhận ra cô ta đang phiền muộn. Tom nghe cô ta kể cho ông chuyện cặp nhẵn. Marge lặp lại chính những từ mà Tom đã dùng để kể cho cô ta về chúng - hiển nhiên Marge tin anh - nhưng Tom không dám chắc phản ứng của ông Greenleaf ra sao. Anh sợ mẩu tin này chính là mảnh ghép còn thiếu của bức tranh và sáng nay khi họ gặp ông Greenleaf thì ông sẽ đi cùng một cảnh sát, sẵn sàng bắt giữ Tom Ripley. Khả năng này có thể đảo ngược lợi thế của anh khi không có mặt lúc ông Greenleaf nghe chuyện cặp nhẵn.

“Chú ấy nói sao?” Tom hỏi khi Marge đập máy.

Marge mệt mỏi ngồi xuống một cái ghế đối diện bên kia phòng. “Dường như chú ấy cũng có chung cảm giác với tôi. Chính chú ấy đã nói thế. Có vẻ Dickie định tự tử.”

Nhưng ông Greenleaf sẽ có thêm chút thời gian suy nghĩ về chuyện đó trước khi họ tới chỗ ông, Tom nghĩ. “Chúng ta nên đi lúc nào?” Anh hỏi.

“Tôi đã báo với chú ấy là khoảng chín rưỡi hoặc sớm hơn. Ngay khi chúng ta nốc được chút cà phê. Cà phê sẵn sàng rồi.” Marge nhồm dậm và đi vào bếp. Cô ta đã ăn vận xong xuôi. Cô ta mặc bộ đồ đi du lịch đã mặc lúc đến.

Tom ngạp ngừng ngồi dịch ra mép sô-pha và nới lỏng cà vạt. Anh đã mặc nguyên quần áo khi ngủ trên sô-pha, Marge đã đánh thức anh dậy khi xuống nhà vài phút trước. Làm sao anh ngủ được cả đêm trong



căn phòng lạnh lẽo này thì anh cũng không biết. Nó làm anh xấu hổ. Marge đã rất kinh ngạc khi thấy anh ở đó. Cổ, lưng và cả vai phải của anh đều vẹo. Anh cảm thấy người như bị ai vặn. Anh đứng bật dậy. “Tôi lên gác rửa ráy đây,” anh nói với về phía Marge.

Anh liếc vào phòng mình trên gác và thấy Marge đã thu dọn đồ đạc. Vali đang nằm giữa sàn nhà, đóng kín. Tom hy vọng cô ta và ông Greenleaf vẫn sẽ rời khỏi đây trong chuyến tàu buổi sáng. Chắc là họ vẫn sẽ đi, vì hôm nay ông Greenleaf phải gặp gã thám tử Mỹ ở Rome.

Tom cởi đồ trong căn phòng cạnh phòng của Marge, rồi vào phòng tắm và bật vòi tắm lên. Sau khi nhìn mình trong gương, anh quyết định cạo râu trước và quay vào phòng để lấy máy cạo râu điện mà hôm Marge đến anh đã đem ra, chẳng vì lý do gì đặc biệt. Trên đường trở vào anh nghe thấy tiếng chuông điện thoại. Marge nghe máy. Tom rướn người qua lan can, lắng nghe.

“*Dạ, cũng ổn,*” cô nói. “Vâng, chúng ta không đi cũng được... Dạ, cháu sẽ báo với anh ấy... Vâng, chúng cháu sẽ khẩn trương. Tom vừa lên rửa ráy... Dạ, sẽ chưa đến một tiếng đâu. Chào chú.”

Anh nghe tiếng cô ta đi về phía cầu thang và anh lùi lại vì vẫn đang trần truồng.

“Tom à?” Cô ta hét vọng lên. “Viên thám tử từ Mỹ vừa tới đây rồi! Anh ta đã gọi cho chú Greenleaf và đang từ sân bay về đây!”

“Tốt lắm!” Tom trả lời và giận dữ đi vào phòng tắm. Anh tắt vòi tắm đi và cắm máy cạo râu vào ổ cắm trên tường. Giả sử anh đang tắm thì sao? Marge vẫn sẽ hét vọng lên, đầu óc đơn giản của cô ta nghĩ rằng anh vẫn nghe được lời cô ta nói. Anh sẽ mừng lắm nếu cô ta biến đi và hy vọng cô ta sẽ đi ngay sáng nay. Trừ phi cô ta và ông Greenleaf quyết định ở lại để chứng kiến thám tử làm gì với anh. Tom biết gã thám tử đó đặc biệt tới Venice chỉ để gặp anh, không thì gã đã đợi gặp ông Greenleaf ở Rome rồi. Tom không rõ Marge có nhận ra chuyện ấy hay không. Chắc không. Chẳng cần suy luận nhiều cũng biết.

Tom khoác lên người một bộ vest và cà vạt đơn giản, rồi xuống nhà uống cà phê với Marge. Anh đã tắm nước nóng hết mức có thể và cảm thấy trong người khá hơn nhiều. Marge không nói gì nhiều lúc uống cà phê, chỉ nhắc việc cặp nhả sẽ khiến ông Greenleaf và thám tử thay đổi suy nghĩ nhiều, ý cô ta là tay thám tử cũng nên nhận ra rằng Dickie đã tự tử. Tom hy vọng cô ta nói đúng. Mọi chuyện còn phụ thuộc vào việc viên thám tử đó là người như thế nào. Mọi chuyện phụ thuộc vào ấn tượng đầu tiên anh gây ra với anh ta.

Hôm đó là một ngày xám xịt, ẩm ướt, không mưa nhiều lúc chín giờ sáng, nhưng trời đã mưa và sẽ lại mưa, có lẽ là lúc gần trưa. Tom và Marge đi thuyền gondola từ thềm nhà thờ tới San Marco và đi bộ từ đó tới Gritti. Họ gọi điện lên phòng ông Greenleaf. Ông nói rằng anh McCarron cũng đang ở đây và mời họ lên phòng.

Ông Greenleaf mở cửa phòng đón họ. “Chào buổi sáng,” ông nói. Ông bóp cánh tay của Marge một cách đầy tình cha con. “Tom -”

Tom tiến tới sau lưng Marge. Vị thám tử đang đứng cạnh cửa sổ, một người hơi lùn, chắc mập, tầm khoảng ba lăm tuổi. Mặt anh ta thân thiện và cảnh giác. Tương đối sáng sủa, chỉ tương đối thôi, đó là ấn tượng đầu tiên của Tom.

“Đây là Alvin McCarron,” ông Greenleaf giới thiệu.

“Đây là cô Sherwood và anh Tom Ripley.”

Tất cả cùng nói, “Xin chào.”

Tom chú ý thấy có một cái vali mới toanh trên giường với vài tờ báo và tranh ảnh nằm rải rác xung quanh. McCarron đang quan sát anh từ đầu tới chân.

“Tôi được biết anh là một người bạn của Richard,” anh ta hỏi.

“Cả hai bọn tôi,” Tom nói.

Họ bị ngắt lời trong chốc lát khi ông Greenleaf mời họ ngồi xuống. Đó là một căn phòng rộng rãi và được trang hoàng cầu kỳ với các cửa sổ nhìn ra kênh đào. Tom ngồi xuống trong một cái ghế không

tay được bọc nhung đỏ. McCarron ngồi xuống giường và đang xem xét chồng giấy tờ của mình. Tom thấy có vài tờ giấy phô-tô trông như hình séc của Dickie. Cũng có vài bức ảnh rời rạc của Dickie.

“Hai người có mang cặp nhẫn không?” McCarron hỏi, nhìn từ Tom sang Marge.

“Có,” Marge nói một cách nghiêm nghị, nhòm dậ. Cô ta lấy cặp nhẫn ra khỏi túi xách và đưa chúng cho McCarron.

McCarron để chúng trong lòng bàn tay và chìa ra cho ông Greenleaf. “Chúng là nhẫn của cậu ấy à?” Anh ta hỏi và ông gật đầu ngay khi liếc mắt nhìn chúng, mặt Marge có biểu cảm hơi bị sỉ nhục, cô ta như định nói, “Tôi cũng biết rõ cặp nhẫn của anh ấy như ông Greenleaf vậy và có khi còn biết rõ hơn.” McCarron quay sang Tom. “Cậu ấy đưa chúng cho cậu khi nào?” Anh ta hỏi.

“Ở Rome. Theo những gì tôi nhớ được thì vào khoảng tầm ngày mùng 3 tháng 2, chỉ vài ngày sau vụ Freddie Miles,” Tom trả lời.

Viên thám tử đang đánh giá anh với đôi mắt nâu tò mò, ôn hòa. Hàng lông mày nhướn lên của anh ta tạo ra vài nếp nhăn trên trán. Anh ta có mái tóc nâu lượn sóng, hai bên đầu cắt rất sát, trên trán thì lượn sóng cao, phong cách thanh niên đại học khá dễ thương. Người ta không thể nói được gì từ khuôn mặt ấy, Tom nghĩ; nó đã được đào tạo. “Cậu ấy nói gì khi đưa chúng cho cậu?”

“Anh ấy nói nếu có chuyện xảy ra với mình thì anh ấy muốn tôi giữ chúng. Tôi đã hỏi anh ấy nghĩ là sẽ có chuyện gì xảy ra. Anh ấy nói không biết, nhưng có thể có chuyện gì đó.” Tom cố tình giả vờ ngừng lại. “Vào thời điểm đó anh ấy cũng không có vẻ tuyệt vọng hơn so với khoảng thời gian khác mà tôi nói chuyện với anh ấy nên tôi không nghĩ đến việc anh ấy định tự tử. Tôi chỉ biết anh ấy định đi xa, thế thôi.”

“Đi đâu?” Thám tử hỏi.

“Tới Palermo, theo lời anh ấy.” Tom nhìn Marge. “Anh ấy hẳn đã đưa chúng cho tôi hôm tôi và anh ấy nói chuyện với nhau ở Rome - ở Inghilterra. Ngày hôm đấy hoặc trước đấy một ngày. Cô có nhớ ngày cụ thể không?”

“Ngày 2 tháng 2,” Marge nhẹ nhàng nói.

McCarron đang ghi chú lại. “Còn gì nữa?” Anh ta hỏi Tom. “Giờ nào hôm đấy? Cậu ấy có say rượu không?”

“Không. Anh ấy uống rất ít. Tôi nghĩ đó là đầu giờ chiều. Anh ấy cũng nói tôi tốt nhất không nên đề cập tới cặp nhẵn với bất kỳ ai và tất nhiên tôi đã đồng ý. Tôi đã cất chúng đi rồi quên bẵng mất, như đã kể với cô Sherwood đây - tôi đoán là vì tôi đã in dấu trong đầu việc anh ấy không muốn tôi nói gì về chúng hết,” Tom thẳng thắn đáp, anh nói có hơi lắp bắp, một cách vô tình, vì ai cũng sẽ lắp bắp trong hoàn cảnh này, anh nghĩ.

“Cậu đã làm gì với cặp nhẵn?”

“Tôi cất chúng vào một cái hộp cũ mà tôi có - chỉ là một cái hộp nhỏ mà tôi đựng các khay áo cũ.”

McCarron im lặng đánh giá anh trong giây lát và Tom nhân cơ hội đó chuẩn bị tâm lý. Từ khuôn mặt Ai-len bình thản nhưng cảnh giác đó bất kỳ điều gì cũng có thể xuất hiện, một câu hỏi thách thức, một đánh giá thẳng thừng rằng anh đang nói dối. Trong đầu Tom níu chặt lấy các sự kiện thực tế của mình, quyết tâm bảo vệ chúng đến cùng. Trong sự im lặng đó, Tom có thể nghe thấy cả tiếng thở của Marge và tiếng ho từ ông Greenleaf khiến anh giật mình. Ông trông bình tĩnh một cách lạ thường, có phần chán chường. Tom tự hỏi liệu ông có dựng cảnh với McCarron để chống lại anh, dựa vào chuyện cặp nhẵn không?

“Cậu ấy có phải là kiểu người cho cậu mượn nhẵn để được may mắn trong một thời gian ngắn không? Cậu ấy đã từng làm việc gì giống như thế chưa?” McCarron hỏi.

“Không phải,” Marge nói trước khi Tom kịp trả lời.

Tom bắt đầu hít thở dễ dàng hơn. Anh có thể thấy là McCarron chưa biết nên hiểu chuyện đó thế nào. McCarron đang chờ câu trả lời của anh. “Trước đây anh ấy từng cho tôi mượn một số thứ.” Tom nói. “Thỉnh thoảng anh ấy từng bảo tôi cứ tùy ý dùng cà vạt và áo khoác của anh ấy. Nhưng tất nhiên, những thứ đó khá là khác so với cặp nhẵn.” Anh cảm thấy thôi thúc phải nói điều đó, vì không nghi ngờ gì Marge cũng biết đến cái lần Dickie thấy anh đang mặc đồ của anh ta.

“Tôi không thể hình dung Dickie mà thiếu đôi nhẵn này,” Marge nói với McCarron. “Anh ấy chỉ cởi chiếc nhẵn xanh ra khi đi bơi, nhưng luôn đeo nó vào lại ngay lập tức. Chúng cũng như một phần quần áo của anh ấy vậy. Đó là lý do tôi nghĩ hoặc anh ấy định tự tử hoặc định đổi danh tính.”

McCarron gật đầu. “Cậu ấy có kẻ thù nào mà cô biết không?”

“Tuyệt đối không,” Tom nói. “Tôi cũng đã nghĩ đến điều đó.”

“Hai người có nghĩ đến lý do nào khiến cậu ấy muốn cải trang hay sử dụng một danh tính khác không?”

Tom xoay cái cổ đau nhức và nói một cách cẩn thận, “*Có khả năng* - nhưng chuyện đó gần như là không thể ở châu Âu. Anh ấy hẳn phải có một cuốn hộ chiếu khác. Bất kể anh ấy nhập cảnh vào nước nào thì đều cần có hộ chiếu. Dù vào ở khách sạn thôi thì anh ấy cũng cần có hộ chiếu.”

“Cậu đã bảo tôi là có thể nó không cần dùng hộ chiếu mà,” ông Greenleaf nói.

“Đúng vậy, ý cháu là các nhà nghỉ ở Ý. Tất nhiên, khả năng đó rất thấp. Sau khi sự biến mất của anh ấy được công bố khắp nơi như thế này, cháu không sao hiểu nổi làm sao anh ấy còn duy trì được tình trạng đó,” Tom nói. “Chắc chắn đến lúc này phải có người phản bội anh ấy rồi chứ.”

“Rõ ràng là cậu ấy đã rời đi cùng hộ chiếu của mình,” McCarron nói, “vì cậu ấy vào Sicily với nó và đăng ký ở một khách sạn lớn.”

“Đúng vậy,” Tom nói.

McCarron ghi chép trong giây lát rồi ngẩng lên nhìn Tom. “Ripley, cậu nghĩ thế nào?”

McCarron còn lâu mới xong việc với anh, Tom nghĩ. Lát nữa anh ta sẽ gặp riêng anh. “Tôi e là mình cũng phải đồng ý với cô Sherwood là có vẻ như anh ấy đã tự tử và xem chừng anh ấy dự định làm điều đó từ lâu rồi. Tôi cũng đã nói điều này với chú Greenleaf.”

McCarron nhìn ông Greenleaf nhưng ông không nói gì mà chỉ nhìn lại anh ta đầy mong đợi. Tom có cảm giác là đến giờ McCarron cũng có chiều hướng nghĩ Dickie đã chết và việc anh ta bay qua đây là vừa phí tiền vừa phí thời gian.

“Tôi chỉ muốn kiểm tra lại một số sự việc,” McCarron nói, vẫn cần mẫn, quay lại với đồng giấy tờ của mình. “Lần cuối cùng có người nhìn thấy Richard là vào ngày 15 tháng 2, khi cậu ấy rời thuyền từ Palermo tới Naples.”

“Đúng thế.” Ông Greenleaf nói. “Một nhân viên tàu nhớ đã thấy nó.”

“Nhưng sau đó không có dấu hiệu của cậu ấy ở bất kỳ khách sạn nào và cậu ấy cũng không liên lạc với bất kỳ ai kể từ đó.” McCarron nhìn từ ông Greenleaf sang Tom.

“Đúng là không,” Tom nói.

McCarron nhìn Marge.

“Không có,” Marge nói.

“Vậy lần cuối cùng cô gặp cậu ấy là khi nào, cô Sherwood?”

“Vào ngày 23 tháng 11, khi anh ấy bắt đầu đi tới San Remo,” Marge nói ngay lập tức.

“Lúc ấy cô ở Mongibello à?” McCarron hỏi, phát âm tên của thị trấn với âm “g” rất nặng, như thể hoàn toàn không biết tiếng Ý hay

cũng không quen cách nói.

“Đúng vậy,” Marge nói. “Tôi đã nhớ mất cơ hội gặp anh ấy ở Rome hồi tháng Hai, nhưng lần cuối cùng tôi gặp anh ấy là ở Mongibello.”

Marge thân thương! Tom cảm thấy có phần quý cô ta - sau tất cả mọi chuyện. Sáng nay anh đã bắt đầu thấy thiện cảm với cô ta, dù cô ta vẫn làm anh tức điên. “Ở Rome anh ấy đã cố tránh mặt tất cả mọi người,” Tom tiếp lời. “Đó là lý do khi anh ấy mới đưa cho tôi cặp nhẫn, tôi tưởng anh ấy đang cố trốn chạy tất cả những người anh ấy từng quen, đến sống ở một thành phố khác, biến mất một thời gian.”

“Vì sao, theo cậu?”

Tom diễn giải thêm về cái chết của Freddie Miles, bạn anh ta và ảnh hưởng của nó với Dickie.

“Cậu có nghĩ Richard biết kẻ giết Freddie là ai không?”

“Không. Chắc chắn là không.”

McCarron chờ ý kiến của Marge.

“Không đâu,” Marge nói, lắc đầu.

“Suy nghĩ một chút đi,” McCarron nói với Tom. “Cậu có nghĩ điều đó lý giải được hành vi của cậu ấy không? Cậu có nghĩ cậu ấy đang trốn tránh sự thẩm vấn của cảnh sát bằng cách giấu mình không?”

Tom ngẫm nghĩ hồi lâu. “Tôi không thấy anh ấy có dấu hiệu nào theo chiều hướng đó.”

“Cậu có nghĩ là Dickie đang e sợ điều gì đó không?”

“Tôi không hình dung được,” Tom nói.

McCarron hỏi Tom xem Dickie thân thiết với Freddie Miles đến mức nào, anh còn biết ai là bạn chung của cả hai không, họ có nợ nần gì nhau không, có cô bạn gái - “Tôi chỉ biết mỗi Marge,” Tom trả lời và Marge phản đối, nói mình không phải bạn gái của Freddie, nên giữa

họ không thể có sự cạnh tranh nào cả - và liệu Tom có thể được xem là người bạn thân nhất của Dickie ở châu Âu không?

“Tôi sẽ không tự nhận như thế,” Tom trả lời. “Tôi nghĩ là Marge Sherwood. Tôi hầu như không quen biết người bạn nào của Dickie ở châu Âu hết.”

McCarron lại quan sát mặt của Tom. “Anh có ý kiến gì về vụ giả mạo?”

“Có phải giả mạo thật không? Tôi không nghĩ có người dám chắc chắn về điều đó.”

“Tôi không nghĩ đó là chữ ký giả,” Marge nói.

“Có vẻ nhiều quan điểm trái chiều,” McCarron nói. “Các chuyên gia không nghĩ bức thư mà cậu ấy viết gửi ngân hàng ở Naples là giả, điều đó chỉ nói lên rằng nếu đâu đó có người giả mạo thì cậu ấy đang che đậy giùm người đó. Giả dụ vụ giả mạo là thật, thì hai người có nghĩ ra một ai mà cậu ấy có thể cố che đậy giùm không?”

Tom ngậm ngừng giây lát và Marge nói, “Là người hiểu rõ anh ấy, tôi không tưởng tượng nổi việc anh ấy che đậy giùm ai đó. Sao anh ấy phải làm thế?”

McCarron đang nhìn Tom chăm chú, anh ta đang hoài nghi sự thành thật của anh hay đang nghiên ngẫm về những gì họ vừa kể thì Tom cũng không dám chắc. McCarron trông như một người bán xe ô-tô Mỹ điển hình, hoặc bất kỳ một tay bán hàng nào, Tom nghĩ - xởi lởi, ưa nhìn, trí tuệ tầm tầm, có thể tán gẫu về bóng chày với đàn ông hoặc dành tặng một lời khen ngợi ngu ngốc cho phụ nữ. Tom không đánh giá cao anh ta, nhưng mặt khác, đánh giá thấp đối thủ của mình cũng không phải là việc làm thông minh. Cái miệng nhỏ, mềm của McCarron mở ra khi Tom quan sát anh ta và nói, “Ripley, cậu có phiền đi xuống nhà với tôi vài phút không, nếu cậu có thời gian?”

“Chắc chắn rồi,” Tom đứng dậy.



“Chúng tôi không đi lâu đâu,” McCarron nói với ông Greenleaf và Marge.

Tom ngoái lại nhìn từ cửa vì ông Greenleaf đã đứng dậy và dợm nói gì đó, dù anh không nghe ra. Tom đột ngột nhận ra trời đang mưa, màn mưa phùn xám xịt đang đập vào kính cửa sổ. Cảm giác như thể đó là cảnh tượng cuối cùng của anh, mờ mịt và gấp rút - bóng dáng Marge trông thật nhỏ bé và co quắp bên kia căn phòng lớn, ông Greenleaf lập cập tiến tới như một ông già, phản đối. Nhưng chủ yếu là căn phòng thoải mái, cũng như cảnh tượng bên kia kênh đào nơi có căn nhà của anh - giờ không thể nhìn thấy dưới màn mưa - mà có thể anh sẽ chẳng bao giờ được nhìn lại nữa.

Ông Greenleaf đang hỏi. “Cậu - hai cậu sẽ quay lại ngay chứ?”

“Đúng thế,” McCarron trả lời với sự quả quyết lạnh lùng của một đao phủ.

Họ đi về phía thang máy. Có phải đây là cách họ làm việc không? Tom tự hỏi. Nói một lời nhẹ nhàng trong sảnh. Anh sẽ bị chuyển giao cho cảnh sát Ý rồi McCarron sẽ quay lại phòng như đã hứa. Anh ta đã mang theo vài giấy tờ trong cặp. Tom nhìn chăm chăm vào gờ trang trí cạnh biển số tầng trong thang máy: một thiết kế hình trứng, bao quanh là bốn chấm nổi, hình trứng, chấm, xuống đến tận cùng. *Nghĩ ra một nhận xét tầm thường, hợp lý nào đó về Greenleaf đi chẳng hạn*, Tom tự nhủ. Anh nghiêng rặng. Giá mà anh không bắt đầu đổ mồ hôi. Nó mới chỉ lấm tẩm nhưng có thể sẽ sáng bóng khắp mặt anh khi họ xuống sảnh. McCarron còn chẳng cao đến vai anh. Tom quay về phía anh ta đúng lúc thang máy dừng lại và khoe hàm răng trong một nụ cười, hỏi dứt khoát, “Đây có phải lần đầu tiên anh tới Venice không?”

“Phải,” McCarron nói. Anh ta đang băng qua sảnh. “Ta vào đây nhé?” Anh ta ra hiệu vào quầy cà phê, giọng lịch sự.

“Được,” Tom tán thành. Quán không quá đông nhưng chẳng có lấy một cái bàn nào đủ xa để họ có thể ngồi nói chuyện mà không bị các bàn bên cạnh nghe thấy. Liệu McCarron có buộc tội anh trong một

chỗ như thế này, lạng lẽ đưa ra hết bằng chứng này đến bằng chứng khác trên bàn? Anh ngồi xuống chiếc ghế mà McCarron kéo ra giùm anh. McCarron ngồi quay lưng vào tường.

Một người bồi bàn tiến gần. “Thưa anh?”

“Cà phê,” McCarron nói.

“Cappuccino,” Tom nói. “Anh thích dùng cappuccino hay espresso?”

“Cái nào có sữa? Cappuccino à?”

“Đúng vậy.”

“Tôi sẽ uống cái đó.”

Tom gọi đồ.

McCarron nhìn anh. Cái miệng nhỏ của anh ta nhếch một mép lên. Tom tưởng tượng ra ba đến bốn câu chào đầu khác nhau: “Cậu đã giết Richard phải không? Chuyện về cặp nhẵn đi quá xa rồi đấy nhỉ?” Hay là “Kể cho tôi về vụ chiếc xuống ở San Remo đi cậu Ripley, chi tiết vào.” Hay đơn giản là dẫn dắt một cách nhẹ nhàng, “Cậu đã ở đâu vào ngày 15 tháng 2, khi Richard đặt chân tới... Naples nhỉ? Được thôi, nhưng lúc đó cậu đang sống ở đâu? Cậu đã sống ở đâu vào tháng Một chẳng hạn?... Cậu có bằng chứng gì chứng minh được không?”

McCarron không nói gì hết mà chỉ nhìn xuống đôi bàn tay mập mạp và khẽ cười. Như thế làm sáng tỏ vụ án này đơn giản một cách ngớ ngẩn đối với anh ta, đến mức anh ta khó lòng có thể ép mình nói ra thành lời, Tom nghĩ.

Ở một cái bàn kề bên họ, bốn người đàn ông Ý đang làm nhảm như trong trại thương điên, gào rú, cười điên loạn. Tom muốn tránh xa họ. Anh ngồi bất động.

Tom đã chuẩn bị tinh thần cho tới khi cơ thể anh cứng như sắt, cho tới khi chỉ sự căng thẳng thôi cũng tạo ra vẻ thách thức. Anh nghe giọng mình hỏi một cách bình tĩnh phi thường, “Anh đã có thời gian nói chuyện với đội trưởng Roverini khi đi qua Rome chưa?” Cùng lúc

hỏi câu đó, anh mới nhận ra mục đích của mình: tìm hiểu xem McCarron đã nghe đến vụ chiếc xuồng ở San Remo chưa.

“Tôi chưa,” McCarron nói. “Có tin nhắn báo với tôi là hôm nay ông Greenleaf sẽ về Rome, nhưng tôi tới Rome quá sớm nên đã nghĩ sẽ bay qua đây và bắt kịp ông ấy - và nói chuyện với cậu nữa.” McCarron nhìn xuống giấy tờ. “Richard là kiểu người như thế nào? Cậu miêu tả thế nào về tính cách cậu ấy?”

McCarron sẽ dẫn dắt anh như thế này à? Nhặt nhanh thêm các manh mối nhỏ qua những từ anh chọn dùng miêu tả Dickie? Hay anh ta chỉ muốn nghe ý kiến khách quan không thể lấy được từ bố mẹ của Dickie? “Anh ấy muốn trở thành họa sĩ,” Tom bắt đầu, “nhưng anh ấy cũng biết mình sẽ không bao giờ thành một họa sĩ xuất sắc được. Anh ấy cố làm ra vẻ không quan tâm, như thể hoàn toàn hạnh phúc và sống đúng cuộc đời mà anh ấy muốn ở châu Âu này.” Tom liếm môi. “Nhưng tôi nghĩ cuộc sống bắt đầu kéo anh ấy xuống. Bố anh ấy phản đối, như anh chắc cũng biết. Và Dickie đã tự đưa mình vào thế khó xử với Marge.”

“Ý cậu là gì?”

“Marge yêu anh ấy còn anh ấy thì không yêu cô ta, nhưng cùng lúc ấy, anh ấy lại gặp cô ta quá nhiều ở Mongibello, cô ta vẫn nuôi hy vọng -” Tom bắt đầu cảm thấy an toàn hơn, nhưng vẫn giả vờ không biết nên diễn tả thế nào. “Thật ra thì anh ấy chưa bao giờ thảo luận về chuyện đó với tôi. Anh ấy luôn đánh giá cao Marge. Anh ấy rất quý mến cô ta, nhưng mọi người đều thấy rõ là - cả Marge nữa - anh ấy sẽ không bao giờ cưới cô ta. Nhưng Marge chẳng bao giờ chịu từ bỏ hoàn toàn. Tôi nghĩ đó là lý do chính khiến Dickie rời khỏi Mongibello.”

McCarron lắng nghe một cách kiên nhẫn và đồng cảm, Tom nghĩ. “Ý cậu là gì khi nói chẳng bao giờ chịu từ bỏ? Cô ta đã làm gì?”

Tom đợi tới khi người bồi bàn đặt hai cốc cappuccino sủi bọt xuống và đặt hóa đơn dưới bát đường giữa hai cốc. “Cô ta vẫn liên tục

viết thư cho anh ấy, muốn gặp anh ấy, đồng thời cũng khéo léo tỏ ra, tôi chắc chắn về điều này, là không muốn làm phiền anh ấy khi anh ấy muốn ở một mình. Anh ấy đã kể những chuyện này cho tôi khi tôi gặp anh ấy ở Rome. Anh ấy còn nói, sau vụ Miles, là chắc chắn anh ấy không có tâm trạng đi gặp Marge và sợ rằng cô ta sẽ từ Mongibello lên Rome sau khi nghe tin về những rắc rối anh ấy đang vướng vào.”

“Cậu nghĩ vì sao cậu ấy lại lo lắng sau vụ Miles bị giết?” McCarron nhấp một ngụm cà phê, nhăn mặt vì nóng hoặc vì đắng và dùng thìa khuấy nó.

Tom giải thích. Họ vẫn là bạn tương đối tốt và Freddie đã bị giết chỉ vài phút sau khi rời nhà anh ấy.

“Cậu có nghĩ Richard có thể đã giết Freddie không?” McCarron hỏi lặng lẽ.

“Tôi không nghĩ vậy.”

“Vì sao?”

“Vì không có lý do gì để Dickie giết Miles hết - ít nhất không có lý do nào mà tôi tình cờ biết cả.”

“Mọi người vẫn thường nói vì người này người kia không phải kiểu có thể giết người,” McCarron nói. “Cậu có nghĩ Richard là kiểu có thể giết người không?”

Tom ngập ngừng, nghiêm túc tìm kiếm sự thật, “Tôi chưa từng nghĩ đến điều đó. Tôi không biết kiểu người nào thì có khuynh hướng giết người. Tôi đã từng thấy anh ấy giận dữ-”

“Khi nào?”

Tom tả lại hai ngày ở Rome, khi Dickie, như anh nói, đã rất giận dữ và phẫn nộ vì tròng thâm vẩn của cảnh sát và còn chuyển ra khỏi căn hộ để tránh điện thoại từ bạn bè và người lạ. Tom kết nối điều này với cảm giác bực bội ngày một lớn trong Dickie vì không có tiến triển gì trong hội họa. Anh mô tả Dickie như một thanh niên bướng bỉnh, kiêu hãnh, kính sợ bố và do đó quyết tâm chống lại ước muốn của ông,

một người khá thất thường, hào phóng với cả người lạ cũng như bạn bè nhưng tính khí có thể thay đổi - từ quảng giao cho tới xa cách sừng sĩa. Anh tổng kết bằng câu nói Dickie là một thanh niên hết sức bình thường thích nghĩ mình phi thường. “Nếu anh ấy tự tử,” Tom kết luận, “tôi nghĩ là vì anh ấy đã nhận ra một số thất bại của bản thân là vì không đủ khả năng. Đối với tôi, việc anh ấy tự tử dễ hình dung hơn là giết người nhiều.”

“Nhưng tôi không chắc cậu ấy không giết Freddie Miles. Cậu nghĩ sao?”

McCarron hoàn toàn chân thành. Tom chắc chắn về điều đó. McCarron thậm chí còn đang mong anh bảo vệ Dickie, vì họ là bạn bè. Tom cảm thấy đã bớt sợ sệt hơn, nhưng chỉ một chút thôi, như một thứ đang chậm rãi tan ra bên trong. “Tôi không chắc lắm,” Tom nói, “nhưng tôi không tin là vậy.”

“Tôi cũng không chắc. Nhưng điều đó sẽ giải thích được nhiều chuyện, không phải sao?”

“Phải,” Tom nói. “Toàn bộ mọi chuyện.”

“À, đây mới chỉ là ngày đầu tiên làm việc,” McCarron nói với một nụ cười lạc quan. “Tôi thậm chí còn chưa xem các báo cáo ở Rome. Chắc tôi sẽ muốn nói chuyện lại với cậu sau khi tới Rome.”

Tom chăm chú nhìn anh ta. Có vẻ tràng thâm vẫn đã kết thúc. “Anh có nói được tiếng Ý không?”

“Không giỏi lắm, nhưng tôi đọc được. Tôi giỏi tiếng Pháp hơn nhưng tôi sẽ xoay xở được thôi,” McCarron nói như thể điều đó không quan trọng gì.

Nó vô cùng quan trọng, Tom nghĩ. Anh không thể hình dung ra McCarron moi được toàn bộ những gì Roverini biết về vụ án Greenleaf chỉ qua một phiên dịch viên. McCarron cũng sẽ không thể thâm nhập và trò chuyện với mọi người như là chủ nhà của Dickie Greenleaf ở Rome. Đó mới là điều quan trọng nhất. “Tôi đã nói

chuyện với ông Roverini ở Venice cách đây vài tuần,” Tom nói. “Gửi lời chào giùm tôi nhé.”

“Được thôi.” McCarron uống nốt cốc cà phê. “Hiếu Dickie, cậu nghĩ cậu ta có khả năng đi đâu nhất nếu muốn lẩn trốn?”

Tom hơi rúm người lại trong ghế. Anh ta đang cố moi móc mọi thông tin vụn vặt, anh nghĩ. “À, tôi biết anh ấy thích Ý nhất. Tôi sẽ không đánh cược vào Pháp. Anh ấy cũng thích Hy Lạp. Có lúc anh ấy từng nói tới chuyện đi Majorca. Toàn bộ Tây Ban Nha đều có thể, tôi đoán vậy.”

“Tôi hiểu rồi,” McCarron nói, thở dài.

“Hôm nay anh sẽ quay lại Rome à?”

McCarron nhướn lông mày lên. “Tôi cho là vậy, giá như tôi có thể ngủ vài tiếng ở đây. Tôi đã không được ngủ tử tế hai ngày rồi.”

Tom thấy anh ta vẫn giữ được tinh thần rất tốt. “Tôi nghĩ chú Greenleaf đang phân vân về các chuyến tàu. Có hai chuyến sáng nay và có thể có thêm vài chuyến buổi chiều nữa. Chú ấy đã định đi trong hôm nay.”

“Chúng tôi có thể đi trong hôm nay.” McCarron lấy hóa đơn. “Cảm ơn sự giúp đỡ của anh rất nhiều, anh Ripley. Tôi đã có địa chỉ và số điện thoại của anh rồi, trong trường hợp tôi phải gặp lại anh.”

Họ đứng dậy.

“Có phiền nếu tôi đi cùng để tạm biệt Marge và chú Greenleaf không?”

McCarron không phiền. Họ lại đi thang máy lên. Tom phải kiềm chế không huýt sáo. *Papa non vuole* đang vang lên trong đầu anh.

Tom quan sát Marge kỹ lưỡng khi họ đi vào, tìm dấu hiệu thù địch. Anh thấy cô ta chỉ trông có vẻ bi thảm. Như thế mới biết tin mình thành góa phụ.

“Tôi muốn hỏi cô vài câu hỏi riêng nữa, cô Sherwood,” McCarron nói. “Nếu như ông không phiền,” anh ta nói với ông

Greenleaf.

“Chắc chắn là không rồi. Tôi sẽ xuống sảnh để mua vài tờ báo,” ông Greenleaf nói.

McCarron vẫn tiếp tục. Tom chào tạm biệt Marge và ông Greenleaf, phòng trường hợp hôm nay họ sẽ đi Rome và anh không gặp lại họ. Anh nói với McCarron, “Tôi sẽ rất sẵn lòng tới Rome bất kỳ lúc nào nếu có thể trợ giúp. Đẳng nào tôi cũng định ở đây tới cuối tháng Năm.”

“Đến lúc ấy chúng tôi sẽ có tiến triển rồi,” McCarron nói với nụ cười đậm chất Ai-len tự tin.

Tom xuống sảnh cùng ông Greenleaf.

“Anh ta lại hỏi lại cháu những câu hỏi cũ,” Tom kể cho ông Greenleaf, “còn hỏi cả ý kiến của cháu về tính cách của Richard nữa.”

“Thế cậu trả lời như thế nào?” Ông Greenleaf hỏi bằng giọng vô vọng.

Dù Dickie tự tử hay chạy trốn để ẩn nấp thì trong mắt ông Greenleaf cũng đáng chê trách ngang nhau, Tom biết điều đó. “Cháu kể với anh ta những gì cháu nghĩ là thật,” Tom nói, “anh ấy vừa có khả năng đang bỏ trốn cũng vừa có khả năng đã tự tử.”

Ông Greenleaf không bình luận gì mà chỉ vỗ cánh tay của Tom. “Chào tạm biệt, Tom.”

“Chào chú,” Tom nói. “Hãy giữ liên lạc với cháu nhé.”

Tom nghĩ mọi chuyện giữa anh và ông Greenleaf đều ổn. Mọi chuyện với Marge cũng sẽ ổn thỏa hết. Cô ta đã chấp nhận lời giải thích về hành vi tự tử và từ giờ trở đi suy nghĩ của cô ta sẽ chỉ đi theo hướng đó, anh biết.

Tom dành cả chiều ở nhà, chờ một cuộc điện thoại, ít nhất là từ McCarron, dù không thông báo tin gì quan trọng, nhưng không có ai gọi đến. Chỉ có một cuộc điện thoại từ Titi, nữ Bá tước thường trú ở đây, mời anh chiều hôm nay qua uống cocktail. Tom nhận lời.

Anh cứ nghĩ vì sao mình lại sợ Marge gây rắc rối. Cô ta chưa từng gây ra rắc rối nào cho anh. Việc Dickie tự tử đã in sâu trong não cô ta, cô ta sẽ tự sắp xếp trí tưởng tượng nghèo nàn của mình để hợp lý hóa điều đó.



## CHƯƠNG 28

Ngày hôm sau McCarron gọi cho anh từ Rome, muốn biết tên của tất cả những người Dickie quen biết ở Mongibello. Rõ ràng đó là tất cả những gì McCarron muốn biết vì anh ta nhân nhả thu thập toàn bộ cái tên, đối chiếu lại với danh sách Marge đã đưa. Phần lớn những cái tên đều đã được Marge kể ra, nhưng Tom điếm lại tất cả cùng địa chỉ khó kiếm của họ - Giorgio, tất nhiên; Pietro, người coi thuyền; dì Maria của Fausto, họ thì anh không nhớ dù anh đã chỉ cho McCarron cách phức tạp nhất để tới nhà bà ta; Aldo, người bán tạp hóa; nhà Cecchi và thậm chí cả ông Stevenson già cả, người họa sĩ ẩn dật sống ngay cạnh làng mà Tom chưa từng gặp. Tom mất vài phút mới liệt kê được hết ra và McCarron chắc sẽ phải mất vài ngày để kiểm tra tất cả bọn họ. Anh nhắc tới tất cả mọi người trừ ông Pucci, người xử lý vụ bán nhà và thuyền của Dickie, người mà không nghi ngờ gì sẽ khai với McCarron, nếu anh ta còn chưa được Marge kể cho, việc Tom Ripley đã tới Mongibello để thu xếp các việc vặt cho Dickie. Tom nghĩ cho dù McCarron có biết việc anh xử lý công chuyện dùm Dickie thì cũng chẳng có gì nghiêm trọng hết. Còn với những gã như Aldo hay Stevenson thì cứ để mặc cho McCarron moi hết những gì có thể từ họ.

“Có ai ở Naples không?” McCarron hỏi.

“Tôi thì không biết ai.”

“Rome?”

“Tôi rất tiếc, tôi chưa từng gặp anh ấy đi cùng người bạn nào ở Rome.”

“Chưa từng gặp người họa sĩ - ừm - Di Massimo à?”

“Không. Tôi từng nhìn thấy ông ta một lần,” Tom nói, “nhưng chưa từng gặp ông ta.”

“Ông ta trông như thế nào?”

“À, tôi đã thấy ở một góc đường. Tôi tạm biệt Dickie khi anh ấy sắp sửa tới gặp ông ta nên tôi cũng không nhìn rõ mặt lắm. Trông ông ta cao tầm một mét bảy lăm, khoảng năm mươi tuổi, mái tóc muối tiêu - đó là tất cả những gì tôi nhớ. Trông ông ta khá vạm vỡ. Tôi nhớ là ông ta đã mặc một bộ vest màu xám nhạt.”

“Hừm, được rồi,” McCarron nói lơ đãng như thể đang tập trung ghi chép toàn bộ thông tin. “Tôi đoán đó là tất cả những gì mình cần. Cảm ơn anh nhiều, anh Ripley.”

“Không có gì. Chúc may mắn.”

Sau đó Tom im lặng chờ đợi trong nhà vài ngày, cũng như bất kỳ ai khác sẽ làm, khi công cuộc tìm kiếm một người bạn mất tích của họ đã tới giai đoạn thú vị. Anh từ chối ba đến bốn lời mời dự tiệc. Báo chí lại khơi dậy niềm hứng thú với sự mất tích của Dickie sau khi được truyền cảm hứng bởi sự xuất hiện của một thám tử tư người Mỹ trên đất Ý, do bố của Dickie thuê tới. Khi các thợ ảnh từ tờ *Europeo* và *Oggi* tới chụp ảnh anh và nhà của anh, anh đã kiên quyết đuổi họ đi, thậm chí còn nắm lấy khuỷu tay một chàng trai cố chấp và đẩy văng anh ta qua cửa phòng khách. Nhưng suốt năm ngày không có gì quan trọng xảy ra hết - không điện thoại, không thư từ, kể cả từ đội trưởng Roverini. Thịnh thoảng Tom hình dung ra những điều tồi tệ nhất, đặc biệt là vào lúc chạng vạng, thời điểm anh cảm thấy tuyệt vọng nhất trong ngày. Anh tưởng tượng ra Roverini và McCarron họp lại và nảy ra giả thuyết Dickie có thể đã biến mất từ tháng Mười một, tưởng tượng McCarron kiểm tra thời điểm anh mua xe, tưởng tượng anh ta đánh hơi và khám phá ra Dickie không hề trở lại sau chuyến du lịch San Remo và chỉ có mình Tom Ripley quay về để dàn xếp việc tống khứ đồ đạc của Dickie. Anh đánh giá đi đánh giá lại lời chào tạm biệt lạnh lùng, mệt mỏi của ông Greenleaf buổi sáng hôm đó ở Venice,

thấy nó không thân thiện và tưởng tượng ra ông Greenleaf nổi khùng lên ở Rome khi mọi nỗ lực tìm kiếm Dickie đều không thu được một kết quả gì và đột nhiên đòi điều tra tỉ mỉ về Tom Ripley, gã khốn nạn mà ông đã dùng tiền đưa sang châu Âu để đem con trai ông về nhà.

Nhưng mỗi sáng Tom lại lạc quan trở lại. Mặt tốt là việc Marge tin tưởng không chút hoài nghi chuyện Dickie đã dành cả mấy tháng trời sùng sĩa ở Rome, cô ta hẳn cũng giữ toàn bộ thư của Dickie và chắc sẽ mang tất cả ra cho McCarron xem. Những bức thư tuyệt vời. Tom thấy mừng vì đã để tâm đến chúng. Marge là một cục vàng chứ không phải một cục nợ. Thật tốt vì anh đã hạ chiếc giày xuống vào buổi tối cô ta tìm ra cặp nhẫn.

Sáng nào anh cũng ngắm mặt trời từ cửa sổ phòng ngủ, nhô lên qua lớp sương mù mùa đông, vật vờ lê trên thành phố trông có vẻ yên bình, cuối cùng cũng vượt qua để mang đến vài tiếng đồng hồ thật sự có ánh nắng trước buổi trưa và sự khởi đầu yên bình của mỗi ngày cũng giống như lời hứa bình an cho tương lai. Trời ngày một ấm dần lên. Nắng nhiều hơn, mưa ít đi. Mùa xuân đang gần đến, một trong những buổi sáng ấy, một buổi sáng còn đẹp hơn cả như thế này, anh sẽ rời khỏi căn nhà này và lên tàu tới Hy Lạp.

Sáu ngày sau khi ông Greenleaf và McCarron rời đi, một buổi tối Tom gọi điện cho ông ở Rome. Ông Greenleaf không có tin gì mới, nhưng Tom cũng không đón đợi gì nhiều. Marge đã về nhà. Chừng nào ông Greenleaf còn ở Ý, Tom nghĩ, thì báo chí còn đăng tin mới về vụ án hàng ngày. Nhưng xem ra giờ báo chí cũng đã hết tin giật gân để nói về vụ án này rồi.

“Cô thế nào chú?” Tom hỏi.

“Cũng ổn. Nhưng tôi nghĩ sự căng thẳng bắt đầu tác động xấu tới bà ấy. Tối qua tôi vừa nói chuyện với bà ấy.”

“Cháu rất tiếc,” Tom nói. Anh nghĩ mình nên viết cho bà một bức thư tử tế, chỉ là vài câu thân thiện trong khi ông Greenleaf ở xa và bà phải cô đơn một mình. Anh ước gì mình nghĩ ra điều đó sớm hơn.

Ông Greenleaf báo là đến cuối tuần này ông sẽ rời đi, qua Paris, nơi cảnh sát Pháp cũng đang tiến hành tìm kiếm. McCarron sẽ đi cùng ông và nếu không có tiến triển gì ở Paris thì cả hai sẽ cùng về nhà. “Cả tôi hay bất kỳ ai cũng đều nhận thấy rõ,” ông Greenleaf nói, “hoặc nó đã chết hoặc cố tình lẩn trốn. Chẳng có một góc ngách nào trên thế giới này chưa được thông báo về việc tìm kiếm nó hết. Có thể là trù Nga. Chúa ơi, nó chưa bao giờ thể hiện nó yêu thích đất nước đó, phải không?”

“Nước Nga à? Không, cháu chưa từng nghe.”

Rõ ràng là thái độ của ông Greenleaf là Dickie hoặc đã chết hoặc kệ xác anh ta. Trong cuộc điện thoại, thái độ kệ xác anh ta có vẻ lấn át.

Tối hôm đó Tom tới nhà của Peter Smith-Kingsley. Peter có vài tờ báo Anh được bạn bè gửi cho, một tờ có ảnh Tom tóm thợ ảnh của tờ *Oggi* lòi ra khỏi nhà. Tom cũng đã thấy nó trên báo Ý. Hình ảnh đi lại trên đường phố Venice và hình ảnh nhà anh cũng đã lan sang nước Mỹ. Cả Bob và Cleo đều đã gửi cho anh các hình ảnh và đoạn báo trên các tờ lá cải của Mỹ qua đường hàng không. Họ nghĩ nó vô cùng thú vị.

“Tôi ngấy đến tận cổ rồi,” Tom nói. “Tôi chỉ đang nấn ná lại đây vì lịch sự và giúp đỡ nếu có thể. Nếu còn có một phóng viên nào cố đột nhập vào nhà tôi nữa thì họ sẽ bị chĩa súng sắn vào người ngay khi bước qua cửa.” Anh thật sự thấy phẫn nộ và ghê tởm, nó thể hiện hết qua giọng anh.

“Tôi cũng khá hiểu,” Peter nói. “Cuối tháng Năm tôi sẽ về nhà, anh biết đấy. Nếu anh muốn đi cùng và ở lại nhà tôi ở Ai-len thì tôi rất sẵn lòng. Ở đó lặng như tờ, tôi có thể đảm bảo với anh.”

Tom liếc nhìn anh ta. Peter đã kể cho anh về tòa lâu đài Ai-len cũ kỹ của mình và còn cho anh xem hình nữa. Một vài đặc điểm trong mối quan hệ của anh với Dickie vụt qua đầu anh như hồi ức của một cơn ác mộng, như một bóng ma trắng bệch và ác độc. Anh nghĩ là vì điều đó cũng có thể xảy ra với Peter, Peter ngay thẳng, ngây thơ, hào

phóng - chỉ trừ việc trông anh không giống anh ta cho lắm. Nhưng một tối, để mua vui cho Peter, anh đã dùng giọng Anh và mô phỏng phong cách của anh ta và cách anh ta giật đầu sang một bên khi nói chuyện, Peter thấy buồn cười hết chịu nổi. Giờ Tom mới nghĩ mình đáng ra không nên làm thế. Nó khiến Tom xấu hổ một cách cay đắng, vì cả buổi tối hôm đó lần việc anh từng thoáng nghĩ chuyện xảy ra với Dickie cũng có thể xảy ra với Peter.

“Cảm ơn,” Tom nói. “Tôi nên ở một mình một thời gian nữa. Anh biết đấy, tôi nhớ anh bạn Dickie của tôi lắm. Tôi nhớ anh ấy khủng khiếp.” Đột nhiên anh như sắp khóc. Anh vẫn nhớ nụ cười của Dickie ngày đầu tiên họ bắt đầu chơi với nhau, khi anh thú nhận rằng bố Dickie đã cử anh tới. Anh nhớ chuyến đi điên rồ đầu tiên của họ tới Rome. Thậm chí anh còn đau đầu nhớ cả nửa tiếng đồng hồ ở quán rượu Carlton ở Cannes, khi Dickie quá chán ngán và im lìm, nhưng sau cùng thì anh ta có lý do chính đáng để chán: anh đã lôi Dickie tới đó, còn anh ta chẳng thích Côte d’ Azur. Giá mà anh tự mình đi ngắm cảnh, Tom nghĩ, giá mà anh không hấp tấp và tham lam như thế, giá mà anh không phán đoán sai về mối quan hệ của Dickie và Marge một cách ngớ ngẩn như thế, hay chỉ đơn giản là giá mà anh chờ đợi họ tự chia tay nhau, thì tất cả những chuyện này đã chẳng xảy ra, anh có thể sống cùng Dickie đến hết đời, du lịch và tận hưởng cuộc sống đến hết đời. Giá mà anh không thử đồ của Dickie ngày hôm đó -

“Tôi hiểu mà, Tommie thân mến, tôi hiểu chứ,” Peter nói, vỗ vai anh.

Tom ngẩng lên nhìn anh ta qua màn nước mắt giàn giụa. Anh đang tưởng tượng đến cảnh cùng Dickie du lịch về Mỹ trên một con thuyền nhân dịp Giáng sinh, tưởng tượng cảnh thân thiết với bố mẹ của Dickie như thể hai người là anh em. “Cảm ơn,” Tom nói. Nhưng câu đó nghe như tiếng khóc trẻ con.

“Thật sự thì tôi sẽ nghĩ là anh có vấn đề nếu không suy sụp như thế này đây,” Peter nói một cách đầy thương cảm.

# CHƯƠNG 29

Venice,

Ngày 3 tháng 6, năm 19-

Chú Greenleaf thương mến:

Hôm nay trong khi đóng gói hành lý, cháu đã phát hiện ra một phong thư mà Richard trao cho cháu ở Rome và vì vài lý do không sao hiểu nổi, cháu đã quên bẵng cho tới giờ này. Trên phong bì có viết “Không mở trước tháng Sáu” và tình cờ thay, bây giờ là tháng Sáu. Phong bì đựng di chúc của Richard và anh ấy để lại tài sản và đồ sở hữu của anh ấy cho cháu. Cháu cũng sửng sốt như hai cô chú hẳn đang cảm thấy vậy, tuy nhiên qua cách dùng từ của di chúc (nó được đánh máy) thì có vẻ anh ấy vẫn đầy đủ lý trí.

Cháu thấy tiếc nuối một cách cay đắng vì đã không nhớ mình đang giữ phong bì này, vì nó sẽ chứng minh việc Dickie định tự kết liễu mạng sống của mình sớm hơn nhiều. Cháu đã cất nó vào một ngăn của vali rồi quên mất. Anh ấy đã đưa nó cho cháu vào lần cuối cháu gặp anh ấy, ở Rome, khi anh ấy đang rất tuyệt vọng.

Nghĩ lại thì cháu đính kèm bản sao chép của di chúc để cô chú có thể tận mắt nhìn nó. Đây là di chúc đầu tiên mà cháu thấy trong đời và cháu hoàn toàn không quen thuộc với thủ tục cần thiết. Cháu nên làm gì?

Xin hãy gửi lời chúc chân thành nhất của cháu tới cô Greenleaf và mong cô chú hiểu rằng cháu thương cảm sâu sắc với hai người, cháu cũng hối tiếc vì phải viết bức thư này. Xin hãy báo tin cho cháu sớm nhất có thể. Địa chỉ sắp tới của cháu sẽ là:

*Gửi tới American Express*

*Athens, Hy Lạp*

*Chân thành,*

*Tom Ripley*

Theo một cách nào đó thì bức thư này đang mời gọi rắc rối, Tom nghĩ. Nó có thể bắt đầu một cuộc điều tra mới về chữ ký trên di chúc lẫn cả giấy nhận tiền, đó sẽ là một trong những cuộc điều tra không khoan nhượng mà các công ty bảo hiểm lẫn quỹ ủy thác tiến hành khi tiền bị rút khỏi túi họ. Nhưng anh sẵn sàng cho việc đó. Anh đã mua vé đi Hy Lạp vào giữa tháng Năm và thời tiết ngày một đẹp dần lên, khiến anh càng nôn nóng. Anh đã lôi xe ra khỏi gara dành cho Fiat ở Venice và lái qua Brenner, tới Salzburg và Munich, xuống Trieste, qua Bolzano. Thời tiết chỗ nào cũng đẹp, trừ những cơn mưa phùn nhỏ xíu, mang hương vị mùa xuân ở Munich, khi anh đi dạo trong *Englischer Garten*. Anh thậm chí còn không thèm che người mà chỉ tiếp tục rảo bộ, sung sướng như đứa trẻ trước ý nghĩ đây là cơn mưa Đức đầu tiên rơi xuống đầu mình. Anh chỉ còn hai nghìn đô la dưới tên mình, chuyển từ tài khoản ngân hàng của Dickie và tiết kiệm từ khoản thu nhập của Dickie, vì anh không dám rút thêm tiền trong có ba tháng gần gũi. Sự may rủi và hiểm nguy khi cố gắng lấy toàn bộ tiền Dickie có sức hấp dẫn không thể chối từ với anh. Anh quá chán ngán những tuần đều đều, âm đạm ở Venice, mỗi ngày trôi qua dường như càng thêm xác nhận sự an toàn và nhấn mạnh sự tồn tại tẻ nhạt của anh. Ông Roverini đã ngừng viết thư cho anh. Alvin McCarron đã quay lại Mỹ (sau một cuộc điện thoại vô nghĩa cho anh từ Rome) và Tom đoán cả anh ta lẫn ông Greenleaf đã kết luận rằng Dickie hoặc đã chết hoặc tự nguyện lẫn trốn, tìm kiếm thêm chỉ vô dụng. Báo chí đã ngừng đưa thêm tin tức về Dickie chỉ vì muốn có bất kỳ thứ gì để đăng. Tom có cảm giác trống rỗng và lạc lõng, nó khiến anh gần như

phát điên cho tới khi lái xe tới Munich. Khi anh quay lại Venice để đóng gói đồ đạc và đóng cửa căn nhà của mình, cảm xúc của anh chỉ càng tồi tệ hơn: anh sắp tới Hy Lạp, tới những hòn đảo anh hùng cổ xưa, với tư cách là Tom Ripley bé nhỏ, rụt rè và hiền lành, với hai nghìn đô lẻ ngày một cạn kiệt trong tài khoản ngân hàng, vậy nên gần như anh đã phải cân nhắc nhiều trước khi quyết định mua cho mình dù chỉ là một quyển sách về nghệ thuật Hy Lạp. Điều đó thật không thể chịu đựng nổi.

Ở Venice anh đã quyết định biến hải trình tới Hy Lạp của mình thành một chuyến đi anh hùng. Anh sẽ ngắm các hòn đảo, viễn cảnh lần đầu tiên dám bơi, như một người đang sống, đang thở, can trường - chứ không phải một kẻ vô danh rúm ró từ Boston. Nếu anh có rơi vào tay cảnh sát ở Piraeus thì ít nhất anh cũng được trải qua những ngày đứng trước gió lộng ở mũi tàu, băng qua đại dương sẫm màu như rượu vang, như Jason hay Ulysses trở về. Nên anh đã viết bức thư tới ông Greenleaf và gửi nó đi ba ngày trước khi lên thuyền rời khỏi Venice. Ông Greenleaf chắc sẽ không nhận được thư trong bốn đến năm ngày tới, nên sẽ không có chuyện ông giữ anh lại Venice qua điện tín và khiến anh nhờ tàu. Bên cạnh đó, nhìn từ góc độ nào thì việc giữ thái độ bình thản về việc đó cũng tốt hơn, sẽ không ai liên lạc được với anh trong hai tuần tới, cho tới khi anh đến Hy Lạp, như thể anh chẳng quan tâm xem có nhận được tiền hay không và anh sẽ không để việc đó trì hoãn dù chỉ là một chuyến đi nhỏ mà anh đã dự định.

Hai ngày trước khi ra khơi, anh đi uống trà ở nhà của Titi xứ Latta-Cacciaguerra, nữ Bá tước mà anh đã gặp hôm bắt đầu tìm nhà ở Venice. Cô hầu dẫn anh vào phòng khách và Titi chào đón anh bằng những câu mà đã nhiều tuần rồi anh không còn phải nghe: “A, *xin chào*, Tomaso! Anh đã đọc báo chiều chưa? Họ tìm thấy vali của Dickie rồi đấy! Cả tranh của anh ấy nữa! Ở ngay American Express ở Venice này!” Đôi khuyên vàng của cô ta lắc qua lắc lại vì phấn khích.



“*Gì cơ?*” Tom chưa đọc báo. Chiều nay anh còn bận đóng gói đồ đạc.

“*Đọc đi! Ngay đây!*” Toàn bộ quần áo của anh ta mới được ký gửi từ tháng Hai! Chúng được gửi từ Naples. Có thể anh ta ở ngay tại Venice này!”

Tom đọc báo. Sợi dây quấn quanh các bức tranh bị tuột ra, như báo nói và khi buộc chúng lại, một nhân viên đã phát hiện ra chữ ký R. Greenleaf trên các bức tranh. Tay của Tom bắt đầu run lẩy bẩy đến mức anh phải túm chặt hai mép báo để giữ vững. Báo nói cảnh sát đang cẩn thận khám xét mọi thứ để tìm dấu vân tay.

“*Có thể anh ấy còn sống!*” Titi hét lên.

“*Tôi không nghĩ - tôi không hiểu vì sao điều này lại chứng minh anh ấy còn sống. Anh ấy có thể đã bị giết hoặc tự tử sau khi gửi vali. Việc nó được gửi dưới một cái tên khác - Fanshaw-*” Anh có cảm giác nữ bá tước, người đang ngồi cứng đờ trên ghế sofa và nhìn anh chăm chú, thấy giật mình trước sự căng thẳng của anh, nên anh đột nhiên trấn tĩnh lại, thu hết can đảm và nói, “*Cô thấy chưa? Họ đang xem xét lại mọi thứ để tìm dấu vân tay. Họ sẽ không làm thế nếu chắc chắn Dickie đã tự gửi vali đi. Vì sao anh ấy lại gửi chúng dưới tên Fanshaw nếu định tự lấy chúng về? Thậm chí cả hộ chiếu của anh ấy cũng ở đây. Anh ấy còn đóng gói cả hộ chiếu của mình.*”

“*Có thể anh ấy đang ẩn núp dưới tên Fanshaw! Ôi, bạn thân mến, anh cần thêm trà đấy!*” Titi đứng dậy. “*Giustina! Nhanh mang trà lên đây!*”

Tom yếu ớt ngồi phịch xuống ghế sofa, vẫn giơ tờ báo trước mặt. Thế còn dây thừng trên người Dickie? Liệu anh có may mắn đến mức cả nó cũng đã tuột ra rồi không?

“*À, bạn yêu quý, anh bị quan quá,*” Titi nói, vỗ vỗ đầu gối của anh. “*Đây là tin tốt mà! Giả sử tất cả các dấu vân tay đó đều thuộc về anh ấy thì sao? Lúc ấy anh cũng chưa thấy vui à? Giả như ngày mai, khi đang đi dạo trên một con hẻm nhỏ của Venice, anh đối mặt với*

Dickie Greenleaf, dưới cái tên Fanshaw thì sao!” Cô ta phát ra tiếng cười inh tai, dễ chịu, đến với cô ta tự nhiên như hơi thở.

“Ở đây nói rằng hai vali chứa tất cả mọi thứ - bộ đồ cạo râu, bàn chải, giày, áo khoác, trọn bộ đồ đạc,” Tom nói, giấu nỗi sợ của mình bằng vẻ sàu muện. “Anh ấy không thể còn sống mà bỏ lại toàn bộ những thứ đó. Gã sát nhân hản đã lột sạch người anh ấy và gửi quần áo lại đó vì đây là cách dễ nhất để tống khứ chúng đi.”

Điều này khiến Titi cũng phải ngừng lại. Rồi cô ta nói, “Phải tới khi biết rõ các dấu vân tay đó là của ai thì anh mới thôi chán nản thế này được sao? Mai anh phải khởi hành một chuyến du lịch thoải mái rồi đấy. *Ecco il te!*”

Ngày kia mới đúng, Tom nghĩ. Còn nhiều thời gian để Roverini tới lấy vân tay của anh và so sánh chúng với những dấu vân có trên các bức tranh sơn dầu và vali. Anh cố gắng nhớ lại mọi mặt phẳng trên các khung tranh sơn dầu và những thứ trong vali mà người ta có thể lấy dấu vân tay. Không có nhiều, trừ các món đồ trong bộ cạo râu, nhưng họ có thể tìm đủ từng mảnh nhỏ để ghép lại thành mười dấu vân tay hoàn chỉnh nếu cố gắng. Lý do duy nhất để anh lạc quan là họ chưa có dấu vân tay của anh và họ có thể sẽ không yêu cầu vì anh chưa bị liệt vào diện tình nghi. Nhưng nếu họ đã lấy được dấu vân tay của Dickie từ đâu đó thì sao? Không phải ông Greenleaf sẽ gửi dấu vân tay của Dickie từ Mỹ ngay lập tức để kiểm tra sao? Có vô số chỗ mà họ có thể tìm được dấu vân tay của Dickie: trên đồ đạc của anh ta ở Mỹ, trong ngôi nhà ở Mongibello -

“Tomaso! Uống trà đi!” Titi nói, lại nhẹ nhàng ấn đầu gối của anh.

“Cảm ơn cô.”

“Anh sẽ thấy. Ít nhất đây là một bước lại gần sự thật, những gì đã *thật sự* xảy ra. Giờ chúng ta hãy nói về chuyện khác đi, nếu việc đó khiến anh không vui đến thế! Từ Athens anh định sẽ đi đâu?”

Anh cố gắng lái dòng suy nghĩ sang Hy Lạp. Đối với anh, Hy Lạp được mạ vàng, với các bộ giáp vàng của các chiến binh và ánh nắng nổi tiếng của nó. Anh thấy những bức tượng đá với những khuôn mặt bình thản, mạnh mẽ, như những người phụ nữ ở cổng vòm của đền Erechtheion. Anh không muốn tới Hy Lạp với hiểm họa các dấu vân tay ở Venice treo lơ lửng trên đầu. Nó sẽ khiến anh thấy thấp kém. Anh sẽ cảm thấy mình giống như một con chuột cống thấp kém nhất trốn chui nhủi trong cống rãnh của Athens, còn hạ đẳng hơn cả những người ăn xin bẩn thỉu nhất sẽ lân la lại gần anh trên đường phố Salonika. Tom vùi mặt vào lòng bàn tay và khóc nức nở. Hy Lạp xong rồi, nổ tung như một quả bóng vàng rồi.

Titi vòng cánh tay chắc khỏe, mập mạp quanh người anh. “Tomaso, vui lên đi! Hãy đợi tới khi anh có lý do để cảm thấy nản lòng đến vậy!”

“Tôi không hiểu sao cô lại không thấy đây là dấu hiệu xấu cơ chứ!” Tom nói một cách tuyệt vọng. “Tôi thật sự không hiểu!”

## CHƯƠNG 30

**D**ấu hiệu tồi tệ nhất trong tất cả đến từ ông Roverini, người vẫn gửi cho anh những tin nhắn vừa thân thiện vừa rõ ràng cho đến giờ, lại hoàn toàn không báo cho anh tin tức nào liên quan đến vali và những bức tranh được tìm thấy ở Venice hết. Tom thức trắng đêm và ngày hôm sau thì quanh quẩn trong nhà, cố gắng hoàn tất những công việc vụn vặt không hồi kết trước khi khởi hành, trả lương cho Anna và Ugo, trả tiền cho các thương nhân khác nhau. Tom cứ đợi cảnh sát tới gõ cửa nhà anh bất kỳ lúc nào, dù ngày hay đêm. Sự đối lập giữa vẻ tự tin, bình tĩnh cách đây năm ngày và sự e sợ hiện tại gần như làm anh quỵ ngã. Anh không thể ngủ cũng chẳng thể ăn hay ngồi yên một chỗ được. Sự mỉa mai trong cái cách Anna và Ugo thương xót anh, cũng như các cú điện thoại từ bạn bè hỏi thăm xem anh có suy nghĩ gì khi các vali được tìm thấy, dường như vượt quá sức chịu đựng của anh. Cũng mỉa mai thay, khi anh có thể cho họ biết là mình lo lắng, bi quan, thậm chí là tuyệt vọng, mà họ cũng chẳng nghĩ gì nhiều. Họ nghĩ điều đó hoàn toàn bình thường, vì có thể Dickie đã bị ám sát lăm chử: ai cũng thấy việc tất cả đồ đạc của Dickie đều nằm trong hai chiếc vali ở Venice, kể cả lược và bộ đồ cạo râu của anh ta, là chuyện rất có ý nghĩa.

Còn cả chuyện di chúc nữa. Ngày kia ông Greenleaf sẽ nhận được nó. Đến lúc ấy họ có thể biết rằng dấu vân tay không phải là của Dickie. Đến lúc ấy họ có thể sẽ chặn tàu *Hellenes* lại và lấy dấu vân tay của anh. Nếu họ phát hiện ra cả di chúc cũng bị giả mạo thì họ sẽ không khoan nhượng với anh nữa. Cả hai vụ ám sát đều sẽ bị lật tẩy, rõ như ban ngày rồi.

Đến khi lên tàu *Hellenes*, Tom vẫn có cảm giác mình như một hồn ma vật vờ. Anh không thể ngủ, không thể ăn, đầy espresso trong người, chỉ hoạt động được nhờ các dây thần kinh đang căng ra. Anh muốn hỏi xem có đài radio nào không, nhưng anh tin chắc là có. Dù sao đây cũng là một con tàu lớn có ba boong với bốn mươi tám hành khách. Anh quy ngã khoảng năm phút sau khi nhân viên phục vụ mang hành lý của anh vào khoang. Anh nhớ đã nằm úp mặt xuống giường, một cánh tay vịn lại dưới bụng, quá mệt để đổi tư thế. Khi anh tỉnh giấc, con tàu đang di chuyển, nó lắc lư nhẹ nhàng với một nhịp điệu dễ chịu cho thấy không những nó vẫn còn tràn trề sức mạnh dự trữ, mà còn hứa hẹn sẽ tiến lên không dừng lại, đi một lèo, quét sạch mọi thứ cản đường. Anh cảm thấy đỡ hơn, chỉ có điều cánh tay mà anh đã nằm đè lên giờ đang lủng lẳng ở bên sườn anh như đã chết và cứ đập vào người anh khi anh đi dọc hành lang, khiến anh phải giữ lấy nó bằng tay còn lại để cố định. Theo đồng hồ của anh thì giờ là mười giờ mười lăm, bên ngoài tối như mực.

Có một vùng đất ở tít xa phía bên trái anh, chắc là thuộc Yugoslavia, năm đến sáu ánh đèn trắng lơ mờ, ngoài ra thì chẳng còn gì trừ biển đen ngòm và bầu trời cũng đen ngòm, đến mức không có dấu vết nào của đường chân trời và họ có thể đang dong buồm trên một màn hình đen kịt, chỉ có điều anh không hề thấy khó chịu với con tàu đang rẽ sóng phăm phăm và gió thổi trên đầu anh tựa như ngoài không gian vô tận. Xung quanh anh trên boong tàu không có ai hết. Tất cả đều đang ngồi ở dưới, ăn bữa tối muộn, anh đoán vậy. Anh mừng khi được ở một mình. Tay anh đã dần hoạt động trở lại. Anh nắm lấy lan can ở mũi thuyền hình chữ V và hít một hơi thật dài. Cảm giác can đảm đầy thách thức dâng lên trong anh. Nếu ngay lúc này người trực tổng đài nhận được tin phải bắt giữ Tom Ripley thì sao? Anh sẽ kháng cự mạnh mẽ hệt như đang đứng đây lúc này. Hoặc anh có thể lao qua mạn tàu - một hành động thể hiện sự gan dạ bậc nhất và là lối thoát của anh. Nếu vậy thì sao? Kể cả đang đứng ở đây anh cũng

nghe được tiếng bíp bíp bíp mơ hồ từ phòng radio ở trên nóc tàu. Anh không sợ. Chính là cảm giác này. Đây chính là cảm giác anh đã hy vọng sẽ cảm thấy khi đi tàu tới Hy Lạp. Nhìn ra mặt nước tối đen mà không sợ hãi cũng tuyệt vời gần bằng việc được nhìn thấy các hòn đảo của Hy Lạp trong tầm mắt. Trong bóng tối dịu dàng của tháng Sáu trước mặt, anh có thể dùng trí tưởng tượng để xây những hòn đảo nhỏ, các tòa nhà nằm rải rác trên các ngọn đồi của Athens và tòa thành Acropolis.

Có một người phụ nữ Anh lớn tuổi trên tàu, đi du lịch cùng cô con gái cũng đã bốn mươi tuổi, chưa kết hôn, lúc nào cũng hết hoảng, thậm chí còn chẳng ngồi sưởi nắng trọn mười lăm phút mà không bật dậy khỏi ghế và lớn tiếng tuyên bố mình sẽ “đi một vòng.” Mẹ chị ta thì ngược lại, hết sức bình tĩnh và chậm chạp, chân phải bà bị liệt nhẹ sao đó, khiến nó ngắn hơn chân trái và bà phải độn gót giày rõ cao ở bên phải, không thể đi lại mà thiếu gậy chống. Đây là loại người hãnh sẽ khiến Tom phát điên ở New York với sự chậm chạp và phong thái thanh lịch không thay đổi, nhưng giờ anh lại có hứng dành vài tiếng đồng hồ với bà trên ghế ngồi ngoài boong tàu, cùng nói chuyện, nghe bà kể về cuộc sống của bà ở Anh và về Hy Lạp, về lần cuối bà đến Hy Lạp vào năm 1926. Anh dẫn bà đi dạo chậm rãi quanh boong, bà dựa vào tay anh và liên tục xin lỗi vì những rắc rối đang gây ra cho anh, nhưng rõ ràng là bà thích sự chú ý anh dành cho bà. Còn cô con gái thì rõ ràng cũng sung sướng khi có người chăm sóc mẹ họ.

Có thể hồi trẻ bà Cartwright cũng từng rất hung hăng, Tom nghĩ, có thể chính bà phải chịu trách nhiệm cho mọi biểu hiện loạn thần kinh của cô con gái, có thể bà đã giữ chặt con gái đến mức chị ta không thể sống một cuộc đời bình thường và kết hôn, có thể bà đáng phải bị đẩy ra khỏi thành tàu thay vì được dẫn đi dạo quanh boong, được có người lắng nghe hàng giờ đồng hồ khi bà nói chuyện, nhưng thế thì có gì quan trọng? Có phải thế giới chỉ luôn trao thưởng xứng đáng? Thế giới đã trao thưởng cho anh chưa? Anh tự thấy mình may

mắn quá mức cho phép khi thoát khỏi hai vụ án giết người, may mắn khi có thể mạo danh Dickie cho tới tận bây giờ. Trong giai đoạn đầu tiên của cuộc đời mình, số mệnh đã hết sức không công bằng với anh, Tom nghĩ, nhưng khoảng thời gian với Dickie và sau đó đã đủ bù đắp cho nó. Nhưng anh cảm thấy sẽ có chuyện gì đó xảy ra ở Hy Lạp này và nó không thể là điều gì tốt đẹp được. May mắn của anh đã kéo dài quá lâu rồi. Nhưng giả sử họ tóm được anh nhờ dấu vân tay và di chúc giả và cho anh ngồi ghế điện - thì liệu cái chết trên ghế điện có so được với sự đau đớn, hay chính bản thân cái chết, ở tuổi hai lăm, đầy bi kịch đến mức anh không thể nói rằng khoảng thời gian từ tháng Mười một cho tới giờ không đáng giá? Chắc chắn là không rồi.

Điều duy nhất mà anh hối hận là anh chưa được nhìn thấy cả thế giới. Anh muốn đến Úc và Ấn Độ. Anh muốn ngắm Nhật Bản. Rồi còn cả Nam Mỹ nữa. Chỉ cần được thưởng thức các tác phẩm nghệ thuật của những đất nước ấy thôi đã là một công việc trọn đời dễ chịu, thỏa mãn rồi, anh thầm nghĩ. Anh đã học được rất nhiều về hội họa, thậm chí còn cố gắng sao chép các bức tranh xoàng xĩnh của Dickie. Trong các phòng triển lãm nghệ thuật ở Paris và Rome, anh đã khám phá ra niềm hứng thú với hội họa mà trước đây anh chưa từng nhận ra, hoặc có lẽ trước đây chưa có trong người. Anh không muốn trở thành một họa sĩ, nhưng nếu có tiền thì thú vui lớn nhất của anh sẽ là thu thập những bức tranh mà anh thích và giúp đỡ các họa sĩ trẻ có tài nhưng thiếu may mắn.

Tâm trí anh cứ chệch đi lung tung khi đi dạo với bà Cartwright quanh boong hoặc nghe tràng độc thoại không phải lúc nào cũng thú vị của bà. Bà Cartwright nghĩ anh thật lôi cuốn. Vài ngày trước khi họ tới Hy Lạp, bà cứ nói mãi rằng anh đã giúp tạo biết bao niềm vui cho bà trong chuyến hải trình này và họ lên kế hoạch gặp nhau ở một khách sạn ở Crete vào ngày mùng 2 tháng 7, vì đó là nơi duy nhất mà lịch trình của họ trùng nhau. Bà Cartwright đi chuyến bằng xe buýt trong một gói tour đặc biệt. Tom chấp thuận mọi gợi ý của bà, dù anh

chưa từng nghĩ sẽ gặp lại bà một khi họ rời thuyền. Anh cứ tưởng tượng mình sẽ bị tóm ngay lập tức và dẫn lên boong một con tàu khác, hoặc có lẽ là đi máy bay, quay về Ý. Không có tin tức radio nào về anh - theo anh biết - nhưng dù có thì họ cũng đâu cần thông báo cho anh phải không? Báo trên tàu, một tờ giấy một trang nhỏ xíu được sao lại xuất hiện mỗi tối trên các bàn ăn, hoàn toàn tập trung vào các tin tức chính trị thế giới, không hề đề cập đến vụ án Greenleaf cho dù có tình tiết quan trọng xảy ra đi nữa. Trong hành trình mười ngày ấy, Tom sống trong một bầu không khí kỳ dị: vừa đọa đày, vừa dũng cảm kiên cường, không màng đến bản thân. Anh tưởng tượng ra những chuyện kỳ lạ: con gái của bà Cartwright ngã qua thành tàu, anh nhảy theo và cứu được chị ta. Hoặc anh cố gắng vượt qua dòng nước trào vào qua vách ngăn bị vỡ để dùng cơ thể chặn lỗ thủng. Anh cảm thấy mình sở hữu một sức mạnh siêu nhiên và tinh thần can đảm không sợ hãi.

Khi con tàu tiến lại gần đất Hy Lạp, Tom đang đứng cạnh lan can với bà Cartwright. Bà đang kể cho anh diện mạo của cảng biển thành phố Piraeus đã thay đổi ra sao từ lần cuối bà nhìn nó và Tom hoàn toàn không hứng thú gì với điều ấy. Nó tồn tại, đó mới là tất cả những gì quan trọng đối với anh. Trước mặt anh không phải là một ảo ảnh mà là một ngọn đồi có thật mà anh có thể đi dạo trên đó, với những tòa nhà mà anh có thể sờ tay vào - nếu anh đi được đến đó.

Cảnh sát đang đợi trên bến cảng. Anh thấy bốn người, đứng khoanh hai tay, nhìn tàu. Tom giúp bà Cartwright đến tận cùng, dịu dàng đỡ bà qua chỗ vòng ở cuối ván cầu và mỉm cười chào tạm biệt bà và con gái. Anh phải đợi tới vãn R còn họ chỉ cần đợi tới vãn C để lấy hành lý và hai người nhà Cartwright sẽ ngay lập tức đi tới Athens trên chuyến xe buýt đặc biệt.

Nụ hôn của bà Cartwright vẫn ấm áp và hơi ướt vương trên má anh, Tom xoay người và chậm rãi đi về phía cảnh sát. Anh nghĩ mình sẽ không làm náo động, chỉ cần báo cho họ biết anh là ai. Có một quây báo lớn ở ngay sau lưng nhóm cảnh sát và anh nghĩ đến việc mua một



tờ. Có lẽ họ sẽ cho phép anh. Cảnh sát nhìn chăm chăm vào anh, những cánh tay vẫn khoanh chặt khi anh tiến lại gần. Họ mặc đồng phục đen với mũ sụp. Tom cười yếu ớt với họ. Một người trong bọn họ chạm tay vào mũ và bước tránh sang một bên. Nhưng những người khác không sáp lại gần. Giờ thì Tom gần như đã ở giữa hai người trong số họ, ngay trước quầy báo và nhóm cảnh sát vẫn tiếp tục nhìn thẳng về phía trước, hoàn toàn không chú ý tới anh.

Tom đọc lướt qua các hàng báo trước mặt, cảm thấy đờ đẫn và muốn ngất. Tay anh vô thức cử động để lấy một tờ báo Rome quen thuộc. Nó mới xuất bản ba ngày trước. Anh lôi vài tờ lia ra khỏi túi, đột nhiên nhận ra mình không có tiền Hy Lạp, nhưng người bán báo vẫn vui vẻ nhận lia như thể anh đang ở Ý, thậm chí còn trả tiền thối cho anh bằng lia.

“Tôi sẽ lấy cả mấy tờ này nữa,” Tom nói bằng tiếng Ý, chọn thêm ba tờ báo Ý và tờ *Herald-Tribune* của Paris. Anh liếc nhìn các sĩ quan. Họ không hề nhìn anh.

Rồi anh quay lại dưới nhà kho trên bến cảng, nơi các hành khách của tàu đang đợi hành lý. Anh nghe thấy tiếng chào vui vẻ của bà Cartwright khi anh đi ngang qua nhưng vờ như không chú ý. Anh dừng lại ở khu chữ R và gỡ tờ báo Ý cũ nhất ra, nó được xuất bản bốn ngày trước.

#### KHÔNG TÌM THẤY AI MANG TÊN ROBERT S. FANSHAW NGƯỜI KÝ GỬI ĐỒ ĐẶC CỦA GREENLEAF

Đó là một tiêu đề kỳ cục trên trang thứ hai. Tom đọc cả đoạn báo dài bên dưới nhưng chỉ có đoạn văn thứ năm hấp dẫn anh:

*Cách đây vài ngày cảnh sát xác nhận rằng các dấu vân tay trên vali và trên các bức tranh cũng giống như các dấu vân tay được tìm thấy trong căn hộ bị bỏ trống của Greenleaf ở Rome. Do đó, họ cho rằng chính Greenleaf đã tự ký gửi vali và các bức tranh...*

Tom lóng ngóng gỡ một tờ báo khác ra. Lại nữa:

*... Xem xét việc các dấu vân tay trên các món đồ trong vali giống hệt với dấu vân tay trong căn hộ của anh Greenleaf ở Rome, cảnh sát đã kết luận rằng anh Greenleaf đã tự thu xếp và chuyển các vali tới Venice. Người ta ngờ rằng anh ta đã tự tử, có thể là chìm mình trong nước trong trạng thái hoàn toàn trần truồng. Một nghi ngờ khác là anh ta vẫn còn sống dưới tên Robert S. Fanshaw hoặc một cái tên giả khác, vẫn còn khả năng anh ta đã bị giết, sau khi đóng gói hoặc bị ép đóng gói đồ đạc của chính mình - có thể nhằm mục đích đặc biệt là quấy nhiễu cuộc điều tra của cảnh sát qua các dấu vân tay...*

Dù sao đi nữa thì việc tìm kiếm “Richard Greenleaf” cũng không còn ích lợi gì nữa, vì cho dù có còn sống đi nữa thì anh ta cũng không cầm theo hộ chiếu “Richard Greenleaf”...

Tom cảm thấy run rẩy và nhẹ nhõm. Các tia nắng mặt trời chiếu xuống dưới mép mái nhà làm đau mắt anh. Anh vô thức đi theo người khuân vác vali của mình về phía quầy khách hàng. Khi nhìn chăm chăm xuống cái vali đang mở để thanh tra vội vàng kiểm tra, anh cố gắng lĩnh hội ý nghĩa của tin tức ấy. Nó có nghĩa là anh hoàn toàn không bị tình nghi. Nó có nghĩa là thật ra các dấu vân tay đã bảo đảm sự vô tội của anh. Nó có nghĩa là không những anh không phải vào tù, không phải chết, mà còn hoàn toàn không bị hoài nghi. Anh tự do. Trừ vụ di chúc.

Tom lên xe buýt đi Athens. Một trong những người vừa ngồi cùng bàn ăn với anh giờ lại đang ngồi cạnh anh, nhưng anh không chào hỏi gì và cũng không thể trả lời nổi nếu ông ta bắt chuyện với anh. Tom chắc chắn ở American Express ở Athens sẽ có một bức thư về vấn đề di chúc. Ông Greenleaf đã có vô số thời gian để trả lời. Có thể ông đã lệnh cho các luật sư của mình vào cuộc ngay lập tức và giờ anh sẽ nhận được một bức thư từ chối lịch sự từ một luật sư ở Athens, rồi bức thư tiếp theo sẽ tới từ cảnh sát Mỹ, thông báo anh bị triệu tập về vụ giả mạo. Có thể cả hai bức thư đều đang đợi anh ở American Express cũng nên. Di chúc có thể đảo ngược tình huống của anh. Tom

nhìn ra ngoài cửa sổ, thấy phong cảnh nguyên sơ, khô cằn. Không có gì in vào trong đầu anh. Có thể cảnh sát Hy Lạp đang đợi anh ở American Express. Có thể bốn người đàn ông mà anh vừa nhìn thấy không phải là cảnh sát mà là binh lính.

Xe buýt dừng lại. Tom ra ngoài, lấy hành lý và tìm taxi.

“Vui lòng chở tôi tới American Express được không?” Anh hỏi người lái xe bằng tiếng Ý nhưng rõ ràng là ông ta cũng hiểu được cụm từ “American Express” và khởi hành. Tom vẫn nhớ khi anh nói từ đó với một người lái xe taxi ở Rome hôm tới Palermo. Hôm đấy anh mới tự tin về bản thân làm sao, ngay sau khi lẩn trốn Marge ở Inghilterra!

Anh ngồi thẳng dậy khi thấy biển hiệu American Express và nhìn quanh tòa nhà đó xem có cảnh sát không. Có thể họ ở bên trong. Anh yêu cầu người lái xe đợi mình bằng tiếng Ý và anh ta chạm tay vào mũ, có vẻ cũng hiểu. Thứ gì nhìn bề ngoài cũng có vẻ dễ dàng, như thời khắc bình an ngay trước cơn bão. Tom nhìn vào trong sảnh của American Express. Không có gì bất thường. Có thể ngay giây phút anh nói ra tên mình -

“Cô có bức thư nào cho Thomas Ripley không?” Anh dùng giọng trầm hỏi bằng tiếng Anh.

“Reepley à? Vui lòng đánh vần.”

Anh đánh vần.

Cô ta quay người, lấy vài bức thư từ một cái hộc nhỏ.

Không có gì xảy ra.

“Ba bức thư,” cô ta nói bằng tiếng Anh, mỉm cười.

Một bức thư từ ông Greenleaf. Một bức từ Titi ở Venice. Một bức từ Cleo, được chuyển phát lại. Anh mở bức thư của ông Greenleaf.

*Ngày 9 tháng 6, năm 19-*

*Tom thân mến,*

*Chúng tôi vừa nhận được bức thư cậu gửi ngày mùng 3 tháng 6.*

*Cả vợ tôi và tôi đều không thấy có gì quá ngạc nhiên như cậu tưởng tượng. Chúng tôi đều nhận thức được rằng Richard rất quý mến cậu, bất chấp việc nó chưa bao giờ công khai biểu lộ điều đó với chúng tôi trong một bức thư nào cả. Như cậu đã chỉ ra, buồn thay, điều này cũng ám chỉ rằng Richard đã tự kết liễu tính mạng của mình. Đó là một kết luận mà chúng tôi ở đây cuối cùng đã đành chấp nhận - cơ hội duy nhất là Richard đã lấy một cái tên khác và vì những lý do cá nhân, nó đã chọn quay lưng lại với gia đình mình.*

*Vợ tôi cũng đồng tình với tôi về việc chúng tôi nên tuân theo di nguyện của Richard, bất kể nó đã làm gì với bản thân nó đi nữa. Nên về những vấn đề trong di chúc, cậu có được sự ủng hộ của cá nhân tôi. Tôi đã chuyển bản sao di chúc của cậu cho các luật sư của tôi, họ sẽ thông báo cho cậu về tiến độ chuyển giao quỹ ủy thác và các tài sản khác của Richard cho cậu.*

*Một lần nữa, cảm ơn sự trợ giúp của cậu khi tôi ở nước ngoài. Giữ liên lạc với chúng tôi nhé.*

*Chúc những điều tốt lành nhất,*

*Herbert Greenleaf*

Đây có phải là một trò đùa không? Nhưng tờ giấy viết thư của công ty Burke-Greenleaf trong tay anh có vẻ thật dày, hơi sần và phần in đầu giấy còn được dập nổi - bên cạnh đó, ông Greenleaf cũng sẽ không bao giờ đùa cợt như thế này, cả triệu năm nữa cũng không. Tom đi về phía chiếc taxi đang đợi. Đây không phải là chuyện đùa. Tất cả là của anh! Tiền và sự tự do của Dickie. Và tự do, cũng giống như mọi thứ khác, có vẻ là sự kết hợp, kết hợp của anh và Dickie. Anh có thể có một căn nhà ở cả châu Âu lẫn Mỹ, nếu muốn. Khoản tiền bán nhà ở Mongibello vẫn đang chờ lấy, anh đột nhiên nhớ ra và thấy mình cũng nên gửi nó cho nhà Greenleaf, vì Dickie đã rao bán nhà trước khi viết di chúc. Anh mỉm cười, nghĩ tới bà Cartwright. Anh phải mang cho bà

một hộp phong lan thật lớn khi gặp bà ở Crete mới được, nếu ở Crete có hoa phong lan.

Anh thử tưởng tượng cảnh đặt chân tới Crete - hòn đảo dài, với các miệng núi lửa khô khốc, lởm chởm chồi lên, cảnh rợn rùng náo nhiệt nho nhỏ trên cầu cảng khi thuyền của anh cập bến, các cậu bé khuôn vác háo hức chờ hành lý của anh và tiền tip, anh sẽ có vô khối tiền để tip cho chúng, cho tất cả mọi thứ và tất cả mọi người. Anh thấy bốn bóng người bất động đứng trên cầu cảng tưởng tượng ấy, bóng dáng của cảnh sát Crete đang chờ anh, kiên nhẫn khoanh tay lại chờ đợi. Anh đột ngột cứng người lại, ảo ảnh biến mất. Chẳng lẽ anh sẽ thấy cảnh sát đứng đợi mình ở mọi bến cảng mà anh cập bến sao? Cả ở Alexandria? Istanbul? Bombay? Rio? Nghĩ về nó chẳng có lợi ích gì cả. Anh ưỡn ngực lên. Không nên phá hỏng chuyến du lịch của mình bằng việc lo lắng về các cảnh sát tưởng tượng. Cho dù có cảnh sát đứng trên bờ thật thì cũng không nhất thiết là -

“*Đi đâu tiếp, đi đâu tiếp?*” Người lái xe taxi đang nói, cố dùng tiếng Ý với anh.

“Cho tôi tới một khách sạn,” Tom nói. “*Khách sạn tốt nhất! Tốt nhất! Tốt nhất!*”

# Table of Contents

1. [CHƯƠNG 1](#)
2. [CHƯƠNG 2](#)
3. [CHƯƠNG 3](#)
4. [CHƯƠNG 4](#)
5. [CHƯƠNG 5](#)
6. [CHƯƠNG 6](#)
7. [CHƯƠNG 7](#)
8. [CHƯƠNG 8](#)
9. [CHƯƠNG 9](#)
10. [CHƯƠNG 10](#)
11. [CHƯƠNG 11](#)
12. [CHƯƠNG 12](#)
13. [CHƯƠNG 13](#)
14. [CHƯƠNG 14](#)
15. [CHƯƠNG 15](#)
16. [CHƯƠNG 16](#)
17. [CHƯƠNG 17](#)
18. [CHƯƠNG 18](#)
19. [CHƯƠNG 19](#)
20. [CHƯƠNG 20](#)
21. [CHƯƠNG 21](#)
22. [CHƯƠNG 22](#)
23. [CHƯƠNG 23](#)
24. [CHƯƠNG 24](#)
25. [CHƯƠNG 25](#)
26. [CHƯƠNG 26](#)

27. [CHƯƠNG 27](#)
28. [CHƯƠNG 28](#)
29. [CHƯƠNG 29](#)
30. [CHƯƠNG 30](#)

# Table of Contents

[CHƯƠNG 1](#)

[CHƯƠNG 2](#)

[CHƯƠNG 3](#)

[CHƯƠNG 4](#)

[CHƯƠNG 5](#)

[CHƯƠNG 6](#)

[CHƯƠNG 7](#)

[CHƯƠNG 8](#)

[CHƯƠNG 9](#)

[CHƯƠNG 10](#)

[CHƯƠNG 11](#)

[CHƯƠNG 12](#)

[CHƯƠNG 13](#)

[CHƯƠNG 14](#)

[CHƯƠNG 15](#)

[CHƯƠNG 16](#)

[CHƯƠNG 17](#)

[CHƯƠNG 18](#)

[CHƯƠNG 19](#)

[CHƯƠNG 20](#)

[CHƯƠNG 21](#)

[CHƯƠNG 22](#)

[CHƯƠNG 23](#)

[CHƯƠNG 24](#)

[CHƯƠNG 25](#)

[CHƯƠNG 26](#)

[CHƯƠNG 27](#)

[CHƯƠNG 28](#)



CHƯƠNG 29

CHƯƠNG 30